

Số: /ĐA-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 3 năm 2026

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

THÀNH LẬP THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
(kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Phần thứ nhất

**CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Căn cứ chính trị

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Thông báo Kết luận số 420-TB/VPTW ngày 17/11/2025 của Văn phòng Ban Chấp hành Trung ương Đảng về ý kiến Kết luận, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi thăm, làm việc với các cơ quan, đơn vị tại công trường Dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Long Thành;

- Công văn số 1184-CV/VPTW ngày 23/3/2026 của Văn phòng Ban Chấp hành Trung ương Đảng về ý kiến của Bộ Chính trị đối với Đề án xây dựng và phát triển Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2. Căn cứ pháp lý

- Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 144/2025/QH15;
- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;
- Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính;
- Nghị định số 321/2025/NĐ-CP ngày 16/12/2025 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến Nhân dân về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính;
- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;
- Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Việc thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương là yêu cầu khách quan, cấp thiết và có cơ sở thực tiễn rõ ràng. Đây không đơn thuần là sự thay đổi về tên gọi gắn với đơn vị hành chính, mà là bước chuyển quan trọng về mô hình phát triển và mô hình quản trị, nhằm đưa Đồng Nai từ vị thế một tỉnh công nghiệp lớn vươn lên thành đô thị cấp vùng, có năng lực điều phối không gian phát triển, liên kết hạ tầng, phân bổ nguồn lực và dẫn dắt tăng trưởng cho toàn khu vực. Đây là mong muốn và khát vọng của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân tỉnh Đồng Nai. Với quy mô diện tích hơn 12.737,18 km², dân số 4.491.408 người. Năm 2025: GRDP của tỉnh khoảng 677.932,31 tỷ đồng, thu ngân sách trên 102.962 tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người đạt 152,8 triệu đồng/người, đóng góp 5% GDP của cả nước, đã phản ánh mức phát triển kinh tế tương đối cao so với mặt bằng chung của cả nước, cùng cơ cấu kinh tế thiên về công nghiệp - dịch vụ, Đồng Nai đã hội tụ nền tảng của một không gian phát triển lớn, đa trung tâm, đa chức năng và có mức độ tương tác vùng rất cao.

1. Thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương là bước cụ thể hóa chủ trương của Trung ương và các định hướng quy hoạch phát triển quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển của khu vực phía Nam trong giai đoạn mới

1.1. Phù hợp với chủ trương, định hướng chiến lược của Trung ương về phát triển hệ thống đô thị quốc gia

Trong những năm gần đây, Trung ương đã ban hành nhiều chủ trương, định hướng quan trọng nhằm thúc đẩy quá trình đô thị hóa theo hướng nhanh, bền vững và có chất lượng cao, gắn với hình thành các cực tăng trưởng lớn của quốc gia.

Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã chỉ rõ quá trình đô thị hóa của nước ta còn nhiều hạn chế; chất lượng đô thị hóa chưa cao, phát triển đô thị còn chủ yếu theo chiều rộng, hạ tầng chưa đồng bộ, năng lực quản trị đô thị chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị đã định hướng: Trong năm 2026, hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật

về quy hoạch đô thị và nông thôn;... phát triển một số tỉnh đủ điều kiện trở thành thành phố¹.

Trên cơ sở đó, Bộ Chính trị đặt ra mục tiêu đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa và trong báo cáo chính trị trình Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV đã xác định mục tiêu đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa, đến năm 2030 tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%, đồng thời hình thành các cực tăng trưởng mạnh, các vùng kinh tế trọng điểm và các đô thị có tầm vóc khu vực và quốc tế; phát triển các đô thị xanh, thông minh, hiện đại, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và đổi mới sáng tạo.

Cụ thể hóa chủ trương của Bộ Chính trị, Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05/10/2025 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia đã xác định mô hình phát triển đô thị đa trung tâm, tăng cường liên kết vùng, hình thành các chuỗi đô thị động lực Bắc - Trung - Nam gắn với phát triển các thành phố công nghiệp hiện đại, trung tâm logistics, trung tâm đổi mới sáng tạo và nông nghiệp công nghệ cao; đồng thời thúc đẩy mô hình phát triển đô thị gắn với giao thông công cộng (TOD), khai thác hiệu quả không gian ngầm, không gian số và phát triển các đô thị sân bay có khả năng cạnh tranh trong khu vực và quốc tế.

Những định hướng chiến lược nêu trên tạo cơ sở chính trị và pháp lý quan trọng cho việc hình thành các đô thị lớn, có vai trò dẫn dắt tăng trưởng và lan tỏa phát triển. Trong bối cảnh đó, việc thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương là bước cụ thể hóa kịp thời và trực tiếp các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về phát triển hệ thống đô thị quốc gia, đặc biệt tại khu vực phía Nam.

1.2. Phù hợp với các định hướng phát triển trong quy hoạch quốc gia và quy hoạch vùng

Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội xác định khu vực Thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Bình Dương - Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai) là vùng động lực phát triển phía Nam, giữ vai trò dẫn dắt tăng trưởng của cả nước và hướng tới trở thành một trong những trung tâm kinh tế năng động của khu vực Đông Nam Á. Trong cấu trúc phát triển đó, Đồng Nai được xác định là trung tâm công

¹ Tại khoản 5 Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng

ng nghiệp, logistics và đầu mối giao thông quan trọng, có vai trò thúc đẩy liên kết kinh tế và lan tỏa phát triển trong toàn vùng.

Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, Đồng Nai nằm trong vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, được định hướng phát triển theo mô hình đô thị liên kết, chia sẻ và bổ trợ chức năng phát triển với trung tâm vùng. Quy hoạch xác định việc hình thành các trục kết nối nhanh giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các đô thị lớn trong khu vực thông qua hệ thống đường Vành đai 3, Vành đai 4, các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt kết nối sân bay và cảng biển quốc tế, qua đó thúc đẩy liên kết vùng và lan tỏa phát triển kinh tế - xã hội trong toàn khu vực phía Nam. Đặc biệt, đô thị sân bay Long Thành được định hướng trở thành cửa ngõ hàng không quốc tế của vùng, gắn với hình thành các vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ dọc theo các trục giao thông chiến lược.

Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định vùng Đông Nam Bộ là động lực tăng trưởng hàng đầu của cả nước, trung tâm công nghiệp, dịch vụ, logistics và đổi mới sáng tạo của quốc gia. Trong cấu trúc phát triển đó, Đồng Nai cùng với Thành phố Hồ Chí Minh giữ vai trò hạt nhân hình thành các hành lang kinh tế - công nghiệp - đô thị - dịch vụ và đầu mối kết nối giao thương quốc tế của toàn vùng.

Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long xác định là trung tâm sản xuất nông nghiệp bền vững và logistics nông sản của quốc gia, với yêu cầu tăng cường liên kết hạ tầng, chuỗi cung ứng và thị trường với vùng Đông Nam Bộ. Điều này đặt ra yêu cầu hình thành các trung tâm công nghiệp, dịch vụ và logistics quy mô lớn tại Đông Nam Bộ để tiếp nhận, chế biến sâu, trung chuyển và xuất khẩu khối lượng lớn hàng hóa của toàn vùng.

Với vị trí địa kinh tế chiến lược, hệ thống hạ tầng giao thông ngày càng hoàn thiện và vai trò trung tâm công nghiệp - logistics của khu vực, Đồng Nai có điều kiện thuận lợi để đảm nhận vai trò đầu mối kết nối giữa hai vùng kinh tế lớn nhất phía Nam. Việc thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương sẽ góp phần nâng cao năng lực điều phối phát triển, thúc đẩy liên kết vùng và khai thác hiệu quả các hành lang kinh tế chiến lược của khu vực.

1.3. Thực tiễn phát triển của tỉnh Đồng Nai đã hội tụ đầy đủ các điều kiện để hình thành đô thị động lực tầm quốc gia

Trong những năm qua, tỉnh Đồng Nai đã tập trung huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại, từng bước mở rộng không gian phát triển đô thị và nâng cao năng lực liên kết vùng.

Với vị trí địa chiến lược quan trọng tại khu vực phía Nam, Đồng Nai đang từng bước khẳng định vai trò là một cực tăng trưởng năng động của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, giữ vai trò đầu mối kết nối giữa Đông Nam Bộ với Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ và có tác động lan tỏa đến vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Tỉnh chủ động đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Bên cạnh các ngành công nghiệp và dịch vụ truyền thống, Đồng Nai đang tập trung phát triển các động lực mới như kinh tế hàng không, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; đồng thời thu hút đầu tư có chọn lọc vào các lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp sinh thái, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp công nghệ cao và các dịch vụ giá trị gia tăng cao như logistics, giáo dục – đào tạo, y tế và thương mại. Đồng Nai định hướng phát triển hệ thống đô thị theo hướng hiện đại, thông minh và bền vững, mở rộng không gian đô thị gắn với hệ thống hạ tầng giao thông chiến lược và mô hình phát triển đô thị gắn với giao thông công cộng (TOD). Đặc biệt, khu vực Long Thành – Nhơn Trạch được định hướng trở thành đô thị động lực mới gắn với Cảng hàng không quốc tế Long Thành, với quy mô dân số dự kiến khoảng 2,5 triệu người, hình thành hệ sinh thái phát triển gồm công nghiệp, dịch vụ, logistics và đô thị hiện đại.

Những điều kiện phát triển nêu trên cho thấy Đồng Nai đã hội tụ đầy đủ các yếu tố để hình thành một đô thị quy mô lớn, một cực tăng trưởng có sức lan tỏa mạnh trong khu vực và cả nước.

1.4. Yêu cầu hình thành đô thị trực thuộc Trung ương để phát huy hiệu quả các định hướng phát triển

Trong bối cảnh quy mô kinh tế, dân số và mức độ đô thị hóa của Đồng Nai ngày càng tăng, mô hình tổ chức hành chính cấp tỉnh hiện nay đang dần bộc lộ những hạn chế trong quản lý, điều hành và phát triển đô thị quy mô lớn, đa trung tâm và có tính liên kết vùng cao. Việc thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương là bước đi cần thiết nhằm cụ thể hóa các định hướng trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch hệ thống đô thị; đồng thời tạo cơ chế quản lý và phát triển phù hợp để phát huy đầy đủ tiềm năng và lợi thế của địa phương để Đồng Nai có điều kiện đóng góp lớn hơn, quan trọng hơn cho mục tiêu phát triển kinh tế của đất nước trong kỷ nguyên mới.

2. Việc thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương xuất phát từ vị trí, vai trò và tầm quan trọng chiến lược của tỉnh Đồng Nai đối

với khu vực phía Nam, không gian siêu đô thị Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước

2.1. Đồng Nai có vị trí địa lý chiến lược, giữ vai trò cực tăng trưởng quan trọng của khu vực phía Nam

Đồng Nai có vị trí địa lý đặc biệt quan trọng trong cấu trúc phát triển của khu vực phía Nam và cả nước, được xác định là một trong những cực tăng trưởng năng động của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Nằm ở vị trí trung tâm của vùng Đông Nam Bộ và trong không gian phát triển của siêu đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai là điểm giao thoa của nhiều hành lang kinh tế và trục kết nối chiến lược, liên kết trực tiếp với Thành phố Hồ Chí Minh và giữ vai trò cầu nối giữa Đông Nam Bộ với Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ và lan tỏa mạnh mẽ đến khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Với vị trí đó, Đồng Nai không chỉ là cửa ngõ giao thương quan trọng mà còn là đầu mối điều phối các dòng lưu chuyển hàng hóa, dịch vụ, đầu tư trong toàn vùng phía Nam.

Đồng Nai xác định là một trong những không gian phát triển động lực quan trọng, kết nối với trung tâm siêu đô thị Thành phố Hồ Chí Minh. Sự phát triển của Đồng Nai tạo ra các cực tăng trưởng mới, thúc đẩy quá trình phát triển cân bằng và bền vững của toàn vùng và cả nước. Đặc biệt, với việc hình thành Cảng hàng không quốc tế Long Thành - một trong những công trình hạ tầng chiến lược quan trọng của quốc gia - Đồng Nai có điều kiện trở thành trung tâm logistics và trung chuyển hàng không quốc tế của khu vực phía Nam. Khi kết hợp với hệ thống cảng biển nước sâu của thành phố Hồ Chí Minh, mạng lưới đường cao tốc, đường vành đai và các tuyến đường sắt liên vùng, Đồng Nai sẽ hình thành mạng lưới kết nối đa phương thức hiện đại, tạo lợi thế nổi bật để trở thành cửa ngõ giao thương quốc tế, trung tâm kết nối các chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu.

Đồng Nai còn sở hữu quy mô phát triển lớn cả về dân số và kinh tế. Với dân số hơn 4,49 triệu người và diện tích tự nhiên 12.737,18 km², tỉnh có không gian phát triển rộng và nguồn lực xã hội dồi dào. Quy mô GRDP đạt khoảng 677.932,31 tỷ đồng, xếp thứ 4 cả nước, chỉ sau ba thành phố trực thuộc Trung ương là Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng; đồng thời đứng đầu trong nhóm các tỉnh nếu không tính các đô thị trực thuộc Trung ương. Những chỉ số này phản ánh rõ vai trò ngày càng quan trọng của Đồng Nai trong cấu trúc kinh tế quốc gia, đồng thời cho thấy dư địa lớn để phát triển lên tầm đô thị quy mô lớn.

Việc phát triển hành lang kinh tế - sinh thái dọc sông Đồng Nai sẽ mở ra không gian phát triển mới, thúc đẩy quá trình mở rộng đô thị, nâng cao

chất lượng môi trường sống và từng bước hình thành một đô thị hiện đại, có sức lan tỏa mạnh mẽ trong vùng và cả nước.

Với những lợi thế nổi bật về vị trí địa kinh tế, hạ tầng chiến lược và quy mô phát triển, Đồng Nai hội tụ đầy đủ điều kiện để trở thành trung tâm công nghiệp - logistics - đô thị hiện đại của khu vực phía Nam, cửa ngõ giao thương quốc tế quan trọng của Việt Nam và một cực tăng trưởng có sức cạnh tranh trong khu vực Đông Nam Á.

2.2. Đồng Nai là cửa ngõ kết nối liên vùng, liên quốc gia và quốc tế

Với vị trí địa lý đặc biệt quan trọng trong cấu trúc không gian phát triển, Đồng Nai giữ vai trò là đầu mối kết nối chiến lược giữa các trung tâm kinh tế lớn trong nước và các hành lang giao thương quốc tế; cùng với hệ thống hạ tầng giao thông ngày càng hoàn thiện nằm ở vị trí trung tâm vùng Đông Nam Bộ, tỉnh trở thành cửa ngõ kết nối đa hướng, góp phần thúc đẩy giao thương, vận tải và liên kết phát triển giữa các vùng kinh tế của đất nước cũng như với khu vực và thế giới.

Thứ nhất, cửa ngõ kết nối quốc tế. Đồng Nai có đường biên giới tiếp giáp với Vương quốc Campuchia, với Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Hoa Lư giữ vai trò là đầu mối trung chuyển hàng hóa quan trọng giữa Việt Nam và Campuchia. Đây là khu vực có nhiều tiềm năng phát triển thương mại biên giới, logistics và dịch vụ cửa khẩu, đồng thời có thể tham gia sâu hơn vào các hành lang kinh tế hợp tác giữa hai quốc gia trong khu vực tiểu vùng sông Mekong.

Thứ hai, cửa ngõ kết nối vùng Đông Nam Bộ với vùng Đồng bằng sông Cửu Long và thành phố Hồ Chí Minh. Với vị trí liền kề trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước, Đồng Nai trở thành điểm trung chuyển quan trọng trong mạng lưới giao thương, vận tải và logistics của khu vực phía Nam, góp phần thúc đẩy sự liên kết và lan tỏa phát triển giữa các vùng kinh tế trọng điểm.

Thứ ba, cửa ngõ kết nối với khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Các trục giao thông huyết mạch đi qua địa bàn tỉnh đóng vai trò quan trọng trong việc vận chuyển hàng hóa, kết nối các trung tâm sản xuất, công nghiệp và dịch vụ của vùng Đông Nam Bộ với khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ, qua đó hình thành mạng lưới giao thương liên vùng ngày càng chặt chẽ.

Thứ tư, cửa ngõ hàng không quốc tế. Với sự hình thành và đưa vào khai thác Cảng hàng không quốc tế Long Thành, Đồng Nai sẽ trở thành một trong những trung tâm trung chuyển hàng không quan trọng của khu vực châu Á - Thái Bình Dương góp phần nâng cao năng lực kết nối quốc tế của Việt Nam,

đồng thời thúc đẩy phát triển các ngành dịch vụ logistics, thương mại và kinh tế hàng không.

2.3. Đồng Nai sở hữu hệ thống hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại và mang tính đột phá

Một trong những yếu tố tạo nên lợi thế nổi bật của Đồng Nai là hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đang được đầu tư phát triển mạnh mẽ và có tính liên kết vùng cao. Tỉnh được xác định là cửa ngõ chiến lược của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nơi hội tụ và kết nối các loại hình giao thông quan trọng như đường bộ, đường hàng không, đường sắt và đường thủy nội địa. Đặc biệt, các công trình động lực mang tầm quốc gia và quốc tế như Cảng hàng không quốc tế Long Thành, cảng nước sâu Phước An cùng mạng lưới các tuyến cao tốc và trục giao thông liên vùng đang từng bước hình thành một hệ thống hạ tầng logistics hiện đại, góp phần nâng cao năng lực kết nối và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của toàn khu vực.

Đối với hạ tầng đường bộ, nhiều công trình giao thông quy mô lớn đã và đang được triển khai, góp phần hoàn thiện mạng lưới giao thông chiến lược của khu vực phía Nam. Các tuyến cao tốc và trục giao thông liên vùng như Phan Thiết – Dầu Giây, Biên Hòa – Vũng Tàu, Bến Lức – Long Thành, Dầu Giây – Liên Khương, Gia Nghĩa – Chơn Thành, cùng hệ thống Vành đai 3 và Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh đang từng bước hình thành mạng lưới kết nối liên hoàn giữa Đồng Nai với các trung tâm kinh tế lớn và các khu vực động lực của cả nước. Hệ thống giao thông này không chỉ nâng cao hiệu quả vận tải mà còn tạo hành lang phát triển mới cho công nghiệp, đô thị và dịch vụ.

Đặc biệt, Cảng hàng không quốc tế Long Thành là dự án hạ tầng mang tính chiến lược quốc gia, có quy mô khoảng 5.000 ha (thuộc top 6 của thế giới) với tổng mức đầu tư hơn 16 tỷ USD, được quy hoạch đạt tiêu chuẩn 4F - cấp cao nhất theo tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO). Khi hoàn thành toàn bộ các giai đoạn, sân bay dự kiến đạt công suất khoảng 100 triệu hành khách và 5 triệu tấn hàng hóa mỗi năm, trở thành một trong những trung tâm trung chuyển hàng không lớn của khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Sự hiện diện của công trình này không chỉ tạo ra bước ngoặt về hạ tầng giao thông mà còn mở ra cơ hội hình thành đô thị sân bay và trung tâm logistics hiện đại mang tầm khu vực, quốc tế.

Việc hình thành mạng lưới hạ tầng giao thông đa phương thức và các công trình động lực quy mô lớn đang tạo ra nền tảng phát triển mới cho Đồng Nai, thúc đẩy mạnh mẽ các ngành logistics, thương mại và dịch vụ hiện đại, đồng thời nâng cao khả năng tham gia của địa phương vào chuỗi cung ứng

khu vực và toàn cầu. Đây cũng là điều kiện quan trọng để khai thác hiệu quả các lợi thế phát triển của tỉnh, mở rộng không gian đô thị và hình thành các cực tăng trưởng mới trong tương lai; Đồng Nai sẽ cùng với thành phố Hồ Chí Minh dẫn dắt vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và Tây Nam bộ phát triển vượt bậc; đưa Đồng Nai ra cả nước và đưa cả nước về với Đồng Nai, có vai trò lan tỏa mạnh mẽ đối với khu vực phía nam và cả nước, trở thành cực tăng trưởng có vai trò quan trọng của khu vực Đông Nam Á.

3. Thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương xuất phát từ thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu động lực thúc đẩy sự phát triển của vùng kinh tế phía Nam nước ta.

3.1. Đồng Nai là một trong những trung tâm công nghiệp và động lực tăng trưởng quan trọng của khu vực phía Nam

Trong nhiều năm qua, Đồng Nai luôn duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định và thuộc nhóm dẫn đầu cả nước, đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Với quy mô kinh tế lớn, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp - dịch vụ hiện đại, Đồng Nai từng bước khẳng định vị thế là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng của khu vực phía Nam và của cả nước.

Hiện là một trong những trung tâm công nghiệp lớn của Việt Nam, với 89 khu công nghiệp được quy hoạch, tập trung tại các địa bàn phát triển năng động như Biên Hòa, Nhơn Trạch, Long Thành, Đồng Xoài, Đồng Phú, Chơn Thành và Trảng Bom. Hiện có 45 quốc gia có doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất công nghiệp tại các khu công nghiệp Đồng Nai với 2.269 dự án và tổng vốn đầu tư đăng ký là 44,38 tỷ USD, không chỉ đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của địa phương mà còn giữ vai trò quan trọng trong chuỗi sản xuất, xuất khẩu của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước.

Trong giai đoạn 2021-2025, kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại, môi trường đầu tư - kinh doanh ngày càng được cải thiện, qua đó tiếp tục khẳng định vai trò của Đồng Nai là một trong những trung tâm công nghiệp lớn và động lực tăng trưởng quan trọng của khu vực phía Nam.

3.2. Quy mô và cơ cấu kinh tế lớn, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển đô thị trực thuộc Trung ương

Cơ cấu kinh tế của tỉnh tiếp tục chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong đó khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 54,97% GRDP, giữ vai trò chủ đạo; khu vực dịch vụ chiếm 26,42%, từng bước phát triển theo hướng chất lượng cao; và khu vực nông, lâm

ng nghiệp, thủy sản chiếm 12,13%, đang chuyển đổi theo mô hình nông nghiệp công nghệ cao và sản xuất quy mô lớn. GRDP bình quân đầu người năm 2025 ước đạt khoảng 152,8 triệu đồng/người, phản ánh mức phát triển kinh tế tương đối cao so với mặt bằng chung của cả nước.

Quy mô kinh tế lớn cùng cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại đã tạo nền tảng vững chắc để Đồng Nai phát triển trở thành một đô thị lớn, trung tâm công nghiệp - dịch vụ quan trọng của khu vực phía Nam, đáp ứng các điều kiện cần thiết để hình thành đô thị trực thuộc Trung ương.

3.3. Yêu cầu hình thành động lực phát triển mới cho vùng kinh tế phía Nam và cả nước

Với vị trí địa kinh tế thuận lợi cùng tiềm năng phát triển lớn, Đồng Nai từ lâu đã được xác định là một trong những cực tăng trưởng quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đồng thời giữ vai trò kết nối giữa các trung tâm kinh tế lớn, các hành lang thương mại của khu vực và quốc tế.

Trong bối cảnh vùng Đông Nam Bộ được định hướng trở thành động lực tăng trưởng hàng đầu của cả nước, việc thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương sẽ tạo cơ sở để phát huy hiệu quả hơn các tiềm năng và lợi thế phát triển của địa phương; mô hình đô thị trực thuộc Trung ương sẽ giúp nâng cao năng lực quản trị đô thị, tăng cường khả năng điều phối phát triển và liên kết vùng, qua đó khai thác hiệu quả các lợi thế về công nghiệp, logistics, dịch vụ thương mại và kinh tế hàng không.

Trên nền tảng đó, Đồng Nai có điều kiện phát huy vai trò là trung tâm tăng trưởng quan trọng của khu vực, góp phần thúc đẩy sự phát triển năng động của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước; đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế quốc gia và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong giai đoạn mới.

Sau khi được thành lập, thành phố Đồng Nai sẽ phát triển theo mô hình thành phố công nghiệp, đô thị hiện đại, trung tâm logistics và nông nghiệp công nghệ cao, gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số trong quản trị đô thị, nâng cao chất lượng sống của người dân và từng bước xây dựng một đô thị năng động, có sức cạnh tranh cao trong khu vực. Qua đó hình thành một cực tăng trưởng mới của khu vực phía Nam, có khả năng lan tỏa mạnh mẽ, thúc đẩy liên kết vùng, nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống hạ tầng chiến lược và đóng góp quan trọng vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế quốc gia.

4. Việc thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương xuất phát từ lịch sử hình thành, yêu cầu bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa - lịch sử đặc sắc của dân tộc và thực tiễn phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh

4.1. Đồng Nai có bề dày lịch sử hơn 325 năm hình thành và phát triển

Vùng đất Đồng Nai gắn liền với tiến trình mở cõi về phương Nam của dân tộc Việt Nam. Năm 1698, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh được chúa Nguyễn Phúc Chu cử vào kinh lược vùng đất phương Nam, lập dinh Trấn Biên, đặt nền móng cho quá trình hình thành và phát triển của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai ngày nay. Đây được xem là dấu mốc lịch sử quan trọng trong tiến trình xác lập chủ quyền và tổ chức quản lý hành chính của nhà nước phong kiến Việt Nam đối với vùng đất Nam Bộ.

Đến năm 1808, dưới triều vua Gia Long, dinh Trấn Biên được đổi thành trấn Biên Hòa, trở thành một trong năm trấn thuộc Gia Định thành, với địa giới hành chính rộng lớn bao gồm phần lớn vùng đất thuộc các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu và một phần Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay. Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử và những lần điều chỉnh địa giới hành chính, vùng đất Đồng Nai vẫn luôn giữ vị trí quan trọng trong quá trình hình thành, phát triển và định hình không gian kinh tế - xã hội của Nam Bộ.

Trong lịch sử phát triển của vùng đất này, Nông Nại đại phố (nay thuộc Cù lao Hiệp Hòa) từng là một trong những thương cảng sầm uất bậc nhất của Nam Bộ vào thế kỷ XVII - XVIII, đóng vai trò trung tâm giao thương quan trọng của khu vực. Truyền thống thương mại, giao lưu kinh tế và văn hóa hình thành từ rất sớm đã tạo nền tảng quan trọng cho quá trình phát triển đô thị của Đồng Nai trong giai đoạn hiện nay.

Kế thừa những giá trị lịch sử đó, trong những năm gần đây Đồng Nai đã đẩy mạnh quá trình đô thị hóa, phát triển kết cấu hạ tầng và mở rộng không gian đô thị với nhiều quy hoạch mang tầm chiến lược. Việc đầu tư các công trình hạ tầng động lực như Cảng hàng không quốc tế Long Thành, hệ thống cao tốc và các trục giao thông liên vùng đang từng bước tạo nên diện mạo mới cho hệ thống đô thị của tỉnh, hướng tới mục tiêu xây dựng Đồng Nai trở thành đô thị hiện đại, phát triển bền vững và đủ điều kiện trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

4.2. Đồng Nai là vùng đất giàu bản sắc văn hóa và có hệ thống di sản phong phú

Không chỉ có bề dày lịch sử lâu đời, Đồng Nai còn là vùng đất hội tụ và giao thoa của nhiều giá trị văn hóa đặc sắc. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có sự sinh sống của 47 trong tổng số 54 dân tộc anh em của Việt Nam, hơn 863 cơ sở tín ngưỡng và 24 tổ chức thuộc 10 tôn giáo (trong đó, phần lớn là Phật giáo và Công giáo), tạo nên sự đa dạng văn hóa phong phú và bản sắc đặc trưng của vùng Đông Nam Bộ.

Toàn tỉnh có 121 di tích được xếp hạng (trong đó có 6 di tích quốc gia đặc biệt) tiêu biểu như Văn miếu Trấn Biên - biểu tượng văn hóa, giáo dục của vùng Nam Bộ; Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh - ghi dấu công lao xác lập chủ quyền và tổ chức bộ máy hành chính tại phương Nam; Chiến khu Đ - di tích cách mạng, Địa điểm thành lập Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở Phú Riềng (được thành lập năm 1929, trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 03/02/1930), Núi Bà Rá - Thác Mơ - di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh quan trọng gắn với các cuộc kháng chiến của dân tộc gắn với địa danh Phước Long là tỉnh đầu tiên của miền Nam được giải phóng (ngày 06/01/1975); bên cạnh đó, còn có nhiều loại hình di sản phong phú như di tích khảo cổ học, di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, tín ngưỡng, tôn giáo và các địa điểm lưu niệm danh nhân.

Những giá trị văn hóa - lịch sử đặc sắc đó đã tạo nên bản sắc riêng của Đồng Nai, đồng thời là nguồn lực quan trọng để phát triển du lịch văn hóa, du lịch lịch sử và giáo dục truyền thống, nơi hội tụ tinh hoa lan tỏa văn hóa nghĩa tình Đồng Nai góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân và quảng bá hình ảnh địa phương.

4.3. Việc thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương tạo điều kiện bảo tồn và phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa - lịch sử

Việc thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương không chỉ nhằm tạo động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội mà còn mở ra cơ hội quan trọng để bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa - lịch sử đặc sắc của địa phương. Công tác quản lý và bảo tồn di sản sẽ được nâng cao thông qua cơ chế quản lý hiện đại, nguồn lực đầu tư lớn hơn và hệ thống chính sách phát triển phù hợp, sẽ tạo điều kiện thuận lợi để huy động các nguồn lực tài chính, nguồn vốn xã hội hóa và sự tham gia của các tổ chức, chuyên gia trong và ngoài nước vào công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di sản văn hóa.

Việc phát triển Đồng Nai trở thành thành phố trực thuộc Trung ương sẽ góp phần kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế năng động với bảo tồn các giá trị văn hóa, truyền thống đấu tranh cách mạng, tinh thần yêu nước, dũng cảm, kiên cường với phong trào đấu tranh tại Nhà lao Tân Hiệp, các căn cứ

cách mạng như Chiến khu Đ, Rừng sác, Căn cứ Bộ Chỉ huy Miền (Tà Thiết),... và giá trị xây dựng hình ảnh một đô thị hiện đại, văn minh nhưng vẫn giữ gìn và phát huy bản sắc lịch sử - văn hóa đặc trưng của vùng đất hơn 325 năm hình thành và phát triển. Qua đó, Đồng Nai không chỉ phát huy hiệu quả các giá trị di sản phục vụ cho sự phát triển của địa phương mà còn góp phần bảo tồn và lan tỏa các giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam trong tiến trình hội nhập và phát triển.

5. Việc thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương xuất phát từ yêu cầu bảo đảm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới

Đồng Nai có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng – an ninh, vừa là địa bàn có đường biên giới trên bộ tiếp giáp với Vương quốc Campuchia, vừa là cửa ngõ giao thương quốc tế năng động của khu vực phía Nam. Đồng thời, Đồng Nai nằm trên trục kết nối giữa vùng Tây nguyên với vùng Đông Nam bộ, vùng Tây Nam bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Với vị trí đó, Đồng Nai được xem là một trong những địa bàn trọng yếu trong thế trận quốc phòng - an ninh của Quân khu 7, giữ vai trò “phên giậu” bảo vệ khu vực phía Nam của Tổ quốc và trục kết nối đảm bảo thế trận phòng thủ quốc phòng - an ninh giữa khu vực Đông Nam bộ và Tây Nguyên.

Trong những năm qua, tỉnh luôn quan tâm kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và sẵn sàng xử lý hiệu quả các tình huống phát sinh. Trong bối cảnh tình hình khu vực và thế giới có nhiều biến động, yêu cầu bảo đảm quốc phòng - an ninh ngày càng đặt ra cao hơn, do đó việc xây dựng và phát triển Đồng Nai trở thành thành phố trực thuộc Trung ương có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao năng lực quản lý, điều hành và bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh quốc gia.

5.1. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh

Mô hình thành phố trực thuộc Trung ương sẽ tạo điều kiện kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả hơn, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất từ Trung ương đến địa phương trong thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng - an ninh.

Đồng thời, cơ chế quản lý phù hợp sẽ góp phần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa quân đội, công an, biên phòng và các lực lượng chức năng, nâng cao năng lực nắm bắt tình hình, chủ động phòng ngừa và kịp thời xử lý

các vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia.

5.2. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho quốc phòng gắn với phát triển hạ tầng chiến lược

Khi trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, Đồng Nai sẽ có điều kiện huy động và phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn để đầu tư cho các công trình quốc phòng, khu kinh tế - quốc phòng và hiện đại hóa lực lượng vũ trang địa phương.

Bên cạnh đó, với mạng lưới cao tốc liên vùng, cao tốc Gia Nghĩa - Chơn Thành được quy hoạch và đầu tư theo tiêu chuẩn hiện đại đã đảm bảo kết nối liên thông giữa khu vực Tây Nguyên với hệ thống hạ tầng chiến lược như Cảng hàng không quốc tế Long Thành, cảng nước sâu Phước An,... không chỉ phục vụ phát triển kinh tế vùng, liên vùng mà còn có ý nghĩa quan trọng trong bảo đảm khả năng cơ động chiến lược, hậu cần và phục vụ nhiệm vụ quốc phòng khi cần thiết.

5.3. củng cố “thế trận lòng dân” và bảo đảm an ninh khu vực biên giới

Việc phát triển Đồng Nai trở thành thành phố trực thuộc Trung ương sẽ tạo điều kiện nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đặc biệt là tại các khu vực biên giới, vùng còn nhiều khó khăn. Khi đời sống người dân được cải thiện và niềm tin đối với chính quyền được củng cố sẽ góp phần xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc, tạo nền tảng quan trọng để giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội từ cơ sở. Nhân dân không chỉ là chủ thể của quá trình phát triển kinh tế - xã hội mà còn là lực lượng quan trọng trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, góp phần xây dựng khu vực biên giới hòa bình, ổn định và phát triển bền vững.

5.4. Nâng cao năng lực ứng phó với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống

Với vị thế là đô thị trực thuộc Trung ương, Đồng Nai sẽ có điều kiện tăng cường hợp tác quốc tế, giao lưu biên giới và đối ngoại nhân dân, góp phần xây dựng môi trường hòa bình, ổn định phục vụ phát triển. Với năng lực quản lý đô thị hiện đại và nguồn lực phát triển lớn hơn, địa phương sẽ chủ động hơn trong việc ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống như thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu và các rủi ro kinh tế - xã hội, qua đó góp phần bảo đảm ổn định chung của khu vực và cả nước.

Từ vị trí chiến lược, vai trò kết nối và yêu cầu bảo đảm quốc phòng - an ninh trong tình hình mới, việc thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc

Trung ương là bước đi cần thiết nhằm nâng cao năng lực quản lý nhà nước, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, đồng thời phát huy vai trò của Đồng Nai là địa bàn trọng yếu về quốc phòng - an ninh của Quân khu 7 và khu vực phía Nam.

Việc hình thành thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai cũng phản ánh đúng vị thế, tiềm năng và thực tiễn phát triển của địa phương, phù hợp với các chủ trương, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước trong quá trình hội nhập và phát triển.

DỰ THẢO

Phần thứ hai **LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG CỦA TỈNH ĐỒNG NAI**

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH TỈNH ĐỒNG NAI

Tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước cùng có chung nguồn gốc lịch sử, là vùng đất đã được chứng kiến rất nhiều sự thay đổi về địa giới hành chính cũng như tên gọi của mình. Quá trình hình thành và phát triển của khu vực Đồng Nai - Bình Phước là một tiến trình lịch sử liên tục, phản ánh rõ nét quá trình mở rộng lãnh thổ quốc gia, tổ chức quản lý hành chính và phát triển kinh tế - xã hội qua các thời kỳ, đồng thời là cơ sở thực tiễn quan trọng cho việc sắp xếp, tổ chức lại không gian phát triển trong giai đoạn hiện nay.

Từ trước khi có dấu chân người Việt thì tại đây đã trải qua nhiều biến cố lịch sử gắn liền với các vương quốc Phù Nam và Chân Lạp. Tới khoảng thế kỷ XVII, do chính sách mở rộng lãnh thổ về phía Nam của chúa Nguyễn, đã bắt đầu có những đợt di dân người Việt tới đây.

Năm 1698 được coi là dấu mốc quan trọng khi Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh (còn có tên Nguyễn Hữu Kính) được chúa Nguyễn Phúc Chu cử vào kinh lược xứ Đàng Trong đã thành lập dinh Trấn Biên, tiền thân của tỉnh Biên Hoà sau này. Năm Gia Long thứ 7 (1808), dinh Trấn Biên được đổi thành trấn Biên Hòa, huyện Phước Long thuộc dinh Trấn Biên được nâng lên thành phủ Phước Long, các tổng được nâng lên thành huyện. Trấn Biên Hòa (gồm 1 phủ Phước Long) là một trong 5 trấn dưới thời Gia Long, thuộc Gia Định thành.

Trấn Biên Hoà (1808 - 1832) hay tỉnh Biên Hòa (1832 - 1861) có địa giới hành chính rộng lớn, bao gồm vùng đất các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước, Bình Dương và một phần của Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay, với tổng diện tích lên đến trên 17.000 km².

** Biên Hoà thời nhà Nguyễn*

Ban đầu tỉnh Biên Hòa có 2 phủ Phước Long và Phước Tuy. Đến năm 1840 đặt thêm 4 phủ: Tân Định, Tân Bình, Tân Lợi, Tân Thuận và nhiều huyện. Theo Hiệp ước Nhâm Tuất năm 1862, Biên Hòa bị cắt nhượng cho Pháp cùng với Gia Định và Định Tường.

** Biên Hoà thời Pháp thuộc*

Năm 1876, tỉnh Biên Hòa bị Pháp giải thể và biến thành 3 tiểu khu: Biên Hòa, Thủ Dầu Một và Bà Rịa. Theo Nghị định ngày 20 tháng 12 năm 1899 của Toàn quyền Đông Dương, đổi tên tất cả các tiểu khu thành tỉnh.

Thời kỳ này, địa giới tỉnh Biên Hòa bao gồm tỉnh Đồng Nai, một phần các tỉnh Bình Phước và Bình Dương hiện tại. Năm 1939, tỉnh Biên Hòa có 5 quận: Châu Thành, Long Thành, Xuân Lộc, Tân Uyên, Núi Bà Rá.

** Đồng Nai - Biên Hòa thời Việt Nam Cộng hòa*

Ngày 22 tháng 10 năm 1956, Ngô Đình Diệm ra Sắc lệnh 143-NV chia tỉnh Biên Hòa thành 3 tỉnh: Biên Hòa, Long Khánh, Phước Long (có thêm phần đất của tỉnh Thủ Dầu Một). Từ đó, tiền thân của tỉnh Bình Phước và Đồng Nai được tách ra.

1. Đối với tỉnh Đồng Nai

Ngày 23/1/1959, tách một phần đất quận Tân Uyên, cùng phần đất của các tỉnh khác lập tỉnh Phước Thành. Khi đó tỉnh Biên Hòa phía bắc giáp tỉnh Phước Thành, phía Đông giáp tỉnh Long Khánh, phía Đông Nam giáp tỉnh Phước Tuy, phía Tây và Tây nam giáp hai tỉnh Bình Dương và Gia Định.

Năm 1972, tỉnh Biên Hòa có 6 quận là: Quận Đức Tu, Công Thanh, Tân Uyên, Dĩ An, Long Thành và Nhơn Trạch. Tháng 02/1976, tỉnh Biên Hòa được sáp nhập với Bà Rịa và Long Khánh thành tỉnh Đồng Nai mới, tỉnh lỵ đặt tại thành phố Biên Hòa, thị xã Vũng Tàu và 9 huyện: Châu Thành, Duyên Hải, Long Đất, Long Thành, Tân Phú, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Xuyên Mộc. Từ năm 1976 đến nay, tên gọi tỉnh Đồng Nai được giữ nguyên, song có thay đổi nhiều lần địa giới, đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện.

2. Đối với tỉnh Bình Phước

Sau khi được tách ra từ tỉnh Biên Hòa, tiền thân tỉnh Bình Phước gồm hai tỉnh Bình Long và Phước Long. Ngày 30/01/1971, Trung ương cục miền Nam quyết định thành lập phân khu Bình Phước. Cuối năm 1972, phân khu Bình Phước giải thể, tỉnh Bình Phước chính thức được thành lập.

Sau kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, ngày 02/7/1976, tại kỳ họp thứ nhất quốc hội khóa VI, Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra quyết định thành lập tỉnh Sông Bé bao gồm: Thủ Dầu Một, Bình Phước và 03 xã thuộc huyện Thủ Đức (TP. Hồ Chí Minh), chia thành 07 huyện và 01 thị xã. Tháng 02/1978, huyện Bình Long được chia thành 02 huyện: Bình Long và Lộc Ninh. Năm 1988, huyện Phước Long chia thành 02 huyện: Phước Long và Bù Đăng.

Ngày 01/01/1997, tỉnh Bình Phước được tái lập gồm 05 huyện phía Bắc tỉnh Sông Bé là: Đồng Phú, Bình Long, Lộc Ninh, Phước Long và Bù Đăng. Tỉnh lỵ đặt ở thị trấn Đồng Xoài (huyện Đồng Phú).

Ngày 01/9/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 90/1999/NĐ-CP thành lập thị xã Đồng Xoài; ngày 20/02/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 17/2003/NĐ-CP thành lập huyện Chơn Thành và Bù Đốp được tách ra từ huyện Bình Long và Lộc Ninh. Ngày 01/05/2003 hai huyện Chơn Thành và Bù Đốp chính thức đi vào hoạt động. Tỉnh Bình Phước có 08 huyện, thị, 94 xã phường và thị trấn. Từ năm 1999, địa giới cấp tỉnh được ổn định, song có thay đổi nhiều lần về địa giới hành chính cấp xã, cấp huyện.

3. Từ ngày 01/7/2025 đến nay

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn và yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, thực hiện các chủ trương của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính, từ ngày 01/7/2025, hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước được sáp nhập, hình thành một đơn vị hành chính cấp tỉnh mới. Việc sáp nhập này đánh dấu bước chuyển có tính chiến lược từ mô hình phát triển phân tán sang tích hợp, tạo lập không gian phát triển thống nhất, phát huy hiệu quả tổng hợp giữa công nghiệp - đô thị - dịch vụ với nông nghiệp công nghệ cao và quỹ đất phát triển. Đồng thời, tạo điều kiện nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư quy mô lớn, tinh gọn bộ máy quản lý và hình thành nền tảng để phát triển đô thị cấp vùng, hướng tới mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

II. HIỆN TRẠNG CỦA TỈNH ĐỒNG NAI

1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý

1.1. Vị trí địa lý

Ngày 12/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai để thành lập tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Đồng Nai. Sau khi sắp xếp, tỉnh Đồng Nai có vị trí địa lý nằm ở trung tâm vùng Đông Nam Bộ, là khu vực kết nối quan trọng giữa vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với Tây Nguyên và các tỉnh Nam Trung Bộ.

Sau khi sắp xếp, tỉnh Đồng Nai có diện tích tự nhiên khoảng 12.737,18 km², chiếm khoảng 3,84% diện tích tự nhiên cả nước và khoảng 45,4% diện tích của vùng Đông Nam Bộ. Quy mô dân số khoảng 4,49 triệu người, mật độ dân số trung bình khoảng 352,6 người/km². Toàn tỉnh có 95 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 72 xã và 23 phường; trong đó phường Trảng Bàng là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế và văn hóa – xã hội của tỉnh. Ranh giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Tây và Tây Nam giáp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phía Tây Bắc giáp tỉnh Tây Ninh.

- Phía Đông giáp tỉnh Lâm Đồng.
- Phía Bắc giáp Vương quốc Campuchia.

Tỉnh có tọa độ địa lý từ khoảng $10^{\circ}30'$ đến $12^{\circ}19'$ vĩ độ Bắc và từ $106^{\circ}24'$ đến $107^{\circ}35'$ kinh độ Đông.

Đồng Nai nằm liền kề Thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm thành phố khoảng 30 km, thuộc khu vực phát triển năng động nhất của cả nước. Tỉnh có hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông tương đối đồng bộ với đầy đủ năm loại hình giao thông gồm đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường hàng hải và đường hàng không. Đặc biệt, dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành có quy mô khoảng 5.000 ha, công suất thiết kế đạt khoảng 100 triệu hành khách và 5 triệu tấn hàng hóa mỗi năm khi hoàn thành toàn bộ các giai đoạn, được xác định là công trình hạ tầng chiến lược có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của vùng Đông Nam Bộ và cả nước.

1.2. Khí hậu

Đồng Nai có khí hậu nhiệt đới gió mùa phân thành hai mùa rõ rệt, là mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Trong mùa khô, hướng gió chủ yếu trong nửa đầu mùa là Bắc – Đông Bắc, nửa cuối mùa chuyển sang hướng Đông – Đông Nam. Trong mùa mưa, gió chủ yếu là gió mùa Tây Nam thịnh hành từ cuối tháng 5 đến đầu tháng 8.

- Mưa: Tổng lượng mưa năm khá lớn, dao động khoảng 1.500 – 2.400 mm/năm, ở những vùng đón gió mùa Tây Nam như các huyện phía bắc có thể lớn hơn. Mùa khô: thường từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; mùa mưa từ khoảng tháng 5 đến tháng 10 (hoặc tháng 11) tùy vùng.

- Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình toàn tỉnh dao động quanh mức ($26-27^{\circ}\text{C}$) trong giai đoạn 2015-2021. Nhiệt độ trung bình tháng biến thiên ít, tháng có nhiệt độ cao nhất và thấp nhất chênh nhau khoảng $2,8-4,8^{\circ}\text{C}$. Nhiệt độ chênh lệch giữa ngày và đêm khá lớn, tại vùng cao có thể lên tới $10-15^{\circ}\text{C}$, mùa khô nhiệt độ dao động nhiều hơn mùa mưa. Nhiệt độ duy trì ổn định, nhiệt độ thấp nhất rơi vào các tháng 1 và tháng 2, nhiệt độ cao nhất thường rơi vào các tháng 3, tháng 4, tháng 5.

- Gió: Tại mỗi địa phương hướng và tốc độ gió không đồng nhất, do ảnh hưởng của địa hình. tần suất lặng gió là cao nhất, từ 25 – 40% số lần quan trắc trong năm.

- Độ ẩm không khí: Độ ẩm không khí trung bình các năm lớn hơn 80%, những tháng có độ ẩm cao nhất là từ tháng 6 - 11 và những tháng có độ ẩm thấp nhất là từ tháng 1 - 4. Vùng đồng bằng và vùng đồi thấp có độ ẩm thấp

hơn vùng cao và vùng ven biển. Trong năm, mùa mưa (tháng 5 - tháng 11) có độ ẩm cao hơn nhiều so với mùa khô. Độ ẩm tháng cao nhất năm 2021 là tháng 10 đạt 90% và độ ẩm tháng thấp nhất tháng 3 đạt 71%.

Nhìn chung, với khí hậu thuận lợi, Đồng Nai có nhiều tiềm năng cho phát triển kinh tế nói chung và đặc biệt là sản xuất nông nghiệp, với các cây trồng nhiệt đới rất điển hình. Bên cạnh đó, khí hậu ôn hòa cũng giúp Đồng Nai có quỹ rừng lớn, đa dạng về loài, có giá trị phòng hộ, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sinh thái vùng Đông Nam Bộ, bảo vệ, điều hòa dòng chảy các con sông lớn như: Sông Bé, sông Sài Gòn, sông Đồng Nai... góp phần giảm lũ đột ngột đối với các tỉnh vùng hạ nguồn và đảm bảo nguồn sinh thủy trong mùa khô kiệt và bảo vệ nguồn tài nguyên nước phục vụ nhu cầu phát triển của tỉnh cũng như cho sự phát triển rừng bền vững của các địa phương lân cận. Tuy nhiên, hầu hết các sông chảy qua địa phận tỉnh Đồng Nai đều có độ dốc với lòng sông có nhiều ghềnh, không thuận lợi cho hoạt động vận tải đường thủy.

Khí hậu của Đồng Nai mang đặc trưng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa thường kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm phần lớn lượng mưa trong năm; mùa khô kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Lượng mưa trung bình hàng năm dao động từ khoảng 1.500 đến 2.400 mm. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 26–27°C, độ ẩm không khí trung bình trên 80%. Nhìn chung, với khí hậu thuận lợi, Đồng Nai có nhiều tiềm năng cho phát triển kinh tế nói chung và đặc biệt là sản xuất nông nghiệp, với các cây trồng nhiệt đới rất điển hình. Bên cạnh đó, khí hậu ôn hòa cũng giúp Đồng Nai có quỹ rừng lớn, đa dạng về loài, có giá trị phòng hộ, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sinh thái vùng Đông Nam Bộ, bảo vệ, điều hòa dòng chảy các con sông lớn như: sông Bé, sông Sài Gòn, sông Đồng Nai... góp phần giảm lũ đột ngột đối với các tỉnh vùng hạ nguồn và đảm bảo nguồn sinh thủy trong mùa khô kiệt và bảo vệ nguồn tài nguyên nước phục vụ nhu cầu phát triển của tỉnh cũng như cho sự phát triển rừng bền vững của các địa phương lân cận.

1.3. Địa hình

Tỉnh Đồng Nai nằm ở vị trí chuyển tiếp quan trọng giữa Nam Tây Nguyên - cao nguyên Di Linh, M'Nông với vùng Đông Nam Bộ và đồng bằng hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai. Địa hình của tỉnh vì vậy mang tính đa dạng, phân hóa rõ rệt theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, thấp dần từ vùng cao nguyên, đồi núi xuống vùng đồng bằng ven sông và vùng trũng chịu ảnh hưởng triều cường. Địa hình tỉnh Đồng Nai gồm ba dạng địa hình chủ yếu; Địa hình đồi núi và cao nguyên thấp; địa hình đồi lượn sóng – trung du; và

địa hình đồng bằng, đồng bằng thấp ven sông, ven triều, đan xen với các thung lũng và bậc thềm phù sa cổ.

Địa hình đồi núi và cao nguyên thấp: Khu vực phía Bắc và Đông Bắc tỉnh Đồng Nai (mới), bao gồm phần lớn địa bàn tỉnh Bình Phước (cũ) và vùng giáp ranh huyện Tân Phú (Đồng Nai cũ) - Lâm Đồng - Đắk Nông, có địa hình đồi núi thấp và cao nguyên thấp, là phần kéo dài của rìa phía Nam dãy Trường Sơn và các cao nguyên bazan. Địa hình có độ cao phổ biến từ 200 – 500 m, cá biệt có những đỉnh núi cao vượt trội như núi Bà Rá (723 m) và núi Chứa Chan (837 m). Địa hình khu vực này chủ yếu là đồi núi thấp dạng vòm, đồi bát úp, ít bị chia cắt sâu, độ dốc phổ biến dưới 15° , xen kẽ các dải núi kéo dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Bề mặt địa hình được phủ chủ yếu bởi bazan và trầm tích lục nguyên, tạo nên các cao nguyên thấp tương đối bằng phẳng ở khu vực phía Đông Bắc, giáp cao nguyên M'Nông và cao nguyên Di Linh. Đây là vùng địa hình có cao độ lớn nhất của tỉnh, đóng vai trò quan trọng về sinh thái rừng đầu nguồn và phát triển cây công nghiệp lâu năm.

Địa hình đồi lượn sóng và trung du: Chiếm diện tích lớn nhất trong tỉnh Đồng Nai (mới) là vùng địa hình đồi lượn sóng và trung du, phân bố liên tục từ khu vực trung tâm Bình Phước (cũ) kéo dài xuống các khu vực Xuân Lộc, Long Khánh, Thống Nhất và nhiều khu vực nội tỉnh Đồng Nai (cũ). Địa hình có cao độ phổ biến từ 20 - 200 m, bề mặt địa hình tương đối bằng phẳng, lượn sóng nhẹ, độ dốc nhỏ (khoảng $3 - 8^\circ$). Đây là dạng địa hình hình thành trên bazan và phù sa cổ, ít bị chia cắt, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn trái và phát triển đô thị, khu công nghiệp. Địa hình trung du này tạo thành vùng chuyển tiếp mềm mại giữa khu vực đồi núi cao phía Bắc – Đông Bắc và vùng đồng bằng thấp phía Nam – Tây Nam của tỉnh.

Địa hình đồng bằng và đồng bằng thấp ven sông, ven triều: Khu vực phía Nam và Tây Nam tỉnh Đồng Nai (mới), chủ yếu thuộc địa bàn Đồng Nai (cũ) như Biên Hòa, Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch, có địa hình đồng bằng và đồng bằng thấp ven sông Đồng Nai, chiếm tỷ lệ nhỏ hơn nhưng giữ vai trò quan trọng về phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp lúa nước. Địa hình đồng bằng bao gồm các bậc thềm sông cao 2 – 10 m, phân bố dọc theo sông Đồng Nai và các phụ lưu, được bồi tụ bởi phù sa hiện đại. Xen kẽ là vùng trũng thấp trên trầm tích đầm lầy hạ lưu, có cao độ từ 0,3 – 2 m, nhiều nơi thấp hơn mực nước biển, chịu ảnh hưởng trực tiếp của thủy triều, ngập nước theo mùa, mạng lưới sông rạch chằng chịt và có rừng ngập mặn phân bố. Đây là khu vực có nền địa chất yếu, giàu sét và vật chất hữu cơ, cần được quản lý chặt chẽ trong phát triển xây dựng và hạ tầng kỹ thuật.

Nhìn chung địa hình tỉnh Đồng Nai tương đối thoải, ít bị chia cắt mạnh, phần lớn diện tích có độ dốc dưới 15° , hình thành các tiểu vùng địa hình rõ rệt từ cao nguyên – trung du – đồng bằng. Đặc điểm này tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức không gian phát triển kinh tế – xã hội đa dạng, đồng thời đòi hỏi sự phân vùng hợp lý trong khai thác tài nguyên đất, bảo vệ rừng đầu nguồn, kiểm soát ngập lụt và thích ứng biến đổi khí hậu trong dài hạn.

1.4. Thủy văn

Hệ thống thủy văn của tỉnh thuộc lưu vực sông Đồng Nai – một trong ba hệ thống sông lớn của Việt Nam. Các con sông chính gồm sông Đồng Nai, sông Bé, sông La Ngà, sông Sài Gòn cùng với hệ thống sông Vàm Cỏ và nhiều sông suối nhỏ khác. Hệ thống sông ngòi không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển giao thông thủy nội địa và các hoạt động kinh tế liên quan.

Chế độ thủy văn của các sông trong tỉnh có sự phân hóa rõ rệt giữa mùa mưa và mùa khô. Mùa lũ thường kéo dài khoảng 5–6 tháng, trong khi mùa khô kéo dài khoảng 6–7 tháng. Khu vực hạ lưu sông Đồng Nai còn chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều của biển Đông, tác động nhất định đến điều kiện thủy văn và môi trường sinh thái của khu vực.

1.5. Tài nguyên đất

Đồng Nai có quỹ đất phong phú và phì nhiêu, thích hợp cho phát triển các cây công nghiệp, cây ăn quả nhiệt đới có giá trị kinh tế cao, nền đất cứng thuận lợi cho xây dựng nhiều loại công trình tạo cho Đồng Nai có lợi thế về đất đai để phát triển nông nghiệp, công nghiệp và nhiều ngành kinh tế khác. Chất lượng đất có thể chia thành 3 nhóm chung sau:

- Các loại đất hình thành trên đá bazan: Gồm đất đá bột, đất đen, đất đỏ có độ phì nhiêu cao. Các loại đất này thích hợp cho các cây công nghiệp ngắn và dài ngày như: cao su, cà phê, tiêu,...

- Các loại đất hình thành trên phù sa cổ và trên đá phiến sét như đất xám, nâu xám, loang lổ. Các loại đất này thường có độ phì nhiêu kém, thích hợp cho các loại cây ngắn ngày như đậu, đỗ... một số cây ăn trái và cây công nghiệp dài ngày như cây điều...

Các loại đất hình thành trên phù sa mới như đất phù sa, đất cát chiếm một phần nhỏ, phân bố chủ yếu ven các sông như sông Đồng Nai, La Ngà. Chất lượng đất tốt, thích hợp với nhiều loại cây trồng như cây lương thực, hoa màu, rau quả...

1.6. Tài nguyên nước

1.6.1. Tài nguyên nước mặt

Đồng Nai có nguồn nước mặt rất phong phú, được cung cấp bởi hệ thống sông suối chính là sông Đồng Nai; sông La Ngà; sông Buông; sông Ray; sông Xoài, sông Thị Vải, sông Măng, sông Chiu Riu ..., lưu lượng nước phụ thuộc theo mùa, thường tập trung lớn trong mùa mưa, ở mùa khô lượng nước chỉ còn khoảng 20% tổng lượng nước trong năm². Tổng lượng nước mặt hàng năm tỉnh Đồng Nai nhận được từ hệ thống sông Đồng Nai và các sông suối nhỏ khác khoảng 26.552 tỷ m³, cụ thể³: Sông Đồng Nai; sông La Ngà; sông Bé; sông Lá Buông; sông Ray; hệ thống suối Cả - sông Thị Vải; sông Măng; sông Chiu Riu.

1.6.2. Tài nguyên nước dưới đất:

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tồn tại 14 tầng chứa nước, trong đó gồm 04 tầng chứa nước lỗ hổng (gồm tầng qh, qp2-3, qp1, n22) và 10 tầng chứa nước khe nứt (Bqp3, Bqp2, Bn22-3, Bn2-qp1, Bn13, k, j3-k1, j1-2, t2, p3-t1). Với nước lỗ hổng các khu vực có mức độ giàu nước từ trung bình đến giàu tập trung ở phía tây nam, như khu Bắc Biên Hoà, Bắc Long Thành, Thành Tuy Hạ, phía tây huyện Thống Nhất, tập trung ở phía nam, tây nam như khu vực Chơn Thành, Bình Long và Đồng Phú; với nước khe nứt tập trung ở khu Long Khánh, phía tây huyện Thống Nhất, diện nhỏ ở Tân Phú, phía tây nam huyện Vĩnh Cửu, Bù Đốp, Lộc Ninh, phía Tây Nam Phước Long, Bình Long, Chơn Thành, thị xã Đồng Xoài và phía Tây Đồng Phú. Theo kết quả “Điều tra đánh giá sơ bộ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai” do Liên đoàn Quy hoạch và điều tra Tài nguyên nước miền Nam thực hiện: Trữ lượng tiềm năng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là 8.156.368 m³/ngày.

² Tổng lượng nước mặt hàng năm tỉnh Đồng Nai (trước sắp xếp) nhận được từ hệ thống sông Đồng Nai và các sông suối nhỏ khác là 26.545 tỷ m³; tổng lượng nguồn nước mặt trung bình hàng năm của tỉnh Bình Phước (trước sắp xếp) vào khoảng 7,18 tỷ m³

³ + Sông Đồng Nai: cung cấp một lượng dòng chảy trung bình năm khoảng 346,86 m³/s, tương đương với tổng lượng 10,94 tỷ m³/năm.

+ Sông La Ngà: cung cấp lưu lượng trung bình 186 m³/s, tương đương với tổng lượng khoảng 5,86 tỷ m³/năm.

+ Sông Bé: Hàng năm, sông Bé bổ sung vào dòng chính sông Đồng Nai lưu lượng bình quân 255,47 m³/s, tương đương với tổng lượng 8 tỷ m³.

+ Sông Lá Buông: Hàng năm, sông Lá Buông cung cấp một lượng dòng chảy khoảng 356,67 triệu m³, ứng lưu lượng bình quân khoảng 11,31 m³/s.

+ Sông Ray: Tổng lượng dòng chảy trung bình năm từ tỉnh Đồng Nai khoảng 454 triệu m³, ứng với lưu lượng trung bình 14,41 m³/s.

+ Hệ thống suối Cả – Sông Thị Vải: Hàng năm cung cấp lượng dòng chảy khoảng 371,69 triệu m³, tương đương với lưu lượng 11,79 m³/s.

+ Sông Măng: Với phần diện tích trong tỉnh 325 km², có module dòng chảy trung bình 33,7 l/s.km², lưu lượng trung bình 10,99 m³/s, tổng lượng trung bình 0,35 tỷ m³.

+ Sông Chiu Riu, với phần diện tích trong tỉnh 48 km², có module dòng chảy trung bình 24,03 l/s.km², lưu lượng trung bình 1,15 m³/s, tổng lượng trung bình 0,04 tỷ m³.

Đồng Nai là tỉnh có tốc độ đô thị hóa cao, với nhiều khu công nghiệp lớn như Biên Hòa, Amata, Long Thành, Nhơn Trạch, Becamex - Bình Phước, Minh Hưng - Sikico, Minh Hưng - Hàn Quốc và Minh Hưng III, ... đã và đang hình thành nhu cầu rất lớn về cấp nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt và dịch vụ. Nhu cầu sử dụng nước tăng mạnh không chỉ về lượng mà còn về chất lượng, gây áp lực lên các nguồn nước mặt, nước ngầm, trong khi hệ thống cấp thoát nước chưa đồng bộ. Việc mở rộng hạ tầng, san lấp mặt bằng cũng làm biến đổi dòng chảy tự nhiên, ảnh hưởng đến khả năng trữ nước, thấm thấu nước mưa, làm gia tăng nguy cơ ngập lụt và suy giảm nước ngầm.

Trong những năm gần đây, biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng cực đoan: hạn hán kéo dài, mưa cực đoan, lũ quét và ngập úng cục bộ. Những biến động này làm suy giảm trữ lượng nước mặt và nước ngầm, làm gia tăng mức độ ô nhiễm khi lưu lượng dòng chảy thấp, đồng thời gây áp lực lớn cho cấp nước sinh hoạt, sản xuất và bảo vệ hệ sinh thái. Đây là xu hướng chung, tác động trực tiếp đến nguồn tài nguyên nước của tỉnh.

Mặc dù có tài nguyên và mạng lưới sông hồ phong phú, mật độ dày nhưng khả năng phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp là rất hạn chế. Nguyên nhân là do dòng sông hẹp, dốc, khả năng gây lũ cao vào mùa mưa nhưng lại hạn hán vào mùa khô. Tình trạng hạn hán xảy ra khi lượng mưa thấp dẫn đến thiếu nước trên diện rộng và các hồ chứa không trữ đủ lượng nước nhu cầu làm ảnh hưởng đáng kể đến năng suất cây trồng.

Vấn đề nghiêm trọng hơn là đảm bảo cung cấp nước cho chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang hướng tăng diện tích cây ăn trái và phát triển khu, cụm công nghiệp, đô thị trong tương lai tại địa bàn khu vực phía bắc của tỉnh. Đây là thách thức rất lớn đối với tỉnh trong quá trình phát triển.

1.7. Khoáng sản

Khoáng sản tỉnh Đồng Nai phong phú về chủng loại và đa dạng về loại hình nguồn gốc. Trong số đó, vật liệu xây dựng có tiềm năng nhất, điển hình một số khoáng sản gồm: Than bùn, các nhóm kim loại (Vàng, Nhôm (Quặng bauxit), Chì – kẽm, Thiếc...); các nhóm phi kim loại: Khoáng sản thuộc nhóm phi kim loại khá phong phú, có tiềm năng, trữ lượng lớn, như: Kaolin, bột màu tự nhiên, đá vôi, thạch anh mạch và nguyên vật liệu xây dựng như đá, sét gạch ngói, puzolan, laterit,...); nước khoáng – nóng...

Theo quy hoạch được phê duyệt tỉnh Đồng Nai và Bình Phước (trước sắp xếp):

- Tổng số quy hoạch: 319 mỏ/khu vực, trong đó: Theo phân cấp quy hoạch, có Quy hoạch cấp Quốc gia: 42 mỏ/khu vực; quy hoạch cấp tỉnh: 277

mỏ/khu vực.

- Tổng diện tích đất quy hoạch khoáng sản: 87.992,8 ha.
- Tổng trữ lượng khoáng sản quy hoạch: 3.809.925.100 m³ và 390 m³/ng.đ (nước khoáng).

2. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

2.1. Diện tích tự nhiên

Giai đoạn 2021 - 2025 đánh dấu một bước chuyển mình mang tính chiến lược trong công tác quản lý và khai thác tài nguyên đất đai trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là sau quá trình kiện toàn và sáp nhập đơn vị hành chính để hình thành một không gian phát triển rộng lớn với tổng diện tích tự nhiên đạt 1.273.718 ha. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 phản ánh rõ nét sự giao thoa giữa một nền kinh tế nông nghiệp quy mô lớn và tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa mạnh mẽ của vùng động lực Đông Nam Bộ.

Quỹ đất nông nghiệp vẫn giữ vai trò chủ đạo khi chiếm tỷ trọng lớn với 83,72%, không chỉ bảo đảm an ninh lương thực và giá trị sinh thái rừng đầu nguồn tại khu vực hồ Trị An hay Cát Tiên, mà còn là không gian trọng yếu cho các vùng chuyên canh cây lâu năm và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Song song với đó, sự mở rộng của nhóm đất phi nông nghiệp lên mức 16,08% đã tạo lập nền tảng hạ tầng kỹ thuật và xã hội vững chắc, định hình nên các hành lang công nghiệp - logistics và mạng lưới đô thị đa trung tâm hiện đại. Việc đánh giá chi tiết hiện trạng sử dụng đất trong giai đoạn này là cơ sở then chốt để tối ưu hóa nguồn lực, giải quyết các điểm nghẽn về chồng lấn quy hoạch và hiện thực hóa tầm nhìn về một tỉnh phát triển bền vững, hài hòa giữa bảo tồn sinh thái và bứt phá kinh tế.

2.2. Cơ cấu các loại đất

2.2.1. Đất nông nghiệp

Đất nông nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh có quy mô diện tích lớn, đạt khoảng 1.065.295 ha, chiếm 83,64% diện tích tự nhiên, phản ánh vai trò chủ đạo của lĩnh vực nông nghiệp trong cơ cấu sử dụng đất của tỉnh. Diện tích đất nông nghiệp phân bố chủ yếu tại các xã có quỹ đất tự nhiên rộng, địa hình thuận lợi và truyền thống phát triển nông - lâm nghiệp, tập trung nhiều tại xã Trị An, xã Đăk Lua, xã Phước Sơn, xã Tân Lợi, xã Bù Gia Mập, xã Thọ Sơn, xã Phú Lý, xã Định Quán,...

a) Đất trồng cây hàng năm:

Diện tích 69.051 ha, chiếm 6,48% diện tích đất nông nghiệp của toàn tỉnh, phân bố chủ yếu tại các khu vực có điều kiện địa hình tương đối bằng

phẳng, chủ động được nguồn nước tưới và thuận lợi cho cơ giới hóa sản xuất, phục vụ phát triển các loại cây lương thực, cây thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày, bao gồm:

- Đất trồng lúa: Toàn tỉnh có 28.325 ha đất trồng lúa, chiếm 41,02% diện tích đất trồng cây hàng năm của tỉnh. Trong đó, đất chuyên trồng lúa (canh tác 2 - 3 vụ/năm) có diện tích 17.003 ha, chiếm 60,03% diện tích đất trồng lúa; đất trồng lúa còn lại (bao gồm các khu vực sản xuất 1 vụ lúa/năm hoặc kết hợp 1 vụ lúa - 1 vụ cây màu) có diện tích 11.321 ha, chiếm 39,97% diện tích đất trồng lúa. Cụ thể:

- + Đất chuyên trồng lúa: Có diện tích là 17.009 ha, phân bố tập trung chủ yếu tại các xã Nhơn Trạch, Xuân Phú, An Phước, Phú Lâm, Tân Phú,... Các khu vực này có điều kiện địa hình tương đối bằng phẳng, đất đai phù hợp với canh tác lúa nước và được đầu tư hệ thống thủy lợi khá đồng bộ, bảo đảm khả năng chủ động nguồn nước tưới tiêu. Phần lớn diện tích đất chuyên trồng lúa có điều kiện canh tác ổn định từ 2-3 vụ/năm, tạo thuận lợi cho thâm canh, tăng năng suất và nâng cao hệ số sử dụng đất. Việc duy trì, bảo vệ và sử dụng hiệu quả quỹ đất chuyên trồng lúa có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm an ninh lương thực, ổn định sinh kế cho người dân nông thôn, đồng thời góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh.

- + Đất trồng lúa còn lại: Có diện tích 11.321 ha, phân bố chủ yếu tại các khu vực có điều kiện tưới tiêu còn hạn chế, thường xuyên chịu ảnh hưởng của ngập úng trong mùa mưa hoặc thiếu nước tưới trong mùa khô, tập trung tại các xã Thiện Hưng, Tân Hưng, Phước Sơn, Tân Tiến, Xuân Phú,... Tại các khu vực này, hệ thống thủy lợi nhìn chung chưa đồng bộ, việc canh tác chủ yếu phụ thuộc vào điều kiện thời tiết theo mùa, dẫn đến năng suất và sản lượng sản xuất chưa ổn định..

- Đất trồng cây hàng năm khác: Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích 40.726 ha, chiếm 58,98% diện tích đất trồng cây hàng năm, phân bố tập trung tại các xã Định Quán, xã Xuân Đông, xã Xuân Bắc, xã Đại Phước, xã Phước Thái, xã Phước An, xã Hưng Thịnh,... Cơ cấu cây trồng chủ yếu bao gồm các loại cây như bắp, đậu, mè, mía, cỏ,... phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu và tập quán canh tác của từng vùng. Đây là nguồn nguyên liệu chính cho chăn nuôi và công nghiệp chế biến.

b) Đất trồng cây lâu năm: Toàn tỉnh có diện tích 640.221 ha, chiếm 60,10% đất nông nghiệp, phân bố tập trung tại các xã Tân Lợi, xã Đồng Tâm, xã Bình Tân, xã Phước Sơn,... Cơ cấu cây trồng chủ yếu là các loại cây công nghiệp lâu năm như điều, cao su, tiêu, cà phê và các loại cây ăn quả như bưởi, quýt, chôm chôm, măng cụt, sầu riêng,... phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng

và khí hậu của từng vùng. Việc hình thành các vùng chuyên canh tập trung đã và đang góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo nguồn nguyên liệu ổn định cho công nghiệp chế biến, phát triển chuỗi giá trị nông sản và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa, bền vững.

c) Đất lâm nghiệp: Tổng diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh 339.730 ha, chiếm 31,89% diện tích đất nông nghiệp. Quỹ đất lâm nghiệp giữ vai trò quan trọng bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng hộ đầu nguồn, điều tiết nguồn nước và ứng phó với biến đổi khí hậu, đồng thời là không gian phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững; trong đó:

- Đất rừng đặc dụng: Có diện tích 134.446 ha, chiếm 39,57% diện tích đất lâm nghiệp, phân bố tập trung chủ yếu tại các xã Trị An, xã Đak Lua, xã Bù Gia Mập, xã Phú Lý,... các khu rừng có giá trị đặc biệt về sinh thái và đa dạng sinh học như Khu Bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai, Vườn quốc gia Cát Tiên, Vườn quốc gia Bù Gia Mập,... Rừng đặc dụng giữ vai trò cốt lõi trong bảo tồn hệ sinh thái rừng tự nhiên, bảo vệ các loài động, thực vật quý hiếm, nguồn gen đặc hữu, đồng thời có ý nghĩa quan trọng trong nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường và phát triển du lịch sinh thái.

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích 75.895 ha, chiếm 22,34% diện tích đất lâm nghiệp, phân bố tập trung chủ yếu tại các xã Định Quán, xã Bom Bo, xã Hưng Phước, xã Thọ Sơn, xã Bù Gia Mập, xã Phước An,... Phần lớn diện tích đất rừng phòng hộ hiện do các Ban Quản lý rừng phòng hộ trực tiếp quản lý, sử dụng, bao gồm: Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú, Xuân Lộc, Long Thành, Đắc Mai, Bù Đốp, Lộc Ninh và Bù Đăng. Rừng phòng hộ có vai trò quan trọng trong bảo vệ đất, bảo vệ nguồn nước, phòng chống xói mòn, sạt lở, điều tiết dòng chảy và giảm thiểu tác động của thiên tai, đồng thời góp phần bảo đảm an ninh môi trường và phát triển bền vững cho các khu vực hạ du.

- Đất rừng sản xuất: Diện tích 129.389 ha, chiếm 38,09% đất lâm nghiệp, phân bố chủ yếu tại xã Thanh Sơn, xã Tân Lợi, xã Phước Sơn, xã Thọ Sơn, xã Lộc Thành, xã Đak O,... Phần lớn diện tích đất rừng sản xuất hiện thuộc phạm vi quản lý, sử dụng của các tổ chức, doanh nghiệp lâm nghiệp và cao su, như: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà, Tổng Công ty Tập đoàn Tân Mai, Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng, Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh, Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long, Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé, Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước,... Rừng sản xuất giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế lâm nghiệp, cung cấp

nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ và cao su, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Trong đó, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên: Diện tích 25.313 ha, phân bố tập trung chủ yếu ở xã Thanh Sơn, xã Tân Lợi, xã Lộc Thành, xã Trị An,... Đây là quỹ rừng có giá trị quan trọng về sinh thái và cảnh quan, cần được bảo vệ, khoanh nuôi phục hồi, bảo đảm giá trị bảo tồn tài nguyên rừng, môi trường sinh thái.

d) Đất nuôi trồng thủy sản: Có diện tích 8.010 ha, chiếm 0,75% diện tích đất nông nghiệp. Diện tích này phân bố tập trung chủ yếu tại các xã Phước An, xã Tân An, xã Tân Phú, xã Tân Tiến, xã Bình Minh,... Hoạt động nuôi trồng thủy sản chủ yếu là nuôi thủy sản nước ngọt, nước lợ với quy mô sản xuất còn phân tán; diện tích nuôi tập trung chưa nhiều, phần lớn là các ao nuôi nhỏ lẻ, kết hợp trong khuôn viên hộ gia đình.

đ) Đất chăn nuôi tập trung: Diện tích 4.442 ha, chiếm 0,42% diện tích đất nông nghiệp, quỹ đất này phân bố chủ yếu tại các xã Xuân Thành, xã Lộc Tấn, xã Xuân Hòa, xã Lộc Thạnh, xã Long Hà, xã Lộc Thành, xã Tân Hưng, xã Xuân Đông,... các hoạt động chăn nuôi chủ yếu là các trang trại chăn nuôi heo có quy mô lớn được bố trí tại các khu vực có khoảng cách ly phù hợp với khu dân cư, thuận lợi cho kiểm soát dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

e) Đất nông nghiệp khác: Diện tích 3.842 ha, chiếm 0,36% diện tích đất nông nghiệp, loại đất này chủ yếu được sử dụng cho các cơ sở nghiên cứu, sản xuất và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi, các trung tâm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu thực nghiệm, đào tạo và chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật phục vụ phát triển nông nghiệp,... tập trung chủ yếu ở các xã Gia Kiệm, xã Nha Bích, phường An Lộc, xã Tân Lợi, xã Hưng Thịnh, xã Trảng Bom, xã Thống Nhất,... Đây là quỹ đất có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn giống, phát triển nông nghiệp hiện đại và nâng cao hiệu quả, giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.2.2. Đất phi nông nghiệp: Đất phi nông nghiệp toàn tỉnh có diện tích 205.315 ha, chiếm 16,12% diện tích tự nhiên, là không gian chủ yếu phục vụ phát triển đô thị, công nghiệp, thương mại - dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, quốc phòng - an ninh và các mục đích công cộng khác, đóng vai trò quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

a) Đất ở: Diện tích 29.522 ha, chiếm 14,38% đất phi nông nghiệp. Trong đó, đất ở được phân thành hai nhóm chính là đất ở tại nông thôn và đất

ở tại đô thị, phản ánh đặc điểm phân bố dân cư và mức độ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh. Cơ cấu sử dụng đất như sau:

- Đất ở tại nông thôn: Diện tích 19.379 ha, chiếm 65,64% diện tích đất ở trên địa bàn tỉnh. Đất ở nông thôn phân bố chủ yếu tại khu vực trung tâm các xã, dọc theo các tuyến giao thông chính như quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên xã, liên ấp; ngoài ra còn phân bố rải rác xen kẽ trong các khu vực sản xuất nông nghiệp. Diện tích đất ở nông thôn tập trung nhiều tại các xã Nhơn Trạch, Phước An, Xuân Lộc, Long Thành, Trảng Bom, Dầu Giây, Lộc Ninh,... phản ánh nhu cầu đất ở gắn với phát triển kinh tế nông thôn và quá trình đô thị hóa lan tỏa.

- Đất ở tại đô thị: Diện tích 10.143 ha, chiếm 34,36% diện tích đất ở, thuộc các đơn vị hành chính phường trên địa bàn. Đây là các khu dân cư có quy mô tương đối lớn, với đất ở của người dân tập trung chủ yếu dọc theo các trục giao thông chính và trong các khu đô thị hiện hữu, khu đô thị mới. Diện tích đất ở đô thị phân bố nhiều tại các phường Long Hưng, Long Bình, Chơn Thành, Trảng Biên, Tân Triều, Bình Phước,...

b) Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích 634 ha, chiếm 0,31% diện tích đất phi nông nghiệp. Chỉ tiêu này có ở tất cả các xã, phường trên địa bàn tỉnh, tập trung nhiều ở phường Bình Phước, xã Lộc Thạnh, xã Tân Khai, xã Đồng Phú, xã Bù Đăng, xã Phú Nghĩa, xã Phú Riềng,... là nơi làm việc của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị sự nghiệp công lập, phục vụ trực tiếp cho hoạt động quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ công.

c) Đất quốc phòng, an ninh: Diện tích 18.186 ha, chiếm 8,86% diện tích đất phi nông nghiệp, giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và chủ quyền lãnh thổ quốc gia; trong đó:

- Đất quốc phòng: Diện tích 15.834 ha, chiếm 87,07% diện tích đất quốc phòng, an ninh, chủ yếu tập trung tại các xã Xuân Hòa, phường Long Bình, phường Tân Triều, phường Tam Phước,... với các công trình như trường bắn Quốc gia Khu vực 3, Tổng kho Long Bình, sân bay Biên Hòa,... Đây là những khu vực bố trí các công trình, cơ sở phục vụ nhiệm vụ quốc phòng trọng yếu, có vai trò chiến lược trong thế trận quốc phòng toàn dân và khu vực phòng thủ của tỉnh.

- Đất an ninh: Diện tích 2.351 ha, chiếm 12,93% diện tích đất quốc phòng, an ninh, chủ yếu phân bố ở các xã Minh Đức, xã Xuân Thành, xã Xuân Hòa,... phần lớn diện tích đất an ninh được sử dụng cho các cơ sở giam giữ, giáo dục cải tạo và đào tạo lực lượng như: Trường giáo dưỡng số 4,

Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy, Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân VI,... góp phần bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội và đào tạo nguồn nhân lực cho lực lượng công an nhân dân.

d) Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Diện tích 4.475 ha, chiếm 2,18% nhóm đất phi nông nghiệp, sử dụng cho hoạt động sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục - đào tạo, thể dục - thể thao, khoa học - công nghệ, môi trường, khí tượng thủy văn và các công trình sự nghiệp khác, đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của người dân và bảo đảm an sinh xã hội; cụ thể:

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Có diện tích 321 ha, chiếm 7,18% đất xây dựng công trình sự nghiệp, đây là diện tích xây dựng các công trình văn hóa gồm trung tâm hội nghị, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, câu lạc bộ; công trình có tính biểu trưng, nghệ thuật (tượng đài ngoài trời, cổng chào, quảng trường, bia tưởng niệm...); nhà thiếu nhi, trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi, nhà bảo tàng, nhà triển lãm, thư viện, và các công trình văn hóa khác được Nhà nước thành lập hoặc cho phép hoạt động...; diện tích phân bổ chủ yếu ở xã Trảng Bom, xã Dầu Giây, phường Bình Long, phường Trảng Biên,...

- Đất xây dựng cơ sở xã hội: Diện tích 218 ha, chiếm 4,88% đất xây dựng công trình sự nghiệp, là diện tích xây dựng các công trình trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội; trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội; cơ sở trợ giúp trẻ em; cơ sở chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; cơ sở nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và các cơ sở dịch vụ xã hội khác được Nhà nước thành lập hoặc cho phép hoạt động; tập trung chủ yếu tại xã Phú Nghĩa, xã Xuân Thành, phường Chơn Thành,...

- Đất xây dựng cơ sở y tế: Diện tích 983 ha, chiếm 21,97% đất xây dựng công trình sự nghiệp, tập trung chủ yếu tại xã Phú Nghĩa, phường Phước Long, phường Tân Triều, phường Long Hưng,... gồm các công trình Bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế và các cơ sở khám chữa bệnh khác nhằm đáp ứng nhu cầu khám và chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Diện tích 1.991 ha, chiếm đa số diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp (44,49%). Bao gồm các công trình như: trường đại học, cao đẳng, dạy nghề và hệ thống các trường Trung học Phổ thông, Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non trên địa bàn tỉnh. Tập trung chủ yếu ở phường Long Hưng, phường Bình Phước, xã Nhơn Trạch, xã Phước An, xã Trảng Bom,...

- Đất xây dựng cơ sở thể dục – thể thao: Diện tích 656 ha, chiếm 14,65% đất xây dựng công trình sự nghiệp, tập trung chủ yếu ở xã Trảng

Bom, phường Phước Tân, xã Đại Phước,... chủ yếu diện tích đất thuộc dự án Sân golf Long Thành và Sân golf Trảng Bom; còn các công trình thể dục - thể thao khác đa số phân bố đều ở các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

- Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ: Diện tích 214 ha, chiếm 4,77% đất xây dựng công trình sự nghiệp, phân bố chủ yếu tại xã Xuân Đường với 213 ha (Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ sinh học Đồng Nai).

- Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn: Diện tích 5 ha, là đất xây dựng các công trình về khí tượng thủy văn, gồm trạm khí tượng thủy văn, trạm giám sát biến đổi khí hậu và công trình khí tượng thủy văn khá, tập trung ở xã Trị An, phường Tam Hiệp, xã Định Quán, xã La Ngà.

- Đất xây dựng cơ sở ngoại giao: trên địa bàn tỉnh không có loại đất này.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: Diện tích 87 ha, chiếm 1,95% đất xây dựng công trình sự nghiệp, phân bố chủ yếu tại phường Minh Hưng, xã Phước An, phường Tam Hiệp, xã Hưng Phước, xã Định Quán, phường Bình Phước,...

đ) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp

Diện tích 24.787 ha, chiếm 12,07% diện tích đất phi nông nghiệp, là nhóm đất giữ vai trò quan trọng trong phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ và các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp khác của tỉnh; cụ thể:

- Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Diện tích 13.749 ha, chiếm 55,47% đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, chủ yếu là diện tích đất xây dựng các công trình sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khu công nghệ thông tin tập trung,... trong đó:

- + Đất khu công nghiệp: Diện tích 12.745 ha, chiếm đa số diện tích đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp của tỉnh (92,70%), phân bố chủ yếu tại xã Nhơn Trạch (Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, II, III, IV), phường Chơn Thành (Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước), xã An Phước (Khu công nghiệp An Phước, Khu công nghiệp Long Thành), xã Tân Khai, xã Phước An,...

- + Đất cụm công nghiệp: Diện tích 1.004 ha, phân bố chủ yếu tại xã Đồng Phú, phường Trảng Dài, xã Thống Nhất, xã Bù Đăng, xã Nhơn Trạch,... đây là diện tích của các cụm công nghiệp trên địa bàn như: Cụm công nghiệp Tân Phú, Tân Tiến, Minh Hưng 1, Minh Hưng 2, Dốc 47, gồm Tân Hạnh, Phú Thạnh - Vĩnh Thanh, Thạnh Phú - Thiện Tân, Vật liệu xây dựng Hồ Nai 3,...

- Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích 1.928 ha, chiếm 7,78% diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, gồm các trung tâm thương mại, siêu thị, khu du lịch,... trên địa bàn tỉnh; tập trung chủ yếu tại xã Phước An (Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư khai thác Cảng Phước An, khu du lịch sinh thái Bò Cạp Vàng,...), phường Long Hưng (chủ yếu là Khu du lịch Sơn Tiên,...), xã Đại Phước, phường Tam Phước, phường Phước Tân, phường Biên Hòa, phường Bình Phước,...

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích 6.564 ha, chiếm 26,48% diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, tập trung chủ yếu tại xã Lộc Thành, xã Phước Thái, xã Minh Đức, phường Phước Tân, phường Hồ Nai,... chủ yếu là các công ty, lò gạch, nhà máy chế biến như Công ty xi măng Hà Tiên, Nhà máy chế biến mủ Hoàng Anh, Kho hàng trung chuyển Logistic, Công ty cổ phần hữu hạn Vedan Việt Nam, Lò gạch Hiệp Phương,...

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Diện tích 2.546 ha, chiếm 10,27% diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp đa số thuộc các mỏ khai thác khoáng sản, chủ yếu ở phường Phước Tân (gồm: Mỏ đá Phước Tân, Mỏ đá Tân Cang 1, Mỏ đá Tân Cang 2, Mỏ đá Tân Cang 3, Mỏ đá Tân Cang 4, Mỏ đá Tân Cang 5), xã Minh Đức (chủ yếu là Công ty cổ phần khai khoáng phát triển Rạng Đông, Mỏ đá Thanh Lương, Mỏ đá nhà máy xi măng Xuân Thành), phường Trảng Dài (gồm: Mỏ đá Thiện Tân 1, 2, 4, 9, Mỏ đá Thanh Phú 1, 2, 3),...

e) Đất sử dụng vào mục đích công cộng

Diện tích 43.007 ha, chiếm 20,95% diện tích đất phi nông nghiệp, đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng sống của người dân. Trong đó:

- Đất công trình giao thông: Diện tích 34.903 ha, chiếm đa số diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng (81,16%), phân bố nhiều ở địa bàn có các đường Quốc lộ, Tỉnh lộ, đường cao tốc đi qua như: xã Long Thành, xã Nhơn Trạch, xã Phước An, phường Chơn Thành, phường Bình Phước, xã Xuân Hòa,...

- Đất công trình thủy lợi: Diện tích 3.322 ha, chiếm 7,72% đất sử dụng vào mục đích công cộng, phần lớn diện tích đất thủy lợi thuộc hệ thống công trình thủy lợi hồ Phước Hòa, hồ Đồng Xoài, hồ Suối Giai, hồ Đa Tôn, đập Đồng Hiệp, hồ Cầu Mới,... diện tích phân bố chủ yếu ở các xã Nha Bích, xã Đồng Phú, phường Đồng Xoài, phường Hàng Gòn,...

- Đất công trình cấp nước, thoát nước: Diện tích 329 ha, chiếm 0,76%

đất sử dụng vào mục đích công cộng, phần lớn tập trung ở phường Long Bình, xã Phước An, xã Nhơn Trạch, phường Biên Hòa,...

- Đất công trình phòng, chống thiên tai: Diện tích 11 ha, tập trung ở phường Trảng Biên (9 ha) và phường Tam Hiệp (2 ha).

- Đất có di tích lịch sử – văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: Diện tích 231 ha thuộc các công trình di tích đã được xếp hạng, phân bố chủ yếu ở xã Bom Bo, phường Trảng Biên, xã Trị An, xã Bù Đăng, xã Thuận Lợi, xã Dầu Giây,... Một số công trình di tích lịch sử có diện tích lớn như: Di tích lịch sử Tà Thiệt, Khu bảo tồn văn hóa Sóc Bom Bo, Di tích Chiến khu D, di tích Văn miếu Trảng Biên, di tích Địa đạo Cây Cầy, khu di tích Thác Đứng,...

- Đất công trình xử lý chất thải: Diện tích 454 ha, chiếm 1,05% đất sử dụng vào mục đích công cộng, tập trung chủ yếu ở xã Gia Kiệm, xã Long Phước, xã Tân An, xã Hưng Thịnh,...

- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: Diện tích 2.415 ha, chiếm 5,62% đất sử dụng vào mục đích công cộng, chủ yếu là các công trình lớn như: Thủy điện Trị An, Thủy điện Thác Mơ, trạm biến điện, trụ điện của các đường điện cao thế 110KV, 220KV, 500KV; diện tích tập trung nhiều tại phường Phước Long, xã Lộc Tấn, xã Lộc Thạnh, xã Trị An, xã Nghĩa Trung,...

- Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: Diện tích 31 ha bao gồm diện tích của bưu điện, trạm viễn thông,... phân bố tương đối đều ở các xã, phường trong tỉnh.

- Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: Diện tích 118 ha phân bố tại tất cả các xã, phường trong tỉnh.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: Diện tích 1.194 ha, chiếm 2,78% đất sử dụng vào mục đích công cộng, gồm đất công viên, cây xanh; khu vui chơi giải trí, công trình nhà văn hóa khu phố, ấp,... phục vụ nhu cầu văn hóa của người dân, tập trung chủ yếu ở xã Nhơn Trạch, xã Đại Phước, phường Long Hưng, phường Bình Phước, xã Long Thành, xã Phước An, phường Chơn Thành,...

g) Đất tôn giáo: Diện tích 1.099 ha, chiếm 0,54% nhóm đất phi nông nghiệp, là đất xây dựng chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất và các cơ sở tôn giáo khác đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận là cơ sở tôn giáo hợp pháp trên địa bàn tỉnh; phân bố nhiều tại xã Phước Thái, phường Phước Tân, xã Thống Nhất, xã Long Phước, phường Long Bình.

h) Đất tín ngưỡng: Diện tích 88 ha, chiếm 0,04% đất phi nông nghiệp; chủ yếu là đất xây dựng các đình, đền, miếu, am phục vụ các mục đích tín ngưỡng dân gian; phần lớn do cộng đồng dân cư quản lý, sử dụng. Tập trung chủ yếu ở phường Tân Triều, xã Long Thành, phường Trần Biên, xã Nhơn Trạch, xã Phước An,...

i) Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: Diện tích 2.161 ha, chiếm 1,05% đất phi nông nghiệp, chủ yếu phân bố ở xã Tân An, xã Bình An, phường Long Bình, xã Gia Kiệm, xã Phước Thái,... với các công trình như: Nghĩa trang Vĩnh Hằng, Nghĩa trang Giáo xứ Bắc Hải, Nghĩa trang liệt sĩ Đồng Nai, Nghĩa trang cán bộ, nghĩa trang Biên Hòa, Nghĩa trang Giáo xứ Lộc Lâm, Nghĩa trang Giáo xứ Kê Sắt,...

k) Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích 81.281 ha, chiếm 39,59% đất phi nông nghiệp, tập trung lớn ở các công trình hồ thủy điện Trị An, hồ Gia Ui, hồ Sông Ray, sông Đồng Nai, Nhà Bè, Đồng Thanh, Thị Vải, hồ thủy điện Thác Mơ,... Phân bố chủ yếu tại xã Trị An, xã Thanh Sơn, xã Thống Nhất, xã La Ngà, xã Bom Bo, xã Phú Nghĩa,...

l) Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích 75 ha, chiếm phần nhỏ trong đất phi nông nghiệp. Tập trung chủ yếu ở xã Nha Bích, xã Tân Hưng, xã Long Hà, phường Bình Phước,...

2.2.3. Nhóm đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn tỉnh là 3.108 ha, chiếm 0,24% diện tích tự nhiên của toàn tỉnh; trong đó, phần lớn diện tích là đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê; còn lại là phần nhỏ diện tích đất đồi núi chưa sử dụng⁴...

3. Quy mô dân số và cơ cấu lao động

Đồng Nai là tỉnh đa dân tộc, nhiều tôn giáo; trong đó dân tộc thiểu số chiếm 9,4% dân số toàn tỉnh và 25 tổ chức tôn giáo thuộc 10 tôn giáo với 2.179 cơ sở tôn giáo, 2.603 chức sắc, 9.197 nhà tu hành, 34.335 chức việc, 2.656.312 tín đồ (chiếm khoảng 60% dân số toàn tỉnh).

⁴ Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê: Diện tích 3.102 ha, chiếm tỷ lệ lớn nhất trong diện tích đất chưa sử dụng (99,79%), tập trung nhiều nhất ở xã Xuân Hòa, xã An Viễn, xã Bình An, phường Biên Hòa, xã Cẩm Mỹ, xã Trảng Bom, xã Phước An,...

- Đất bằng chưa sử dụng: Diện tích rất nhỏ trong tổng diện tích đất chưa sử dụng của toàn tỉnh (0,02%) là 0,5 ha, phân bố tại địa bàn xã Đồng Phú và xã Lộc Ninh.

- Đất đồi núi chưa sử dụng: Diện tích 06 ha, chiếm 0,19% tổng diện tích đất chưa sử dụng của toàn tỉnh, phân bố tại địa bàn xã Phú Hòa, xã Định Quán, xã Xuân Đông và xã Phú Vinh

- Núi đá không có rừng cây: Diện tích rất nhỏ trong tổng diện tích đất chưa sử dụng của toàn tỉnh (0,004%) là 0,1 ha ở xã Đak Lua.

Dân số toàn tỉnh đến năm 2025 là 4.491.408 người, tăng 300,3 nghìn người, tương ứng 7,2% so với năm 2021 (năm 2021 đạt 4.193,4 nghìn người), trong đó dân số nữ là 2.232,9 nghìn người, tăng 7,96%. Quy mô tổng dân số Đồng Nai hiện chiếm khoảng 4,43% dân số cả nước và là tỉnh có dân số thứ 5 cả nước. Bình quân giai đoạn 2021-2025 tăng 1,4%, chia ra: thành thị tăng 1,9%; nông thôn tăng 1,1%.

Cơ cấu lao động có sự chuyển dịch mạnh, giảm dần tỷ trọng khu vực nông nghiệp và công nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng khu vực dịch vụ. Khu vực công nghiệp đang có quy mô lao động lớn nhất trong nền kinh tế, cụ thể năm 2025, tỷ trọng cơ cấu lao động của các khu vực lần lượt là: Nông, lâm nghiệp và thủy sản 18,6%; Công nghiệp - xây dựng 46,6% và dịch vụ 34,8%.

Quy mô lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên tăng từ 2.357.460 người năm 2021 lên 2.503.667 người vào năm 2025. Như vậy, sau 5 năm, thị trường lao động địa phương đã được bổ sung thêm 146.207 người, bình quân mỗi năm tăng thêm khoảng 36.500 người với tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ có xu hướng tăng trong giai đoạn 2021- 2025, tạo nền tảng nguồn lực quan trọng để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Cơ cấu lao động có sự chuyển dịch mạnh, giảm dần tỷ trọng khu vực nông nghiệp và công nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng khu vực dịch vụ. Khu vực công nghiệp đang có quy mô lao động lớn nhất trong nền kinh tế, cụ thể năm 2025, tỷ trọng cơ cấu lao động của các khu vực lần lượt là: Nông, lâm nghiệp và thủy sản 18,6%; Công nghiệp - xây dựng 46,6% và dịch vụ 34,8%.

4. Tình hình phát triển kinh tế

4.1. Các chỉ tiêu chung

4.1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Giai đoạn 2021-2025, nền kinh tế thế giới, khu vực và cả nước trong đó có Đồng Nai chịu ảnh hưởng tác động nặng nề của đại dịch Covid -19, tác động của cuộc xung đột tại Ukraine và sự cạnh tranh giữa các nước lớn, áp lực lạm phát, tỷ giá, chi phí sản xuất kinh doanh gia tăng; nhu cầu các thị trường xuất khẩu truyền thống thu hẹp; thu hút đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài và đăng ký thành lập mới doanh nghiệp giảm so với giai đoạn trước; tiến độ giải ngân vốn đầu tư công chậm. Những yếu tố trên đã tác động mạnh mẽ đến tăng trưởng, phát triển kinh tế của tỉnh, dự ước tổng sản phẩm quốc nội (GRDP) trên địa bàn tỉnh bình quân giai đoạn 2021-2025 (theo giá so sánh 2010) tăng khoảng 6,59%; riêng năm 2025 tăng 9,63% so với năm 2024.

Mức tăng trưởng GRDP 9,63% năm 2025 là mức tăng trưởng vô cùng ấn tượng. Đây đồng thời là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây của Đồng Nai, thể hiện rõ sự phục hồi mạnh mẽ và bứt phá của nền kinh tế sau giai đoạn khó khăn, khẳng định hiệu quả của công tác chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân.

Kết quả tăng trưởng năm 2025 của các ngành, lĩnh vực chủ yếu tiếp tục tăng trưởng tốt, trong đó lĩnh vực công nghiệp – xây dựng tăng trưởng 11,52%, (riêng công nghiệp tăng trưởng 10,42%); lĩnh vực dịch vụ tăng trưởng 9,39% và lĩnh vực nông, lâm, thủy sản tăng trưởng 3,22%.

4.1.2. Cơ cấu kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2025 của tỉnh đạt 677.932 tỷ đồng, tương đương 27.030 triệu USD, với quy mô kinh tế này, Đồng Nai là một trong những tỉnh có đóng góp lớn vào ngân sách và tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của cả nước, khẳng định vị thế là một cực tăng trưởng quan trọng trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Tỉnh đã huy động và sử dụng khá hiệu quả các nguồn lực lao động, vốn và khoa học công nghệ cho tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là việc huy động nguồn vốn đầu tư từ khu vực đầu tư nước ngoài, nguồn vốn này luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội, kể đến là việc áp dụng rộng rãi khoa học công nghệ vào sản xuất góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh các ngành sản xuất có trình độ công nghệ cao, tạo ra giá trị gia tăng lớn và có khả năng cạnh tranh cao. Cơ cấu kinh tế ngành chuyển dịch mạnh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản, cụ thể: năm 2020, cơ cấu GRDP trong nông lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp và xây dựng, dịch vụ và thuế sản phẩm là 13,16% - 54,94% - 24,33% - 7,56%. Đến năm 2025, cơ cấu GRDP của các khu vực lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp và xây dựng, dịch vụ, thuế sản phẩm lần lượt là 12,13%; 54,97%; 26,42%; 6,48%.

Năm 2020, tổng sản phẩm bình quân đầu người (GRDP/người) của tỉnh (theo giá hiện hành) đạt 4.689 USD. Đến năm 2025, tổng sản phẩm bình quân đầu người (GRDP/người) dự kiến đạt khoảng triệu đồng/người, tương đương 6.015 USD, tăng gần 1,45 lần so với năm 2020.

4.1.3. Thu nhập bình quân đầu người

Thu nhập bình quân đầu người của Đồng Nai năm 2025 là 86 triệu đồng/người/năm, tương đương 3.430 USD.

4.2. Quy mô phát triển các ngành

4.2.1. Về tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng Đồng Nai giai đoạn 2021-2025 có xu hướng tăng mạnh, năm 2025 đạt 425.128 tỷ đồng, gấp 2,1 lần năm 2021, giai đoạn 2021-2025 đạt 1.535.862 tỷ đồng.

Trong tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của tỉnh, tổng mức bán lẻ hàng hoá chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm 67,79-77,62% tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng toàn tỉnh (giai đoạn 2021-2025) và có mức tăng trưởng ổn định qua các năm. Trong khi đó, doanh thu du lịch mặc dù có tăng nhưng không đáng kể, chiếm tỷ trọng tương đối thấp trong tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng toàn tỉnh, chỉ chiếm khoảng 0,01-0,11%. Qua đây cho thấy hoạt động thương mại bán lẻ vẫn giữ vai trò chính trong cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tuy nhiên lĩnh vực du lịch chưa phát huy hết tiềm năng, doanh thu du lịch hàng năm còn hạn chế.

Giai đoạn 2021-2025, trong cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hoá của Đồng Nai sau sáp nhập, nhóm hàng lương thực, thực phẩm chiếm tỷ trọng lớn nhất, dao động từ 31,57%-34,64%, đạt 32,49% vào năm 2025. Điều này cho thấy nhu cầu tiêu dùng thiết yếu của dân cư tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động bán lẻ. Nhóm xăng dầu là nhóm hàng có tỷ trọng lớn thứ hai và có xu hướng tăng, năm 2025 đạt 18,01%. Nhóm đồ dùng, dụng cụ và trang thiết bị gia đình duy trì tỷ trọng tương đối ổn định trong giai đoạn 2021-2024 và có xu hướng giảm nhẹ vào năm 2025, còn 13,28%, cho thấy đây là nhóm hàng có nhu cầu tiêu dùng tương đối ổn định.

Một số nhóm hàng khác như gỗ và vật liệu xây dựng có xu hướng giảm tỷ trọng, từ 12,49% (năm 2021) xuống còn 11,64% (năm 2025). Các nhóm hàng có giá trị lớn như ô tô các loại và phương tiện đi lại chiếm tỷ trọng nhỏ và xu hướng giảm dần trong giai đoạn 5 năm qua.

Nhìn chung, cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hoá Đồng Nai giai đoạn 2021-2025 vẫn tập trung chủ yếu vào nhóm hàng tiêu dùng thiết yếu và xăng dầu; trong khi đó các nhóm hàng tiêu dùng có giá trị gia tăng cao chiếm tỷ trọng còn thấp.

4.2.2. Thương mại điện tử

Hoạt động thương mại điện tử có bước phát triển tích cực sau sáp nhập tỉnh, với 02 Sàn thương mại điện tử đang vận hành, hỗ trợ gần 160 doanh nghiệp và cơ sở sản xuất, cung cấp hàng trăm sản phẩm OCOP và sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu lên sàn. Tỷ lệ người dân thanh toán không dùng tiền mặt của Đồng Nai đối với các dịch vụ cung cấp điện, nước và mua

sắm trực tuyến ngày càng tăng. Bên cạnh đó, hiện có 100% đơn vị viễn thông chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt; các cơ sở khám, chữa bệnh và bệnh viện cũng đang từng bước ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt; các cửa hàng, đại lý bán lẻ có thực hiện thanh toán đơn hàng thông qua hình thức chuyển khoản, quét mã...; 100% cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh đã tổ chức đưa vào giảng dạy học phần thương mại điện tử và 100% trường học ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt. Điều này cho thấy xu hướng chuyển đổi số trong thương mại ngày càng rõ nét, mở rộng kênh tiêu thụ hàng hóa và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp địa phương.

4.2.3. Xuất nhập khẩu hàng hóa

Mặc dù chịu tác động từ biến động kinh tế – chính trị toàn cầu và ảnh hưởng kéo dài của dịch Covid-19, hoạt động xuất nhập khẩu của tỉnh vẫn duy trì tăng trưởng tích cực. Các doanh nghiệp trên địa bàn đã chủ động đổi mới, tận dụng hiệu quả các cơ hội từ hội nhập kinh tế quốc tế để mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh và từng bước phục hồi hoạt động sản xuất.

Tổng kim ngạch xuất khẩu của Đồng Nai trong 5 năm qua có xu hướng tăng, giai đoạn 2021-2025 đạt 139.919 triệu USD, tăng khoảng 1,4 lần giai đoạn 2016-2020, bình quân tăng 9,35%/năm, đóng góp chủ yếu từ khối FDI (chiếm 75-85%). Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh như dệt may, giày dép, gỗ, điện tử, điều, cao su.... Hiện nay, Đồng Nai đã xuất khẩu hàng hoá qua 182 quốc gia, trong đó các thị trường tiêu thụ chính là Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và EU.

Giai đoạn 2021-2025, tổng kim ngạch nhập khẩu đạt khoảng 99.465 triệu USD, tăng khoảng 1,2 lần giai đoạn 2016-2020; năm 2025 đạt 24.247 triệu USD. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Đồng Nai là nguyên liệu phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu (dệt may, da giày, hoá chất, gỗ mỹ nghệ), máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ các dự án FDI mới và dự án mở rộng sản xuất. Hiện nay, Đồng Nai nhập khẩu hàng hoá từ 145 quốc gia, vùng lãnh thổ; trong đó, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất, tiếp đến là Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản với kim ngạch nhập khẩu hàng năm từ 1-2 tỷ USD.

Nhìn chung, Đồng Nai nằm trong nhóm địa phương xuất siêu hàng đầu cả nước, đóng góp lớn vào cán cân thương mại quốc gia. Giai đoạn 2021-2025, Đồng Nai duy trì tỷ lệ xuất siêu cao, từ 4.330 triệu USD vào năm 2021 và đến năm 2025 xuất siêu tăng lên đến 8.464 triệu USD.

4.2.4. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

Sản xuất công nghiệp phát triển theo đúng định hướng và tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, là động lực cho tăng trưởng kinh tế. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2025 của Đồng Nai ước đạt khoảng 1,65 triệu tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 50,35% GRDP. Tốc độ tăng trưởng năm 2025 đạt 9,63%, cao hơn bình quân cả nước, giữ vững vai trò đầu tàu công nghiệp chế biến - chế tạo của vùng Đông Nam Bộ. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến - chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng chủ lực, chiếm khoảng trên 90% cơ cấu toàn ngành công nghiệp và duy trì mức tăng trưởng cao 10,19% năm 2025. Trên địa bàn tỉnh có 89 khu công nghiệp theo quy hoạch, trong đó 44 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động, đóng góp trên 80% giá trị sản lượng công nghiệp và tạo việc làm cho khoảng 680.000 lao động; 63 cụm công nghiệp được quy hoạch (tổng diện tích 3.701,96 ha); trong đó 12 cụm công nghiệp đi vào hoạt động (tổng diện tích 613,55 ha), hiện có 239 dự án đăng ký trong các cụm công nghiệp (trong đó 150 dự án đã đi vào hoạt động); 11 cụm công nghiệp đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Các chính sách phát triển công nghiệp được quan tâm, Đồng Nai đã thu hút đầu tư của 45 quốc gia và vùng lãnh thổ đến đầu tư tại tỉnh. Lũy kế đến nay có 2.509 dự án trong nước còn hiệu lực với số vốn đăng ký khoảng 602.954,5 tỷ đồng và 2.269 dự án FDI còn hiệu lực với số vốn đăng ký khoảng 44,39 tỷ USD. Một số tập đoàn lớn và các công ty có thương hiệu lớn trên thế giới đã chọn Đồng Nai là điểm đến đầu tư như: Hyosung, Bosch, Schaeffler, Olympus, Coherent, Toshiba, Nestlé, Ajinomoto, C.P, Posco,.. Các dự án đầu tư vào Đồng Nai có ngành nghề đa dạng, có chọn lọc với quy mô và trình độ công nghệ ngày càng được nâng cao, sử dụng ít lao động, ít tác động đến môi trường. Kết quả thu hút đầu tư nêu trên đã khẳng định Đồng Nai là một trong những trung tâm công nghiệp lớn của cả nước và khu vực, giữ vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng công nghiệp và xuất khẩu của Việt Nam.

4.2.5. Nông nghiệp, lâm nghiệp

Sản xuất nông nghiệp phát triển, xây dựng nông thôn mới đạt kết quả vượt bậc. Cơ cấu ngành nông nghiệp chuyển dịch đúng định hướng, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

4.3. Tình hình thu chi ngân sách

Trong giai đoạn 2021-2025, việc quản lý điều hành ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế chịu tác động ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid -19, đồng thời bên cạnh đó việc triển khai thực hiện các chính sách thuế mới để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ người dân, doanh

ng nghiệp, người lao động trên địa bàn tỉnh đã tác động làm giảm đáng kể nguồn thu ngân sách cũng như tạo áp lực lớn cho công tác điều hành thu ngân sách của cả nước nói chung và Đồng Nai nói riêng. Trước tình hình đó, để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương, tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt các ngành các cấp thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng thu ngân sách bền vững, trong đó chú trọng đẩy mạnh khai thác các nguồn thu nội địa, các nguồn thu từ đất; triệt để tiết kiệm chi, đặc biệt là chi sự nghiệp có tính chất đầu tư, hạn chế sử dụng ngân sách cho việc mua sắm mới phương tiện, tài sản công theo quy định.

Giai đoạn 2021- 2025, tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đạt gần 407 nghìn tỷ đồng, chiếm 14,61% GRDP giai đoạn 2021-2025; trong đó: Thu nội địa trên 298 nghìn tỷ đồng, chiếm 73% tổng thu ngân sách; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt khoảng 108 nghìn tỷ đồng. Thu ngân sách đạt được kết quả trên do sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan đơn vị liên quan trong việc triển khai đồng bộ các giải pháp về thu ngân sách trên địa bàn một cách hiệu quả như: rà soát, khai thác các nguồn thu; quản lý và khai thác tốt các khoản thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân trong hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng vốn góp phần làm tăng thu cho ngân sách; công tác tuyên truyền, hỗ trợ và phổ biến kịp thời các chính sách đến các đối tượng nộp thuế và người dân trên địa bàn; đặc biệt công tác cải cách quản lý thuế tạo thuận lợi cho người dân nộp thuế (tỷ lệ nộp hồ sơ khai thuế thông qua phương thức điện tử đạt 99% so với tổng lượt hồ sơ khai thuế đã nộp).

Tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 219,3 nghìn tỷ đồng, trong đó: Chi đầu tư phát triển trên 100 nghìn tỷ đồng, chiếm 44% so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương; chi thường xuyên khoảng 121,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 56% so với tổng chi ngân sách địa phương.

Tỉnh đã bảo đảm đầy đủ nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách năm 2025, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội, quốc phòng – an ninh và quản lý nhà nước; đồng thời bảo đảm chi trả lương, lương hưu, trợ cấp xã hội, chăm lo các đối tượng chính sách; bố trí nguồn cho phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, sắp xếp tổ chức bộ máy, triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; chi trả kịp thời các chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ, cũng như tổ chức các hoạt động kỷ niệm, thăm hỏi, tặng quà nhân dân nhân.

5. Tình hình phát triển văn hóa - xã hội

5.1. Giáo dục và đào tạo; giáo dục nghề nghiệp

Giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh thời gian qua tiếp tục có bước phát triển mạnh mẽ, toàn diện cả về quy mô, chất lượng, cơ cấu và hiệu quả, từng bước khẳng định vai trò là một trong những trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực, phục vụ trực tiếp cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của địa phương.

5.1.1. Về quy mô

Hệ thống mạng lưới cơ sở giáo dục và giáo dục nghề nghiệp được quy hoạch, sắp xếp theo hướng đồng bộ, liên thông, phù hợp với phân bố dân cư và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Toàn tỉnh hiện có 1.401 cơ sở giáo dục và đào tạo, trong đó 1.348 cơ sở mầm non và phổ thông, 44 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 9 cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu đại học. Quy mô người học tiếp tục duy trì ở mức cao, với khoảng 1,061 triệu học sinh mầm non, phổ thông; hằng năm tuyển mới gần 19 nghìn sinh viên trình độ đại học và trên 56 nghìn học viên giáo dục nghề nghiệp. Điều này thể hiện rõ vai trò của tỉnh là một trong những trung tâm đào tạo nguồn nhân lực lớn của khu vực.

Quy mô lớp học cơ bản được kiểm soát theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục; tỷ lệ học sinh/lớp ở các cấp học nhìn chung tiệm cận mức tối đa cho phép, phản ánh áp lực dân số cơ học lớn nhưng đồng thời cũng cho thấy nỗ lực của địa phương trong việc đảm bảo điều kiện học tập cho người dân.

5.1.2. Về chất lượng

Giáo dục mầm non phát triển theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, chú trọng chăm sóc toàn diện cả về thể chất và tinh thần cho trẻ. 100% cơ sở tổ chức bán trú; các chỉ số về suy dinh dưỡng, thấp còi, thừa cân, béo phì đều được kiểm soát ở mức thấp, phản ánh hiệu quả của công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Giáo dục phổ thông tiếp tục có chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình, tốt nghiệp các cấp duy trì ở mức cao và ổn định; kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025 đạt 98,37%, thuộc nhóm các địa phương có chất lượng giáo dục tốt trong cả nước. Công tác phân luồng, hướng nghiệp từng bước đi vào thực chất, gắn với nhu cầu của thị trường lao động.

Đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, công tác đào tạo ngày càng gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp và nhu cầu thực tiễn của nền kinh tế. Trên 80% học viên, sinh viên sau tốt nghiệp có việc làm hoặc tự tạo việc làm, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ kỹ thuật, công nghiệp chế

biến, dịch vụ và kinh tế. Đây là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

5.1.3. Công tác đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục được triển khai đồng bộ, toàn diện theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học. Giáo dục STEM được triển khai rộng khắp tại 100% trường tiểu học; hoạt động dạy học gắn với thực tiễn, tăng cường trải nghiệm sáng tạo. Việc dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, được chú trọng theo hướng hội nhập, nâng cao năng lực giao tiếp và sử dụng trong thực tế. Tỉnh đã chủ động triển khai thí điểm giảng dạy một số môn khoa học bằng tiếng Anh, tăng cường hợp tác quốc tế, từng bước hình thành môi trường giáo dục song ngữ, tạo nền tảng cho hội nhập sâu rộng.

5.1.4. Hệ thống trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được mở rộng cả về số lượng và chất lượng. Đến hết năm 2025, toàn tỉnh có 785 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 70,66%, cao hơn bình quân chung của cả nước; trong đó có 49 trường đạt chuẩn mức độ 2. Kết quả này thể hiện sự quan tâm đầu tư đồng bộ của tỉnh, đồng thời khẳng định chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa.

5.1.5. Công tác xã hội hóa giáo dục đạt nhiều kết quả nổi bật, trở thành điểm sáng của tỉnh trong huy động nguồn lực ngoài ngân sách. Toàn tỉnh có 243 cơ sở giáo dục ngoài công lập, chiếm 18% tổng số cơ sở giáo dục, cao hơn nhiều so với bình quân chung cả nước. Các mô hình xã hội hóa đa dạng, linh hoạt, trong đó có mô hình doanh nghiệp đầu tư trường học phục vụ con em công nhân, đã góp phần giải quyết nhu cầu học tập trong các khu công nghiệp. Đồng thời, nhiều cơ sở giáo dục chất lượng cao, trường quốc tế được hình thành, cung cấp các chương trình đào tạo tiên tiến, cấp bằng quốc tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân và chuyên gia nước ngoài.

Tỉnh cũng đã thu hút hiệu quả các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước tham gia phát triển giáo dục, từng bước hình thành hệ sinh thái giáo dục đa dạng, hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

5.1.6. Chuyển đổi số trong giáo dục được xác định là khâu đột phá và được triển khai đồng bộ trên toàn ngành. Hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục của tỉnh được xây dựng, kết nối với hệ thống quốc gia, phục vụ hiệu quả công tác quản lý và điều hành. Các ứng dụng như học bạ số, tuyển sinh trực tuyến, quản lý thư viện điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt... được triển khai rộng rãi, góp phần nâng cao tính minh bạch, tiết kiệm chi phí và hiện đại hóa hoạt động giáo dục.

5.1.7. Các điều kiện bảo đảm phát triển giáo dục tiếp tục được quan tâm đầu tư toàn diện. Đội ngũ giáo viên với trên 49 nghìn người cơ bản đáp

ứng yêu cầu về số lượng, từng bước nâng cao về chất lượng; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn đạt 79,1% và tiếp tục được chuẩn hóa theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019. Cơ sở vật chất trường lớp được tăng cường theo hướng kiên cố, hiện đại, với trên 29 nghìn phòng học, trong đó trên 91% là phòng học kiên cố.

Ngân sách dành cho giáo dục được ưu tiên bố trí ở mức cao, năm 2025 chiếm 23% tổng chi ngân sách địa phương, đảm bảo và vượt quy định của Trung ương. Bên cạnh đó, tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách đặc thù nhằm phát triển giáo dục, bao gồm các chính sách hỗ trợ giáo viên, phát triển giáo dục ngoài công lập, ưu đãi đối với trường chuyên, trường dân tộc nội trú..., tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy toàn ngành phát triển.

Về tổng thể, giáo dục và đào tạo của tỉnh đã có bước phát triển vững chắc, toàn diện, từng bước tiệm cận với các chuẩn mực tiên tiến trong khu vực; giữ vai trò then chốt trong nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài. Đây chính là nền tảng quan trọng để tỉnh thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển chung của vùng và cả nước trong giai đoạn tới.

5.2. Y tế và an sinh xã hội

5.2.1. Y tế

Công tác dân số và chăm sóc sức khỏe Nhân dân đạt nhiều kết quả tích cực; chất lượng dân số từng bước được nâng cao, tuổi thọ trung bình đạt 76,7 tuổi. Các chỉ số chăm sóc sức khỏe toàn dân có chuyển biến rõ rệt: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ vắc xin luôn duy trì trên 95%; tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi giảm mạnh (theo cân nặng từ 9,3% năm 2020 xuống dưới 6% năm 2025; theo chiều cao từ 22,5% xuống dưới 16%). Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi giảm từ 7,95‰ năm 2020 xuống còn 6‰ năm 2025; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi giảm từ 14‰ xuống còn 12‰, thấp hơn mức trung bình chung của cả nước.

Y tế dự phòng tiếp tục được chú trọng, ngân sách chi cho y tế dự phòng hàng năm đạt trên 30% tổng chi y tế. Công tác phòng, chống dịch bệnh được triển khai chủ động, hiệu quả; nhiều dịch bệnh nguy hiểm được kiểm soát, đặc biệt là dịch Covid-19. Các chương trình mục tiêu y tế được triển khai đồng bộ; tỷ lệ mắc và tử vong của nhiều bệnh truyền nhiễm nguy hiểm giảm; công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, nước sạch và phòng chống bệnh nghề nghiệp được tăng cường.

Chất lượng khám, chữa bệnh tiếp tục được nâng cao; nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật cao được triển khai tại các bệnh viện, như can thiệp tim mạch,

phẫu thuật nội soi, hỗ trợ sinh sản, sàng lọc trước sinh và sau sinh, ghép giác mạc, PET/CT trong điều trị ung thư. Một số bệnh viện đạt chứng nhận quốc tế về điều trị đột quỵ. Các giải pháp giảm quá tải bệnh viện được thực hiện hiệu quả; hệ thống y tế công lập giữ vai trò chủ đạo, kết hợp với khu vực y tế tư nhân, từng bước nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ y tế.

Chuyên đổi số trong lĩnh vực y tế được đẩy mạnh, triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, tra cứu bảo hiểm y tế bằng căn cước công dân, đặt lịch khám trực tuyến... góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và tạo thuận lợi cho người dân.

Hệ thống y tế cơ sở tiếp tục được củng cố và phát triển; đến năm 2025 có 77,4% xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế; 100% trạm y tế có bác sĩ làm việc; 90,5% trạm y tế đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế. Nguồn nhân lực y tế được quan tâm đào tạo, phát triển, đạt 10 bác sĩ, 4,6 dược sĩ và 16,5 điều dưỡng/vạn dân, thuộc nhóm cao của cả nước và đứng thứ hai khu vực Đông Nam Bộ.

Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95% dân số. Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị y tế tiếp tục được đầu tư nâng cấp; hệ thống y tế phát triển cả về quy mô và chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Toàn tỉnh hiện có hệ thống bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế được đầu tư đồng bộ; khu vực y tế ngoài công lập phát triển mạnh. Tổng số giường bệnh đạt hơn 13,4 nghìn giường, tương đương 30 giường bệnh/vạn dân, đứng thứ hai khu vực Nam Bộ.

5.2.2. An sinh xã hội

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả hoạt động chăm lo các đối tượng là người có công, bảo trợ xã hội được quan tâm. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được triển khai hiệu quả; đảm bảo người nghèo được tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản. Đến cuối năm 2025 tỉnh Đồng Nai đã hoàn thành chương trình mục tiêu xóa nhà tạm, nhà dột nát với 2.005 căn nhà. Chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với người lao động được quan tâm, tạo môi trường thu hút lao động chất lượng cao từ ngoài tỉnh đến làm việc, sinh sống. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đạt 95%. Việc đầu tư, nâng cấp các công trình, dự án nước sạch được tập trung thực hiện. Đã thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

- Công tác bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh tiếp tục được triển khai đồng bộ, hiệu quả, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo đời sống cho các

đối tượng yếu thế. Việc tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện tốt; các hoạt động phục hồi chức năng, hỗ trợ sinh hoạt, tạo điều kiện cho đối tượng đủ điều kiện trở về gia đình, hòa nhập cộng đồng được quan tâm thực hiện. Toàn tỉnh hiện có gần 141,9 nghìn đối tượng bảo trợ xã hội và hưu trí xã hội hưởng trợ cấp thường xuyên.

Giai đoạn 2021–2025, tổng kinh phí thực hiện chính sách trợ cấp bảo trợ xã hội và hưu trí xã hội đạt hơn 3.834 tỷ đồng, bảo đảm chi trả đầy đủ, kịp thời. Việc chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt được đẩy mạnh, đến cuối năm 2025 đạt 90,4%. Các chính sách trợ giúp đột xuất, hỗ trợ mai táng phí cho đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện kịp thời, góp phần ổn định đời sống nhân dân.

Hiện nay, toàn tỉnh có 21 cơ sở trợ giúp xã hội, gồm 02 cơ sở công lập đang chăm sóc 415 đối tượng và 19 cơ sở ngoài công lập chăm sóc 1.373 đối tượng, đáp ứng nhu cầu chăm sóc, trợ giúp các nhóm đối tượng yếu thế trên địa bàn tỉnh.

5.3. Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

5.3.1. Lĩnh vực văn hóa

Đồng Nai là địa phương có truyền thống lịch sử lâu đời, hơn 325 năm hình thành và phát triển, gắn liền với tiến trình mở cõi phương Nam của dân tộc. Trên địa bàn hiện có cộng đồng 47 dân tộc cùng sinh sống, tạo nên sự đa dạng về bản sắc văn hóa. Công tác xây dựng và phát triển văn hóa được triển khai đồng bộ, chú trọng bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Toàn tỉnh hiện có 121 di tích được xếp hạng, gồm 06 di tích quốc gia đặc biệt, 42 di tích quốc gia và 73 di tích cấp tỉnh, cùng gần 1.500 di tích đã kiểm kê. Các di tích tiêu biểu như Văn miếu Trấn Biên, Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, Chiến khu Đ, Tà Thiết, Sóc Bombo, ... là những địa chỉ văn hóa – lịch sử quan trọng của vùng Đông Nam Bộ.

Đồng Nai duy trì hơn 100 lễ hội truyền thống hằng năm, phản ánh đời sống tín ngưỡng phong phú của nhiều cộng đồng dân cư. Trong giai đoạn 2020–2025, tỉnh đã bố trí hơn 161 tỷ đồng cho công tác trùng tu, tôn tạo di tích. Hệ thống thiết chế văn hóa được đầu tư với 09 thiết chế cấp tỉnh, 257 trung tâm văn hóa – thể thao cấp xã, 1.693 nhà văn hóa – khu thể thao ấp, khu phố và 14 nhà văn hóa dân tộc. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đạt kết quả tích cực, với trên 90% khu dân cư và trên 95% hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa. Nhìn chung, lĩnh vực văn hóa phát triển toàn diện, vừa bảo tồn giá trị truyền thống, vừa nâng cao đời sống tinh thần nhân dân.

5.3.2. Lĩnh vực thông tin (báo chí, truyền thông)

Hoạt động thông tin, báo chí và truyền thông của tỉnh phát triển ổn định, đáp ứng yêu cầu tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, kinh tế – xã hội. Đồng Nai hiện có đầy đủ các loại hình báo chí: báo in, báo điện tử, phát thanh và truyền hình. Báo điện tử Đồng Nai duy trì hoạt động thường xuyên; hệ thống phát thanh phát sóng khoảng 18 giờ/ngày; truyền hình Đồng Nai vận hành 03 kênh (ĐNRTV1, ĐNRTV2, ĐNRTV3) trên nhiều nền tảng (vệ tinh, truyền hình số, Internet, OTT).

Hệ thống thông tin cơ sở được củng cố với 100% xã, phường có đài truyền thanh, trong đó 53 địa phương ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông với 1.823 cụm loa thông minh; đồng thời, 100% cơ quan hành chính nhà nước và xã, phường có cổng hoặc trang thông tin điện tử, tích cực sử dụng nền tảng số và mạng xã hội để cung cấp thông tin. Hoạt động in ấn và xuất bản phát triển với 108 doanh nghiệp in, trong đó 31 cơ sở in xuất bản phẩm. Mạng lưới phát hành sách được mở rộng, nhiều chương trình sách lưu động phục vụ vùng sâu, vùng xa. Lĩnh vực thông tin đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy chuyển đổi số và tạo sự đồng thuận xã hội.

5.3.3. Lĩnh vực thể dục thể thao

Phong trào thể dục thể thao phát triển mạnh mẽ, tỷ lệ người dân tham gia tập luyện thường xuyên đạt khoảng 42% dân số, tỷ lệ hộ gia đình thể thao đạt 29%. 100% trường học thực hiện chương trình giáo dục thể chất chính khóa.

Cơ sở vật chất thể thao được đầu tư với 97,9% xã, phường có trung tâm văn hóa – thể thao, 95,9% khu dân cư có nhà văn hóa, cùng hàng trăm công trình thể thao và gần 900 dụng cụ thể thao ngoài trời. Công tác xã hội hóa thể thao được đẩy mạnh với nhiều sân bóng đá, hồ bơi, sân tập luyện.

Thể thao thành tích cao đạt kết quả nổi bật: Giai đoạn 2021–2025 giành hơn 4.000 huy chương, trong đó có 904 huy chương vàng quốc gia và 137 huy chương vàng quốc tế. Công tác đào tạo vận động viên được chú trọng với 817 vận động viên tại Trung tâm Huấn luyện và 303 vận động viên tại trường năng khiếu, trong đó 307 vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia. Thành tích này khẳng định vị thế của Đồng Nai trong hệ thống thể thao quốc gia.

5.3.4. Lĩnh vực du lịch

Du lịch Đồng Nai có bước phát triển tích cực, từng bước trở thành ngành kinh tế dịch vụ quan trọng. Tỉnh đã huy động hơn 4.000 tỷ đồng vốn đầu tư từ doanh nghiệp để phát triển hạ tầng và các khu, điểm du lịch. Hiện

có 31 khu, điểm du lịch, 224 cơ sở lưu trú với khoảng 5.800 phòng, trong đó 39 cơ sở đạt tiêu chuẩn từ 1 đến 5 sao.

Các điểm du lịch tiêu biểu: Vườn quốc gia Cát Tiên, Khu Bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai, Suối Mơ, núi Chứa Chan, Chiến khu Đ, Sơn Tiên, Sóc Bombo, Tà Thiết,... thu hút đông đảo du khách. Giai đoạn 2020–2025, lượng khách du lịch tăng trưởng bình quân 22,5%/năm, doanh thu tăng khoảng 33,9%/năm. Năm 2025, tỉnh đón khoảng 5,2 triệu lượt khách, trong đó có hơn 5,06 triệu khách nội địa và 137 nghìn khách quốc tế.

Ngành du lịch tạo việc làm cho khoảng 6.000 lao động trực tiếp và hơn 10.000 lao động gián tiếp, đồng thời thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, làng nghề. Du lịch góp phần bảo tồn giá trị văn hóa – lịch sử, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và quảng bá hình ảnh địa phương. Trong bối cảnh hạ tầng giao thông ngày càng hoàn thiện, đặc biệt với dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành, du lịch Đồng Nai có tiềm năng bứt phá mạnh mẽ.

Các lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể dục thể thao và du lịch của tỉnh Đồng Nai đã đạt nhiều thành tựu quan trọng, phát triển theo hướng toàn diện và bền vững. Việc kết hợp giữa bảo tồn giá trị truyền thống với hiện đại hóa, chuyển đổi số đã góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, đồng thời tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội. Đây là nền tảng để Đồng Nai tiếp tục phát triển, hướng tới mục tiêu trở thành đô thị hiện đại, văn minh trong thời gian tới.

6. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

6.1. Giao thông

Trong cấu trúc phát triển của vùng Đông Nam Bộ, Đồng Nai giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống giao thông quốc gia. Với vị trí tiếp giáp trực tiếp với Thành phố Hồ Chí Minh, nằm trên các hành lang giao thông kết nối vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và các hành lang kinh tế quốc tế, Đồng Nai được xác định là một trong những đầu mối giao thông chiến lược của khu vực phía Nam.

Trong những năm qua, cùng với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa nhanh, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông của tỉnh đã được đầu tư mạnh mẽ, từng bước hình thành mạng lưới giao thông đa phương thức bao gồm đường bộ, đường sắt, đường thủy và hàng không. Trên địa bàn tỉnh hiện có khoảng 596 km quốc lộ và hơn 1.098 km đường tỉnh, kết nối các trung tâm đô thị, khu công nghiệp và các vùng kinh tế trong tỉnh với các địa phương trong khu vực. Hệ thống giao thông này đã góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển

công nghiệp, thương mại, dịch vụ logistics và mở rộng không gian đô thị của tỉnh.

6.1.1. Về hạ tầng giao thông đối ngoại và liên kết vùng

Đồng Nai là một trong những địa phương có mạng lưới giao thông liên vùng phát triển mạnh của cả nước. Trên địa bàn tỉnh đã hình thành các trục giao thông quan trọng như Quốc lộ 1, Quốc lộ 20, Quốc lộ 51, Quốc lộ 56, Quốc lộ 13 và Quốc lộ 14, đóng vai trò kết nối Đồng Nai với Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và khu vực cửa khẩu quốc tế Hoa Lư.

Đặc biệt, mạng lưới đường cao tốc liên vùng đang từng bước được hoàn thiện, tạo thành các hành lang phát triển kinh tế quan trọng của khu vực phía Nam. Các tuyến cao tốc như Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây, Phan Thiết – Dầu Giây, Biên Hòa – Vũng Tàu, Bến Lức – Long Thành, Gia Nghĩa – Chơn Thành, Thành phố Hồ Chí Minh – Thủ Dầu Một – Chơn Thành và Dầu Giây – Liên Khương đang hình thành mạng lưới giao thông tốc độ cao kết nối Đồng Nai với các trung tâm kinh tế lớn, các cảng biển quốc tế và các vùng kinh tế động lực của cả nước.

Bên cạnh đó, các tuyến Vành đai 3 và Vành đai 4 của vùng Thành phố Hồ Chí Minh đang được triển khai xây dựng theo tiêu chuẩn đường cao tốc, tạo điều kiện tăng cường liên kết giữa các đô thị, khu công nghiệp và các trung tâm logistics của toàn vùng.

Đặc biệt, Cảng hàng không quốc tế Long Thành là công trình trọng điểm quốc gia, được quy hoạch với diện tích khoảng 5.000 ha, công suất thiết kế 100 triệu hành khách và 5 triệu tấn hàng hóa mỗi năm. Khi hoàn thành, sân bay Long Thành được định hướng trở thành trung tâm trung chuyển hàng không quốc tế của khu vực Đông Nam Á và là động lực phát triển quan trọng đối với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Sự hình thành của sân bay Long Thành đang thúc đẩy mạnh mẽ quá trình phát triển các ngành logistics, thương mại quốc tế, dịch vụ tài chính và công nghiệp công nghệ cao của tỉnh.

6.1.2. Về hệ thống giao thông nội tỉnh

Sau khi hợp nhất với tỉnh Bình Phước, mạng lưới giao thông nội tỉnh của Đồng Nai có quy mô lớn, kết nối toàn bộ không gian phát triển từ khu vực đô thị phía Nam đến khu vực cửa khẩu quốc tế Hoa Lư.

Hệ thống đường tỉnh dài hơn 1.098 km đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối các khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch và các vùng sản xuất nông nghiệp. Nhiều tuyến giao thông trọng điểm đang được đầu tư nhằm tăng cường kết nối với sân bay Long Thành và các khu công nghiệp lớn của

tỉnh, tiêu biểu như các tuyến ĐT.25B, ĐT.25C, ĐT.769, ĐT.770B, ĐT.773 và ĐT.769E.

Ngoài ra, các dự án cầu kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh như cầu Cát Lái, cầu Phú Mỹ 2 và cầu Đồng Nai 2 đang được nghiên cứu triển khai, góp phần mở rộng không gian phát triển đô thị và tăng cường liên kết kinh tế giữa Đồng Nai với trung tâm vùng.

6.1.3. Về hạ tầng đường sắt

Tuyến đường sắt Bắc – Nam đi qua địa bàn tỉnh với chiều dài khoảng 87 km, đóng vai trò quan trọng trong vận tải hành khách và hàng hóa.

Trong thời gian tới, mạng lưới đường sắt của tỉnh sẽ tiếp tục được phát triển với nhiều tuyến quan trọng như đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam, tuyến Biên Hòa – Vũng Tàu, tuyến Biên Hòa – Lộc Ninh và tuyến Chơn Thành – Đăk Nông, qua đó tăng cường khả năng vận chuyển hàng hóa giữa các khu công nghiệp của Đồng Nai với hệ thống cảng biển và cửa khẩu quốc tế.

Bên cạnh đó, các tuyến đường sắt đô thị và metro đang được nghiên cứu triển khai, đặc biệt là tuyến metro kéo dài từ Suối Tiên đến trung tâm hành chính tỉnh Đồng Nai và Cảng hàng không quốc tế Long Thành, góp phần hình thành hệ thống giao thông công cộng khối lượng lớn kết nối trực tiếp giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các trung tâm kinh tế của tỉnh.

6.1.4. Về hạ tầng giao thông đường thủy và logistics

Đồng Nai có hệ thống sông ngòi thuận lợi cho phát triển giao thông đường thủy nội địa với các tuyến sông chính như sông Đồng Nai, sông Thị Vải, sông La Ngà và sông Cái. Trên địa bàn tỉnh hiện có 90 km luồng hàng hải, 73 km luồng đường thủy nội địa quốc gia, 154 km luồng đường thủy nội địa cấp tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho vận tải hàng hóa và kết nối với hệ thống cảng biển của vùng Đông Nam Bộ.

Theo quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam, cảng biển Đồng Nai thuộc nhóm cảng biển số 4 và là cảng biển loại I trong hệ thống cảng biển quốc gia, với các khu bến quan trọng như Phước An, Gò Dầu, Phước Thái, Nhơn Trạch và Long Bình Tân. Hệ thống cảng này đóng vai trò quan trọng trong hoạt động xuất nhập khẩu của khu vực và hỗ trợ phát triển công nghiệp, logistics của tỉnh.

Song song với đó, tỉnh cũng đang định hướng phát triển mạng lưới cảng cạn (ICD) và các trung tâm logistics đa phương thức, kết nối hiệu quả giữa đường bộ, đường sắt, cảng biển và sân bay Long Thành.

6.2. Các công trình xây dựng công cộng

- Về tín ngưỡng: Toàn tỉnh hiện có 863 cơ sở tín ngưỡng, trong đó đa số được xây dựng trước năm 2000. Hệ thống chùa, đền, đình, miếu có 10 cơ sở được xếp hạng di tích cấp quốc gia và 33 cơ sở được xếp hạng di tích cấp tỉnh.

- Về tôn giáo: Có 24 tổ chức thuộc 10 tôn giáo đang hoạt động hợp pháp với 2.179 cơ sở, quản lý hơn 2,6 triệu tín đồ (chiếm khoảng 60% dân số). Bên cạnh đó, địa bàn còn ghi nhận 18 nhóm Tin Lành chưa được công nhận và 14 hiện tượng tôn giáo mới.

- Về hoạt động tham quan: Bảo tàng Đồng Nai và các cụm di tích lịch sử trọng điểm trung bình hàng năm đón 230.953 lượt khách đến tham quan, dâng hương, tìm hiểu và học tập.

- Về giáo dục:

+ Giáo dục phổ thông (Năm học 2025-2026): Mạng lưới bao gồm 539 trường mầm non; 404 trường tiểu học; 296 trường THCS và 107 trường THPT. Trong đó, có 03 trường THPT chuyên và 10 trường phổ thông dân tộc nội trú.

+ Giáo dục đại học và nghề nghiệp: Có 06 trường đại học (tỷ lệ công lập và ngoài công lập là 50/50). Mạng lưới giáo dục nghề nghiệp có 75 cơ sở, bao gồm 11 trường cao đẳng, 07 trường trung cấp và các trung tâm giáo dục nghề nghiệp khác.

- Về văn hóa cơ sở:

+ Cấp tỉnh: Hệ thống bao gồm Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh, Bảo tàng công lập, Nhà hát nghệ thuật, 21 công trình tượng đài, 10 nhà bia và Thư viện Đồng Nai (hợp nhất từ 2 tỉnh cũ, với cơ sở 2 lưu trữ hơn 140.000 bản sách, tài liệu).

+ Cấp cơ sở: Thiết chế văn hóa cấp huyện đã chuyển giao cho cấp xã/phường quản lý. Hiện có 93/95 xã/phường thành lập Trung tâm Dịch vụ tổng hợp (đạt 97,89%). Đối với cấp thôn/ấp, có 1.707/1.775 cơ sở có Nhà văn hóa (tuy nhiên 20,3% chưa đạt chuẩn do thiếu quỹ đất).

- Về thể dục thể thao:

+ Công trình công lập: Toàn tỉnh có 05 công trình trọng điểm đủ tiêu chuẩn quốc gia và 29 công trình cấp tỉnh (sân vận động, nhà thi đấu, hồ bơi). Cấp cơ sở có 95 trung tâm cấp xã và 1.703 khu thể thao ấp/khu phố.

+ Công trình xã hội hóa: Mạng lưới ngoài công lập phát triển mạnh với hơn 4.000 công trình (bao gồm 204 hồ bơi, 170 sân Pickleball, 610 sân bóng đá nhân tạo).

Sự phân bố hạ tầng thể thao chưa đồng đều, chủ yếu tập trung tại khu vực đô thị và Nam Đồng Nai. Một số công trình hiện đã xuống cấp.

- Về Y tế:

+ Quy mô và Phân bố: Hệ thống y tế bao phủ rộng khắp với 8 bệnh viện/viện tuyến Trung ương, 3 bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, 3 bệnh viện khu vực, 5 bệnh viện chuyên khoa, cùng 22 trung tâm y tế và 95 trạm y tế cấp xã. Khối tư nhân đóng góp 12 bệnh viện và hàng trăm phòng khám. Tuy nhiên, 06 bệnh viện tuyến tỉnh hiện đang tập trung cục bộ tại vùng Biên Hòa cũ.

+ Năng lực tiếp nhận: Toàn tỉnh có 13.470 giường bệnh (đạt 30 giường/vạn dân, quy mô lớn thứ 2 Nam Bộ). Dù công suất sử dụng chung duy trì trên 70%, một số bệnh viện công lập tuyến tỉnh đang trong tình trạng quá tải với công suất trên 90%.

6.3. Cấp điện, chiếu sáng công cộng

Trong những năm gần đây, hệ thống chiếu sáng đô thị đang được quan tâm đầu tư, nâng cấp, ngầm hóa hệ thống cấp điện; các đèn chiếu sáng đã được chuyển đổi từ các loại đèn truyền thống sang các công nghệ chiếu sáng tiết kiệm năng lượng hơn như đèn LED, hướng tới hiện đại hóa và tiết kiệm năng lượng, đồng thời bảo đảm các hoạt động của đô thị được diễn ra an toàn, bảo đảm trật tự an ninh đô thị, đáp ứng yêu cầu thẩm mỹ, làm đẹp cảnh quan môi trường và góp phần định vị bản sắc riêng cho các đô thị.

Các tuyến đường đô thị đầu tư mới đều đảm bảo hệ thống chiếu sáng đầy đủ, hiện đại và hầu hết được kết nối đồng bộ với Trung tâm điều khiển cho phép việc quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng được linh hoạt theo khung giờ và nhu cầu của từng tuyến đường, báo hiệu kịp thời nếu có sự cố xảy ra trên lưới, giúp thuận lợi trong quá trình quản lý vận hành, kiểm soát và khắc phục sự cố.

Tuy nhiên, hệ thống chiếu sáng đô thị chủ yếu được đầu tư cùng các dự án đường giao thông, công trình công cộng và các dự án đầu tư có công năng phụ vụ hỗn hợp (dự án phát triển nhà ở, trung tâm thương mại dịch vụ, chợ...); bên cạnh đó trên các tuyến đường đô thị hiện hữu vẫn còn khá nhiều tuyến cấp điện, hệ thống chiếu sáng đi nổi, chưa được ngầm hóa do chi phí hạ tầng cao; các tuyến đường hẻm và các tuyến đường nhỏ hiện hữu chủ yếu được đầu tư lắp đặt bằng nguồn vốn xã hội hóa, vận động nhân dân tự nguyện lắp đặt nên chưa đảm bảo được tiêu chí chiếu sáng công cộng theo hướng xanh, hiệu quả và bền vững.

6.4. Cấp nước sinh hoạt

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có khoảng 20 đơn vị cấp nước sinh hoạt và khu công nghiệp; trong đó, lĩnh vực cấp nước đô thị phần lớn được cung cấp bởi các đơn vị: Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai; Công ty

Cổ phần cấp nước Gia Tân; Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới; Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước; Công ty cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương...

Hệ thống cấp nước hiện hữu tại các đô thị của tỉnh Đồng Nai đã cơ bản đáp ứng về công suất, áp lực, lưu lượng và chất lượng nguồn nước cho người dân sử dụng, cũng như phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; với trên 30 nhà máy cấp nước, cung cấp trên 700.000m³/ngày đêm; trong đó, nhiều công trình quy mô lớn đóng vai trò cấp nước chủ lực cho các đô thị và khu công nghiệp, tiêu biểu như Nhà máy nước Thiện Tân công suất 200.000 m³/ngày, nhà máy nước Nhơn Trạch công suất 100.000 m³/ngày, Hệ thống cấp nước Hồ Cầu Mới công suất 90.000 m³/ngày, các nhà máy nước Gia Tân, Long Bình, Biên Hòa, Đồng Xoài, Chơn Thành với công suất từ 30.000 m³/ngày trở lên, cùng với các hệ thống công trình cấp nước nhỏ lẻ khác và mạng lưới tuyến ống truyền tải được phân phối đến từng đô thị, được đầu tư đầy đủ theo các trục đường chính, hình thành mạng lưới tương đối hoàn chỉnh, bảo đảm cung cấp nước cho các đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư tập trung với công suất phục vụ đáp ứng nhu cầu sử dụng đến năm 2030. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung của tỉnh hiện nay ước đạt khoảng 79%.

Bên cạnh những kết quả đạt được thì lĩnh vực cấp nước sạch sinh hoạt vẫn còn một số hạn chế nhất định như: Một số khu vực đô thị ít dân và các tuyến đường hẻm chưa được đầu tư đầy đủ hệ thống tuyến ống phân phối và một số khu vực mới phát triển lên đô thị gần đây thì người dân vẫn quen sử dụng nguồn nước từ giếng khoan, giếng đào nên tỷ lệ đầu nối sử dụng nước sạch chưa cao nên Đồng Nai đang tiếp tục xây dựng kế hoạch cấp nước đô thị cụ thể để bổ sung, nâng cấp, mở rộng thêm các công trình cấp nước và mạng lưới tuyến ống đến các khu vực chưa được phủ kín, phục vụ nhu cầu đầu nối sử dụng nước sạch giai đoạn 2026-2030 và những năm tiếp theo.

6.5. Bưu chính, viễn thông

6.5.1. Về bưu chính

- Trong những năm qua, hạ tầng bưu chính chuyển dịch nhanh chóng, các dịch vụ bưu chính chuyển dần từ dịch vụ truyền thống sang dịch vụ chuyển phát hàng cho thương mại điện tử và hỗ trợ các dịch vụ công. Hạ tầng bưu chính phát triển rộng khắp từ thành thị đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

- Đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện có hơn 30 doanh nghiệp bưu chính trong đó có 07 doanh nghiệp bưu chính nội tỉnh đang hoạt động. Trong đó, có 537 điểm phục vụ bưu chính. Bán kính phục vụ bình quân đạt 2,8 km/điểm, số dân phục vụ bình quân đạt 7.360 người/điểm.

- Tỷ lệ xã có điểm phục vụ bưu chính đạt 100%.

6.5.2. Về viễn thông

- Hạ tầng mạng băng rộng cố định (Cáp quang – Fiber to the Home – FTTH)

+ Đồng Nai đã hoàn thành việc chuyển đổi sang mạng cáp quang và đạt mức độ phủ sóng rất cao, tạo nền tảng vững chắc cho Internet tốc độ cao. Hạ tầng viễn thông cố định băng thông rộng cáp quang đã được thiết lập đến 100% các ấp, tổ dân phố thuộc các xã, phường trên địa bàn tỉnh, đủ năng lực đáp ứng nhu cầu kết nối internet băng thông rộng, tốc độ cao tới các ấp, khu phố, trường học, bệnh viện, trung tâm cộng đồng trên toàn tỉnh.

+ Tỷ lệ phủ sóng: Gần 100% các xã, phường và hầu hết các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh đã được phủ sóng mạng cáp quang (FTTH).

+ Tốc độ: Tốc độ truy cập Internet trung bình của người dân và doanh nghiệp được cải thiện liên tục, đáp ứng nhu cầu học tập, làm việc và giải trí chất lượng cao. Các công nghệ tiên tiến như XGS-PON cũng đang được các nhà mạng triển khai.

+ Mức độ thâm nhập: Tỷ lệ người dân/doanh nghiệp sử dụng dịch vụ băng rộng cố định đạt mức cao, phản ánh sự phát triển của Kinh tế số và Xã hội số.

- Hạ tầng Mạng Di động

+ Hạ tầng di động ở Đồng Nai đã đạt mức độ phủ sóng rộng rãi, đồng thời đi tiên phong trong việc triển khai công nghệ mới. Trên toàn tỉnh có khoảng 7.200 trạm thu phát sóng thông tin di động 3G/4G/5G, phủ sóng đến các khu dân cư, thôn/khu phố của các xã, phường góp phần đảm bảo thông tin liên lạc cho các cấp chính quyền địa phương phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu người dân.

+ Mạng 4G: Phạm vi phủ sóng 4G đạt mức độ gần như 100% diện tích dân cư và các Khu công nghiệp. Chất lượng mạng 4G được duy trì ổn định, là nền tảng chính cho truy cập Internet di động.

+ Mạng 5G: Hiện nay tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đã phủ sóng 84,1% dân số trên địa bàn tỉnh, việc triển khai 5G tập trung vào việc phục vụ các ứng dụng công nghiệp thông minh, sản xuất tự động và phát triển các dịch vụ công nghệ cao.

- Hạ tầng Viễn thông phục vụ Chính quyền số:

+ Hệ thống hạ tầng viễn thông chuyên dùng được đầu tư để đảm bảo tính bảo mật và liên thông cho các cơ quan nhà nước. Các nền tảng số/phần

mềm dùng chung của cơ quan nhà nước đều được vận hành tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh và trên nền tảng điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp, bảo đảm an toàn thông tin; đã triển khai hệ thống chữ ký số đến 100% các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc các sở, ban, ngành, xã, phường trong tỉnh.

+ Mạng truyền số liệu chuyên dùng: Đã hoàn thiện kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng từ cấp tỉnh (các Sở, Ban, Ngành) đến cấp xã, đảm bảo triển khai vận hành các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh. Đến nay, 100% cơ quan Đảng và Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đã kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng.

+ Hệ thống Hội nghị truyền hình: Hệ thống hội nghị truyền hình được sử dụng rộng rãi, giúp tiết kiệm chi phí, thời gian đi lại và nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành từ tỉnh xuống cơ sở.

- Hạ tầng Viễn thông phục vụ Khu công nghiệp:

+ Đồng Nai có số lượng Khu công nghiệp lớn, do đó hạ tầng viễn thông tại đây được ưu tiên đầu tư vượt trội.

+ Sẵn sàng kết nối IoT: Hạ tầng mạng tại các Khu công nghiệp được thiết kế để hỗ trợ các ứng dụng IoT (Internet of Things), sản xuất thông minh và tự động hóa quy trình.

+ Kết nối quốc tế: Các Khu công nghiệp được đảm bảo chất lượng đường truyền Internet tốc độ cao và ổn định để phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu dữ liệu, kết nối với chuỗi cung ứng toàn cầu của các doanh nghiệp FDI.

6.6. Công viên cây xanh

Đồng Nai đang chú trọng đầu tư phát triển hệ thống công viên, cây xanh theo hướng hiện đại, bền vững, gắn liền với quy hoạch tổng thể và nâng cao chất lượng sống cho người dân; hầu hết các đô thị của Đồng Nai đều có công viên. Trong thời gian gần đây, tỉnh Đồng Nai đã có nhiều kế hoạch, chương trình, chỉ thị, quy định để phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống công viên, cây xanh.

Theo số liệu thống kê, tổng diện tích các công viên, vườn hoa, quảng trường... tại các đô thị trên toàn tỉnh Đồng Nai (trước khi hợp nhất) có khoảng: 13.359.863 m², tỷ lệ cây xanh công viên trên đầu người là 7,65 m²/người. Một số đô thị có tỷ lệ cây xanh cao như Long Khánh (11,59 m²/người) và Long Giao (10,17 m²/người).

Tuy nhiên, số lượng và quy mô các công viên chưa đáp ứng được nhu cầu cần thiết của người dân; cây cảnh tại các đô thị phân bố chưa đồng đều,

một số đô thị có mật độ cây xanh còn thấp như đô thị Hiệp Phước cũ (0,98 m²/người); đô thị Tân Phú cũ (1,06 m²/người).

Hiện nay, tỉnh Đồng Nai đang tiếp tục rà soát, tính toán các công viên kết hợp bãi đỗ xe phù hợp với nhu cầu của từng địa phương để có kế hoạch, lộ trình đầu tư cụ thể từng giai đoạn, đáp ứng nhu cầu của nhân dân địa phương và khu vực lân cận.

6.7. Thoát nước, thu gom chất thải rắn, vệ sinh môi trường và nghĩa trang

6.7.1. Về thoát nước

Hệ thống thoát nước đô thị trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã từng bước được đầu tư thông qua các dự án giao thông, khu đô thị và khu công nghiệp. Nhiều tuyến cống thoát nước và hệ thống tiêu thoát nước đã được xây dựng, góp phần cải thiện khả năng thoát nước đô thị.

Tại khu vực Bình Phước trước khi sáp nhập, hệ thống thoát nước đô thị đã được đầu tư với tổng chiều dài khoảng 800 km cống và tuyến thoát nước. Tại khu vực Đồng Nai trước đây, nhiều dự án cải thiện hệ thống thoát nước và chống ngập đã được triển khai, góp phần giảm mạnh số điểm ngập trên địa bàn.

Trong bối cảnh tốc độ đô thị hóa và phát triển công nghiệp diễn ra nhanh chóng, đặc biệt tại các khu vực Biên Hòa, Nhơn Trạch, Trảng Bom và Long Thành, nhu cầu đầu tư hệ thống thoát nước đồng bộ và quy mô lớn đang ngày càng gia tăng. Do đó, nhiều dự án thoát nước và chống ngập đang tiếp tục được nghiên cứu và triển khai nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng thoát nước đô thị của tỉnh.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung đô thị trên địa bàn tỉnh đang trong quá trình đầu tư và mở rộng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và bảo vệ môi trường. Hiện nay, một số nhà máy xử lý nước thải đô thị đã được đưa vào vận hành, tiêu biểu như Nhà máy xử lý nước thải thành phố Đồng Xoài công suất khoảng 10.000 m³/ngày đêm, nhà máy xử lý nước thải Long Bình công suất khoảng 3.000 m³/ngày đêm, nhà máy xử lý nước thải tại thị xã Phước Long... Bên cạnh đó, nhiều dự án xử lý nước thải đô thị quy mô lớn đang được triển khai và đang thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư tại các đô thị trọng điểm như Biên Hòa, Long Khánh, Nhơn Trạch, Trảng Bom và Long Thành. Các dự án này khi hoàn thành sẽ góp phần nâng cao đáng kể tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải đô thị, từng bước đáp ứng các mục tiêu của Chiến lược phát triển thoát nước đô thị quốc gia.

Các khu công nghiệp đều được đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung, với trên 40 nhà máy xử lý nước thải công nghiệp đang vận hành. Tổng công suất xử lý nước thải tại các khu công nghiệp đạt hàng trăm nghìn m³/ngày đêm, góp phần kiểm soát ô nhiễm môi trường và bảo đảm phát triển công nghiệp xanh, hiện đại, bền vững.

Các khu vực đô thị mới hình thành đều được đầu tư đầy đủ, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước và xử lý nước thải, đảm bảo quy chuẩn hiện hành; đối với các đô thị hiện hữu đã hình thành từ lâu đang từng bước được đầu tư bổ sung hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

6.7.2. Về thu gom chất thải rắn, vệ sinh môi trường

Hệ thống xử lý chất thải rắn gồm 09 khu xử lý tập trung, trong đó có các khu quy mô lớn như Quang Trung (130 ha), Bàu Cạn (104 ha) và Vĩnh Tân (81 ha); cơ sở xử lý chất thải rắn thành phố Đồng Xoài với công suất khoảng 100 tấn/ngày. Hệ thống xử lý chất thải đang từng bước chuyển đổi theo hướng tăng cường tái chế, giảm chôn lấp, phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế tuần hoàn và đô thị xanh.

6.7.3. Về nghĩa trang

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 19 khu nghĩa trang tập trung với quy mô khác nhau, trong đó một số nghĩa trang có quy mô lớn như nghĩa trang công viên Vĩnh Hằng (212 ha), nghĩa trang Long Đức (79 ha), nghĩa trang Long Khánh (70 ha). Bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh còn khoảng 526 ha nghĩa trang nhỏ lẻ phân bố tại nhiều địa phương.

Đồng Nai đang chuyển dịch mạnh mẽ từ mô hình nghĩa trang truyền thống, phân tán sang các công viên nghĩa trang hiện đại, quy mô lớn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về dịch vụ mai táng nhân văn và đảm bảo cảnh quan, môi trường. Việc phát triển các công viên nghĩa trang hiện đại không chỉ giải quyết nhu cầu mai táng mà còn góp phần tạo nên cảnh quan đô thị văn minh, thân thiện với môi trường. Đa số các nghĩa trang được đầu tư theo quy hoạch, đáp ứng quy mô, chất lượng phục vụ nhu cầu mai táng của nhân dân, các nghĩa trang theo quy hoạch đã lồng ghép các nhà hỏa táng để phục vụ nhu cầu thiết yếu của nhân dân, vừa góp phần bảo vệ môi trường, vừa tiết kiệm quỹ đất và giảm chi phí dịch vụ. Đồng Nai đang quyết tâm, từng bước chuyển đổi mô hình nghĩa trang truyền thống sang mô hình nghĩa trang công viên và cơ sở hỏa táng hiện đại, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất và bảo đảm vệ sinh môi trường.

Tuy nhiên, công tác quản lý và di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ, tự phát vẫn là một vấn đề khó khăn, lâu dài. Trong thời gian tới Đồng Nai sẽ tiếp tục

quản lý có hiệu quả, đảm bảo quy mô, chất lượng, môi trường, giá chuyển nhượng phần mộ và các dịch vụ nghĩa trang, đồng thời xác định cụ thể lộ trình di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ, tự phát.

Hiện nay, Đồng Nai đang tổ chức điều chỉnh quy định quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh để phân công, phân cấp cụ thể trong việc quản lý, đầu tư xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng được đồng bộ, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

6.8. Nhà ở

Theo kết quả tổng hợp, hiện trạng nhà ở đến năm 2025 trên địa bàn toàn tỉnh có 1.225.723 căn nhà, tổng diện tích nhà ở là 122.700.657 m² sàn, diện tích nhà ở bình quân đầu người là 27,3 m²/người, tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố đạt 99,5%, tỷ lệ nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ giảm còn 0,5%, trong đó:

- Khu vực đô thị có 529.981 căn nhà, tổng diện tích nhà ở là 52.924.834 m² sàn, diện tích nhà ở bình quân đầu người là 28,0 m²/người, tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố đạt 99,8%, tỷ lệ nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ giảm còn 0,2%,;

- Khu vực nông thôn có 695.742 căn nhà, tổng diện tích nhà ở là 69.775.822 m² sàn, diện tích nhà ở bình quân đầu người là 26,8 m²/người, tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố đạt 98,6 %, tỷ lệ nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ giảm còn 1,4%.

*** Hiện trạng các loại hình nhà ở phát triển theo dự án**

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 370 dự án nhà ở thương mại, tổng quy mô thực hiện khoảng 13.331 ha, dự kiến khi hoàn thành sẽ có cung ứng cho thị trường khoảng 395 nghìn căn nhà, tương ứng khoảng 52 triệu m² sàn. Cụ thể như sau: Tại khu vực tỉnh Đồng Nai (cũ) có 254 dự án nhà ở thương mại đang triển khai, tổng quy mô khoảng 9.669 ha, số lượng nhà dự kiến hoàn thành khoảng 280 nghìn căn nhà, tương ứng khoảng 37,6 triệu m² sàn; Tại khu vực tỉnh Bình Phước (cũ) 116 dự án nhà ở thương mại đang triển khai, tổng quy mô khoảng 3.662 ha, số lượng nhà dự kiến hoàn thành khoảng 115.000 căn nhà, tương ứng khoảng 14,4 triệu m² sàn.

- Trên địa bàn tỉnh có 73 dự án nhà ở xã hội đang triển khai, tổng quy mô thực hiện khoảng 332,87 ha, dự kiến khi hoàn thành sẽ có cung ứng cho thị trường khoảng 69.883 căn nhà, tương ứng khoảng 3,8 triệu m² sàn, cụ thể như sau: Có 68 dự án nhà ở xã hội chung cho các nhóm đối tượng đã hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 và hiện nay đang triển khai, tổng quy mô thực hiện khoảng 306,35 ha, dự kiến khi hoàn thành sẽ có cung ứng cho thị

trường khoảng 64.672 căn nhà, tương ứng khoảng 3,5 triệu m² sàn; Có 04 dự án nhà ở xã hội cho công nhân đang triển khai, tổng quy mô thực hiện khoảng 23,77 ha, dự kiến khi hoàn thành sẽ có cung ứng cho thị trường khoảng 4.753 căn nhà, tương ứng khoảng 270.167 m² sàn; có 01 dự án nhà lưu trú công nhân đang triển khai là dự án “Khu nhà ở công nhân Công ty TNHH HaoHua (Việt Nam)” tại Khu công nghiệp Minh Hưng Sikico, dự án có quy mô 438 căn, diện tích sàn khoảng 21.900 m², đáp ứng được cho 1.800 công nhân thuê ở.

* Hiện trạng nhà ở theo chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công về nhà ở

- Công tác hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng: Thực hiện Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ và tỷ lệ phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỷ lệ đối ứng vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương giai đoạn 2023 - 2025, hiện nay trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (sau sáp nhập) đã hoàn thành việc hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ. Theo đó, tổng số nhà ở của người có công với cách mạng đã được hỗ trợ xây mới, sửa chữa là 168 căn nhà (37 căn xây mới, 131 căn sửa chữa).

- Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát: Thực hiện Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 19/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch triển khai Phong trào thi đua Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước năm 2025. Tổng số nhà ở đã được hỗ trợ xây mới, sửa chữa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (sau khi sáp nhập) là 1.230 căn nhà với tổng số kinh phí đã thực hiện là 111.187,14 triệu đồng.

* Hiện trạng nhà ở của cá nhân tự xây dựng

Nhà ở do dân tự xây dựng chiếm chủ yếu trong tổng số nhà ở hiện hữu và xây mới trên địa bàn tỉnh. Trong 05 năm từ 2020-2024, diện tích nhà ở do dân tự xây toàn tỉnh hoàn thành khoảng 13,5 triệu m² sàn nhà ở, nhà ở được phát triển dọc theo các trục đường giao thông, được xây dựng từ 1-4 tầng, chủ yếu là nhà ở có chất lượng kiên cố.

7. Tình hình quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội

7.1. Về quốc phòng

Đồng Nai có vị trí chiến lược về kinh tế, chính trị-xã hội, văn hóa và Quốc phòng-An ninh (QPAN) trọng điểm phía Nam của đất nước, là cửa ngõ giao thông huyết mạch, kết nối giao thương với các tỉnh, thành phố theo các trục lộ chính như: Quốc lộ 1A, 13, 14, 20, 51, 56, cao tốc Long Thành - Dầu

Giây, cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết, cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, cao tốc Dầu Giây - Đà Lạt, cao tốc Gia Nghĩa - Chơn Thành... nối liền các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên đi TP.HCM và đồng bằng Sông Cửu long. Có cửa khẩu thông thương với Campuchia (04 Cửa Khẩu: 01 cửa khẩu quốc tế (Hoa Lư), Lộc Thịnh, Hoàng Diệu, Tân Tiến và 01 lối mở (Tuần Lung), đi kèm 04 cửa khẩu là 04 Trạm kiểm soát) tạo nhiều cơ hội để phát triển thương mại, du lịch và xuất khẩu.

Trên địa bàn tỉnh có 12 hang động, tập trung chủ yếu ở các địa bàn Tân Phú 03, Xuân Lộc 03, Long Khánh 01, Trảng Bom 01, Định Quán 01, nằm trong quần thể vườn quốc gia Bù Gia Mập 03.

Tỉnh đã hoàn thành việc phân giới cắm mốc với 03 tỉnh đối diện Campuchia, gồm có 28 cột mốc chính tại 19 vị trí cột mốc, từ mốc 61 đến mốc 79; trong đó có 01 mốc 3: mốc 73 (1,2,3); 08 vị trí mốc đôi: 61(1,2), 62(1,2), 65(1,2), 66(1,2), 74(1,2), 78(1,2), 79(1,2) (mốc 79(1) do tỉnh Tây Ninh quản lý) và 10 vị trí mốc đơn: 63, 64, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 75, 76. Ngày 23/6/2018 hoàn thành công tác phân giới cắm mốc 353 mốc phụ tại 81 vị trí, từ mốc phụ 60/9 giáp tỉnh Đắk Nông đến mốc phụ 78/6, gồm 34 vị trí mốc đơn, 122 vị trí mốc đôi = 224 mốc, 25 vị trí mốc ba = 75 mốc.

Đồng Nai là tỉnh có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh trong thế trận khu vực phòng thủ của Quân khu 7, là tuyến phòng thủ quan trọng bảo vệ hướng Đông của thành phố Hồ Chí Minh, vừa là bàn đạp cơ động lực lượng, đồng thời là trung tâm liên kết các tỉnh Nam Tây nguyên và các tỉnh Đông Nam bộ, những yếu tố trên tạo nên vị thế đặc biệt của Đồng nai trong việc xây dựng củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân góp phần bảo vệ vững chắc khu vực Đông Nam Bộ trong mọi tình huống, là cửa ngõ kết nối với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam bộ với Tây Nguyên, cửa ngõ giao thương với nước bạn Campuchia.

Từ tháng 01/07/2025, thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Đồng Nai đã sát nhập với tỉnh Bình Phước và giữ tên là tỉnh Đồng Nai, Trung tâm hành chính đặt tại Phường Trảng Biên (phường Thanh Bình, Tp.Biên Hòa cũ). Toàn tỉnh sau sát nhập có 95 đơn vị hành chính cấp xã, phường. Gồm: 72 xã và 23 phường (Trong đó, có 55 xã, phường thuộc tỉnh Đồng Nai cũ và 40 xã, phường thuộc tỉnh Bình Phước cũ), với tổng: 452 khu phố; 1.320 ấp, 16 đồn biên phòng và 59 đơn vị của Bộ Quốc phòng, 23 đơn vị của Quân khu đứng chân trên địa bàn tỉnh.

Sau sát nhập Bộ CHQS tỉnh đã tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh điều chỉnh quy hoạch thế trận phòng thủ, căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, phân

căn cứ hậu cần - kỹ thuật, công trình chiến đấu trên địa bàn tỉnh, phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

7.2. An ninh, trật tự và an toàn xã hội

Từ năm 2023 đến nay, tình hình ANTT trên địa bàn được giữ vững; đã bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu trọng điểm, Đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội, lễ hội; an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh biên giới, an ninh xã hội, an ninh dân tộc, tôn giáo, an ninh mạng tiếp tục được bảo đảm; không để xảy ra bị động, bất ngờ, bạo loạn, khủng bố, phá hoại, hình thành các tổ chức chính trị đối lập, không để hình thành “điểm nóng” phức tạp kéo dài liên quan ANTT. Lực lượng Công an đã chủ động tham mưu cấp ủy, chính quyền chủ động xử lý nhiều vấn đề phát sinh từ cơ sở; tăng cường tấn công, trấn áp các loại tội phạm; đồng thời nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về ANTT, TTATGT, PCCC và CNCH. Theo đánh giá của Bộ Công an, năm 2024 Đồng Nai là một trong 10 địa phương kéo giảm tội phạm về trật tự xã hội nhiều nhất cả nước.

Từ năm 2023 đến nay, trung bình mỗi năm, toàn tỉnh phát hiện khoảng 2.800 vụ phạm tội về TTXH, bắt xử lý khoảng 4.800 đối tượng, đồng thời có chiều hướng giảm trong những năm gần đây⁵. Các kết quả này cho thấy năng lực kiểm soát tình hình, công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm có nhiều chuyển biến tích cực, là nền tảng quan trọng để phục vụ nhiệm vụ xây dựng Đề án thành lập thành phố Đồng Nai trong điều kiện địa bàn mở rộng và ngày càng phức tạp hơn. Công tác đấu tranh với tội phạm về ma túy đạt được nhiều kết quả rất tích cực, đã triệt xóa nhiều đường dây tội phạm ma túy hoạt động liên tỉnh, xuyên quốc gia với quy mô lớn; nhiều tụ điểm tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy “núp bóng” cơ sở đầu tư kinh doanh ngành nghề có điều kiện⁶.

Công tác quản lý hành chính về TTXH đã tạo chuyển biến tích cực phục vụ quản trị xã hội, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; đảm bảo ANTT tại cơ sở; ứng dụng triệt để tiện ích của Đề án số 06 tạo nền tảng

⁵ Năm 2023, tội phạm về TTXH trên địa bàn phát hiện 3.657 vụ, bắt 5.698 đối tượng; năm 2024, tội phạm về TTXH phát hiện 2.855 vụ, bắt 5.137 đối tượng, giảm 820 vụ (22,31%) so với năm 2023; năm 2025, phát hiện 1.978 vụ, bắt 3.548 đối tượng, giảm 877 vụ (30,72%) so với năm 2024 (số liệu so sánh với cả 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ)); Quý I/2026, tội phạm về TTXH phát hiện 480 vụ (giảm 125 vụ (-20,66%) so với cùng kỳ năm 2025), bắt xử lý 911 đối tượng, hầu hết các loại tội phạm đều giảm, trong đó các tội nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng giảm sâu, như: Giết người (-47,06%), Cố ý gây thương tích (-13,16%), Cướp tài sản (-25%), Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (-18%), Trộm cắp tài sản (-31,58%), Hủy hoại tài sản (-63,64%), Đánh bạc (-35,9%)...

⁶ Trong năm 2023, đã phát hiện 1.260 vụ, bắt xử lý 2.847 đối tượng mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy; năm 2024, đã phát hiện 1.289 vụ, bắt xử lý 2.755 đối tượng (nhiều hơn 19 vụ so với năm 2023); năm 2025, đã phát hiện 1.184 vụ, bắt xử lý 2.173 đối tượng mua bán, tàng trữ, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (ít hơn 105 vụ, 582 đối tượng so với năm 2024); Quý I/2026, phát hiện 312 vụ, bắt xử lý 632 đối tượng (ít hơn 25,18% số vụ, 15,85% số đối tượng so với Quý I/2025).

cho quản trị xã hội hiện đại, cải cách hành chính và phục vụ Nhân dân tốt hơn. Công tác bảo đảm TTATGT được triển khai quyết liệt, tai nạn giao thông được kiểm giảm cả 3 tiêu chí⁷; không để xảy ra TNGT đặc biệt nghiêm trọng. Công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được triển khai đồng bộ, đảm bảo yêu cầu phòng cháy, không để xảy ra cháy lớn gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng⁸.

Tuy nhiên, thực trạng ANTT trên địa bàn tỉnh cũng cho thấy nhiều áp lực lớn. Đó là địa bàn rộng, dân số đông, biến động dân cư cơ học mạnh, số lượng lao động nhập cư và lực lượng làm việc trong các khu công nghiệp rất lớn; nhiều công trình, dự án trọng điểm đang triển khai đồng thời phát sinh nhiều vấn đề liên quan đến tranh chấp, khiếu kiện⁹; khu vực biên giới, dân tộc, tôn giáo có những yếu tố đặc thù; không gian mạng phát triển nhanh; trong khi đó yêu cầu quản trị ANTT ngày càng chuyển từ mô hình quản lý hành chính truyền thống sang quản trị đô thị số, dự báo sớm, chỉ huy tích hợp, điều hành theo dữ liệu thời gian thực.

8. Hiện trạng tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị

8.1. Tổng số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao (tạm giao năm 2026): 13460 biên chế (trong đó cấp tỉnh 3326 biên chế, cấp xã 10134 biên chế), cụ thể:

- Khối Đảng: 2278 biên chế (trong đó cấp tỉnh 334 biên chế, cấp xã 1944 biên chế)
- Khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: 1277 biên chế (trong đó cấp tỉnh 182 biên chế, cấp xã 1095 biên chế)
- Khối Chính quyền: 9.905 biên chế (trong đó cấp tỉnh 2810 biên chế, cấp xã 7095 biên chế)

⁷ Năm 2023, xảy ra 1.027 vụ, làm chết 795 người, bị thương 480 người; năm 2024, xảy ra 1.061 vụ, làm chết 751 người, bị thương 524 người (tăng 34 vụ, giảm 44 người chết, tăng 44 người bị thương so với năm 2023); năm 2025, xảy ra 932 vụ, làm chết 669 người, bị thương 400 người (giảm 131 vụ, 90 người chết, 118 người bị thương so với năm 2024); Quý I/2026, xảy ra 244 vụ tai nạn giao thông, làm chết 168 người, bị thương 107 người (tăng 46 vụ (244/198), tăng 20 người chết (168/148), tăng 19 người bị thương 107/88 so với cùng kỳ năm 2025).

⁸ Năm 2023, xảy ra 128 vụ cháy, làm chết 02 người, bị thương 02 người; năm 2024, xảy ra 96 vụ cháy, làm chết 05 người, bị thương 10 người (giảm 32 vụ; tăng 04 người chết, tăng 08 người bị thương so với năm 2023); năm 2025, xảy ra 78 vụ cháy, làm chết 02 người, bị thương 09 người (giảm 18 vụ; giảm 03 người chết, giảm 01 người bị thương so với năm 2024); Quý I/2026, xảy ra 27 vụ, làm chết 04 người, bị thương 01 người (giảm 02 vụ, tăng 03 người chết, tăng 01 người bị thương so với cùng kỳ năm 2025).

⁹ Hiện nay, trên địa bàn tỉnh còn 22 vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp về ANTT (04 vụ liên quan đồng bào DTTS, 05 vụ liên quan tôn giáo), 169 đối tượng đầu đơn khiếu kiện.

8.2. Tổng số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước hiện có: 11540 biên chế (trong đó cấp tỉnh 2936 biên chế, cấp xã 8604 biên chế), cụ thể:

- Khối Đảng: 2278 biên chế (trong đó cấp tỉnh 334 biên chế, cấp xã 1944 biên chế)

- Khối Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: 1277 biên chế (trong đó cấp tỉnh 182 biên chế, cấp xã 1095 biên chế)

- Khối Chính quyền: 7985 biên chế (trong đó cấp tỉnh 2420 biên chế, cấp xã 5565 biên chế)

8.3. Số lượng thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh: 20 người

8.4. Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

- Cấp tỉnh: 85 người.

- Cấp xã: 2211 người.

III. ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT CÁC ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. Điều kiện thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương

1.1. Tỉnh Đồng Nai có diện tích tự nhiên là 12.737,18 km²; quy mô dân số là 4.491.408 người; có 95 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: Dự kiến 33 phường, 62 xã.

1.2. Địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai: Phía Tây và Tây Nam giáp Thành phố Hồ Chí Minh; phía Tây Bắc giáp tỉnh Tây Ninh; phía Đông giáp tỉnh Lâm Đồng; phía Bắc giáp Vương quốc Campuchia.

2. Đánh giá các tiêu chuẩn thành lập thành phố trực thuộc Trung ương

2.1. Quy mô dân số

- Quy định: Tối thiểu 2.500.000 người.

- Dân số của Đồng Nai đến nay là 4.491.408 người,

- Đánh giá: **Vượt.**

2.2. Diện tích tự nhiên

- Quy định: Diện tích tự nhiên từ 2.500 km² trở lên;

- Hiện trạng: Tỉnh Đồng Nai hiện có 12.737,18 km² diện tích tự nhiên (đạt 509,5% tiêu chuẩn);

- Đánh giá: **Vượt.**

2.3. Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã

- Quy định: Từ 30% trở lên;

- Hiện trạng: Tỉnh Đồng Nai hiện có 95 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 23 phường, 72 xã; trong đó:

Qua rà soát có ít nhất 10 xã đủ điều kiện thành lập phường theo quy định tại Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đây là những xã trọng điểm phát triển kinh tế xã hội và an ninh, quốc phòng và được thành lập trên cơ sở sáp nhập từ các xã và các thị trấn cũ, theo quy định chuyển tiếp tại khoản 3 Điều 15 Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị thì phạm vi các thị trấn cũ được xác định là đô thị loại III. Hiện nay, tỉnh đã xây dựng Đề án thành lập 10 phường để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (trình song song với Đề án thành lập thành phố Đồng Nai).

Do đó, sau khi chuyển các xã trên thành phường thì tổng số phường trên địa bàn tỉnh là 33/95, đạt tỷ lệ 34,73%. *(Bảng đánh giá, đối chiếu tiêu chí của 10 phường đính kèm)*

2.4. Tỷ lệ đô thị hóa từ 45% trở lên

2.4.1. Quy định: Từ 45% trở lên;

2.4.2. Hiện trạng: Tỉnh Đồng Nai có quy mô dân số là 4.491.408 người, trong đó quy mô dân số đô thị 33 phường (bao gồm 10 xã nâng cấp lên phường theo báo cáo tại mục 2.3 nêu trên) là 2.559.636 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt 56,99%.

2.4.3. Đánh giá: **Đạt.**

2.5. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp cấp quốc gia hoặc cấp vùng về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng hoặc cả nước.

2.5.1. Hiện trạng

Theo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội; Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 891/QĐ-TTg 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023, Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định 779/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, định hướng xây dựng, phát triển Đồng Nai là một tỉnh trọng điểm trong khu vực Nam Bộ và cả nước, có khu vực biên giới, lấy cảng hàng không quốc tế Long Thành, hành lang ven sông Đồng Nai làm động lực mới cho phát triển đột phá. Thu hút đầu tư có chọn lọc, có trọng tâm, trọng điểm, hướng tới các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sinh thái, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sinh học; đổi mới sáng tạo; nông nghiệp công nghệ cao; dịch vụ tổng hợp, trọng tâm là giáo dục - đào tạo, y tế, logistics, du lịch.

Theo đó, thành phố Đồng Nai sau khi được thành lập là cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam bộ, Nam bộ và cả nước theo mô hình phát triển “thủ phủ công nghiệp¹⁰, đô thị hiện đại, trung tâm logistics và nông nghiệp công nghệ cao”, gắn kết hạ tầng, không gian xanh, sinh thái, bảo vệ môi trường với kết cấu hạ tầng hiện đại, dịch vụ công nghệ cao, ứng dụng công nghệ để nâng cao chất lượng quản lý và cuộc sống người dân.

2.5.2. Đánh giá: **Đạt.**

2.6. Có khu vực đã được công nhận là đô thị loại I trở lên hoặc đạt tiêu chí của đô thị loại I trở lên

2.6.1. Tiêu chí về vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

(1) Tiêu chuẩn 1.I.01: Đã triển khai đầu tư, xây dựng một trong các khu chức năng hoặc thuộc khu chức năng có vai trò cấp quốc gia, quốc tế

Trên địa bàn tỉnh có Cảng hàng không quốc tế Long Thành là công trình trọng điểm quốc gia, được quy hoạch với diện tích khoảng 5.000 ha, công suất thiết kế 100 triệu hành khách và 5 triệu tấn hàng hóa mỗi năm. Theo chỉ đạo của Chính phủ, giai đoạn 1 dự án đang được tập trung triển khai với mục tiêu hoàn thành và đưa vào khai thác trong tháng 6/2026. Khi hoàn thành, sân bay Long Thành được định hướng trở thành trung tâm trung chuyển hàng không quốc tế của khu vực Đông Nam Á và là động lực phát triển quan trọng đối với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

¹⁰ Hiện nay toàn tỉnh có 89 Khu công nghiệp với 43 Khu công nghiệp đã đi vào hoạt động

Đánh giá: Đạt.

(2) Tiêu chuẩn 1.I.02: Là trung tâm tổ chức ≥ 02 sự kiện quốc tế cấp khu vực trở lên bình quân 03 năm gần nhất

Hiện nay, tỉnh Đồng Nai đang lập và chuẩn bị phê duyệt khu đô thị sân bay Long Thành. Dự kiến trong thời gian tới, khi các hạng mục công trình với quy mô tầm cỡ quốc tế trong khu đô thị sân bay được triển khai đầu tư và đưa vào vận hành sẽ là nơi tổ chức các sự quốc tế cấp khu vực.

Đánh giá: Chưa đạt

(3) Tiêu chuẩn 1.I.03: Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân đầu người trên năm của cả nước trong 03 năm gần nhất.

Giai đoạn 2023-2025, thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Đồng Nai lần lượt là 73,84 - 80,08 - 86 triệu đồng/người/năm; luôn cao hơn so với cả nước giai đoạn 2023-2025 là 59,48 - 64,98 - 71,02 triệu đồng/người/năm.

Đánh giá: Đạt.

(4) Tiêu chuẩn 1.I.04: Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) trong 03 năm gần nhất đạt hoặc vượt tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)

Giai đoạn 2023-2025, tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân hàng năm của tỉnh Đồng Nai là 7,18%; cao hơn tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân hàng năm là 6,84%.

Đánh giá: Đạt.

(5) Tiêu chuẩn 1.I.05: Thu hút đầu tư trong nước hoặc đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu trong cả nước

Năm 2025, thu hút FDI tỉnh Đồng Nai đạt 4.228,8 triệu USD, xếp hạng 4 cả nước, chỉ sau TP. Hồ Chí Minh (7.089,7 triệu USD), Bắc Ninh (5.688,9 triệu USD) và Hà Nội (4.436,5 triệu USD).

Đánh giá: Đạt.

(6) Tiêu chuẩn 1.I.06: Thuộc nhóm các địa phương không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương

Căn cứ dự toán thu - chi ngân sách năm 2026 được Thủ tướng Chính phủ giao, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đạt 100.400.000 triệu đồng; trong đó thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là 52.899.742 triệu đồng. Tổng thu ngân sách địa phương là 58.317.670 triệu đồng, bằng tổng dự toán chi ngân sách địa phương cùng năm. Trong cơ cấu thu ngân sách địa phương không có khoản bổ sung cân đối

từ ngân sách trung ương. Ngân sách địa phương bảo đảm cân đối thu - chi theo dự toán được giao, không phát sinh nhu cầu đề nghị ngân sách trung ương bổ sung cân đối. Tỉnh Đồng Nai thuộc nhóm địa phương tự cân đối ngân sách, không nhận trợ cấp cân đối từ ngân sách Trung ương.

Đánh giá: **Vượt.**

2.6.2. Tiêu chí mức độ đô thị hóa

(1) Tiêu chuẩn 1.II.07: Quy mô dân số đô thị $\geq 2.500.000$ người

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 23 phường, trong đó có: 07 phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II (Biên Hòa, Trảng Bàng, Tam Hiệp, Long Bình, Phước Tân, Tam Phước, Xuân Lập), 16 phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại III (Long Hưng, Trảng Dài, Hố Nai, Tân Triều, Bảo Vinh, Long Khánh, Hàng Gòn, Bình Lộc, Đồng Xoài, Bình Phước, Phước Long, Phước Bình, Bình Long, An Lộc, Minh Hưng, Chơn Thành).

Bên cạnh đó, hiện có 10 xã đủ điều kiện thành lập phường theo quy định tại Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, gồm các xã: Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Xuân Lộc, Tân Phú, Trại An, Dầu Giây, Đồng Phú, Lộc Ninh, Tân Khai. Đây là những xã trọng điểm phát triển kinh tế xã hội và an ninh, quốc phòng và đã được định hướng phát triển thành đơn vị hành chính đô thị (phường) tại điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 27/02/2026. Sau khi thực hiện thủ tục thành lập 10 phường mới trên toàn bộ địa giới hành chính hiện hữu của 10 xã nêu trên thì tổng quy mô dân số đô thị địa bàn tỉnh Đồng Nai là: 2.501.757 người.

Đánh giá: **Vượt.**

(2) Tiêu chuẩn 1.II.08: Tỷ lệ đô thị hóa từ 45%

Sau khi thực hiện thủ tục thành lập 10 phường mới trên toàn bộ địa giới hành chính hiện hữu của 10 xã thì trên địa bàn Đồng Nai có 33/95 phường với dân số đô thị là 2.501.757 người.

Dân số toàn tỉnh Đồng Nai hiện có: 4.836.798 người

Do đó, tỷ lệ đô thị hóa: $2.501.757 / 4.836.798 = 51,72\%$

Đánh giá: **Vượt.**

(3) Tiêu chuẩn 1.II.09: Tổng quy mô dân số các đô thị loại II ≥ 600.000 người

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện có 03 đô thị loại II, gồm: toàn bộ phạm vi của thành phố Biên Hòa cũ, thành phố Long Khánh cũ, thành phố Đồng Xoài cũ.

- Dân số trong phạm vi của thành phố Biên Hòa cũ (Phường Biên Hòa, phường Trấn Biên, phường Tam Hiệp, phường Long Bình, phường Long Hưng, phường Phước Tân, phường Tam Phước, một phần phường Trảng Dài (không bao gồm xã Thiện Tân của huyện Vĩnh Cửu cũ), một phần phường Hố Nai (không bao gồm xã Hố Nai 3 của huyện Trảng Bom cũ), một phần phường Tân Triều (không bao gồm xã Tân Bình, Bình Lợi, Thạnh Phú của huyện Vĩnh Cửu cũ): 1.123.418 người

- Dân số trong phạm vi của thành phố Long Khánh cũ (Phường Bình Lộc (không bao gồm phạm vi xã Xuân Thiện của huyện Thống Nhất cũ), phường Bảo Vinh, phường Xuân Lập, phường Long Khánh, phường Hàng Gòn): 169.840 người

- Dân số trong phạm vi của thành phố Đồng Xoài cũ (phường Đồng Xoài, phường Bình Phước): 153.797 người

Do đó, tổng quy mô dân số các đô thị loại II trên địa bàn tỉnh hiện nay là: $1.123.418 + 169.840 + 153.797 = 1.447.055$ người > 600.000 người.

Đánh giá: **Vượt.**

(4) Tiêu chuẩn 1.II.10: Có 50% số phường trở lên trên tổng số phường đạt trình độ phát triển đô thị loại II

Sau khi thực hiện thủ tục thành lập 10 phường mới trên toàn bộ địa giới hành chính hiện hữu của 10 xã thì trên địa bàn Đồng Nai có 33/95 phường, trong đó có 07 phường đạt trình độ phát triển đô thị loại II.

Tỷ lệ số phường trên tổng số phường đạt trình độ phát triển đô thị loại II: $(7/33) \times 100\% = 21,21\%$

Đánh giá: Chưa đạt.

2.6.3. Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị

(1) Tiêu chuẩn 1.III.11: Có ≥ 02 đầu mối hạ tầng giao thông cấp khu vực và quốc tế, cửa ngõ chính, trung tâm kết nối vùng

* Về hạ tầng giao thông đối ngoại và liên kết vùng

Đồng Nai là một trong những địa phương có mạng lưới giao thông liên vùng phát triển mạnh của cả nước. Trên địa bàn tỉnh đã hình thành các trục giao thông quan trọng như Quốc lộ 1, Quốc lộ 20, Quốc lộ 51, Quốc lộ 56,

Quốc lộ 13 và Quốc lộ 14, đóng vai trò kết nối Đồng Nai với Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và khu vực cửa khẩu quốc tế Hoa Lư.

Mạng lưới đường cao tốc liên vùng đang từng bước được hoàn thiện, tạo thành các hành lang phát triển kinh tế quan trọng của khu vực phía Nam. Các tuyến cao tốc như Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, Phan Thiết - Dầu Giây, Biên Hòa - Vũng Tàu, Bến Lức - Long Thành, Gia Nghĩa - Chơn Thành, Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành và Dầu Giây - Liên Khương đang hình thành mạng lưới giao thông tốc độ cao kết nối Đồng Nai với các trung tâm kinh tế lớn, các cảng biển quốc tế và các vùng kinh tế động lực của cả nước. Bên cạnh đó, các tuyến Vành đai 3 và Vành đai 4 của vùng Thành phố Hồ Chí Minh đang được triển khai xây dựng theo tiêu chuẩn đường cao tốc, tạo điều kiện tăng cường liên kết giữa các đô thị, khu công nghiệp và các trung tâm logistics của toàn vùng.

Đặc biệt, Cảng hàng không quốc tế Long Thành là công trình trọng điểm quốc gia sẽ được đưa vào hoạt động tháng 6/2026.

*** Về hạ tầng đường sắt**

Tuyến đường sắt Bắc - Nam đi qua địa bàn tỉnh với chiều dài khoảng 87 km, đóng vai trò quan trọng trong vận tải hành khách và hàng hóa.

Trong thời gian tới, mạng lưới đường sắt của tỉnh sẽ tiếp tục được phát triển với nhiều tuyến quan trọng như đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam, tuyến Biên Hòa – Vũng Tàu, tuyến Biên Hòa – Lộc Ninh và tuyến Chơn Thành – Đắc Nông, qua đó tăng cường khả năng vận chuyển hàng hóa giữa các khu công nghiệp của Đồng Nai với hệ thống cảng biển và cửa khẩu quốc tế.

*** Về hạ tầng giao thông đường thủy và logistics**

Trên địa bàn Đồng Nai hiện có 90 km luồng hàng hải, 73 km luồng đường thủy nội địa quốc gia, 154 km luồng đường thủy nội địa cấp tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho vận tải hàng hóa và kết nối với hệ thống cảng biển của vùng Đông Nam Bộ. Theo quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam, cảng biển Đồng Nai thuộc nhóm cảng biển số 4 và là cảng biển loại I trong hệ thống cảng biển quốc gia, với các khu bến quan trọng như Phước An, Gò Dầu, Phước Thái, Nhơn Trạch và Long Bình Tân. Hệ thống cảng này đóng vai trò quan trọng trong hoạt động xuất nhập khẩu của khu vực và hỗ trợ phát triển công nghiệp, logistics của tỉnh.

Đánh giá: Đạt.

(2) Tiêu chuẩn 1.III.12: Có giao thông vận tải hành khách công cộng bao phủ 100% đô thị loại II

Hiện nay, các đô thị loại II trên địa bàn tỉnh đều có các tuyến xe buýt phục vụ nhu cầu đi lại cho người dân đô thị. Bên cạnh đó, trên địa bàn các đô thị còn có các phương tiện phục vụ nhu cầu di chuyển của người dân đến các miền trên cả nước như các tuyến xe khách liên tỉnh, tuyến đường sắt Bắc - Nam.

Đánh giá: Đạt.

(3) Tiêu chuẩn 1.III.13: Có ≥ 05 công trình kiến trúc, khu nhà ở, khu đô thị đã được đầu tư xây dựng đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 05 công trình kiến trúc đã được đầu tư xây dựng đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế, cụ thể:

- Trường mầm non Farming Kindergarten tại phường Biên Hòa: đã giành giải nhất Công trình của năm (Building of the year 2015) ở hạng mục Công trình Giáo dục (Educational Architects) trên ArchDaily (Tập chí hàng đầu về kiến trúc trên thế giới) bình chọn; được Viện Kiến trúc Hoàng gia Anh (RIBA) đề cử vào danh sách 30 công trình kiến trúc tiêu biểu trên thế giới của năm 2016

- Trường quốc tế SNA Marianapolis Biên Hòa: Công trình đạt giải Đồng Giải thưởng kiến trúc quốc gia 2022 – 2023, hạng mục Kiến trúc công cộng

- Trụ sở văn phòng CP Việt Nam: Công trình đạt giải Bạc Giải thưởng kiến trúc quốc gia 2024 – 2025.

- Khu văn phòng nhà máy ATAD Đồng Nai: Hội đồng Công trình Xanh Hoa Kỳ (US Green Building Council – USGBC) vào tháng 9.2017, đã chính thức trao 2 chứng nhận công trình xanh cho ATAD Đồng Nai, gồm: Chứng nhận nhà máy đạt chuẩn LEED Gold và chứng nhận khu văn phòng đạt chuẩn LEED PLATINUM. Như vậy, ATAD là doanh nghiệp đầu tiên tại châu Á có công trình nhà máy kết cấu thép đạt chuẩn LEED Gold, và cũng là công ty đầu tiên tại Việt Nam có văn phòng nhà máy được chứng nhận LEED PLATINUM, cấp độ cao nhất của chuẩn LEED.

- Văn miếu Trấn Biên: là công trình kiến trúc tiêu biểu 50 năm thống nhất đất nước; thuộc nhóm 30 địa danh lịch sử tiêu biểu tại Việt Nam. Ngày 02/07/2013, Tổ chức Kỷ lục Việt Nam đã xác lập kỷ lục đến Trung tâm Văn miếu Trấn Biên với nội dung "Mô hình trống đồng làm bằng hoa lớn nhất".

Đánh giá: Vượt.

(4) Tiêu chuẩn 1.III.14: Phát triển đô thị bền vững đạt một trong các tiêu chuẩn sau: Đô thị thông minh mức độ 1 hoặc 50% số lượng đô thị loại II,

loại III có năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu đạt mức khá trở lên

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đang triển khai lập Đề án phát triển đô thị thông minh theo quy định tại Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về việc phát triển đô thị thông minh. Sau khi đề án được hoàn thành và đưa vào triển khai thực hiện sẽ từng bước xây dựng, phát triển Đồng Nai trở thành đô thị thông minh bền vững.

Tại các đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh, đa số đều không chịu ảnh hưởng lớn bởi biến đổi khí hậu, do ảnh hưởng bởi khí hậu chung của miền Đông Nam bộ nên trên địa bàn các đô thị nhiệt độ thường tăng cao trong mùa nắng nóng, để cải thiện tình hình chung này hiện nay tại các đô thị đều gia tăng tỷ lệ cây xanh, mặt nước, đẩy nhanh tiến độ đầu tư công viên cây xanh, hồ điều hòa theo quy hoạch được duyệt để giảm hiệu ứng đảo nhiệt trong thời tiết nắng nóng kéo dài.

Đối với ba đô thị gồm Biên Hòa, Long Thành và Nhơn Trạch thuộc khu vực phía Tây Nam của tỉnh Đồng Nai, có đặc điểm địa hình thấp, nhiều khu vực ven sông Đồng Nai chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, trong quá trình lập và phê duyệt quy hoạch chung các đô thị này, nội dung quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đã được nghiên cứu, đề xuất trên cơ sở lồng ghép các kịch bản biến đổi khí hậu theo quy định. Các nội dung này đã được phê duyệt tại: Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 25/7/2014 của UBND tỉnh về điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Biên Hòa; Quyết định số 455/QĐ-TTg ngày 22/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch; Quyết định số 3264/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của UBND tỉnh về điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Long Thành và Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 của UBND tỉnh về quy hoạch chung xây dựng Khu phức hợp đô thị dịch vụ công nghiệp Long Thành.

Ngoài ra, tỉnh Đồng Nai đã ban hành và triển khai Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh, lồng ghép nội dung thích ứng vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và chương trình phát triển đô thị. Các đô thị loại II, loại III đã từng bước triển khai phương án phòng chống thiên tai, nâng cao năng lực chống chịu của hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường đô thị. Với việc triển khai đồng bộ các giải pháp nêu trên, năng lực chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu của các đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh đã được nâng cao; qua rà soát, trên 50% số lượng đô thị loại II, loại III đạt mức khá trở lên.

Đánh giá: Vượt.

(5) Tiêu chuẩn 1.III.15: Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo giai đoạn gần nhất đã được cấp có thẩm quyền công nhận

- Tỉnh Đồng Nai (cũ): Được công nhận hoàn thành xây dựng nông thôn mới (NTM) theo Quyết định số 1423/QĐ-TTg ngày 18/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ và tiếp tục duy trì, giữ vững, nâng cao chất lượng các tiêu chí về tỉnh hoàn thành xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022, Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 15/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Trước thời điểm 30/6/2025, toàn tỉnh 116/116 xã đạt chuẩn NTM (100%); 114/116 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (98,2%); 43 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; 11 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới hoặc đạt chuẩn NTM; 05 huyện (*Xuân Lộc, Thống Nhất, Định Quán, Cẩm Mỹ, Vĩnh Cửu*) đạt chuẩn NTM nâng cao và huyện Xuân Lộc hoàn thành đề án thí điểm NTM kiểu mẫu.

- Tỉnh Bình Phước (cũ): Trước 30/06/2026, toàn tỉnh có 81 xã đạt chuẩn NTM; 29 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 01 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; 3 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, còn 05 xã chưa công nhận nông thôn mới, cụ thể:

+ Đối với 03 xã (Bù Gia Mập, Lộc Phú, Phú Văn): UBND tỉnh Bình Phước (cũ) dự kiến 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới vào cuối năm 2025. Thực hiện chỉ tiêu được giao, các xã đã tập trung hoàn thiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 – 2025 ban hành tại Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 28/3/2025. Tuy nhiên, do thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, các địa phương chưa kịp hoàn thiện hồ sơ đề trình công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định.

- Đối với 02 xã (Nghĩa Bình và xã Đồng Nai): Xã Nghĩa Bình (cũ) và xã Đồng Nai (cũ) không thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, do 100% diện tích của hai xã nằm trong quy hoạch khoáng sản theo Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ (*Cụ thể theo Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về xây dựng nông thôn mới năm 2025*).

Sau khi hợp nhất tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước thành tỉnh Đồng Nai mới. Theo hướng dẫn của trung ương, qua rà soát, tỉnh Đồng Nai cơ bản đáp ứng các tiêu chí tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 và Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 15/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Một số kết quả nổi bật như:

+ Thu nhập bình quân đầu người toàn tỉnh năm 2025 đạt 86,01 triệu đồng/người/năm, tăng 22,16 triệu đồng so năm 2021 (2021: 63,85 triệu đồng); tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của trung ương đạt 0,24%.

+ Hệ thống giao thông nông thôn đã phát triển cả về số lượng và nâng cấp về chất lượng. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 89,44%.

+ Về phát triển sản xuất nông nghiệp: tăng trưởng ổn định, bình quân khoảng 3,8 - 4%/năm; các hình thức tổ chức tiếp tục đổi mới, toàn tỉnh có 560 chuỗi liên kết, 523 hợp tác xã, 490 sản phẩm OCOP, tiêu biểu trong đó 11 SP đạt OCOP 5 sao.

+ Hệ thống thủy lợi và nước sạch nông thôn: toàn tỉnh có 215 công trình thủy lợi đang hoạt động, diện tích tưới, tiêu từ các công trình 52.678 ha, bên cạnh đó có trên 85 ngàn ha cây trồng cận áp dụng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. Cuối năm 2025, tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt **79%**.

+ Hệ thống trường học các cấp, mầm non, tiểu học, trung học cơ sở khu vực nông thôn được củng cố và nâng cấp: toàn tỉnh có **70,65 %** trường mầm non, phổ thông¹¹ công lập đạt chuẩn quốc gia.

+ Công tác chăm sóc sức khỏe ngày càng hoàn thiện: **100%** xã có trạm y tế, trong đó có một số trạm y tế xã được nâng cấp thành phòng khám đa khoa, trung tâm y tế khu vực; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến cuối năm 2025 đạt **95%**.

+ Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: toàn tỉnh có 136 chợ nông thôn (*tỉnh Đồng Nai cũ có 91 chợ; tỉnh Bình Phước cũ có 45 chợ*) đạt chuẩn theo quy định, về cơ bản đã đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa của Nhân dân khu vực nông thôn. Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Đồng Nai thực hiện bước đầu đã thu hút nhiều doanh nghiệp, cơ sở tham gia.

+ Việc tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu ngày càng được chú trọng: **100% xã** có tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn, tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt đạt **78,5%, 44%** số hộ dân toàn tỉnh thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

Đánh giá: **Đạt.**

¹¹ Phổ thông, gồm: Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông

Từ các kết quả phân tích đánh giá như đã nêu trên, hiện trạng tỉnh Đồng Nai đạt 13/15 tiêu chuẩn của đô thị loại I (02 tiêu chuẩn chưa đạt là: tiêu chuẩn số 2: Là trung tâm tổ chức ≥ 02 sự kiện quốc tế cấp khu vực trở lên bình quân 03 năm gần nhất; Tiêu chuẩn số 10: có 50% số phường trở lên trên tổng số phường đạt trình độ phát triển đô thị loại II).

Đối chiếu theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15: “a) Đô thị loại I phải có tối thiểu là 12 tiêu chuẩn đạt theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này, trong đó: tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt tối thiểu là 05 tiêu chuẩn; tiêu chí mức độ đô thị hóa đạt tối thiểu là 03 tiêu chuẩn; tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị đạt tối thiểu là 04 tiêu chuẩn.”; thì hiện trạng phát triển đô thị trên địa bàn Đồng Nai hiện nay đã đạt tiêu chí đô thị loại I. Hiện nay, Đồng Nai đã có Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 23/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc đề nghị công nhận tỉnh Đồng Nai đạt tiêu chí đô thị loại I.

2.6.5. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Cân đối thu chi ngân sách

Căn cứ dự toán thu – chi ngân sách năm 2026 được Thủ tướng Chính phủ giao, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Đồng Nai đạt 100.400.000 triệu đồng; trong đó thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là 52.899.742 triệu đồng. Tổng thu ngân sách địa phương là 58.317.670 triệu đồng, bằng tổng dự toán chi ngân sách địa phương cùng năm. Trong cơ cấu thu ngân sách địa phương không có khoản bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương. Ngân sách địa phương bảo đảm cân đối thu – chi theo dự toán được giao, không phát sinh nhu cầu đề nghị ngân sách trung ương bổ sung cân đối. Đồng Nai thuộc nhóm địa phương tự cân đối ngân sách, không nhận trợ cấp cân đối từ ngân sách Trung ương và đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước, đạt quy định của thành phố.

+ Đánh giá: **Vượt.**

b) Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước (lần)

Giai đoạn 2023-2025, thu nhập bình quân đầu người của Đồng Nai lần lượt là 73,84 - 80,08 - 86 triệu đồng/người/năm; luôn cao hơn so với cả nước giai đoạn 2023-2025 là 59,48 - 64,98 - 71,02 triệu đồng/người/năm; vượt mức quy định của thành phố là tối thiểu bằng với trung bình cả nước.

+ Đánh giá: **Vượt.**

c) Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất (%)

Giai đoạn 2023-2025, tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân hàng năm của Đồng Nai là 7,18%; cao hơn tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân hàng năm là 6,84%; vượt mức quy định của thành phố là tối thiểu bằng với trung bình cả nước.

+ Đánh giá: **Vượt.**

d) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất (%)

+ Hiện trạng: Giai đoạn 2023-2025, Đồng Nai có tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều (năm 2023 là 0,33%, năm 2024 là 0,26%, năm 2025 là 0,25%) thấp hơn so với tỷ lệ hộ nghèo bình quân của cả nước (năm 2023 là 2,93%; năm 2024 là 1,93%; năm 2025 là 1,3%).

+ Đánh giá: **Vượt.**

đ) Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế GRDP của tỉnh năm 2025: Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 12,13%, Công nghiệp – xây dựng là 54,97%, Dịch vụ là 26,42% và Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 6,48%. Như vậy tổng tỷ trọng Công nghiệp – xây dựng và Dịch vụ là 81,39%, vượt quy định của thành phố là tối thiểu 80%.

+ Đánh giá: **Vượt.**

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

I. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Thành lập thành phố Đồng Nai trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai với 12.737,18 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 4.491.408 người.

II. KẾT QUẢ SAU KHI THÀNH LẬP THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. Thành phố Đồng Nai có diện tích tự nhiên là 12.737,18 km²; quy mô dân số là 4.491.408 người; có 95 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 33 phường¹², 62 xã.

¹² Gồm 23 phường hiện nay và 10 xã: Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Dầu Giây, Xuân Lộc, Đồng Phú, Tân Khai, Lộc Ninh, Trị An, Tân Phú

2. Địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai: Phía Tây và Tây Nam giáp Thành phố Hồ Chí Minh; Phía Tây Bắc giáp tỉnh Tây Ninh; Phía Đông giáp tỉnh Lâm Đồng; Phía Bắc giáp Vương quốc Campuchia.

Phần thứ tư

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI SAU KHI THÀNH LẬP

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

1. Tác động đến hoạt động quản lý nhà nước

1.1. Tác động tích cực

Việc thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương trên cơ sở toàn bộ địa giới hành chính hiện hữu tạo ra bước chuyển căn bản về mô hình quản trị, từ cấp tỉnh sang mô hình chính quyền đô thị quy mô lớn, hiện đại, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực. Trước hết, về tổ chức bộ máy, việc chuyển đổi này tạo điều kiện tái cấu trúc hệ thống chính quyền theo hướng tinh gọn, giảm tầng nấc trung gian, tăng tính trực tiếp trong điều hành và nâng cao trách nhiệm giải trình của các cấp chính quyền. Đồng thời, đây là cơ sở để chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo tiêu chuẩn cao hơn, phù hợp với yêu cầu quản trị đô thị hiện đại.

Trong lĩnh vực điều hành và cải cách hành chính, mô hình thành phố trực thuộc Trung ương cho phép đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, rút ngắn quy trình giải quyết công việc, qua đó nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Yêu cầu quản trị đô thị với quy mô dân số lớn cũng tạo động lực thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số và quản trị dựa trên dữ liệu, góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả điều hành.

Đối với lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân sách, việc nâng cấp đơn vị hành chính giúp nâng cao vị thế, tạo thuận lợi trong thu hút đầu tư, mở rộng không gian phát triển và tăng khả năng huy động, phân bổ nguồn lực. Trên nền tảng quy mô kinh tế lớn và nguồn thu ngân sách ổn định, thành phố có điều kiện phát triển theo hướng công nghiệp hiện đại, dịch vụ chất lượng cao và logistics, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh.

Trong lĩnh vực quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị, việc thành lập thành phố trực thuộc Trung ương cho phép lập quy hoạch tích hợp trên phạm vi toàn đô thị, bảo đảm tính đồng bộ giữa phát triển công nghiệp, đô thị và hạ

tầng. Điều này góp phần nâng cao hiệu quả quản lý đất đai, kiểm soát phát triển không gian đô thị, hình thành cấu trúc đô thị đa trung tâm và tăng cường liên kết vùng.

Về văn hóa – xã hội, việc nâng cấp đơn vị hành chính tạo điều kiện cải thiện chất lượng cung ứng dịch vụ công, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, đồng thời tạo thêm nhiều cơ hội việc làm và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, quy mô quản lý lớn cho phép áp dụng các phương thức quản lý hiện đại, ứng dụng công nghệ số trong giám sát, góp phần sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đối với quốc phòng – an ninh, việc tổ chức lại bộ máy theo mô hình đô thị giúp nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các lực lượng, tăng cường khả năng kiểm soát tình hình an ninh trật tự trong điều kiện đô thị hóa nhanh.

Nhìn chung, việc thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương tạo ra nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển toàn diện và bền vững trên tất cả các lĩnh vực.

1.2. Hạn chế, khó khăn

Bên cạnh những tác động tích cực, quá trình chuyển đổi mô hình quản lý cũng đặt ra nhiều khó khăn, thách thức cần được nhận diện đầy đủ. Trước hết, việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính trên quy mô lớn sẽ dẫn đến biến động đáng kể về nhân sự, phát sinh yêu cầu bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đồng thời phải giải quyết chế độ đối với số cán bộ dôi dư, bảo đảm ổn định tổ chức trong giai đoạn chuyển tiếp.

Trong hoạt động quản lý nhà nước, khối lượng công việc tăng đột biến khi phải đồng thời triển khai nhiều nhiệm vụ như xây dựng mô hình chính quyền đô thị, hoàn thiện thể chế, điều chỉnh quy hoạch, chuyển đổi hệ thống quản lý và số hóa dữ liệu. Điều này tạo áp lực lớn về nguồn lực, thời gian và năng lực điều hành, nhất là trong bối cảnh yêu cầu phối hợp liên ngành, liên cấp ngày càng cao.

Về thể chế, một số quy định pháp luật hiện hành chưa theo kịp yêu cầu của mô hình đô thị quy mô lớn, đặc biệt trong các lĩnh vực phân cấp, quản lý biên chế, tài chính – ngân sách và quản lý đô thị, dẫn đến những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Đồng thời, chất lượng đội ngũ cán bộ ở một số lĩnh vực, nhất là cấp cơ sở, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về quản trị hiện đại, chuyển đổi số và quản lý đô thị.

Bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa nhanh với quy mô dân số lớn cũng gây áp lực đáng kể lên hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, bao gồm giao thông, nhà ở, y tế, giáo dục và môi trường. Sự gia tăng dân số cơ học,

đặc biệt là lao động nhập cư, đặt ra thách thức trong quản lý dân cư, bảo đảm an sinh xã hội và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Ngoài ra, phát triển công nghiệp với mật độ cao tiềm ẩn nguy cơ gia tăng ô nhiễm môi trường và áp lực sử dụng tài nguyên nếu không được kiểm soát chặt chẽ.

1.3. Giải pháp

Để phát huy các tác động tích cực và khắc phục những khó khăn, thách thức nêu trên, cần triển khai đồng bộ các giải pháp phù hợp với yêu cầu của mô hình thành phố trực thuộc Trung ương. Trước hết, cần tập trung hoàn thiện thể chế và cơ chế chính sách theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền, bảo đảm tính chủ động, linh hoạt trong quản lý, đồng thời tháo gỡ các vướng mắc về tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính – ngân sách và quản lý đô thị.

Song song đó, việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cần được thực hiện theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, gắn với vị trí việc làm và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cần được đẩy mạnh nhằm nâng cao năng lực quản trị, đặc biệt trong các lĩnh vực chuyển đổi số, quy hoạch đô thị và quản lý hiện đại, đồng thời có chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

Trong lĩnh vực quản lý nhà nước, cần đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, nâng cao hiệu quả điều hành và cung ứng dịch vụ công. Đồng thời, cần tập trung hoàn thiện quy hoạch đô thị, ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển đô thị theo quy hoạch được phê duyệt.

Đối với các lĩnh vực kinh tế – xã hội, cần có giải pháp phát triển cân đối giữa các khu vực, bảo đảm an sinh xã hội, phát triển nhà ở, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục và quản lý hiệu quả lao động nhập cư. Trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, cần tăng cường kiểm soát ô nhiễm, ứng dụng công nghệ trong giám sát và quản lý, hướng tới phát triển bền vững.

Về tổng thể, cần bảo đảm nguồn lực thực hiện thông qua việc huy động đa dạng các nguồn lực tài chính, kết hợp giữa ngân sách nhà nước và xã hội hóa, đồng thời xây dựng lộ trình triển khai phù hợp, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả trong quá trình chuyển đổi và phát triển thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương.

2. Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội

2.1. Tác động tích cực

- Thứ nhất, nâng cao vị thế, quy mô, thuận lợi trong việc Đồng Nai chủ động quyết định các dự án lớn. Đồng thời, sẽ tạo sức bật mới, động lực mới của vùng Đông Nam Bộ, khu vực phía nam, góp phần thực hiện chiến lược phát triển đô thị quốc gia.

- Thứ hai, phát huy vai trò của các chủ thể ngoài nhà nước tham gia vào công việc quản trị đô thị, hướng tới sự đồng thuận xã hội, kết hợp hài hòa lợi ích của chủ thể Nhà nước với lợi ích của chủ thể ngoài Nhà nước và lợi ích của cư dân đô thị. Đồng thời, huy động các chủ thể tham gia có hiệu quả vào các hoạt động quản trị đô thị (dịch vụ công, dịch vụ hành chính công, dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích) đáp ứng yêu cầu của người dân.

- Thứ ba, các hoạt động quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ công được thực hiện công khai, minh bạch như là một tất yếu khách quan của dân cư đô thị trong quá trình xây dựng, tổ chức thực thi chính sách, chiến lược quy hoạch và cung ứng dịch vụ công của chính quyền đô thị.

- Thứ tư, xây dựng đô thị thông minh, hiện đại. Xây dựng đô thị thông minh, hiện đại trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và nhất là công nghệ số góp phần rút ngắn được thời gian phát triển, hướng tới quản trị thành phố hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Thứ năm, về chính sách, đầu tư và phát triển hạ tầng: Được hưởng cơ chế, chính sách đặc thù, phân cấp quản lý cao hơn, thu hút vốn FDI và đầu tư công mạnh mẽ. Hạ tầng kỹ thuật và xã hội, nhất là hạ tầng giao thông kết nối được đầu tư đồng bộ, hiện đại, nâng cao chất lượng sống người dân.

- Thứ sáu, kinh tế tăng trưởng phát triển: Đồng Nai trở thành một cực tăng trưởng năng động, có sức cạnh tranh và sức lan tỏa lớn, đi đầu trong phát triển kinh tế hàng không, kinh tế bạc, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tầm thấp, công nghiệp công nghệ cao, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đồng Nai trở thành thành phố công nghiệp công nghệ cao, đô thị hiện đại, trung tâm logistics và nông nghiệp công nghệ cao tiêu biểu của cả nước.

- Thứ bảy, về an sinh xã hội, chất lượng, mức sống dân cư: Khi kinh tế tăng trưởng phát triển, thu hút đầu tư phát huy hiệu quả, các nguồn lực được huy động và đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; các cơ chế chính sách được triển khai đồng bộ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân như: tạo việc làm bền vững, thu nhập cải thiện, đặc biệt với công nhân và người thu nhập thấp. Các chương trình nhà ở xã hội gắn với hạ tầng thiết yếu như trường học, cơ sở y tế, thiết chế văn hóa được chú trọng đầu tư phát triển. Môi trường sống lành mạnh, thúc đẩy lối sống tích cực và tăng cường các hoạt động cộng đồng; người dân được tiếp cận dịch vụ công tốt nhất, như

giảm thời gian chờ khám bệnh, nâng chất lượng giáo dục, phát triển giao thông công cộng để giảm ùn tắc và áp lực đô thị....

2.2. Hạn chế, khó khăn và thách thức

Thứ nhất, áp lực về quản lý nhà nước: Bộ máy quản lý đô thị lớn, phức tạp, đòi hỏi năng lực quản trị cao. Cơ cấu tổ chức bộ máy chính quyền thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương phải tinh gọn, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả. Việc chuyển đổi mô hình tổ chức quản lý nhà nước từ tỉnh sang thành phố trực thuộc Trung ương cũng đặt ra những yêu cầu mới về nâng cao năng lực quản lý nhà nước của đội ngũ cán bộ, công chức; trong đó, có các lĩnh vực như quy hoạch đô thị, quản lý trật tự đô thị, kiến trúc cảnh quan.

- Thứ hai, về quy hoạch và quản lý đô thị: Việc quy hoạch không gian, quản lý dân cư và đảm bảo dịch vụ công (giáo dục, y tế, an ninh trật tự) trở nên phức tạp hơn khi quy mô dân số tăng lên. Đồng thời, việc gia tăng dân số tác động nhiều đến quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông, cấp thoát nước, xử lý rác thải và chống ngập úng khi đô thị hóa nhanh.

- Thứ ba, thách thức về phát triển kinh tế, an sinh xã hội: Để bảo đảm đạt và duy trì tiêu chuẩn thành phố trực thuộc Trung ương, đòi hỏi phải tăng cường huy động các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp – dịch vụ - nông nghiệp phù hợp với các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, trong đó, xây dựng các hành lang kinh tế, vành đai công nghiệp, hệ thống đô thị, các ngành dịch vụ, logistics gắn với các hành lang giao thông kết nối vùng, liên vùng và quốc tế; đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu đảm bảo tăng trưởng GRDP cao và bền vững.

- Thứ tư, về môi trường và xã hội: Nguy cơ ô nhiễm, rác thải đô thị và gia tăng chênh lệch giàu nghèo.

2.3. Giải pháp

- Thứ nhất, về cơ cấu tổ chức bộ máy:

+ Xây dựng bộ máy quản lý nhà nước đủ năng lực thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền thành phố tinh gọn, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả.

+ Đổi mới mạnh mẽ quản trị đô thị theo hướng chính quyền số, kiến tạo và phục vụ. Vận hành đồng bộ hiệu quả chính quyền địa phương hai cấp, bảo đảm tron tru, đồng bộ, rõ thẩm quyền, trách nhiệm, phải phục vụ người dân, doanh nghiệp nhanh hơn, hiệu quả hơn; đặc biệt chú ý đến năng lực cấp xã. Thực hiện số hóa dữ liệu về quy hoạch, đất đai, đầu tư, xây dựng và công

khai trên nền tảng số. Thực hiện quyết liệt, hiệu quả cải cách hành chính, hướng tới một mô hình quản trị đô thị hiện đại, minh bạch và dựa trên dữ liệu.

- Thứ hai, về quy hoạch, quản lý đô thị:

+ Tập trung nguồn lực để cải tạo hạ tầng kỹ thuật của thành phố, chỉnh trang đô thị hiện tại vừa bảo tồn phát huy các giá trị bản sắc văn hóa, vừa hiện đại các công trình mới, hài hòa các môi trường văn hóa - xã hội và môi trường tự nhiên. Song song đó, chú trọng đầu tư xây dựng các đô thị mới, đô thị ven sông, hình thành một chuỗi đô thị hiện đại, đồng bộ về kết cấu hạ tầng - kinh tế kỹ thuật, hạ tầng kết cấu văn hóa - xã hội...

+ Phát triển đô thị gắn với mô hình TOD, phát triển nén, hỗn hợp, thiết lập các không gian đặc trưng quanh các nhà ga giao thông công cộng. Đối với các khu vực đô thị có mật độ dân số cao, xem xét phát triển không gian ngầm cho các công trình hạ tầng hoặc các công trình xây dựng để tối ưu hoá nguồn lực đất đai...

+ Đầu tư, nâng cấp xây dựng phát triển hạ tầng giao thông, điện nước, viễn thông và các dịch vụ tương xứng với vị thế mới của thành phố.

- Thứ ba, về nguồn lực đầu tư và tăng trưởng kinh tế:

+ Triển khai quyết liệt các cơ chế, chính sách để huy động và phân bổ hiệu quả mọi nguồn lực phát triển; tạo cơ chế mới thu hút nguồn lực và cơ cấu lại thu – chi ngân sách theo hướng tăng kỷ luật tài chính, ưu tiên chi đầu tư phát triển và giảm dần chi thường xuyên; đồng thời khai thác hiệu quả tài sản công, ...

+ Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất của tăng trưởng, xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, ổn định, chi phí thấp và thủ tục nhanh; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp; đồng thời cung cấp các nền tảng số, dịch vụ tư vấn pháp lý, kế toán, quản trị và đào tạo nhân lực. Cùng với đó là khuyến khích khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển các doanh nghiệp công nghệ, logistics, công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ cảng hàng không, ...

- Thứ tư, về đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao chất lượng và mức sống của người dân.

+ Tiếp tục quan tâm đầu tư cho con người, đặc biệt quan tâm đến lực lượng lao động, nhất là công nhân trong các khu công nghiệp, công nhân cảng biển, người lao động nhập cư và các nhóm yếu thế trong xã hội. Phát triển công nghiệp gắn với phát triển đồng bộ hạ tầng xã hội cho người lao

động. Đẩy mạnh chương trình phát triển nhà ở xã hội, khu lưu trú công nhân, đồng thời xây dựng các thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế, nhà trẻ và dịch vụ công cộng ngay trong hoặc gần các khu công nghiệp để người lao động có điều kiện sinh sống ổn định, an toàn và nhân văn.

+ Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, tạo cơ hội học tập suốt đời cho người dân. Phát triển mạnh hệ thống đào tạo nghề hiện đại gắn với nhu cầu của các ngành công nghiệp, logistics, kinh tế cảng hàng không và công nghệ cao, qua đó nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ lên mức cao hơn trong những năm tới.

+ Phát triển hệ thống y tế theo hướng hiện đại, công bằng và lấy người dân làm trung tâm. Chú trọng đầu tư nâng cao năng lực hệ thống y tế từ tuyến cơ sở đến tuyến chuyên sâu, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng....

+ Xây dựng hệ thống an sinh xã hội toàn diện và bao trùm. Triển khai hiệu quả các chương trình giảm nghèo bền vững, tạo sinh kế và cơ hội việc làm cho người dân; hỗ trợ các nhóm dễ bị tổn thương; mở rộng mạng lưới bảo trợ xã hội; đồng thời phát triển thị trường lao động hiện đại, minh bạch và linh hoạt.

- Thứ năm, về bảo vệ môi trường: Song song với phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng mức sống người dân, thực hiện xây dựng môi trường sống xanh, an toàn và bền vững. Tăng cường quản lý tài nguyên, kiểm soát ô nhiễm môi trường, đẩy mạnh phân loại và xử lý chất thải, phát triển đô thị xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu, qua đó bảo vệ sức khỏe và tương lai lâu dài của người dân.

3. Tác động về môi trường

3.1. Tác động tích cực

- Chuyển đổi tư duy quản lý: Việc thành lập thành phố trực thuộc Trung ương tạo động lực chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình kinh tế truyền thống sang kinh tế xanh, kinh tế số và kinh tế tuần hoàn, giúp giảm thiểu phát thải từ gốc; đồng thời tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; ứng dụng công nghệ số trong quản lý môi trường.

- Thúc đẩy đầu tư đồng bộ hạ tầng bảo vệ môi trường: Tập trung nguồn lực xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật môi trường theo hướng hiện đại, thông minh và bền vững, thay thế cho các hạ tầng phân tán, lạc hậu; thúc đẩy đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đô thị, chất thải rắn, thoát nước đô thị, góp phần cải thiện chất lượng môi trường.

- Phát triển đô thị sinh thái: Mô hình đô thị giàu bản sắc, gắn kết giữa đô thị - công nghiệp - dịch vụ - sinh thái sẽ hình thành những "lá phổi xanh" quy mô lớn, giúp bảo vệ đa dạng sinh học và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Giảm thiểu ô nhiễm nông nghiệp: Định hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao giúp cắt giảm đáng kể lượng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật xả thải ra môi trường đất và nguồn nước sông Đồng Nai.

3.2. Hạn chế, khó khăn

- Gia tăng áp lực ô nhiễm môi trường và nguy cơ quá tải hạ tầng kỹ thuật môi trường: Áp lực từ quy mô dân số và đô thị hóa, sự gia tăng dân số cơ học và phát triển nóng các khu vực đô thị sân bay, trung tâm logistics tạo áp lực cực lớn lên khả năng tiếp nhận và xử lý của hệ thống thoát nước, xử lý thải và thu gom chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu, làm gia tăng áp lực và nguy cơ ô nhiễm môi trường.

- Xung đột lợi ích phát triển: Sự mâu thuẫn giữa mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ cao, logistics với yêu cầu bảo tồn nghiêm ngặt tài nguyên nước và đa dạng sinh học tại các khu vực nhạy cảm, khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt về môi trường.

3.3. Giải pháp

- Số hóa quản lý môi trường: Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong việc lập bảng theo dõi chi tiết các chỉ tiêu môi trường và chuẩn hóa số liệu thống kê, kiểm soát phát thải.

- Quy hoạch hạ tầng đi trước một bước: Sở Xây dựng phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường sớm hoàn thiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, nhất là các hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đô thị tập trung và nhà máy xử lý rác thải hiện đại cho các đô thị mới.

- Tăng cường rà soát hiện trạng: Tổ chức rà soát toàn bộ hồ sơ bản đồ, hiện trạng công tác bảo vệ môi trường tại 10 xã dự kiến lên phường để có phương án đầu tư công trình bảo vệ môi trường tương xứng với cấp hành chính mới, đáp ứng các chỉ tiêu môi trường.

- Phát triển đô thị xanh: Khuyến khích hình thành các mô hình đô thị xanh, tiết kiệm năng lượng, tái sử dụng chất thải, tăng cường diện tích cây xanh đô thị; phát triển giao thông công cộng, giảm phát thải khí nhà kính.

- Hợp tác liên ngành và cộng đồng: Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các sở ngành và địa phương để nắm bắt dư luận, tạo sự đồng thuận xã

hội trong công tác bảo vệ môi trường, hài hòa giữa phát triển và bảo vệ môi trường.

4. Tác động về quốc phòng, an ninh

4.1. Về quốc phòng

Trong những năm tới, tình hình chính trị - an ninh thế giới, khu vực khả năng tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; tình hình KT-XH tiếp tục có những bước phát triển mới, LLVT tỉnh thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện thuận lợi, QP-AN tiếp tục được củng cố và giữ vững; quan hệ đối ngoại được củng cố và tăng cường. LLVT tỉnh tiếp tục được đầu tư, xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, nhiều chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng được triển khai thực hiện.

Trong nước và trên địa bàn tỉnh, tình hình KT-XH tiếp tục phát triển, QP-AN được giữ vững, an sinh xã hội được bảo đảm; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực sẽ đạt nhiều kết quả.

4.1.1. Tác động tích cực

Tạo chuyên biến mạnh mẽ và toàn diện sức mạnh tổng hợp trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, tiềm lực khu vực phòng thủ không ngừng được củng cố, tăng cường.

Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, nắm tình hình địa bàn, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, hạn chế các điểm nóng, không để xảy ra bất ổn, tạo môi trường ổn định lâu dài.

Tạo điều kiện phát triển kinh tế, môi trường an ninh ổn định giúp thu hút đầu tư trong và ngoài nước; các khu công nghiệp, dự án lớn phát triển thuận lợi góp phần tăng trưởng kinh tế.

Luôn luôn củng cố khu vực phòng thủ vững chắc, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, kết hợp chặt chẽ giữ phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng.

Nâng cao chất lượng LLVT địa phương, lực lượng quân sự, công an được tổ chức chính quy, tinh nhuệ sẵn sàng xử lý hiệu quả các tình huống an ninh truyền thống và phi truyền thống.

Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, nâng cao ý thức cảnh giác, trách nhiệm của người dân, huy động được sức mạnh toàn dân tham gia giữ gìn an ninh trật tự.

Nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, kiểm chế kéo giảm các loại tội phạm, đặc biệt ở khu đô thị, khu công nghiệp, đảm bảo môi trường sống an toàn cho người dân.

Tăng cường công tác phối hợp giữa các lực lượng, công an, quân sự và các lực lượng khác phối hợp chặt chẽ trong xử lý các tình huống, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự.

Chủ động làm tốt công tác phòng ngừa các nguy cơ mất an ninh, kịp thời phát hiện ngăn chặn các âm mưu gây rối, phá hoại, bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh nội bộ và an ninh thông tin.

4.1.2. Hạn chế, khó khăn

Các vấn đề an ninh phi truyền thống về thiên tai, hạn hán, dịch bệnh, an ninh chính trị tuyến biên giới diễn biến phức tạp, hoạt động của các thế lực phản động, phần tử chống đối, hoạt động tôn giáo trái pháp luật tiếp tục xảy ra; thông tin trên mạng xã hội đa chiều, khó kiểm soát; những vấn đề bất cập trong xã hội, bức xúc trong nhân dân, hiện tượng khiếu kiện đất đai, đình công, lãn công tại các khu công nghiệp... chưa được giải quyết dứt điểm và sự gia tăng dân số ở các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

Các thế lực thù địch, đối tượng phản động, cơ hội chính trị tăng cường hoạt động chống phá trên nhiều lĩnh vực; tiếp tục lợi dụng các vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, dân tộc, tôn giáo, tuyên truyền kích động thực hiện chiến lược “Diễn biến hòa bình”, “phi chính trị hóa LLVT”, bạo loạn lật đổ. Các vấn đề bất cập trong xã hội, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn còn diễn ra. Trên một số địa bàn trọng điểm của tỉnh, tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định về an ninh trật tự.

Các đối tượng thù địch trong và ngoài nước lợi dụng các vấn đề nhạy cảm trong công tác quản lý nhà nước về KT-XH gắn với tăng cường củng cố QP-AN để gia tăng các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; tạo dư luận trái chiều trong công tác xây dựng Đề án thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc trung ương, nhất là trên không gian mạng.

4.1.3. Giải pháp

Giữ vững vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng cấp ủy, tổ chức đảng các cấp thật sự trong sạch, vững mạnh, có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao; phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền; không ngừng củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển KT-XH. Bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm, nghĩa vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; nêu cao cảnh giác, nắm và

dự báo chính xác tình hình, chuẩn bị mọi mặt để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi chưa lâm nguy, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phát huy mọi tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, tranh thủ tối đa và khai thác có hiệu quả mọi thuận lợi, thời cơ từ bên ngoài; nắm chắc nhiệm vụ phát triển KT-XH là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần, bảo đảm QP-AN là trọng yếu, thường xuyên.

Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị, lấy xây dựng thể trận lòng dân làm cơ sở, từng bước xây dựng tiềm lực QP-AN, các tiềm lực trong khu vực phòng thủ; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, gắn xây dựng thể trận an ninh nhân dân, Biên phòng toàn dân vững chắc.

Tăng cường, mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác và hội nhập quốc tế; thực hiện tốt quan điểm “đối tác”, “đối tượng”, hợp tác và đấu tranh; chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện và xử lý có hiệu quả các vấn đề có ảnh hưởng đến an ninh quốc gia.

4.2. Về an ninh, trật tự

4.2.1. Tác động tích cực

Việc thành lập Thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương có tác động tích cực rất lớn đối với công tác bảo đảm ANTT trên địa bàn. Trước hết, nó tạo cơ sở chính trị - pháp lý để nâng cấp mô hình quản trị địa bàn, tổ chức không gian phát triển và huy động nguồn lực đầu tư cho hạ tầng an ninh, hạ tầng số, giao thông thông minh, PCCC, trung tâm chỉ huy điều hành tác chiến quản lý ANTT, cơ sở dữ liệu, camera giám sát, các thiết chế quản lý đô thị hiện đại. Cùng với đó là các đột phá về nguồn nhân lực chất lượng cao, hạ tầng giao thông đồng bộ, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Điều này tạo điều kiện để lực lượng Công an chuyển mạnh sang phương thức bảo đảm ANTT trên nền tảng số, kết hợp quản trị xã hội hiện đại với quản lý chặt chẽ ngay từ cơ sở.

4.2.2. Hạn chế, khó khăn

Việc thành lập Thành phố Đồng Nai cũng làm gia tăng khó khăn, thách thức cho công tác bảo đảm ANTT. Tạo ra sự thu hút dân số cơ học lớn hơn, tính chất đô thị, công nghiệp, biên giới, tôn giáo, dân tộc đan xen phức tạp hơn; các áp lực về đất đai, đầu cơ bất động sản, xây dựng trái phép, giải phóng mặt bằng, tái định cư, khiếu kiện, tranh chấp lao động, đình công, lưu trú, ma túy, tội phạm công nghệ cao, tội phạm xuyên địa bàn và xuyên biên giới đều có thể tăng.

4.2.3. Giải pháp

Vì vậy, tác động đối với ANTT là hai chiều: vừa mở ra không gian mới để nâng tầm quản trị an ninh đô thị, vừa làm tăng yêu cầu đối với dự báo chiến lược, quản trị dữ liệu, quản lý địa bàn, xử lý tình huống từ sớm, từ xa, từ cơ sở.

5. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

5.1. Tác động tích cực

- Tiết kiệm thời gian và chi phí tuân thủ: Tập trung thực hiện cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính, đặc biệt là những thủ tục liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các quy trình giải quyết TTHC được tái cấu trúc, rút ngắn đáng kể, loại bỏ nhiều giấy tờ không cần thiết, giúp giảm gánh nặng cho người dân và doanh nghiệp. Song song đó, tỉnh đã tiến hành rà soát, đánh giá và cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở nhiều lĩnh vực. Nhờ vậy, người dân và doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ, theo dõi tiến độ xử lý và tra cứu kết quả qua mạng, hạn chế tối đa việc phải đi lại nhiều lần đến cơ quan hành chính. Điều này không chỉ tiết kiệm chi phí tuân thủ mà còn góp phần nâng cao sự hài lòng, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất - kinh doanh, thúc đẩy môi trường đầu tư minh bạch và hiệu quả hơn.

- Nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp: Trong thời gian qua, Đồng Nai đã chú trọng tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng hạn và trước thời hạn quy định, tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp. Riêng trong năm 2025, tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng hạn và trước hạn đạt 98%, thể hiện sự quyết tâm của chính quyền trong việc nâng cao hiệu quả phục vụ. Chất lượng dịch vụ công của tỉnh được Cổng Dịch vụ công quốc gia đánh giá ở mức tốt, xếp hạng 04/34 tỉnh, thành phố trên cả nước. Đây là kết quả quan trọng, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đồng thời cắt giảm chi phí xã hội trong quá trình thực hiện TTHC. Các hồ sơ hành chính được xử lý nhanh chóng, minh bạch, tạo niềm tin cho người dân và doanh nghiệp.

- Thúc đẩy chuyên đổi số: Đến nay, tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt 95% (100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, bảo đảm minh bạch, giảm tối đa giấy tờ); 100% TTHC được triển khai thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh. Bảo đảm việc hoàn thiện, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh, đồng bộ hồ sơ với Cổng dịch vụ công quốc gia; triển khai hiệu quả số hóa hồ sơ, cấp kết quả

điện tử và tái sử dụng thông tin, dữ liệu điện tử đối với giấy tờ đã được số hóa.

- Cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh: Công tác cải cách thủ tục hành chính tại Đồng Nai đã góp phần quan trọng trong việc cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh của tỉnh. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) những năm gần đây có sự cải thiện rõ rệt, phản ánh nỗ lực của chính quyền trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp. Đặc biệt, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đánh giá cao sự thuận tiện trong đăng ký kinh doanh, cấp phép xây dựng và tiếp cận đất đai. Việc rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, minh bạch hóa quy trình và ứng dụng công nghệ thông tin đã giúp doanh nghiệp giảm chi phí tuân thủ, đồng thời nâng cao niềm tin vào môi trường đầu tư của tỉnh. Những kết quả này không chỉ thúc đẩy thu hút vốn đầu tư mới, mà còn tạo động lực cho các doanh nghiệp đang hoạt động mở rộng sản xuất, kinh doanh, góp phần vào tăng trưởng kinh tế – xã hội bền vững của Đồng Nai.

- Tăng sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp: triển khai hiệu quả Tổng đài 1022, bảo đảm việc vận hành thông suốt trong tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị cũng như hỗ trợ, hướng dẫn người dân thực hiện thủ tục hành chính và tra cứu thông tin. Đây là kênh tương tác trực tiếp, giúp chính quyền lắng nghe và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của người dân và doanh nghiệp. Mức độ hài lòng trong tiếp nhận và giải quyết TTHC của tỉnh đạt 96,4%, vượt mục tiêu tối thiểu 90% theo Nghị quyết năm 2025 của Chính phủ. Người dân và doanh nghiệp cảm nhận rõ sự minh bạch, công khai trong quá trình giải quyết thủ tục, đồng thời tin tưởng hơn vào hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

5.2. Hạn chế, khó khăn

- Vẫn còn tình trạng giải quyết hồ sơ trễ hẹn cho tổ chức, công dân trên địa bàn tỉnh.

- Công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính vẫn còn một vài đơn vị đôi lúc chưa đảm bảo việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết theo quy định.

5.3. Giải pháp trọng tâm

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong nền hành chính phục vụ, tập trung phát triển và nâng cấp, kết nối đồng bộ, tăng cường tích hợp liên thông dữ liệu, số hóa và khai thác tái sử dụng dữ liệu giữa các hệ thống nhằm tạo ra hệ sinh thái dịch vụ công thống nhất, thuận tiện, hoạt động thông suốt, hiệu quả trở thành công cụ đột phá thúc đẩy giải quyết thủ tục hành chính “phi địa giới”;

việc này không chỉ tiết kiệm thời gian, chi phí mà còn là xu hướng tất yếu để nâng cao hiệu quả và chất lượng dịch vụ công, chất lượng phục vụ.

- Cải cách toàn diện thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Trung ương, với mục tiêu bãi bỏ các quy định, thủ tục và thành phần hồ sơ không cần thiết, vốn đang là rào cản đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh; tập trung tái cấu trúc quy trình giải quyết bảo đảm việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến góp phần xây dựng môi trường hành chính thông thoáng, thu hút nhà đầu tư, hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp, đầu tư phát triển.

- Tiếp tục rà soát đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền nhằm giảm tầng nấc, thời gian giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính, không để tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực, phiền hà cho nhân dân; đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành. Nghiên cứu, đề xuất giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, thông qua tăng cường đối thoại, lấy ý kiến người dân, doanh nghiệp nhằm kịp thời tháo gỡ hoặc kiến nghị, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định.

- Tăng cường công tác truyền thông một cách hiệu quả, có trọng tâm và trọng điểm về cải cách thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến. Phát huy hiệu quả các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp; bảo đảm mọi ý kiến được tiếp nhận, xử lý kịp thời, minh bạch, đúng quy định. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, tinh thần trách nhiệm và đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt tại Bộ phận Một cửa.

6. Tác động đến nguồn vốn đầu tư

6.1. Tác động tích cực

- Việc trở thành thành phố trực thuộc Trung ương giúp Đồng Nai tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách Trung ương, đồng thời nâng cao khả năng huy động các nguồn vốn hợp pháp khác (bội chi, khai thác quỹ đất...). Khả năng cân đối vốn giai đoạn 2026 - 2030, tạo điều kiện triển khai các dự án hạ tầng trọng điểm, liên kết vùng như đường vành đai, kết nối sân bay Long Thành, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Môi trường kinh doanh thông thoáng, mang lại cơ hội phát triển dự án hạ tầng (giao thông, đô thị) thu hút mạnh dòng vốn đối tác công-tư (PPP); đồng thời tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu vốn đầu tư theo hướng từ tập trung vào nông-lâm-ngư nghiệp sang công nghiệp, xây dựng và đặc biệt là dịch vụ, công nghệ cao. Cùng với đó, chất lượng vốn đầu tư cũng được chú trọng nâng

cao, hướng tới các dự án có giá trị gia tăng cao, công nghệ tiên tiến thay vì chỉ tập trung vào “lượng” vốn.

6.2. Hạn chế, khó khăn

- Nhu cầu vốn đầu tư công cho phát triển kinh tế - xã hội để thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển để trở thành Thành phố Trực thuộc Trung ương là rất lớn, nhất là những dự án quy mô lớn, cấp bách. Trong khi khả năng cân đối thì thiếu hụt, tạo áp lực lớn đối với cân đối ngân sách địa phương.

- Đồng thời, yêu cầu đầu tư, xây dựng, nâng cấp hạ tầng để đáp ứng tiêu chí đô thị trực thuộc Trung ương làm gia tăng nhu cầu vốn đối ứng, chi trả nợ vay (khoảng 2.000 tỷ đồng) và hạn chế khả năng bố trí vốn cho các nhiệm vụ khác.

6.3. Giải pháp

- Thứ nhất, kiến nghị tăng tỷ lệ điều tiết ngân sách nhằm giữ lại một phần lớn hơn từ các khoản thu phân chia (thuế, phí) cho ngân sách địa phương, thay vì nộp hầu hết về Trung ương. Việc này nhằm mục đích tăng nguồn lực tài chính để đầu tư phát triển hạ tầng, cải thiện dịch vụ công và tạo động lực tăng trưởng bền vững.

- Thứ hai, cấu lại danh mục đầu tư công, ưu tiên các dự án trọng điểm, có tính lan tỏa cao, hạn chế đầu tư dàn trải. Tăng cường huy động các nguồn lực ngoài ngân sách như PPP, khai thác quỹ đất; đồng thời tranh thủ tối đa nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân. Chủ động xây dựng lộ trình cân đối vốn trung hạn, đảm bảo an toàn nợ công và ổn định ngân sách địa phương.

- Thứ ba, tăng cường khai thác hiệu quả quỹ đất, đẩy nhanh công tác lập, phê duyệt quy hoạch, bồi thường, giải phóng mặt bằng để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, tạo nguồn thu cho ngân sách. Rà soát, ưu tiên bố trí các khu đất có vị trí thuận lợi, tiềm năng cao nhằm tối đa hóa giá trị thu.

- Thứ tư, chủ động xây dựng kế hoạch phát hành trái phiếu chính quyền địa phương phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và trần nợ công, nhằm huy động nguồn vốn trung và dài hạn cho các dự án hạ tầng trọng điểm. Việc phát hành cần gắn với phương án trả nợ cụ thể, đồng thời lựa chọn thời điểm, kỳ hạn và lãi suất phát hành hợp lý để nâng cao hiệu quả huy động vốn.

- Thứ năm, chủ động xây dựng kế hoạch vay của chính quyền địa phương trong giai đoạn 2026–2030, bảo đảm trong giới hạn dư nợ theo quy định của Luật Ngân sách, nhằm huy động nguồn lực bổ sung cho đầu tư các

dự án hạ tầng trọng điểm. Tăng cường khai thác các nguồn vay ưu đãi, vay lại vốn vay nước ngoài (Cho vay lại) của Chính phủ với chi phí hợp lý, thời hạn dài. Bên cạnh đó, xây dựng phương án sử dụng vốn vay hiệu quả, gắn với khả năng trả nợ từ nguồn thu ngân sách.

7. Tác động đến kiến trúc đô thị và cảnh quan

7.1. Tác động tích cực

Việc thành lập Thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương dự kiến sẽ tạo ra những thay đổi rõ trong cách tiếp cận quy hoạch và tổ chức không gian đô thị. Đây là điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng kiến trúc đô thị và từng bước hình thành hệ thống cảnh quan đồng bộ, hiện đại và có bản sắc. Khi chuyển sang mô hình thành phố trực thuộc Trung ương, hệ thống quy hoạch đô thị có điều kiện được rà soát và điều chỉnh một cách toàn diện. Các đồ án quy hoạch hiện có cần được cập nhật phù hợp với yêu cầu phát triển mới, nhất là trong bối cảnh các động lực lớn đang hình thành như Cảng hàng không quốc tế Long Thành, hệ thống logistics quy mô quốc tế, các hành lang giao thông liên vùng và các khu vực dự kiến phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo. Việc cập nhật quy hoạch theo hướng tích hợp đa ngành sẽ giúp tổ chức không gian đô thị chặt chẽ hơn, hạn chế tình trạng phát triển thiếu kiểm soát và nâng cao chất lượng môi trường sống đô thị.

Quá trình hình thành Thành phố Đồng Nai cũng tạo điều kiện để phát triển mô hình đô thị đa trung tâm, gắn với các cực tăng trưởng hiện hữu. Các khu vực Biên Hòa, Long Thành và Nhơn Trạch tiếp tục giữ vai trò động lực, từng bước hình thành các khu đô thị có mức độ liên kết cao về hạ tầng và chức năng. Không gian đô thị ven sông Đồng Nai, các khu vực gắn với sân bay Long Thành và các đô thị dịch vụ, logistics có điều kiện được tổ chức theo hướng hiện đại hơn, nâng cao khả năng cạnh tranh với các đô thị trong vùng Đông Nam Bộ.

Việc chuyển sang mô hình thành phố trực thuộc Trung ương cũng mở ra cơ hội đầu tư các công trình kiến trúc quy mô lớn và có giá trị thẩm mỹ cao. Các khu trung tâm hành chính, trung tâm thương mại - dịch vụ, công trình văn hóa, thể thao và hệ thống không gian công cộng có điều kiện được đầu tư đồng bộ, qua đó từng bước định hình diện mạo đô thị rõ nét hơn và nâng cao chất lượng cảnh quan chung.

Một thuận lợi lớn nữa là khả năng bảo tồn và phát huy các giá trị cảnh quan tự nhiên và di sản văn hóa. Hệ thống sông Đồng Nai, hồ Trị An, hồ Thác Mơ, núi Chứa Chan, núi Bà Rá và các khu rừng tự nhiên quy mô lớn là những yếu tố quan trọng trong cấu trúc không gian đô thị tương lai. Việc phát triển theo định hướng sinh thái và bền vững sẽ góp phần bảo vệ các hành lang

sinh thái, hình thành các vành đai xanh và các không gian mở quy mô lớn, đồng thời nâng cao chất lượng môi trường sống và tạo bản sắc riêng cho đô thị.

Quá trình này cũng tạo điều kiện để từng bước áp dụng các giải pháp quy hoạch và thiết kế đô thị tiên tiến. Các khu đô thị thông minh, đô thị xanh và các không gian công cộng thân thiện với người dân có thể được phát triển đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện đại. Điều này góp phần nâng cao chất lượng kiến trúc và cảnh quan đô thị, đồng thời tăng sức hấp dẫn của thành phố trong thu hút đầu tư và nguồn nhân lực chất lượng cao.

7.2. Hạn chế, khó khăn

Bên cạnh các tác động tích cực, quá trình hình thành Thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương cũng đặt ra nhiều thách thức đối với công tác quản lý kiến trúc và phát triển cảnh quan đô thị, đặc biệt trong giai đoạn chuyển đổi ban đầu.

Tốc độ đô thị hóa được dự báo tiếp tục gia tăng nhanh, kéo theo nhu cầu lớn về phát triển khu công nghiệp, khu đô thị và các dịch vụ đô thị. Nếu không kiểm soát chặt chẽ, áp lực phát triển có thể dẫn đến tình trạng đầu tư thiếu đồng bộ, gia tăng mật độ xây dựng cục bộ hoặc hình thành các khu vực đô thị chưa hoàn chỉnh về hạ tầng. Những tồn tại này có thể tác động trực tiếp đến chất lượng không gian kiến trúc và làm giảm mỹ quan đô thị.

Một khó khăn khác là sự chênh lệch về trình độ phát triển kiến trúc giữa các khu vực. Trong khi các đô thị trung tâm như Biên Hòa, Long Thành và Nhơn Trạch đang phát triển nhanh với nhiều dự án quy mô lớn, một số khu vực đô thị nhỏ hoặc khu vực chuyển tiếp từ nông thôn lên đô thị vẫn còn hạn chế về hạ tầng kỹ thuật, không gian công cộng và chất lượng cảnh quan. Nếu không có giải pháp điều chỉnh kịp thời, sự chênh lệch này có thể dẫn đến hình ảnh kiến trúc đô thị thiếu đồng nhất và làm giảm tính nhận diện chung của đô thị.

Việc bảo tồn cảnh quan tự nhiên và các giá trị di sản văn hóa trong điều kiện phát triển nhanh cũng là một thách thức đáng lưu ý. Các khu vực ven sông Đồng Nai, khu vực hồ, rừng và các không gian sinh thái nếu không được quản lý chặt chẽ có nguy cơ bị thu hẹp hoặc suy giảm chất lượng môi trường. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến cảnh quan mà còn tác động đến tính bền vững của đô thị trong dài hạn.

Ngoài ra, yêu cầu quản lý đô thị sẽ ngày càng cao khi quy mô đô thị mở rộng nhanh. Công tác quản lý quy hoạch, quản lý kiến trúc, kiểm soát trật tự xây dựng và bảo vệ cảnh quan đòi hỏi đội ngũ cán bộ chuyên môn phải

được tăng cường cả về số lượng và năng lực. Nếu nguồn nhân lực không được chuẩn bị đầy đủ, việc kiểm soát phát triển không gian đô thị trong giai đoạn đầu có thể gặp nhiều khó khăn.

7.3 Giải pháp

Để phát huy các tác động tích cực và khắc phục những khó khăn trong quá trình hình thành Thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương, cần triển khai đồng bộ các giải pháp về quy hoạch, quản lý kiến trúc và phát triển cảnh quan đô thị, trong đó ưu tiên các nhiệm vụ có tính nền tảng và khả năng triển khai sớm.

Trọng tâm trước hết là hoàn thiện hệ thống quy hoạch đô thị theo hướng tích hợp và đồng bộ. Các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết cần được rà soát, điều chỉnh phù hợp với mô hình phát triển đô thị đa trung tâm, bảo đảm sự kết nối hợp lý giữa các khu vực đô thị và các không gian sinh thái tự nhiên. Đối với các khu vực có ý nghĩa quan trọng như khu vực sân bay Long Thành, khu vực ven sông Đồng Nai và các trung tâm đô thị mới, cần sớm xây dựng và ban hành quy chế quản lý kiến trúc để làm cơ sở kiểm soát phát triển ngay từ giai đoạn đầu.

Một nội dung quan trọng khác là phát triển hệ thống không gian công cộng và cảnh quan đô thị theo quy hoạch đã được xác định. Các trục cảnh quan chính, công viên đô thị quy mô lớn và các không gian mở ven sông, ven hồ cần được xác định rõ vị trí và quy mô trong quy hoạch, đồng thời xây dựng kế hoạch đầu tư theo lộ trình cụ thể. Việc hình thành các vành đai xanh, hành lang sinh thái và các khu đô thị sinh thái cần gắn chặt với các dự án phát triển đô thị, nhằm duy trì sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

Công tác quản lý trật tự xây dựng và kiểm soát phát triển kiến trúc cần được tăng cường ngay từ giai đoạn đầu của quá trình phát triển đô thị. Các công trình xây dựng phải được kiểm soát chặt chẽ về chỉ tiêu quy hoạch, chiều cao, mật độ và hình thức kiến trúc, bảo đảm tuân thủ quy hoạch và quy chế quản lý kiến trúc đã ban hành. Đồng thời, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý quy hoạch và kiến trúc đô thị, từng bước xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu không gian đô thị và hệ thống quản lý đô thị thông minh, qua đó nâng cao hiệu quả giám sát và kiểm soát phát triển không gian.

Bên cạnh các giải pháp về quy hoạch và quản lý, việc chuẩn bị nguồn nhân lực cũng có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả quản lý đô thị trong giai đoạn tới. Cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc và quản lý đô thị, bảo đảm đáp ứng yêu cầu quản lý một đô thị có quy mô lớn và tốc độ phát triển nhanh. Đồng thời, cần có cơ chế huy

động hiệu quả các nguồn lực xã hội để đầu tư các công trình kiến trúc và cảnh quan có giá trị thẩm mỹ cao, góp phần tạo dựng hình ảnh Thành phố Đồng Nai hiện đại, văn minh và có bản sắc riêng.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI SAU KHI THÀNH LẬP

1. Quan điểm phát triển thành phố Đồng Nai

- Xây dựng hệ thống chính trị thành phố Đồng Nai trong sạch, vững mạnh; đội ngũ cán bộ thực sự tiêu biểu, mẫu mực về bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu; bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Xây dựng và phát triển Đồng Nai là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị.

- Xây dựng Đồng Nai trở thành thành phố cửa ngõ chiến lược, cực tăng trưởng đa chức năng, trung tâm kết nối các vùng kinh tế phía Nam về hàng không - công nghiệp công nghệ cao - logistics - thương mại biên giới - nông nghiệp công nghệ cao - đổi mới sáng tạo với đặc trưng “thành phố sân bay” làm đòn bẩy chiến lược, kết nối toàn cầu, phát triển ngang tầm với các thành phố sân bay lớn trong khu vực và quốc tế.

- Quy hoạch Đồng Nai với tầm nhìn chiến lược dài hạn theo không gian phát triển mở, hạ tầng giao thông đa chiều, cấu trúc đô thị đa tầng, đa trung tâm hiện đại, lấy hệ thống sông và hệ sinh thái tự nhiên làm trục cảnh quan chủ đạo; phát triển giao thông thông minh, đô thị thông minh, xanh, sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu; chiến lược phát triển Đồng Nai gắn kết chặt chẽ với các vùng Đông Nam Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long, cả nước, khu vực và quốc tế.

- Phát triển mô hình tăng trưởng mới với nền tảng là các ngành kinh tế trọng điểm theo hướng lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm phương thức phát triển chủ đạo; lấy doanh nghiệp làm trung tâm đổi mới sáng tạo, lấy dữ liệu làm tài nguyên chiến lược. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và đối ngoại; xây dựng khu vực biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển bền vững; bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, an ninh biên giới.

- Xây dựng và phát triển Đồng Nai “Văn minh - Hiện đại - Hạnh phúc”; lấy con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, nâng cao sức khỏe, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân là trụ cột của sự phát triển bền vững. Đổi mới tư duy phát triển; xác lập

thể chế đặc thù, vượt trội; phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, toàn diện gắn với cơ chế thử nghiệm có kiểm soát và trách nhiệm giải trình, bảo đảm chính quyền Đồng Nai có đủ thẩm quyền, công cụ và nguồn lực để phát huy tối đa lợi thế, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện đối với các vấn đề phát triển của địa phương.

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Mục tiêu chung

Năm 2026: Đồng Nai trở thành thành phố. Tập trung đầu tư hệ thống hạ tầng giao thông kết nối đồng bộ, hiện đại; xây dựng và đưa vào vận hành các phân khu động lực, hạ tầng khung và các chức năng chủ yếu, làm cơ sở định hình và phát triển đô thị sân bay Long Thành.

Đến năm 2035: Đồng Nai là đô thị động lực mới của quốc gia. Phát triển Đồng Nai trở thành trung tâm công nghiệp công nghệ cao, logistics, kinh tế hàng không và dịch vụ chất lượng cao của quốc gia và khu vực, có năng lực cạnh tranh quốc tế; phát triển theo mô hình đô thị ven sông, đô thị đa trung tâm, đô thị đa mục tiêu, xanh, thông minh. Phát triển kinh tế gắn chặt với phát triển văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của Nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế sâu rộng; hướng đến xây dựng thành phố Đồng Nai kết nối toàn cầu.

Đến năm 2045: Đồng Nai trở thành trung tâm hàng không hiện đại của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, là trung tâm kinh tế tri thức, phát triển năng động; chỉ số phát triển con người (HDI) đạt mức cao; quản trị đô thị hiện đại; xã hội văn minh, an toàn, đáng sống, hạnh phúc.

Đến năm 2065: Đồng Nai là thành phố kết nối toàn cầu, có chất lượng sống và hạnh phúc cao trên thế giới; thuộc nhóm các thành phố sân bay đa chức năng.

2.2. Chỉ tiêu cụ thể

Giai đoạn 2026-2030: Tăng trưởng GRDP bình quân trên 10%/năm. Đến năm 2030: Quy mô GRDP đạt trên 1.200.000 tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người đạt trên 250.000.000 đồng; tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP; tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm khoảng 40% GRDP; tỷ lệ đô thị hóa đạt 55%.

Giai đoạn 2031-2035: Tăng trưởng GRDP bình quân từ 10% trở lên. Quy mô GRDP đạt khoảng 2.000.000 tỷ đồng; tỷ lệ đóng góp của kinh tế số vào tăng trưởng đạt 40%; tỷ lệ đóng góp của các nhân tố tổng hợp (TFP) vào

tăng trưởng đạt 60%; GRDP bình quân đầu người đạt 380.000.000 đồng, tiệm cận mức thu nhập của các đô thị phát triển trong khu vực.

Giai đoạn 2036-2045: Tăng trưởng GRDP bình quân từ 10% trở lên. Quy mô GRDP đạt khoảng 4.800.000 tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người thuộc nhóm cao trong khu vực, đạt tối thiểu 760.000.000 đồng; tiếp tục nâng cao năng suất, chất lượng tăng trưởng; tăng tỷ trọng kinh tế số trong GRDP. Hoàn thành mục tiêu phát thải ròng bằng “0” (Net Zero).

Giai đoạn 2046-2065: Tăng trưởng GRDP bình quân từ 8% trở lên. Quy mô GRDP đạt khoảng 24.000.000 tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người đạt 2.700.000.000 đồng.

3. Các nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá

3.1. Các nhiệm vụ trọng tâm

3.1.1. Về xây dựng cơ chế chính sách, đề án

- Xây dựng đề án đề xuất Quốc hội ban hành Nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội phát triển Đồng Nai, trong đó có bao gồm thành lập khu thương mại tự do.

- Xây dựng và triển khai các đề án, gồm: Đề án phát triển Đồng Nai trở thành Thành phố trực thuộc trung ương vào năm 2035; Đề án phát triển đô thị thông minh cho Đồng Nai; đề án nâng cao năng lực, thích ứng biến đổi khí hậu Đồng Nai.

- Xây dựng đề án và triển khai các hoạt động phát triển kinh tế tầm thấp trên địa bàn Đồng Nai.

- Xây dựng đề án thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực trình độ cao tới sinh sống và làm việc tại Đồng Nai.

3.1.2. Về cảng hàng không quốc tế Long Thành và đô thị sân bay Long Thành

- Hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành cảng hàng không quốc tế Long Thành.

- Quy hoạch và triển khai quy hoạch đô thị sân bay Long Thành, trong đó bao gồm khu thương mại tự do, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu đổi mới sáng tạo, khu giáo dục đào tạo đại học chất lượng cao, khu logistics hàng không, trung tâm dịch vụ hàng không, đảm bảo điều kiện làm việc và sinh sống của tầng lớp trí thức, sáng tạo trong khu vực.

- Xây dựng các công trình đủ điều kiện phục vụ các sự kiện, triển lãm, và hội nghị cấp vùng và quốc tế.

3.1.3. Về phát triển đô thị và hạ tầng giao thông

- Phê duyệt quy hoạch đô thị sân bay Long Thành, đô thị Biên Hòa, đô thị Trảng Bom, đô thị Nhơn Trạch và các quy hoạch phân khu đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra.

- Tập trung nguồn lực quy hoạch và xây dựng tuyến đại lộ ven sông Đồng Nai quy mô 8-10 làn xe và đường ven hồ Trị An.

- Phối hợp xây dựng hoàn thiện hệ thống đường cao tốc, quốc lộ, hạ tầng kết nối vùng, hạ tầng giao thông kết nối phía Bắc và phía Nam Đồng Nai, các tuyến đường sắt quốc gia và cấp vùng đi qua địa bàn tỉnh, các trung tâm logistics dọc theo tuyến đường sắt và các tuyến đường giao thông lớn, gắn các cảng hàng không, cảng đường thủy, cảng biển.

- Di dời các cảng thủy nội địa hàng hóa và vật liệu xây dựng ra khỏi khu vực đô thị.

- Đẩy nhanh việc xây dựng tuyến đường sắt Thủ Thiêm - Long Thành; đường sắt đô thị đoạn Suối Tiên - Trung tâm chính trị, hành chính tỉnh - Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

- Đẩy mạnh triển khai phát triển đô thị gắn với định hướng giao thông công cộng (TOD).

- Tập trung thực hiện các dự án, công trình trọng điểm của tỉnh theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.1.4. Về khu công nghiệp, cụm công nghiệp

- Triển khai xây dựng và phát triển khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư trở thành hạt nhân trong phát triển kinh tế - xã hội khu vực biên giới phía Bắc Đồng Nai.

- Xây dựng các khu công nghiệp xanh, khu công nghiệp sinh thái, thực hiện chuyển đổi các khu công nghiệp hiện hữu theo lộ trình thực hiện mục tiêu giảm phát thải các-bon. Tập trung thu hút đầu tư các dự án hiện đại, có giá trị gia tăng cao, công nghệ mới, thân thiện môi trường, gắn với chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực.

- Sắp xếp lại các khu, cụm công nghiệp đã được phê duyệt mà chưa triển khai theo hướng gắn với các trục giao thông chính (dọc tuyến cao tốc, vành đai), trung tâm logistics và mở rộng quy mô hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn khu, cụm công nghiệp sinh thái.

3.2. Các khâu đột phá

3.2.1. Về định hướng chiến lược: Quy hoạch và phát triển các khu vực hướng tới mục tiêu chiến lược về phát triển bền vững, môi trường sống tốt, thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực trình độ cao đến sinh sống và làm việc tại Đồng Nai.

3.2.2. Về kết cấu hạ tầng

- Khai thác hiệu quả cảng hàng không quốc tế Long Thành gắn với mô hình đô thị sân bay. Hoàn thành bộ khung kết nối nội tỉnh, vùng, liên vùng và quốc tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu trong toàn tỉnh. Thúc đẩy phát triển đô thị gắn với định hướng giao thông công cộng (TOD).

- Phát triển hệ thống hạ tầng giao thông kết nối, huyết mạch gồm cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, vành đai 3 và vành đai 4 vùng Thành phố Hồ Chí Minh, mở rộng cao tốc TP.HCM - Long Thành - Dầu Giây và các tuyến kết nối trực tiếp với sân bay Long Thành; kết hợp các tuyến metro chiến lược gồm tuyến TP.HCM - Thủ Đức - Nhơn Trạch - Long thành, tuyến Biên Hòa - TP.HCM, tuyến Long Thành - Vũng Tàu, định hướng tuyến kết nối Long Thành với khu vực đồng bằng sông Cửu Long và hệ thống giao thông công cộng nhằm hình thành mạng lưới giao thông liên vùng hiện đại.

3.2.3. Về công nghiệp, đô thị

- Xây dựng Đồng Nai trở thành đô thị hiện đại, đô thị xanh và bền vững với việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật vào hệ thống quản lý đô thị thông minh.

- Khai thác hiệu quả hệ thống sông Đồng Nai để phát triển không gian đô thị ven sông hiện đại, kết hợp sinh thái - văn hóa - du lịch, hình thành các đại lộ ven sông, công viên sinh thái và các khu dịch vụ, văn hóa - nghệ thuật. Việc phát triển không gian đô thị ven sông không chỉ tạo cảnh quan và nâng cao chất lượng sống, mà còn thúc đẩy phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch và thương mại, góp phần xây dựng hình ảnh đô thị đặc trưng của Đồng Nai.

- Xây dựng các khu công nghiệp xanh, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp công nghệ cao, thu hút các ngành như bán dẫn, robot, trí tuệ nhân tạo và sản xuất thông minh trên cơ sở có lộ trình chuyển đổi, nâng cấp các khu công nghiệp hiện hữu để thực hiện mục tiêu giảm phát thải các-bon. Tập trung thu hút đầu tư các dự án hiện đại, có giá trị gia tăng cao, công nghệ mới, thân thiện môi trường, gắn với chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực.

3.2.4. Văn hóa và du lịch

Khai thác hiệu quả các lợi thế về tài nguyên thiên nhiên và văn hóa để phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp và du lịch văn hóa, gắn với các khu vực trọng điểm như hồ Trị An, Núi Chứa chan, Vườn quốc gia Cát Tiên và hệ thống sông hồ của tỉnh.

Triển khai các dự án đô thị, du lịch, dịch vụ nghỉ dưỡng đẳng cấp ven sông, ven núi, ven hồ, tập trung phát triển các khu đô thị - du lịch - dịch vụ kề cận sân bay Long Thành; khu đô thị - du lịch núi Chứa Chan, hồ Núi Le; khu đô thị - du lịch hồ Suối Giai; khu đô thị - du lịch núi Bà Rá - Thác Mơ; chuỗi đô thị ven sông Đồng Nai (tập trung các khu vực đô thị Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch).

3.2.5. Về nguồn nhân lực

Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo gắn với các trung tâm nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ và các trường đại học, hình thành các khu đổi mới sáng tạo tại Long Thành và Nhơn Trạch. Đồng thời, nghiên cứu thành lập Đại học Công nghệ Quốc tế Đồng Nai, tạo nền tảng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghệ mới. Đây sẽ là động lực quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế tri thức và công nghiệp công nghệ cao.

Thành lập các tổ hợp giáo dục và đào tạo đại học quy mô lớn tại đô thị Long Thành, đô thị Nhơn Trạch, đô thị Long Khánh, đô thị Đồng Xoài. Đẩy mạnh đào tạo, nâng cao năng lực và thu hút, giữ chân, trọng dụng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực trình độ cao. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

4. Định hướng phát triển các ngành, các lĩnh vực

4.1. Khung định hướng

Để hiện thực hóa tầm nhìn và các mục tiêu phát triển dài hạn, Đồng Nai xây dựng khung định hướng dựa trên 3 trụ cột kinh tế, 8 ngành trọng tâm và 6 yếu tố then chốt, tạo lập nền tảng cho tỉnh trở thành hình mẫu tiên phong của Việt Nam về nền kinh tế công nghiệp công nghệ cao và bền vững. Mô hình này đặt trọng tâm vào sản xuất chế tạo xanh và tiên tiến, nông nghiệp công nghệ cao, cùng với vai trò là cửa ngõ logistics mang tầm quốc tế.

4.1.1. Các trụ cột kinh tế và các ngành, lĩnh vực trọng tâm

a) Trụ cột 1: Các động lực tăng trưởng cốt lõi

Đây là nhóm ngành nền tảng, đóng vai trò then chốt trong việc củng cố vị thế công nghiệp của Đồng Nai trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Trụ cột tập trung vào hai ngành chủ đạo:

- Chế tạo chiến lược: Bao gồm các ngành điện tử, thiết bị – linh kiện – máy móc và vật liệu mới, là những ngành có sức hấp dẫn cao, dựa trên năng lực sản xuất và chuỗi cung ứng mạnh của tỉnh. Đồng Nai định hướng phát triển:

+ Các khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp công nghệ cao, hình thành chuỗi liên kết sản xuất quy mô lớn;

+ Trung tâm đào tạo nghề và nguồn nhân lực kỹ thuật cao, gắn kết doanh nghiệp – cơ sở đào tạo – người lao động;

+ Các ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ công nghiệp chế tạo.

- Công nghiệp chế biến nông sản:

Là ngành có biên độ tăng trưởng lớn, gắn kết chặt chẽ với chuỗi giá trị nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh. Các hướng phát triển chính:

+ Chế biến thực phẩm, đồ uống, hàng tiêu dùng từ nông sản;

+ Hình thành các trung tâm logistics lạnh, bảo quản và kiểm định chất lượng;

+ Ứng dụng công nghệ cao vào nông nghiệp (IoT, sinh học, giống mới), tạo đầu vào ổn định cho công nghiệp chế biến;

+ Hướng đến trở thành trung tâm chế biến nông sản chất lượng cao của vùng Đông Nam Bộ.

Trụ cột này bảo đảm duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, tạo nền tảng công nghiệp hóa – hiện đại hóa và lan tỏa sang các ngành liên quan.

b) Trụ cột 2: Các lĩnh vực tăng trưởng mới

Đây là nhóm ngành có khả năng tạo đột phá, gắn với lợi thế mới của Đồng Nai trong giai đoạn khi sân bay Long Thành đi vào vận hành. Nhóm ngành bao gồm ba phân khúc trọng tâm:

- Logistics & vận tải: Tận dụng vị thế cửa ngõ giao thương quốc tế, Đồng Nai phát triển:

+ Trung tâm logistics phục vụ hàng không, hàng hải, đường bộ và đường sắt;

+ Hệ thống kho bãi thông minh, vận tải đa phương thức;

+ Dịch vụ logistics giá trị cao phục vụ thương mại điện tử, công nghiệp và nông nghiệp chế biến.

- Sản xuất chế tạo công nghệ cao: Là động lực tăng trưởng mới với biên độ giá trị lớn, bao gồm:

- + Bán dẫn (semiconductor), vi mạch;
- + Điện tử tiên tiến và thiết bị công nghệ cao;
- + Công nghiệp hàng không – vũ trụ;
- + Công nghệ tầm thấp UAV/Drones và Robotics phục vụ công nghiệp và logistics.

Định hướng phát triển các trung tâm công nghệ, khu công nghiệp thế hệ mới dành riêng cho sản xuất công nghệ cao.

- Dịch vụ tài chính thương mại & đổi mới sáng tạo: Nhóm ngành dịch vụ chất lượng cao hỗ trợ doanh nghiệp và kinh tế tri thức:

- + Trung tâm nghiên cứu & phát triển (R&D), công viên khoa học (science park);
- + Dịch vụ tài chính thương mại, tư vấn công nghệ, chuyển đổi số;
- + Hệ sinh thái startup công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm, các vườn ươm khởi nghiệp.

Trụ cột này giúp Đồng Nai bước vào chuỗi giá trị cao hơn, tạo sức hút với chuyên gia quốc tế và doanh nghiệp công nghệ.

c) Trụ cột 3: Các ngành đời sống và phát triển bền vững

Đây là nhóm ngành bảo đảm phát triển hài hòa kinh tế – xã hội – môi trường, hướng Đồng Nai trở thành một tỉnh phát triển bền vững, đáng sống, thân thiện môi trường.

- Dịch vụ đô thị: Bao gồm ba lĩnh vực cốt lõi:

+ Bất động sản đô thị – thương mại – dịch vụ: Phát triển chuỗi đô thị hiện đại ven sông, ven hồ, ven núi; đô thị sân bay Long Thành đẳng cấp khu vực;

+ Y tế: Xây dựng hệ thống bệnh viện – trung tâm y tế chất lượng cao;

+ Giáo dục: Phát triển các cơ sở giáo dục quốc tế, đào tạo nhân lực chất lượng cao, các tổ hợp giáo dục – nghiên cứu.

- Du lịch: Bao gồm:

+ Du lịch sinh thái (rừng Nam Cát Tiên, hồ Trị An...); nghỉ dưỡng/sức khỏe/y tế (góp phần xây dựng nền kinh tế bạc)

+ Du lịch văn hóa – lịch sử – tâm linh;

+ Du lịch MICE (hội nghị - hội thảo - triển lãm), gắn với sân bay Long Thành và chuỗi đô thị cửa ngõ.

- Năng lượng xanh: Hướng tới mô hình tăng trưởng bền vững và Net Zero 2050:

- + Phát triển năng lượng tái tạo (điện mặt trời, biomass);
- + Ứng dụng giải pháp tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải carbon;
- + Hình thành hệ sinh thái công nghiệp xanh và tuần hoàn.

4.1.2. Sáu yếu tố then chốt

Để bảo đảm thành công, Đồng Nai ưu tiên triển khai sáu yếu tố then chốt, bao gồm:

- Quy hoạch phân vùng và không gian rõ ràng, bài bản, hướng tới hình thành các cụm động lực tăng trưởng;
- Chính sách ưu tiên đặc thù và mô hình quản trị vùng chiến lược, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư và điều phối phát triển;
- Nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của các ngành công nghệ cao, logistics và dịch vụ mới;
- Hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, toàn diện, đặc biệt là hạ tầng giao thông, logistics và hạ tầng số;
- Liên kết với các trung tâm trong khu vực, bảo đảm kết nối trực tiếp với TP. Hồ Chí Minh và các đầu mối giao thương quốc tế;
- Nguồn vốn đa dạng và chất lượng cao, từ ngân sách, ODA, PPP đến các tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước.

4.2. Định hướng tổng thể phát triển các ngành kinh tế

4.2.1. Ngành công nghiệp

Đồng Nai định hướng phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao, thân thiện môi trường, với nhà đầu tư chiến lược thế hệ mới là động lực trung tâm. Công nghiệp tiếp tục giữ vai trò trụ cột tăng trưởng của nền kinh tế tỉnh, không chỉ đóng góp trực tiếp vào GRDP mà còn tạo nền tảng lan tỏa cho dịch vụ, nông – lâm nghiệp và các ngành kinh tế khác.

Tầm nhìn đến năm 2050, Đồng Nai trở thành trung tâm công nghiệp hỗ trợ quan trọng của Việt Nam và khu vực, dựa trên bốn cấu phần cốt lõi: Khu công nghiệp chuyên ngành và khu công nghiệp công nghệ cao; Hệ thống dịch vụ hỗ trợ công nghiệp hoàn chỉnh; Trung tâm R&D và đổi mới sáng tạo gắn với sản xuất và Hệ thống đào tạo – giáo dục nghề nghiệp cung cấp nhân lực chất lượng cao; chuyển đổi dần sang mô hình khu công nghiệp công nghệ cao, thu hút các ngành như bán dẫn, robot, trí tuệ nhân tạo và sản xuất thông minh.

Tầm nhìn đến năm 2050, Đồng Nai trở thành trung tâm công nghiệp hỗ trợ quan trọng của Việt Nam và khu vực, dựa trên bốn cấu phần cốt lõi: Khu công nghiệp chuyên ngành và khu công nghiệp công nghệ cao; Hệ thống dịch vụ hỗ trợ công nghiệp hoàn chỉnh; Trung tâm R&D và đổi mới sáng tạo gắn với sản xuất và Hệ thống đào tạo – giáo dục nghề nghiệp cung cấp nhân lực chất lượng cao.

a) Mục tiêu phát triển đến năm 2030

- Tăng trưởng giá trị gia tăng ngành Công nghiệp - Xây dựng đạt 12-13%/năm, cao gần gấp đôi giai đoạn trước;
- Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng trưởng trung bình 12,7%/năm;
- Công nghiệp – xây dựng chiếm 61% GRDP tỉnh;
- Công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 82% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp.

Định hướng rõ ràng là chuyển mạnh sang công nghiệp chế tạo giá trị cao, giảm dần phụ thuộc vào các ngành thâm dụng lao động và tài nguyên.

b) Định hướng phát triển các ngành công nghiệp chủ lực

- Chế tạo máy và cơ khí - nền tảng công nghiệp hỗ trợ: Đồng Nai xác định cơ khí - chế tạo máy là ngành chiến lược, phát huy lợi thế hệ thống khu công nghiệp quy mô lớn và vị trí cửa ngõ Đông Nam Bộ để tham gia sâu vào chuỗi cung ứng thiết bị và linh kiện. Trọng tâm phát triển là cơ khí phục vụ công nghiệp, nông nghiệp và chế biến nông - lâm sản; đẩy mạnh cơ khí chính xác, khuôn mẫu và linh kiện tiêu chuẩn cao nhằm nâng tỷ lệ nội địa hóa và hàm lượng công nghệ. Đồng thời, tỉnh từng bước hình thành năng lực sản xuất robot và tự động hóa, bắt đầu từ linh kiện và lắp ráp, làm nền tảng cho hệ sinh thái robot công nghiệp.

- Điện - điện tử - ngành lan tỏa công nghệ: Ngành điện - điện tử được định vị là trụ cột công nghệ, gắn với xu thế tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Đồng Nai tập trung phát triển điện tử tiên tiến phục vụ công nghiệp và y tế, xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo kết nối doanh nghiệp FDI, tập đoàn lớn và doanh nghiệp trong nước. Song song đó là hoàn thiện chuỗi cung ứng điện – điện tử từ linh kiện, vật tư, đóng gói đến logistics, đáp ứng tiêu chuẩn của các tập đoàn toàn cầu.

- Ngành vật liệu – từ truyền thống sang xanh và công nghệ cao: Đồng Nai tiếp tục khai thác lợi thế vật liệu xây dựng truyền thống, đồng thời chuyển dịch sang vật liệu xanh và vật liệu công nghệ cao. Trọng tâm là nâng cấp sản xuất xi măng, bê tông theo hướng tiết kiệm năng lượng, giảm phát

thải; kiểm soát chặt chẽ môi trường và bố trí sản xuất trong các khu, cụm công nghiệp có hạ tầng đồng bộ; tỉnh từng bước phát triển các loại vật liệu mới như vật liệu quang học, điện tử, composite, nano và bao bì phân hủy sinh học.

- Chế biến nông - lâm sản - động lực giá trị gia tăng: Ngành chế biến nông - lâm sản được xác định là động lực tăng trưởng cốt lõi, dựa trên lợi thế vùng nguyên liệu và liên kết vùng. Định hướng phát triển là hình thành các cụm chế biến gắn với vùng nguyên liệu, tổ chức theo chuỗi giá trị và đẩy mạnh chế biến sâu, công nghệ cao. Đồng Nai ưu tiên phát triển thực phẩm giá trị cao, thực phẩm xuất khẩu, sản phẩm thuần chay và Halal; đồng thời nâng cấp chế biến lâm sản theo hướng thâm dụng vốn và công nghệ, tập trung vào sản phẩm nội thất chất lượng cao.

- Sản xuất chế tạo công nghệ cao - trụ cột tăng trưởng mới: Đồng Nai ưu tiên phát triển các phân khúc công nghệ cao có tính khả thi và khả năng kết nối chuỗi giá trị toàn cầu. Trọng tâm gồm bán dẫn (OSAT) với hoạt động lắp ráp, đóng gói, kiểm tra chip; linh kiện hàng không và dịch vụ MRO gắn với sân bay Long Thành; robot và UAV phục vụ công nghiệp, logistics và nông nghiệp. Tỉnh phát triển các cụm công nghiệp công nghệ cao theo mô hình tập trung, liên kết và hỗ trợ nhằm rút ngắn thời gian triển khai và tăng sức hấp dẫn FDI.

- Công nghiệp năng lượng - nền tảng cho tăng trưởng xanh: Ngành năng lượng được định hướng phát triển theo hướng sạch và bền vững, gắn với mô hình khu công nghiệp - đô thị sinh thái. Trọng tâm là phát triển điện mặt trời, thủy điện, điện rác, sinh khối và LNG thế hệ mới; tích hợp các giải pháp tiết kiệm năng lượng, điện mặt trời mái nhà và quản lý năng lượng thông minh trong khu công nghiệp. Qua đó, Đồng Nai từng bước hình thành nền tảng cho hệ sinh thái công nghiệp xanh.

c) Định hướng các ngành công nghiệp khác

- Dệt may - da giày: Duy trì ổn định việc làm, nâng cấp công nghệ, giảm dần thâm dụng lao động, tiến tới R&D.

- Hóa chất: Tập trung hóa chất tiêu dùng, hóa mỹ phẩm, phát triển bền vững, gắn với R&D và tiêu chuẩn an toàn cao.

- Dược phẩm và thiết bị y tế: Đi từ sản xuất - đóng gói, lắp ráp đến R&D thuốc thế hệ mới và thiết bị y tế thông minh.

- Phương tiện vận tải: Phát triển hệ sinh thái ô tô, đặc biệt là xe điện, linh kiện công nghệ cao, tận dụng lợi thế sân bay Long Thành.

d) Giải pháp thực hiện

- Hoàn thiện quy hoạch và phát triển hệ thống khu công nghiệp hiện đại

Tổ chức lại không gian phát triển công nghiệp theo hướng tập trung, chuyên ngành và công nghệ cao, gắn với quy hoạch đô thị và hạ tầng logistics của tỉnh. Tiếp tục nâng cấp các khu công nghiệp hiện hữu theo mô hình khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp thông minh, đồng thời phát triển các khu công nghiệp chuyên ngành cho cơ khí chế tạo, điện – điện tử, vật liệu mới, bán dẫn và chế biến nông – lâm sản. Hình thành các cụm công nghiệp hỗ trợ nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào chuỗi cung ứng công nghiệp.

- Thu hút nhà đầu tư chiến lược và phát triển công nghiệp công nghệ cao

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút các tập đoàn công nghệ lớn và nhà đầu tư chiến lược thế hệ mới trong các lĩnh vực công nghiệp mũi nhọn như điện tử, bán dẫn, robot, thiết bị hàng không, vật liệu mới và công nghiệp sinh học. Ưu tiên các dự án có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn và khả năng lan tỏa, qua đó hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp công nghệ cao và từng bước tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ và nâng cao tỷ lệ nội địa hóa

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt trong các ngành cơ khí chế tạo, điện – điện tử, ô tô, thiết bị công nghiệp và chế biến nông sản. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp nội địa tham gia chuỗi cung ứng của các tập đoàn đa quốc gia. Đồng thời triển khai các chương trình hỗ trợ đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất và tiêu chuẩn chất lượng cho doanh nghiệp công nghiệp.

- Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi công nghệ trong sản xuất công nghiệp

Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D), ứng dụng công nghệ mới như tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, robot và sản xuất thông minh. Hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ gắn với khu công nghiệp và doanh nghiệp sản xuất, góp phần nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp tỉnh.

- Phát triển công nghiệp xanh và bền vững

Thúc đẩy chuyển đổi sang mô hình sản xuất xanh, tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải, khuyến khích doanh nghiệp áp dụng công nghệ sạch và mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất công nghiệp. Đồng thời phát triển các

nguồn năng lượng tái tạo như điện mặt trời, sinh khối và điện rác phục vụ các khu công nghiệp, góp phần xây dựng hệ sinh thái công nghiệp thân thiện với môi trường.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp

Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, cơ sở đào tạo và viện nghiên cứu nhằm đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật cao trong các lĩnh vực cơ khí, điện tử, tự động hóa, công nghệ vật liệu và công nghệ số. Đồng thời xây dựng các chương trình đào tạo nghề chuyên sâu gắn với nhu cầu của các ngành công nghiệp chủ lực, bảo đảm cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho quá trình công nghiệp hóa của tỉnh.

Việc triển khai đồng bộ các giải pháp trên sẽ tạo nền tảng để Đồng Nai chuyển dịch mạnh sang mô hình công nghiệp công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn và phát triển bền vững, từng bước khẳng định vai trò là trung tâm công nghiệp quan trọng của vùng Đông Nam Bộ và cả nước.

4.2.2. Định hướng phát triển thương mại, Dịch vụ

a) Quan điểm

Phát triển thương mại Đồng Nai sau sáp nhập theo hướng hiện đại, bền vững, gắn chặt với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế về vị trí địa - kinh tế, hạ tầng giao thông và hệ thống cửa khẩu để thúc đẩy lưu thông hàng hóa, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế.

Phát triển thương mại gắn với phát triển công nghiệp, nông nghiệp hàng hóa và dịch vụ logistics, tạo động lực thúc đẩy sản xuất, tổ chức hiệu quả các chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp địa phương. Đồng thời phát triển thị trường nội địa vững mạnh, kết hợp mở rộng xuất khẩu, đặc biệt là khai thác lợi thế thương mại biên giới với Campuchia.

Phát triển thương mại theo hướng văn minh, hiện đại, gắn với chuyển đổi số và thương mại điện tử, coi đây là một trong những động lực quan trọng để mở rộng không gian thị trường, nâng cao hiệu quả phân phối và tiêu thụ hàng hóa. Khuyến khích các thành phần kinh tế, đặc biệt khu vực tư nhân, tham gia đầu tư phát triển hạ tầng thương mại và dịch vụ phân phối.

Bảo đảm hài hòa giữa hiệu quả kinh tế và xã hội, gắn phát triển thương mại với bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa, nâng cao đời sống nhân dân và bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới.

b) Mục tiêu

- Mục tiêu chung

Phát triển các ngành dịch vụ của tỉnh trở thành động lực tăng trưởng quan trọng của nền kinh tế, khai thác hiệu quả lợi thế vị trí liên kết vùng, hệ thống hạ tầng giao thông và hạ tầng logistics hiện đại; góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ, gắn với phát triển công nghiệp hiện đại và nông nghiệp công nghệ cao.

Tập trung phát triển đa dạng, đồng bộ và chất lượng cao các ngành dịch vụ, đặc biệt là logistics, dịch vụ thương mại, dịch vụ kinh doanh – đổi mới sáng tạo, dịch vụ đô thị và du lịch. Hình thành các trung tâm dịch vụ quy mô lớn, trong đó đô thị Long Thành giữ vai trò trung tâm dịch vụ tổng hợp gắn với hàng không - logistics - thương mại - du lịch, tạo động lực lan tỏa phát triển cho toàn tỉnh và khu vực.

Đẩy mạnh phát triển thương mại theo hướng văn minh, hiện đại và bền vững, đóng vai trò cầu nối giữa sản xuất và thị trường; góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và xây dựng thương hiệu sản phẩm của tỉnh. Đồng thời phát triển mạnh thị trường nội địa, thúc đẩy xuất khẩu và khai thác hiệu quả lợi thế thương mại biên giới với Campuchia thông qua hệ thống cửa khẩu trên địa bàn.

Cùng với đó, thúc đẩy phát triển các dịch vụ mới gắn với xu hướng dân số và nhu cầu xã hội, trong đó chú trọng phát triển kinh tế bạc với các loại hình dịch vụ chăm sóc sức khỏe, dưỡng lão, du lịch nghỉ dưỡng và các dịch vụ nâng cao chất lượng sống cho người cao tuổi.

Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng thương mại điện tử, phát triển hệ thống hạ tầng thương mại đồng bộ, hiện đại; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội cho phát triển dịch vụ và thương mại, góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Mục tiêu cụ thể đến năm 2030: Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm (VA) của khu vực dịch vụ đạt bình quân khoảng 11 - 12%/năm giai đoạn 2025 - 2030; Tỷ trọng khu vực dịch vụ trong cơ cấu GRDP của tỉnh đạt khoảng 28% vào năm 2030; Tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực dịch vụ đạt khoảng 36 - 37% tổng lao động xã hội vào năm 2030; Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng bình quân 12,5 - 13,5%/năm trong giai đoạn 2026–2030; Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh tăng bình quân từ 10%/năm trở lên; kim ngạch nhập khẩu tăng bình quân 11 - 13%/năm, tiếp tục duy trì cán cân thương mại xuất siêu; Tỷ trọng bán lẻ thông qua các loại hình phân phối hiện đại (siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích...) đạt trên 15% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của tỉnh; Thương mại điện tử phát triển mạnh, phần đầu trên 50% doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh tham gia các sàn thương mại điện tử; hệ thống hạ

tăng kỹ thuật, thanh toán số và môi trường pháp lý cho thương mại điện tử được hoàn thiện, bảo đảm an toàn, thuận lợi cho doanh nghiệp và người tiêu dùng.

c) Giải pháp

- Phát triển thị trường và hệ thống phân phối gắn với xây dựng trung tâm công nghiệp – logistics của vùng

Tập trung phát triển thị trường nội địa và hệ thống phân phối theo hướng hiện đại, quy mô lớn, có tính liên kết vùng và quốc tế, phù hợp với định hướng xây dựng thành phố Đồng Nai trở thành thành phố công nghiệp, đô thị hiện đại, trung tâm logistics và nông nghiệp công nghệ cao của vùng Đông Nam Bộ.

Đẩy mạnh phát triển đồng bộ hạ tầng thương mại và logistics, hình thành các trung tâm thương mại, chợ đầu mối, trung tâm phân phối, trung tâm logistics và hệ thống kho bãi hiện đại gắn với các khu công nghiệp, khu nông nghiệp công nghệ cao và mạng lưới giao thông chiến lược. Qua đó từng bước hình thành hệ sinh thái thương mại - logistics hiện đại, đóng vai trò kết nối sản xuất của tỉnh với thị trường trong nước và quốc tế.

Tăng cường liên kết chặt chẽ giữa sản xuất - chế biến - phân phối - tiêu dùng, hình thành các chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị bền vững đối với các sản phẩm công nghiệp, nông sản chủ lực và sản phẩm OCOP; góp phần nâng cao hiệu quả lưu thông hàng hóa, giảm chi phí logistics và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế địa phương.

- Đẩy mạnh xuất nhập khẩu, nâng cao vị thế trong chuỗi cung ứng quốc tế

Phát triển hoạt động xuất nhập khẩu theo hướng mở rộng thị trường, nâng cao giá trị gia tăng và gắn với phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, qua đó đưa Đồng Nai trở thành trung tâm sản xuất và xuất khẩu quan trọng của vùng Đông Nam Bộ.

Tăng cường xúc tiến thương mại, củng cố các thị trường xuất khẩu chủ lực như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Trung Quốc; đồng thời chủ động khai thác các thị trường mới, đặc biệt trong khu vực ASEAN và các thị trường tiềm năng khác.

Khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, qua đó từng bước nâng cao vị thế hàng hóa Đồng Nai trong chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Thúc đẩy thương mại điện tử và chuyển đổi số trong lĩnh vực thương mại.

Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử và kinh tế số, coi đây là động lực quan trọng thúc đẩy hiện đại hóa ngành thương mại và mở rộng không gian thị trường. Tập trung phát triển hạ tầng số, thanh toán không dùng tiền mặt, hệ thống truy xuất nguồn gốc và các nền tảng thương mại điện tử nhằm nâng cao hiệu quả phân phối và tiêu thụ hàng hóa.

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất tham gia các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế; thúc đẩy tiêu thụ nông sản, sản phẩm công nghiệp và sản phẩm OCOP thông qua các nền tảng số. Đồng thời tăng cường đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thương mại điện tử, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ.

- Phát triển thương mại biên giới và logistics trở thành động lực tăng trưởng mới

Phát huy lợi thế cửa khẩu quốc tế Hoa Lư và hệ thống cửa khẩu trên địa bàn, đẩy mạnh phát triển thương mại biên giới gắn với xây dựng khu kinh tế cửa khẩu hiện đại và trung tâm logistics liên vùng, kết nối hiệu quả với các khu công nghiệp, vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và hệ thống hạ tầng giao thông chiến lược của vùng Đông Nam Bộ.

Tập trung đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống chợ biên giới, trung tâm thương mại, kho bãi và dịch vụ logistics, tăng cường kết nối với thị trường Campuchia và các nước ASEAN; đồng thời đẩy mạnh xúc tiến thương mại, kết nối cung – cầu và thúc đẩy thương mại điện tử xuyên biên giới.

Cùng với đó, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với hoạt động thương mại biên giới; phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng chức năng nhằm tạo thuận lợi thương mại, kiểm soát buôn lậu và gian lận thương mại, bảo đảm an ninh kinh tế, góp phần xây dựng khu vực biên giới hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững, qua đó tạo động lực tăng trưởng mới cho thành phố Đồng Nai và toàn vùng Đông Nam Bộ.

4.2.3. Định hướng dịch vụ Logistics

a) Quan điểm

Phát triển dịch vụ logistics và vận tải trở thành ngành dịch vụ nền tảng, có vai trò dẫn dắt trong nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần đưa Đồng Nai trở thành trung tâm logistics quan trọng và hành lang thương mại chiến lược của vùng Đông Nam Bộ. Việc phát triển logistics phải gắn chặt với hệ thống hạ tầng giao thông chiến lược, đặc biệt là Cảng hàng

không quốc tế Long Thành, hệ thống cảng biển, đường cao tốc, đường sắt và các khu công nghiệp, qua đó hình thành mạng lưới logistics hiện đại, kết nối hiệu quả giữa sản xuất, xuất nhập khẩu và phân phối hàng hóa.

Định hướng tổ chức hệ thống logistics theo mô hình mạng lưới trung chuyển - cửa ngõ - logistics chuyên biệt, nhằm tối ưu hóa chuỗi cung ứng, giảm chi phí vận tải, rút ngắn thời gian lưu chuyển hàng hóa và nâng cao hiệu quả liên kết vùng. Trên cơ sở đó, từng bước xây dựng Đồng Nai trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa và dịch vụ logistics của khu vực phía Nam, thu hút các doanh nghiệp logistics lớn trong nước và quốc tế tham gia đầu tư, phát triển dịch vụ chất lượng cao.

Phát triển dịch vụ logistics dựa trên ba trụ cột chính:

+ Logistics trung chuyển liên vùng: Hình thành các trung tâm trung chuyển và trạm dịch vụ logistics dọc các tuyến giao thông trọng điểm, đặc biệt tại khu vực Trảng Bom, gắn với hệ thống kho bãi, kho lạnh và dịch vụ logistics phục vụ nông nghiệp, công nghiệp. Các trung tâm này đóng vai trò điều phối luồng hàng giữa các địa phương trong vùng, tăng cường kết nối vận tải đa phương thức.

+ Logistics cửa ngõ xuất nhập khẩu: Phát triển các trung tâm logistics quy mô lớn tại khu vực cảng Phước An và các điểm kết nối cửa khẩu, thực hiện các chức năng container, gom – chia hàng, sang tải và chuyển đổi phương thức vận tải. Đồng thời phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng như đóng gói, phân loại, bảo quản, kho lạnh, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu.

+ Logistics hỗ trợ khu thương mại tự do (FTZ): Phát triển hệ sinh thái logistics gắn với khu thương mại tự do Long Thành theo mô hình kho ngoại quan và trung tâm phân phối hàng hóa giá trị cao. Các dịch vụ logistics hiện đại như đóng gói, tái xuất, xử lý hàng hóa đặc thù và quản lý chuỗi cung ứng thông minh được triển khai đồng bộ, từng bước đưa Long Thành trở thành cực tăng trưởng mới về logistics và thương mại quốc tế.

b) Mục tiêu

- Mục tiêu chung

Phát triển khu vực dịch vụ, trong đó logistics giữ vai trò nòng cốt, trở thành động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế tỉnh, khai thác hiệu quả lợi thế vị trí liên kết vùng và hệ thống hạ tầng giao thông – logistics hiện đại. Hình thành hệ thống dịch vụ logistics, thương mại và dịch vụ hỗ trợ sản xuất đồng bộ, hiện đại, có tính kết nối cao, phục vụ hiệu quả cho phát triển công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao và thương mại quốc tế.

Tập trung xây dựng đô thị Long Thành trở thành trung tâm dịch vụ tổng hợp hàng không – logistics – thương mại – đổi mới sáng tạo của tỉnh và vùng, gắn với sự phát triển của Cảng hàng không quốc tế Long Thành và hệ thống khu công nghiệp, khu thương mại tự do.

Đẩy mạnh liên kết với Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ nhằm hình thành mạng lưới dịch vụ logistics liên vùng, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, lưu thông và xuất nhập khẩu hàng hóa, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút các ngành dịch vụ giá trị gia tăng cao.

- Mục tiêu cụ thể đến năm 2030: Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm (VA) khu vực dịch vụ đạt bình quân khoảng 11–12%/năm giai đoạn 2026–2030; Tỷ trọng khu vực dịch vụ trong cơ cấu GRDP của tỉnh đạt khoảng 28% vào năm 2030; Tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực dịch vụ đạt khoảng 36–37% tổng lao động xã hội.

c) Giải pháp

- Phát triển đồng bộ hạ tầng logistics và vận tải đa phương thức

Tập trung đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng logistics của tỉnh theo hướng hiện đại, có khả năng kết nối liên vùng và quốc tế, bao gồm các trung tâm logistics, cảng cạn (ICD), kho bãi, trung tâm phân phối và hệ thống trạm dịch vụ logistics. Việc phát triển hạ tầng logistics phải gắn chặt với các trục giao thông chiến lược của vùng Đông Nam Bộ như hệ thống cao tốc, đường vành đai, đường sắt và cảng biển, đặc biệt là kết nối với Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

Đẩy mạnh phát triển vận tải đa phương thức, tăng cường liên kết giữa vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy và hàng không nhằm tối ưu hóa luồng hàng hóa, giảm chi phí logistics và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Qua đó từng bước hình thành hệ thống logistics hiện đại, có vai trò trung chuyển hàng hóa quan trọng của vùng Đông Nam Bộ và khu vực phía Nam.

Triển khai các tuyến metro chiến lược gồm tuyến TP.HCM – Thủ Đức – Nhơn Trạch – Long thành, tuyến Biên Hòa – TP.HCM và tuyến Long Thành – Vũng Tàu. Ngoài ra, nghiên cứu tuyến kết nối Long Thành với khu vực đồng bằng sông Cửu Long nhằm hình thành mạng lưới giao thông liên vùng hiện đại.

- Hình thành mạng lưới trung tâm trung chuyển và logistics nội tỉnh

Tổ chức không gian logistics của tỉnh theo mô hình mạng lưới trung tâm trung chuyển – trung tâm logistics – trạm dịch vụ logistics, bố trí dọc các hành lang vận tải trọng điểm và gắn với các khu công nghiệp, đô thị lớn.

Trọng tâm là xây dựng trung tâm trung chuyển hàng hóa tại khu vực Trảng Bom, kết hợp trạm container cho phép chuyển đổi linh hoạt giữa các phương thức vận tải, đồng thời cung cấp các dịch vụ hỗ trợ logistics như kho bãi, kho lạnh và trung chuyển hàng hóa. Trung tâm này đóng vai trò là đầu mối điều phối hàng hóa giữa các khu công nghiệp của tỉnh với hệ thống cảng biển, sân bay và thị trường tiêu thụ của vùng.

Song song đó, phát triển các trung tâm logistics gắn với khu công nghiệp và hệ thống cảng cạn, cùng với các trạm dịch vụ logistics dọc các tuyến giao thông chính nhằm hỗ trợ vận tải đường dài, giảm thời gian lưu chuyển hàng hóa và nâng cao tính thông suốt của chuỗi cung ứng. Mạng lưới này sẽ góp phần hình thành hành lang logistics liên vùng, tăng cường vai trò kết nối của Đồng Nai trong hệ thống logistics khu vực Đông Nam Bộ.

- Phát triển các trung tâm logistics cửa ngõ phục vụ xuất nhập khẩu

Ưu tiên phát triển các trung tâm logistics cửa ngõ quy mô lớn tại khu vực cảng Phước An và các đầu mối giao thương quốc tế, phục vụ hoạt động trung chuyển, lưu trữ và chuẩn bị hàng hóa xuất nhập khẩu.

Các trung tâm logistics này được tổ chức theo mô hình tổ hợp logistics tích hợp, bao gồm hệ thống bãi container, kho bãi trung chuyển và các dịch vụ sang tải, gom – chia hàng, chuyển đổi phương thức vận tải. Đồng thời phát triển các dịch vụ logistics giá trị gia tăng như kho lạnh, đóng gói, phân loại và bảo quản hàng hóa xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của chuỗi cung ứng toàn cầu.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và triển khai cơ chế thông quan nhanh, quản lý hải quan điện tử và luồng ưu tiên, góp phần rút ngắn thời gian thông quan, giảm chi phí logistics và nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu. Việc hình thành hệ thống logistics cửa ngõ sẽ giúp Đồng Nai trở thành điểm trung chuyển quan trọng trong mạng lưới thương mại quốc tế của khu vực phía Nam.

- Phát triển hệ sinh thái logistics gắn với khu thương mại tự do Long Thành

Xây dựng hệ sinh thái logistics hiện đại gắn với khu thương mại tự do Long Thành, hình thành các trung tâm phân phối quốc tế và hệ thống kho ngoại quan phục vụ các hoạt động thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu.

Các dịch vụ logistics trọng tâm bao gồm lưu trữ, đóng gói, tái xuất, tái chế và phân phối hàng hóa giá trị cao, phục vụ các ngành công nghiệp công nghệ cao, thương mại điện tử và logistics hàng không. Hệ thống logistics của khu thương mại tự do được tổ chức thành các trung tâm logistics chuyên biệt tại khu vực Bắc và Nam Long Thành, trong đó phát triển các dịch vụ logistics chất lượng cao cho các loại hàng hóa có giá trị lớn và yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật đặc thù.

Đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và tự động hóa trong quản lý kho bãi và chuỗi cung ứng, kết hợp với hệ thống an ninh và giám sát hiện đại nhằm đảm bảo vận hành hiệu quả các cơ chế đặc thù của khu thương mại tự do. Qua đó từng bước đưa Long Thành trở thành trung tâm logistics hàng không và thương mại quốc tế của khu vực.

- Trong giai đoạn 2026–2030, tập trung hoàn thành các tuyến giao thông huyết mạch gồm cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu, vành đai 3 và vành đai 4 vùng Thành phố Hồ Chí Minh, mở rộng cao tốc TP.HCM – Long Thành – Dầu Giây và các tuyến kết nối trực tiếp với sân bay Long Thành.

- Hoàn thiện thể chế, chính sách và phát triển nguồn lực logistics

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển dịch vụ logistics theo hướng tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và thúc đẩy hình thành các trung tâm logistics quy mô lớn. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa quy trình thông quan và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động logistics.

Xây dựng chính sách thu hút các tập đoàn logistics lớn, doanh nghiệp vận tải và các nhà cung cấp dịch vụ chuỗi cung ứng quốc tế đầu tư vào tỉnh; đồng thời khuyến khích phát triển các dịch vụ logistics giá trị gia tăng và tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp logistics với các khu công nghiệp và doanh nghiệp sản xuất.

Song song đó, chú trọng phát triển nguồn nhân lực logistics chất lượng cao, tăng cường hợp tác đào tạo giữa các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu và doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển ngành logistics trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và chuyển đổi số.

4.2.4. Định hướng phát triển ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

a) Quan điểm

- Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị với ba nhóm sản phẩm chủ lực (*sản phẩm chủ lực quốc gia, tỉnh và đặc sản*

của địa phương); phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, kết nối nông nghiệp với công nghiệp chế biến sâu, xuất khẩu theo chuỗi giá trị; phát triển chăn nuôi công nghiệp quy mô lớn, hiện đại gắn với mô hình kinh tế tuần hoàn, bảo đảm an toàn sinh học và bảo vệ môi trường; đa dạng hóa sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng được các tiêu chuẩn sản xuất an toàn, truy xuất nguồn gốc và phục vụ xuất khẩu. Phát triển thủy sản theo hướng công nghệ cao, tuần hoàn, gắn chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc và chuỗi giá trị; khai thác hiệu quả mặt nước, đất nông nghiệp kém hiệu quả, nâng cao giá trị gia tăng, bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển xanh, bền vững.

- Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất. Xây dựng ngành lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật theo hướng hiện đại, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa bảo vệ và phát triển rừng với khai thác hợp lý, góp phần bảo vệ môi trường, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại vào công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng.

b) Mục tiêu

Phát triển nền nông nghiệp Đồng Nai theo hướng hiện đại, nông nghiệp sinh thái, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới phồn vinh và văn minh; nâng cao giá trị gia tăng, sản xuất hàng hoá quy mô lớn trên cơ sở phát huy các lợi thế của từng địa phương trong tỉnh; phát triển theo hướng nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, thông minh, hình thành các vùng cây ăn quả, vùng nguyên liệu gắn với các nhà máy chế biến đạt tiêu chuẩn xuất khẩu để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh cao, tham gia chuỗi giá trị trong nước và thế giới. Đổi mới hình thức tổ chức sản xuất trên cơ sở phát triển các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, các trang trại có sự hợp tác, liên kết sản xuất chặt chẽ theo chuỗi giá trị, tạo ra các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng của địa phương có giá trị kinh tế cao.

c) Giải pháp

- Đối với ngành trồng trọt:

+ Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển các vùng quy hoạch sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao từ đó làm hạt nhân nhân rộng ra các vùng lân cận và toàn tỉnh, các vùng trọng điểm phía bắc gắn với các phường, xã: Minh Hưng, Bù Đăng, Phước Sơn, Lộc Thạnh, Lộc Tấn, Thuận Lợi, Tân Quan, Tân Hưng, Lộc Ninh, Nghĩa Trung; phía nam gắn với các xã/ phường: Tân Triều, Trị An, Phú Lâm, Thanh Sơn, Xuân Hòa, Xuân Định, Cẩm Mỹ, Xuân Đường, Xuân Quế. Hình thành 01 khu nông nghiệp công nghệ cao phục

vụ công tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

+ *Cơ cấu lại sản xuất và quy hoạch vùng nguyên liệu*: Tiếp tục rà soát, chuyển đổi diện tích đất lúa và cây trồng kém hiệu quả sang các loại cây ăn quả, cây công nghiệp hoặc rau màu có thị trường ổn định và giá trị kinh tế cao. Triển khai hiệu quả các chính sách tích tụ, tập trung đất đai để hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung chuyên canh quy mô lớn, tạo điều kiện ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ và các tiến bộ khoa học kỹ thuật hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.

+ *Đẩy mạnh khoa học công nghệ và nông nghiệp thông minh*: Đẩy mạnh áp dụng rộng rãi quy trình VietGAP, GlobalGAP, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái. Ưu tiên các mô hình nông nghiệp tuần hoàn và nông nghiệp các-bon thấp để giảm phát thải. Sử dụng giống chịu hạn, mặn và kháng sâu bệnh; đẩy mạnh các biện pháp thâm canh bền vững, giảm tối đa phân bón vô cơ và hóa chất bảo vệ thực vật. Kết hợp giữa việc nhập khẩu giống ngoại nhập năng suất cao với việc phục tráng, bảo tồn các loại giống đặc sản, cây bản địa có lợi thế cạnh tranh riêng. Hình thành trung tâm giống cây trồng của Vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên phục vụ công tác nghiên cứu, phát triển và cung cấp sản phẩm giống cây trồng cho tỉnh và toàn vùng. Ứng dụng công nghệ số trong quản lý quy trình sản xuất, dự báo sâu bệnh, giám sát mã số vùng trồng và thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc (QR Code) cho sản phẩm.

+ *Phát triển chuỗi giá trị và nâng cao năng lực chủ thể*: Đổi mới kinh tế tập thể, xây dựng các Hợp tác xã (HTX), Liên hiệp HTX kiểu mới làm cầu nối giữa người dân và doanh nghiệp. Nâng cao năng lực quản trị, tài chính và khả năng tiếp cận thị trường cho HTX. Hình thành các chuỗi liên kết chặt chẽ: “*Cung ứng vật tư – Sản xuất – Chế biến – Tiêu thụ*”. Thu hút các doanh nghiệp đầu tư sâu vào khâu chế biến để giảm xuất khẩu thô. Hình thành Trung tâm bảo quản và chế biến nông sản tập trung phục vụ vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Đào tạo, nâng cao trình độ cho nông dân, giúp họ làm chủ công nghệ và chủ động trong việc quản lý chất lượng nông sản.

+ *Đẩy mạnh đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất*, trọng tâm là hiện đại hóa hệ thống thủy lợi, trạm bơm và mạng lưới giao thông nội đồng đảm bảo cơ giới hóa xuyên suốt. Ưu tiên phát triển hạ tầng logistics nông nghiệp gồm hệ thống kho lạnh, cơ sở sơ chế và đóng gói tại vùng nguyên liệu nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch. Đồng thời, nâng cấp điện lưới sản xuất và hạ tầng số (trạm quan trắc, bản đồ số vùng trồng) để hỗ trợ canh

tác thông minh, đáp ứng các tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc và xuất khẩu bền vững.

- Đối với ngành chăn nuôi:

Phát triển ngành chăn nuôi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; trong đó tập trung phát triển 02 loại vật nuôi chủ lực của tỉnh là heo và gà theo hướng chăn nuôi công nghiệp hiện đại, theo mô hình kinh tế tuần hoàn hướng tới xuất khẩu. Ưu tiên phát triển chăn nuôi tại vùng, phân vùng trọng điểm có lợi thế về đất đai, đáp ứng được các quy định về điều kiện chăn nuôi, môi trường và phù hợp với quy hoạch tỉnh, gồm các vùng:

- Vùng 1 gồm các xã: Xuân Thành, Xuân Hòa, Xuân Đông, Hưng Phước, Lộc Tấn, Lộc Thành, Lộc Thạnh, Long Hà, Minh Đức, Nha Bích, Phước Sơn, Tân Hưng, Tân Lợi, Thuận Lợi, Tân Quan;

- Vùng 2 gồm các xã khu vực biên giới: Tân Tiến, Thiện Hưng, Đắk Ô, Bù Gia Mập;

- Vùng 3 gồm các xã: Phú Trung, Long Hà, Đa Kia, Bom Bo, Đắk Nhau, Lộc Ninh.

- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao trong công tác giống, thức ăn, quy trình chăn nuôi và quản lý dịch bệnh; phát triển các mô hình chăn nuôi khép kín, an toàn sinh học, thực hành chăn nuôi tốt và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hướng đến xuất khẩu.

Phát triển liên kết chuỗi trong chăn nuôi giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và người chăn nuôi trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, trong đó lấy doanh nghiệp làm trung tâm nhằm hỗ trợ, dẫn dắt người chăn nuôi sản xuất sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường. Khuyến khích phát triển mô hình trang trại cao tầng, ứng dụng công nghệ cao; thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đủ năng lực đầu tư vào ngành chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao theo mô hình kinh tế tuần hoàn.

Phát triển chăn nuôi gắn với bảo vệ môi trường; đẩy mạnh xử lý chất thải chăn nuôi để sản xuất phân bón hữu cơ, năng lượng tái tạo và phát triển chăn nuôi côn trùng, góp phần giảm phát thải khí nhà kính. Tổ chức di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định.

Bên cạnh phát triển các vật nuôi chủ lực, khuyến khích phát triển một số vật nuôi có tiềm năng, lợi và ít ảnh hưởng đến môi trường thế như nuôi ong lấy mật, chim yến và các vật nuôi mới phù hợp với điều kiện tự nhiên và nhu cầu thị trường.

Phát triển hệ thống giết mổ và chế biến sản phẩm chăn nuôi theo hướng công nghiệp, hiện đại, bảo đảm an toàn thực phẩm. Từng bước xóa bỏ các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, thủ công; khuyến khích đầu tư xây dựng các cơ sở giết mổ tập trung, ứng dụng công nghệ tiên tiến, đáp ứng yêu cầu kiểm soát vệ sinh thú y và truy xuất nguồn gốc. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm từ thịt, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu. Tăng cường liên kết giữa cơ sở giết mổ, chế biến với vùng chăn nuôi và hệ thống phân phối nhằm hình thành chuỗi khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giám sát và truy xuất nguồn gốc sản phẩm chăn nuôi; xây dựng cơ sở dữ liệu ngành chăn nuôi, kết nối đồng bộ từ sản xuất, giết mổ, chế biến đến tiêu thụ, bảo đảm minh bạch thông tin và đáp ứng yêu cầu hội nhập thị trường.

- Đối với ngành lâm nghiệp:

+ Tiếp tục quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng hiện có, tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp thuộc quy hoạch 3 loại rừng là 348.938 ha, trong đó rừng đặc dụng 135.267 ha, rừng phòng hộ 81.389 ha, rừng sản xuất 132.282 ha; đẩy mạnh công tác trồng rừng, duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng qua các năm, trong đó tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030 đạt 24,51%; quản lý chặt chẽ việc thực hiện các dự án chuyên mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, đảm bảo phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia, quy hoạch tỉnh.

+ Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; chủ động phòng cháy, chữa cháy rừng đặc biệt trong các tháng cao điểm mùa khô hàng năm nhằm hạn chế thấp nhất cháy rừng có thể xảy ra; kiểm soát chặt chẽ việc lấn chiếm, xây dựng trái phép trên đất rừng, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp.

+ Xây dựng và triển khai Đề án hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở, nền tảng để tham gia thị trường tín chỉ các-bon rừng trong và ngoài nước.

+ Tiếp tục thực hiện khoán bảo vệ rừng cho các hộ gia đình và cộng đồng dân cư bình quân 32.508 ha/năm; thực hiện khoán bảo vệ rừng từ nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các đối tượng cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên diện tích bình quân 177.070 ha/năm; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 323 ha/năm.

+ Định hướng phát triển ngành chế biến gỗ của tỉnh theo hướng sử dụng có hiệu quả và bền vững tài nguyên rừng, thân thiện môi trường. Đẩy mạnh chế biến đồ mộc, đồ gỗ cao cấp, gỗ ghép, ván sàn, bàn ghế và các sản phẩm hoàn thiện bằng gỗ có giá trị cao. Kim ngạch xuất khẩu phấn đấu đến năm 2030 đạt 2,8 tỷ USD/năm; phấn đấu 100% sản phẩm gỗ xuất khẩu trên địa bàn tỉnh có nguồn gốc hợp pháp. Xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu gỗ và lâm sản ngoài gỗ ổn định gắn với công nghiệp chế biến gỗ và quản lý rừng bền vững. Thu hút đầu tư, tăng cường đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ hiện đại, tự động hóa, chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến và thương mại lâm sản. Nâng cao chất lượng, chứng chỉ và truy xuất nguồn gốc lâm sản để đáp ứng yêu cầu của các thị trường nhập khẩu; đồng thời, tích cực đa dạng hóa thị trường, giảm phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống.

+ Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, đa mục tiêu, gắn quản lý, bảo vệ rừng với phát triển kinh tế lâm nghiệp và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm rừng. Nâng cao chất lượng rừng; bảo tồn phát huy giá trị nguồn gen và đa dạng sinh học; giảm thiểu tác hại do thiên tai; cải thiện môi trường giảm phát thải, tăng hấp thụ cacbon và quản lý bền vững tài nguyên rừng (REDD+), cung ứng dịch vụ môi trường rừng, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; tăng cường huy động nguồn lực để phát triển, bảo vệ, quản lý rừng bền vững, phát triển sinh kế của cộng đồng phụ thuộc vào rừng, bảo đảm đa dạng sinh học. Ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thám vào quản lý rừng; xây dựng, duy tu và nâng cấp kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo vệ và phát triển rừng.

+ Tập trung phát triển các vùng nguyên liệu gỗ tập trung gắn với công nghiệp chế biến hiện đại, thúc đẩy ngành công nghiệp gỗ và lâm sản có giá trị cạnh tranh cao; phát triển các loài cây đa mục đích, cây gỗ lớn, cây bản địa và lâm sản ngoài gỗ, đồng thời mở rộng các mô hình trồng cây dược liệu, nuôi trồng thủy sản và du lịch sinh thái dưới tán rừng. Quy hoạch và quản lý ổn định diện tích đất lâm nghiệp theo ba loại rừng; đẩy mạnh trồng rừng, phục hồi rừng và nâng cao hiệu quả quản lý rừng bền vững, mở rộng diện tích rừng gỗ lớn và tăng tỷ lệ rừng được cấp chứng chỉ quản lý bền vững; thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng. Đồng thời, phát triển kinh tế rừng gắn với đa dạng hóa nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái, trồng dược liệu và thị trường tín chỉ carbon rừng; nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng, góp phần tăng trưởng giá trị sản xuất lâm nghiệp và duy trì tỷ lệ che phủ rừng ổn định.

- Đối với ngành thủy sản:

Tổ chức phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa hiện đại, ứng dụng công nghệ cao và gắn với chuỗi giá trị từ sản xuất giống – nuôi – thu hoạch – chế biến – tiêu thụ. Tập trung phát triển các đối tượng nuôi chủ lực như cá nước ngọt, tôm thẻ chân trắng và tôm càng xanh theo hướng thâm canh và bán thâm canh; mở rộng các mô hình nuôi công nghệ cao như nuôi lồng bè bằng vật liệu mới, nuôi hệ thống bể nổi kết hợp lọc tuần hoàn, nuôi tuần hoàn sinh học và các mô hình tiết kiệm nước, kiểm soát môi trường. Hình thành mạng lưới nuôi thủy sản công nghệ cao đô thị - ven đô, góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng ít đất - giá trị cao, ít lao động - công nghệ cao, xanh và bền vững. Bố trí, sắp xếp lại các vùng nuôi lồng bè trên hồ Trị An và hệ thống sông Đồng Nai - La Ngà, nhằm bảo đảm ổn định hoạt động nuôi, kiểm soát môi trường và nâng cao hiệu quả kinh tế. Phát triển các vùng nuôi thủy sản tập trung, kết hợp phát triển nuôi cá trên mặt nước lớn, hồ thủy lợi nhỏ gắn với du lịch sinh thái và khai thác cảnh quan hồ Trị An. Ứng dụng công nghệ số, IoT và trí tuệ nhân tạo trong quản lý môi trường nuôi, truy xuất nguồn gốc và quản lý sản xuất.

4.3. Định hướng phát triển lĩnh vực văn hóa - xã hội

4.3.1. Lĩnh vực văn hóa - thể thao - du lịch

a) Quan điểm

- Trong giai đoạn tới, Đồng Nai định hướng phát triển văn hóa theo hướng xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn chặt với quá trình phát triển kinh tế – xã hội, đô thị hóa và hội nhập quốc tế của tỉnh. Văn hóa được xác định vừa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là nguồn lực nội sinh quan trọng góp phần thúc đẩy phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân và hình thành con người Đồng Nai năng động, nghĩa tình, sáng tạo và có trách nhiệm với cộng đồng.

- Đồng Nai cũng định hướng tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở, bảo đảm phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt văn hóa, sáng tạo nghệ thuật và hưởng thụ văn hóa của người dân. Hệ thống trung tâm văn hóa, nhà văn hóa, thư viện, bảo tàng và các không gian sinh hoạt cộng đồng sẽ được đầu tư theo hướng hiện đại, đồng bộ, phù hợp với quá trình phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

- Song song với việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, Đồng Nai định hướng phát triển các hoạt động văn hóa, văn học – nghệ thuật hiện đại, khuyến khích sáng tạo nghệ thuật, phát triển công nghiệp văn hóa và mở rộng các hoạt động giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế. Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật sẽ được tổ chức đa dạng, phong phú, gắn với các sự kiện

chính trị, xã hội của địa phương, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

- Trong lĩnh vực thể dục thể thao, Đồng Nai định hướng phát triển theo hướng toàn diện, bền vững, kết hợp hài hòa giữa phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng với nâng cao thành tích thể thao chuyên nghiệp. Thể dục thể thao được xác định là yếu tố quan trọng nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực và tầm vóc của người dân, đồng thời xây dựng lối sống lành mạnh trong cộng đồng.

- Bên cạnh đó, Đồng Nai định hướng tiếp tục đầu tư phát triển thể thao thành tích cao theo hướng chuyên nghiệp, tập trung vào các môn thể thao trọng điểm có thế mạnh của tỉnh. Công tác phát hiện, đào tạo và bồi dưỡng vận động viên trẻ sẽ được chú trọng nhằm nâng cao thành tích thi đấu của các đội tuyển thể thao tỉnh tại các giải quốc gia và quốc tế.

- Đối với lĩnh vực du lịch, Đồng Nai định hướng phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, khai thác hiệu quả các tiềm năng về tài nguyên sinh thái, lịch sử và văn hóa. Các loại hình du lịch sinh thái, du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch cộng đồng và du lịch nông nghiệp sẽ được ưu tiên phát triển. Các điểm du lịch tiêu biểu như Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai, Vườn quốc gia Cát Tiên, Vườn quốc gia Bù Gia Mập, núi Chứa Chan, núi Bà Rá, hồ Trị An, Suối Mơ, Tà Thiết, Sóc Bombo, Sơn Tiên và nhiều điểm du lịch sinh thái khác sẽ được khai thác và phát triển theo hướng bền vững. Du lịch là ngành kinh tế quan trọng giúp đa dạng hóa nguồn thu cho địa phương. Đồng Nai có tiềm năng lớn với hồ Trị An, rừng quốc gia Cát Tiên và hệ thống sông hồ phong phú. Việc phát triển các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp và du lịch văn hóa sẽ góp phần nâng cao hình ảnh của Đồng Nai như một điểm đến hấp dẫn trong khu vực Đông Nam Á.

- Đồng Nai định hướng tăng cường liên kết phát triển du lịch với các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nhằm mở rộng thị trường khách du lịch và đa dạng hóa sản phẩm du lịch.

- Đồng Nai định hướng phát triển theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp và thích ứng với xu thế chuyển đổi số trong truyền thông. Hệ thống báo chí sẽ tiếp tục được phát triển theo hướng đa phương tiện nhằm nâng cao chất lượng thông tin và mở rộng khả năng tiếp cận của người dân. Đồng thời, tăng cường phát triển hệ thống thông tin cơ sở, đặc biệt là hệ thống truyền thanh cấp xã và các công thông tin điện tử nhằm bảo đảm thông tin được truyền tải kịp thời đến người dân ở mọi địa bàn.

b) Mục tiêu

- Mục tiêu phát triển văn hóa – thể thao – du lịch của Đồng Nai là xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phát triển con người Đồng Nai toàn diện về nhân cách, đạo đức, tri thức và lối sống. Đồng thời nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân và bảo đảm mọi tầng lớp Nhân dân đều có điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa.

- Tỉnh phấn đấu tiếp tục bảo tồn, tôn tạo và phát huy hiệu quả các di tích lịch sử – văn hóa, nâng cao chất lượng quản lý và khai thác các di tích gắn với giáo dục truyền thống và phát triển du lịch. Các lễ hội truyền thống và giá trị văn hóa đặc trưng của các dân tộc trên địa bàn tỉnh được bảo tồn và phát huy bền vững.

- Đồng Nai hướng tới mục tiêu hoàn thiện mạng lưới thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở theo hướng đồng bộ và hiện đại; nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm văn hóa, thư viện và không gian sinh hoạt cộng đồng.

- Trong lĩnh vực thể dục thể thao, tỉnh phấn đấu tiếp tục nâng cao tỷ lệ người dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên, mở rộng phong trào thể thao trong trường học, cơ quan, doanh nghiệp và khu dân cư. Đồng thời duy trì và nâng cao thành tích thi đấu thể thao tại các giải quốc gia và quốc tế.

- Đối với lĩnh vực du lịch, Đồng Nai hướng tới mục tiêu xây dựng hình ảnh điểm đến du lịch thân thiện, an toàn và hấp dẫn, thu hút ngày càng nhiều du khách trong và ngoài nước; nâng cao doanh thu du lịch và chất lượng dịch vụ du lịch.

- Tỉnh phấn đấu xây dựng hệ thống thông tin – truyền thông phát triển đồng bộ, hiện đại; nâng cao chất lượng nội dung thông tin báo chí; phát triển mạnh mẽ báo chí điện tử và truyền thông số nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng đa dạng của xã hội.

c) Giải pháp

- Đồng Nai tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và sự quản lý của chính quyền trong công tác phát triển văn hóa, thể thao và du lịch. Các chủ trương, chính sách phát triển văn hóa sẽ được triển khai đồng bộ gắn với các chương trình phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

- Tỉnh tập trung đầu tư bảo tồn, trùng tu và tôn tạo các di tích lịch sử – văn hóa, đồng thời nâng cao hiệu quả khai thác các di tích gắn với giáo dục truyền thống và phát triển du lịch. Hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục được hoàn thiện, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu sinh hoạt văn hóa của người dân.

- Phát triển các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp và du lịch văn hóa để nâng cao hình ảnh của Đồng Nai như một điểm đến hấp dẫn trong khu vực Đông Nam Á. Song song với đó, cần bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của vùng đất Đồng Nai, phát triển các lễ hội, bảo tàng và không gian sáng tạo nhằm thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế.

- Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được triển khai sâu rộng gắn với xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa và cơ quan, doanh nghiệp văn hóa. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, hội thi, hội diễn và giao lưu văn hóa sẽ được tổ chức thường xuyên nhằm nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân.

- Trong lĩnh vực thể dục thể thao, tỉnh tiếp tục đầu tư xây dựng và nâng cấp các công trình thể thao, mở rộng hệ thống dụng cụ thể thao ngoài trời tại các khu dân cư và công viên công cộng. Đồng thời đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao quần chúng và nâng cao chất lượng đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao.

- Đối với lĩnh vực du lịch, Đồng Nai tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, nâng cấp hệ thống giao thông kết nối các khu, điểm du lịch và thu hút các dự án đầu tư du lịch quy mô lớn. Công tác quảng bá và xúc tiến du lịch tiếp tục được tăng cường thông qua các chương trình liên kết vùng và các hoạt động truyền thông du lịch.

- Tỉnh đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động báo chí – truyền thông; phát triển các nền tảng truyền thông số và các kênh thông tin đa phương tiện; đồng thời tiếp tục củng cố hệ thống thông tin cơ sở và phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng.

4.3.2. Lĩnh vực y tế

a) Quan điểm

- Trong giai đoạn tới, Đồng Nai định hướng phát triển hệ thống y tế theo hướng hiện đại, đồng bộ, công bằng, hiệu quả và bền vững, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng. Phát triển y tế không chỉ tập trung mở rộng quy mô khám, chữa bệnh mà còn chuyển mạnh sang mô hình chăm sóc sức khỏe toàn diện, lấy phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu và quản lý sức khỏe toàn dân làm trọng tâm.

- Trên cơ sở những kết quả đạt được trong thời gian qua, khi tuổi thọ trung bình của người dân đạt khoảng 76,7 tuổi, tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ vắc xin duy trì trên 95%, tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi giảm đáng kể (theo cân nặng từ 9,3% năm 2020 xuống dưới 6%

năm 2025, theo chiều cao từ 22,5% xuống dưới 16%), Đồng Nai tiếp tục định hướng nâng cao chất lượng hệ thống y tế từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở.

- Hệ thống y tế được phát triển theo hướng cân đối giữa y tế dự phòng và y tế điều trị, trong đó chú trọng tăng cường năng lực giám sát dịch bệnh, phát hiện sớm và kiểm soát hiệu quả các nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Công tác y tế dự phòng tiếp tục được quan tâm với mức chi cho y tế dự phòng hàng năm duy trì trên 30% tổng chi y tế, góp phần nâng cao năng lực phòng chống dịch bệnh và bảo vệ sức khỏe Nhân dân.

- Trong bối cảnh quy mô dân số lớn và tốc độ đô thị hóa nhanh, đặc biệt với sự hình thành các khu vực phát triển mới như đô thị sân bay Long Thành, Đồng Nai định hướng tiếp tục củng cố và nâng cao năng lực hệ thống y tế cơ sở; 100% trạm y tế có bác sĩ làm việc; 90,5% trạm y tế đủ điều kiện khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, tạo nền tảng quan trọng cho việc nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu.

- Bên cạnh đó, tỉnh định hướng phát triển hệ thống bệnh viện hiện đại, nâng cao năng lực khám, chữa bệnh và triển khai các kỹ thuật chuyên sâu. Hiện nay, toàn tỉnh có hơn 13,4 nghìn giường bệnh, tương đương khoảng 30 giường bệnh/vạn dân, đứng thứ hai khu vực Nam Bộ. Trong thời gian tới, các cơ sở y tế tiếp tục được đầu tư nâng cấp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng tăng của người dân.

- Song song với việc phát triển hệ thống y tế công lập, Đồng Nai khuyến khích phát triển khu vực y tế ngoài công lập, thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng bệnh viện, phòng khám và các trung tâm chăm sóc sức khỏe hiện đại. Việc kết hợp giữa y tế công lập và y tế tư nhân góp phần đa dạng hóa dịch vụ y tế và nâng cao khả năng cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

- Đồng Nai định hướng đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế, triển khai rộng rãi hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt và các dịch vụ khám chữa bệnh trực tuyến, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và tạo thuận lợi cho người dân khi tiếp cận các dịch vụ y tế.

b) Mục tiêu

- Mục tiêu phát triển ngành y tế của Đồng Nai trong giai đoạn tới là nâng cao toàn diện chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân, kéo dài tuổi thọ và cải thiện chất lượng sống của người dân, đồng thời xây dựng hệ thống y tế hiện đại, công bằng và hiệu quả; phấn đấu tiếp tục duy trì và nâng cao các chỉ số sức khỏe cộng đồng, giữ vững tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đầy đủ ở mức

cao, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em, đồng thời kiểm soát hiệu quả các bệnh truyền nhiễm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến.

- Trong lĩnh vực khám, chữa bệnh, Đồng Nai hướng tới mục tiêu nâng cao năng lực hệ thống bệnh viện và cơ sở y tế, bảo đảm mạng lưới khám chữa bệnh đủ khả năng đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân; phấn đấu tiếp tục nâng cao số giường bệnh trên một vạn dân và phát triển các bệnh viện chuyên sâu trong một số lĩnh vực có thế mạnh; đồng thời đặt mục tiêu duy trì và mở rộng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế ở mức khoảng 95% dân số, tạo điều kiện để người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế một cách thuận lợi và bền vững.

- Bên cạnh đó, Đồng Nai hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế, phấn đấu duy trì và nâng cao các chỉ số nhân lực y tế như 10 bác sĩ, 4,6 dược sĩ và 16,5 điều dưỡng trên một vạn dân, góp phần nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe của toàn hệ thống y tế.

c) Giải pháp

- Đồng Nai tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và trang thiết bị cho hệ thống y tế từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở, nâng cấp các bệnh viện và trung tâm y tế nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai các kỹ thuật chuyên môn hiện đại.

- Tỉnh tăng cường củng cố hệ thống y tế cơ sở, nâng cao năng lực hoạt động của các trạm y tế xã, phường, bảo đảm đủ nhân lực, trang thiết bị và điều kiện để thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu và phòng chống dịch bệnh.

- Trong lĩnh vực y tế dự phòng, tỉnh tiếp tục nâng cao năng lực giám sát dịch bệnh, triển khai hiệu quả các chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống bệnh truyền nhiễm và các bệnh không lây nhiễm. Đồng thời tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường và phòng chống bệnh nghề nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý và cung cấp dịch vụ y tế, mở rộng triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt và các nền tảng khám chữa bệnh từ xa.

- Bên cạnh đó, tỉnh chú trọng phát triển nguồn nhân lực y tế thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và thu hút nhân lực chất lượng cao; đồng thời tăng cường hợp tác với các bệnh viện, trường đại học và tổ chức y tế trong và ngoài nước nhằm chuyển giao kỹ thuật hiện đại và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

4.3.3. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

a) Quan điểm

- Trong giai đoạn tới, Đồng Nai định hướng phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và từng bước khẳng định vị thế là một trong những địa phương có chất lượng giáo dục đào tạo hàng đầu của cả nước. Phát triển giáo dục được xác định là một trong những động lực quan trọng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội, đặc biệt trong bối cảnh tỉnh đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và triển khai các dự án hạ tầng chiến lược như Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

- Trên cơ sở mạng lưới giáo dục hiện có với 1.348 trường mầm non và phổ thông, trong đó 1.112 trường công lập và 236 trường ngoài công lập, hệ thống trường lớp tiếp tục được quy hoạch, sắp xếp hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng tăng của người dân.

- Định hướng phát triển giáo dục của tỉnh tập trung xây dựng hệ thống giáo dục mở, thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số trong giáo dục, tăng cường ứng dụng khoa học – công nghệ trong giảng dạy và quản lý giáo dục; chú trọng phát triển các mô hình giáo dục tiên tiến như giáo dục tích hợp STEM, STEAM, giáo dục ngoại ngữ và các chương trình đào tạo có tính quốc tế nhằm nâng cao năng lực hội nhập của học sinh, sinh viên.

- Định hướng đa dạng hóa các loại hình giáo dục, khuyến khích phát triển giáo dục ngoài công lập, đặc biệt ở cấp mầm non và trung học phổ thông nhằm đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng đa dạng của xã hội. Việc phát triển giáo dục được gắn với tăng cường xã hội hóa, thu hút nguồn lực từ các tổ chức, doanh nghiệp và nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia phát triển hệ thống giáo dục của tỉnh.

- Đối với giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp, định hướng phát triển theo hướng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nhu cầu của thị trường lao động và chiến lược phát triển kinh tế của địa phương. Các chương trình đào tạo sẽ tập trung vào những lĩnh vực có nhu cầu cao như khoa học – công nghệ, kỹ thuật, công nghệ số, kinh tế, quản trị và các ngành nghề mới gắn với chuyển đổi số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn.

- Trong dài hạn, Đồng Nai định hướng phát triển trở thành một trong những trung tâm giáo dục – đào tạo và giáo dục nghề nghiệp của khu vực Đông Nam Bộ và cả nước, thông qua việc hình thành các khu đô thị đại học và trung tâm đào tạo quy mô lớn gắn với các khu kinh tế trọng điểm của tỉnh. Các khu đô thị giáo dục – đào tạo dự kiến được phát triển tại khu vực Nhơn

Trạch với quy mô khoảng 180 ha, khu vực Bình Lộc khoảng 300 ha và khu vực Bình An khoảng 670 ha, đồng thời thu hút các trường đại học uy tín trong nước và quốc tế mở phân hiệu hoặc cơ sở đào tạo tại Đồng Nai.

b) Mục tiêu

- Mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo của Đồng Nai trong giai đoạn tới là tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, duy trì vị thế là một trong những địa phương có hệ thống giáo dục phát triển mạnh trong cả nước; phấn đấu mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng mạng lưới trường lớp, bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập của hơn 1,06 triệu học sinh mầm non và phổ thông trên địa bàn tỉnh, trong đó có khoảng 225.000 trẻ mầm non, 388.000 học sinh tiểu học, 309.000 học sinh trung học cơ sở và 139.000 học sinh trung học phổ thông.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả công tác huy động học sinh đến trường, phấn đấu giữ vững tỷ lệ 100% trẻ em 6 tuổi vào lớp 1, 100% học sinh hoàn thành tiểu học tiếp tục học trung học cơ sở, đồng thời thực hiện tốt công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở với khoảng 75–80% học sinh học tiếp trung học phổ thông, số còn lại tham gia học nghề hoặc các hình thức đào tạo khác phù hợp với nhu cầu thị trường lao động.

- Trong lĩnh vực giáo dục phổ thông, tiếp tục nâng cao chất lượng dạy và học, duy trì tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học ở mức cao và nâng cao chất lượng các kỳ thi quốc gia; chú trọng phát triển giáo dục ngoại ngữ, tăng cường năng lực giao tiếp tiếng Anh cho học sinh thông qua các chương trình học tập và hoạt động trải nghiệm, từng bước đưa tiếng Anh trở thành công cụ học tập và giao tiếp phổ biến trong môi trường giáo dục.

- Đồng Nai cũng đặt mục tiêu tiếp tục nâng cao tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia. Trong giai đoạn tới, tiếp tục nâng cao tỷ lệ và tăng số lượng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 nhằm nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và điều kiện dạy học.

- Trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, rộng quy mô đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ, góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực của các khu công nghiệp và các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

c) Giải pháp

- Đồng Nai tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học cho hệ thống giáo dục. Trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các phòng học, phòng chức năng và trang thiết bị dạy học nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Chú trọng phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Hiện toàn tỉnh có 49.153 giáo viên các cấp, trong đó 14.329 giáo viên mầm non, 16.364 giáo viên tiểu học, 12.367 giáo viên trung học cơ sở và 6.093 giáo viên trung học phổ thông. Trong giai đoạn tới, tiếp tục tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên nhằm khắc phục tình trạng thiếu giáo viên ở một số cấp học, đặc biệt là mầm non và tiểu học, đồng thời nâng cao tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn.

- Bên cạnh đó, Đồng Nai tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục nhằm huy động các nguồn lực từ xã hội tham gia phát triển giáo dục. Hiện nay, toàn tỉnh có 243 trường ngoài công lập, chiếm khoảng 18% tổng số trường, cao hơn nhiều so với mức trung bình của cả nước. Nhiều doanh nghiệp đã tham gia đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục phục vụ con em công nhân tại các khu công nghiệp, đồng thời hình thành các mô hình trường quốc tế và trường chất lượng cao.

- Tăng cường hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và gắn kết đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động. Đồng thời triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục, bao gồm các nghị quyết về phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập, chính sách hỗ trợ giáo viên và các chương trình phát triển giáo dục đặc thù nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của ngành giáo dục tỉnh trong giai đoạn tới.

- Xây dựng khu đổi mới sáng tạo quy mô lớn tại Long Thành và Nhơn Trạch, đồng thời thành lập Đại học Công nghệ Quốc tế Đồng Nai nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghệ tương lai.

4.3.4. Lĩnh vực an sinh xã hội

a) Quan điểm

- Trong giai đoạn tới, Đồng Nai tiếp tục xác định bảo đảm an sinh xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, củng cố ổn định xã hội và tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế – xã hội bền vững. Hệ thống an sinh xã hội được định hướng phát triển theo hướng toàn diện, bao trùm và bền vững, bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và được bảo vệ trước các rủi ro trong cuộc sống.

- Trong bối cảnh Đồng Nai là một trong những trung tâm công nghiệp lớn của cả nước, thu hút lượng lớn lao động từ các địa phương khác đến sinh sống và làm việc, nhu cầu về việc làm, nhà ở, y tế, giáo dục và các dịch vụ xã hội ngày càng gia tăng. Vì vậy, tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách an

sinh xã hội nhằm bảo đảm quyền lợi của người lao động, nâng cao mức sống của người dân và tạo điều kiện để mọi người dân được thụ hưởng thành quả phát triển.

- Đồng Nai cũng đặc biệt quan tâm đến việc phát triển hệ thống dịch vụ xã hội dành cho lực lượng lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất – lực lượng chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu dân số của tỉnh. Các chính sách về nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa và phúc lợi xã hội cho người lao động tiếp tục được quan tâm triển khai nhằm bảo đảm điều kiện sống ổn định, góp phần thu hút và giữ chân nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình giảm nghèo bền vững, hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề và tạo việc làm cho người lao động. Đến cuối năm 2025, tỉnh đã hoàn thành chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát với 2.005 căn nhà, góp phần cải thiện điều kiện sống của nhiều hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

- Bên cạnh đó, tỉnh định hướng mở rộng diện bao phủ của các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp, trong đó tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt khoảng 95% dân số. Việc phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế góp phần bảo đảm an sinh cho người dân và giảm thiểu rủi ro trong cuộc sống; chú trọng phát triển hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội và các dịch vụ xã hội chuyên nghiệp nhằm chăm sóc và hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế.

b) Mục tiêu

- Mục tiêu phát triển an sinh xã hội của Đồng Nai trong giai đoạn tới là nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, giảm nghèo bền vững và bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; phấn đấu tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả các chương trình giảm nghèo bền vững, cải thiện điều kiện sống của người dân ở các khu vực còn khó khăn, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng nông thôn.

- Đồng Nai hướng tới mục tiêu mở rộng diện bao phủ của các chính sách bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, duy trì tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế ở mức cao, tạo điều kiện để người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và các chế độ bảo hiểm xã hội.

- Trong lĩnh vực trợ giúp xã hội, nâng cao chất lượng chăm sóc và hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội, bảo đảm việc chi trả trợ cấp được thực hiện đầy đủ, kịp thời và minh bạch, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi

trường; từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa khu vực đô thị và nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

c) Giải pháp

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các chính sách giảm nghèo và hỗ trợ sinh kế cho người dân thông qua các chương trình đào tạo nghề, tạo việc làm, hỗ trợ sản xuất và tiếp cận tín dụng chính sách; tăng cường mở rộng diện bao phủ của các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân về vai trò và lợi ích của các chính sách bảo hiểm.

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách đối với người có công với cách mạng, các đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và người khuyết tật.

- Bên cạnh đó, chú trọng phát triển hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội, nâng cao chất lượng chăm sóc và phục hồi chức năng cho các đối tượng yếu thế. Đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực an sinh xã hội, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng vào các hoạt động trợ giúp xã hội; ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ an sinh xã hội như nhà ở xã hội, hệ thống cấp nước sạch, cơ sở giáo dục, y tế và các thiết chế văn hóa – xã hội nhằm nâng cao chất lượng sống của người dân và bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa các khu vực trên địa bàn tỉnh.

4.4. Định hướng phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

4.4.1. Quan điểm

- Cụ thể hóa các định hướng chiến lược của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh.

- Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao với các cấu phần chính gồm: các khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái; dịch vụ hỗ trợ công nghiệp; trung tâm nghiên cứu phát triển, công viên khoa học; trung tâm đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp.

- Chuyển đổi các khu công nghiệp hiện hữu theo hướng phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, lựa chọn sản phẩm, công đoạn có giá trị gia tăng cao tham gia chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Chú trọng phát triển 3 nhóm sản phẩm mũi nhọn gồm: công nghiệp hàng không vũ trụ; công nghiệp

bán dẫn, sản xuất chip và trí tuệ nhân tạo; thiết bị tự động hóa và thiết bị công nghệ thông tin.

- Đẩy mạnh đầu tư cho khoa học, công nghệ, nghiên cứu phát triển, đổi mới sáng tạo; phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ trở thành nền tảng vật chất – kỹ thuật chủ yếu của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo Đồng Nai, bảo đảm năng lực nghiên cứu, thử nghiệm, chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao, phục vụ trực tiếp cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng mô hình tăng trưởng mới của tỉnh.

- Tập trung phát triển hạ tầng khoa học công nghệ trọng điểm, gồm: Thành lập Khu công nghệ cao, công viên khoa học và đổi mới sáng tạo, các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) gắn với các khu công nghiệp, khu kinh tế nhằm thu hút các dự án công nghệ cao, các tập đoàn công nghệ quy mô lớn; xây dựng hạ tầng dữ liệu, nền tảng số và kết nối số trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; từng bước phấn đấu đến năm 2030, Đồng Nai trở thành trung tâm nghiên cứu, đào tạo và ứng dụng khoa học công nghệ cấp vùng và cả nước.

- Phát triển các hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị nội địa và toàn cầu. Xây dựng các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; triển khai các nền tảng, mạng lưới đổi mới sáng tạo nhằm thu hút nguồn lực đầu tư tạo ra các công nghệ mới, sản phẩm mới. Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ có đủ khả năng tiếp thu, làm chủ, phát triển và chuyển giao công nghệ tiên tiến, trọng tâm là các lĩnh vực đột phá của tỉnh.

4.4.2. Mục tiêu

- Phát triển Đồng Nai là trung tâm công nghiệp công nghệ cao, logistics, kinh tế hàng không và dịch vụ chất lượng cao của quốc gia và khu vực; phát triển theo mô hình đô thị đa trung tâm, xanh, thông minh, có năng lực cạnh tranh quốc tế cao. Tập trung phát triển trung tâm nghiên cứu, phát triển các ngành công nghệ cao, chiến lược.

- Hình thành kho dữ liệu tổng hợp, tích hợp tập trung; hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành, công tác tham mưu, tổng hợp hỗ trợ ra quyết định của Chính quyền, lãnh đạo tỉnh; kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu, tương tác trên môi trường điện tử với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương.

- Tái cấu trúc, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây (Cloud First).

- Phát triển ứng dụng, dịch vụ mới theo hướng sử dụng chung hạ tầng số, nền tảng số và các dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có (phần mềm thương mại); có khả năng sử dụng dữ liệu số và các công cụ phân tích thông minh để kịp thời đưa ra các quyết sách chính xác trong các hoạt động quản lý nhà nước; cung cấp dịch vụ công thuận tiện theo phương thức số (dịch vụ số), mang lại giá trị gia tăng cho người dân.

- Cung cấp dữ liệu mở có thể truy cập, sử dụng dễ dàng; hoàn thiện kho dữ liệu số đáp ứng các yêu cầu về kết nối, chia sẻ tài nguyên thông tin, dữ liệu trong tỉnh.

4.4.3. Giải pháp

- Hoàn thiện hạ tầng số đồng bộ, hiện đại. Tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, đảm bảo nguồn lực chi đối với lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ và đổi mới hạ tầng khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu triển khai (R&D), trong đó chú trọng nghiên cứu ứng dụng và thương mại hóa các kết quả khoa học và công nghệ.

- Triển khai quy hoạch và xây dựng khu đổi mới sáng tạo, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh theo hướng phát triển toàn diện. Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ. Tạo điều kiện cho các trường đại học, các đơn vị hoạt động khoa học và công nghệ đẩy mạnh liên kết, hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ. Tăng cường đầu tư tài chính phát triển khoa học công nghệ, ưu tiên ngân sách cho nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và hạ tầng khoa học công nghệ. Phát triển các quỹ phát triển khoa học công nghệ, quỹ đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư mạo hiểm; từng bước triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox)

- Thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh theo Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2030. Hình thành sàn giao dịch công nghệ của tỉnh, kết nối với các sàn giao dịch công nghệ trong khu vực và quốc tế. Khuyến khích, thúc đẩy phát triển các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, trong đó đẩy mạnh phát triển các tổ chức môi giới, tư vấn, xúc tiến chuyển giao công nghệ.

- Xây dựng hệ thống quản lý đô thị thông minh, giúp nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng cuộc sống của người dân.

5. Định hướng quy hoạch phát triển đô thị Đồng Nai

5.1. Quan điểm tổ chức không gian phát triển đô thị Đồng Nai

Lợi thế lớn nhất của Đồng Nai là vị trí địa lý đặc biệt trong cấu trúc phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đồng Nai nằm ở vị trí kết

nối trực tiếp thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, đồng thời là nơi giao cắt của nhiều tuyến giao thông quan trọng của quốc gia. Khi Cảng hàng không quốc tế Long Thành đi vào hoạt động cùng với hệ thống cao tốc liên vùng, các tuyến vành đai Vùng thành phố Hồ Chí Minh và mạng lưới logistics quốc tế, Đồng Nai có điều kiện thuận lợi để phát triển thành một trung tâm giao thương và logistics quy mô lớn của khu vực.

Trong tổ chức không gian đô thị, hạ tầng giao thông là yếu tố định hình cấu trúc phát triển. Các trục giao thông chiến lược như hành lang Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Long Thành - Dầu Giây; hành lang Biên Hòa - Nhơn Trạch - hệ thống cảng biển Cái Mép - Thị Vải; hành lang Long Thành - Chơn Thành - Đồng Xoài - cửa khẩu quốc tế Hoa Lư, cùng với các tuyến vành đai và các trục kết nối sân bay Long Thành, sẽ tạo thành khung phát triển chính của toàn bộ hệ thống đô thị. Việc bố trí các khu đô thị, khu công nghiệp và trung tâm logistics dọc theo các hành lang này sẽ giúp khai thác hiệu quả hạ tầng và giảm chi phí vận chuyển.

Sự hình thành Cảng hàng không quốc tế Long Thành đặt ra yêu cầu tổ chức không gian theo tư duy đô thị sân bay. Khu vực này không chỉ phục vụ hoạt động hàng không mà cần phát triển thành một cực tăng trưởng mới, tập trung các hoạt động logistics hàng không, thương mại quốc tế, tài chính và dịch vụ giá trị gia tăng. Khi đô thị sân bay được hình thành, tác động lan tỏa sẽ không chỉ giới hạn trong phạm vi Long Thành mà còn ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống đô thị của tỉnh và vùng Đông Nam Bộ.

Quá trình đô thị hóa nhanh đòi hỏi phải hình thành các cực tăng trưởng mới nhằm phân bố hợp lý dân cư và hoạt động kinh tế. Nếu các chức năng đô thị tập trung quá mức vào một số khu vực trung tâm, áp lực lên hạ tầng và môi trường sống sẽ gia tăng. Vì vậy, việc phát triển các khu vực đô thị mới tại những vị trí có lợi thế về giao thông và quỹ đất là cần thiết để mở rộng không gian đô thị và giảm tải cho các khu vực hiện hữu.

Song song với phát triển kinh tế, bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên cần được xem là nguyên tắc xuyên suốt. Đồng Nai có hệ thống tài nguyên sinh thái lớn như sông Đồng Nai, hồ Trị An, hồ Thác Mơ, Vườn quốc gia Cát Tiên, Vườn quốc gia Bù Gia Mập, núi Chứa Chan và núi Bà Rá. Những khu vực này không chỉ có ý nghĩa về môi trường mà còn tạo nên bản sắc cảnh quan riêng cho đô thị. Trong quá trình phát triển, cần duy trì các hành lang xanh và vành đai sinh thái nhằm bảo đảm cân bằng giữa phát triển đô thị và bảo vệ môi trường.

Tổ chức không gian đô thị cũng cần gắn với quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế của địa phương. Đô thị Đồng Nai không chỉ là trung tâm công nghiệp truyền thống mà phải từng bước phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ logistics quốc tế, thương mại và đổi mới sáng tạo. Việc bố trí không gian phù hợp cho các khu công nghiệp thế hệ mới và các trung tâm đổi mới sáng tạo sẽ góp phần nâng cao giá trị gia tăng của nền kinh tế đô thị.

Một yêu cầu quan trọng khác là nâng cao chất lượng sống của người dân. Hệ thống không gian công cộng, công viên đô thị và các không gian ven sông cần được quan tâm đầu tư, tạo ra môi trường sống thuận lợi và thân thiện với cộng đồng. Phát triển đô thị không chỉ hướng đến tăng trưởng kinh tế mà còn phải bảo đảm các yếu tố xã hội và chất lượng môi trường sống.

Trên cơ sở các định hướng trên, cấu trúc không gian phát triển của Thành phố Đồng Nai được hình thành theo mô hình đô thị đa trung tâm, với vùng đại đô thị trung tâm gắn với đô thị sân bay Long Thành, các cực phát triển tại khu vực phía Bắc và phía Đông, cùng hệ thống các hành lang kinh tế và vành đai sinh thái. Cấu trúc này tạo ra khung phát triển rõ ràng cho giai đoạn dài hạn và là cơ sở để thành phố thích ứng với các biến động về kinh tế và môi trường trong tương lai.

5.2. Vùng đô thị trung tâm Biên Hòa - Long Thành - Nhơn Trạch

Vùng đô thị trung tâm Biên Hòa - Long Thành - Nhơn Trạch được xác định là khu vực động lực quan trọng nhất trong cấu trúc phát triển không gian của Thành phố Đồng Nai, giữ vai trò hạt nhân về kinh tế, đô thị và logistics của toàn hệ thống đô thị. Khu vực này tập trung nhiều hạ tầng chiến lược của quốc gia và vùng Đông Nam Bộ, như Cảng hàng không quốc tế Long Thành, hệ thống cao tốc liên vùng, các tuyến vành đai của vùng Thành phố Hồ Chí Minh, hệ thống cảng biển quốc tế và mạng lưới các khu công nghiệp quy mô lớn. Việc đầu tư và hoàn thiện các tuyến hạ tầng chiến lược đang từng bước rút ngắn khoảng cách phát triển giữa Biên Hòa, Long Thành và Nhơn Trạch. Các đô thị này ngày càng gắn kết chặt chẽ hơn, hình thành một vùng đô thị liên tục có quy mô lớn, nơi tập trung mật độ cao các hoạt động sản xuất và dịch vụ của Thành phố Đồng Nai.

Trong vùng đô thị này, Biên Hòa tiếp tục giữ vai trò là trung tâm hành chính, tài chính và thương mại truyền thống. Trong giai đoạn tới, định hướng phát triển của Biên Hòa là tập trung tái cấu trúc không gian đô thị hiện hữu, từng bước chuyển đổi các khu công nghiệp cũ sang các chức năng dịch vụ, đổi mới sáng tạo và các khu đô thị chất lượng cao. Đồng thời, cần đẩy mạnh phát triển các không gian ven sông Đồng Nai theo hướng hình thành các trục

cảnh quan và không gian công cộng, góp phần cải thiện môi trường sống và tạo bản sắc đô thị.

Long Thành được xác định là cực tăng trưởng mới của vùng đô thị trung tâm, gắn với sự hình thành Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Với vai trò chiến lược của sân bay trong mạng lưới hàng không quốc tế, khu vực này có điều kiện phát triển theo mô hình đô thị sân bay, tập trung các hoạt động logistics hàng không, thương mại quốc tế, công nghiệp công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo và các dịch vụ tài chính - thương mại. Sự phát triển của Long Thành không chỉ hình thành một trung tâm đô thị mới mà còn góp phần điều chỉnh lại cấu trúc không gian kinh tế của toàn vùng Đông Nam Bộ.

Nhơn Trạch được định hướng phát triển thành đô thị ven sông và đô thị công nghiệp - logistics quy mô lớn, giữ vai trò kết nối giữa vùng đô thị Đồng Nai với Thành phố Hồ Chí Minh và hệ thống cảng biển của vùng Đông Nam Bộ. Với lợi thế nằm trên các trục giao thông chiến lược như cao tốc Bến Lức - Long Thành, đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh và hệ thống cầu kết nối qua sông Đồng Nai, khu vực này có điều kiện thuận lợi để phát triển các trung tâm logistics đa phương thức, kết nối trực tiếp giữa cảng biển, sân bay và các khu công nghiệp. Các khu đô thị ven sông tại Nhơn Trạch và Đại Phước cũng có tiềm năng trở thành những không gian đô thị sinh thái có chất lượng cao, góp phần mở rộng không gian phát triển của vùng đô thị trung tâm.

Sự liên kết giữa Biên Hòa, Long Thành và Nhơn Trạch sẽ hình thành một tam giác động lực phát triển của Thành phố Đồng Nai. Trong đó, mỗi khu vực giữ một vai trò riêng nhưng vẫn gắn kết chặt chẽ trong tổng thể chung: Biên Hòa là trung tâm đô thị truyền thống và dịch vụ; Long Thành là trung tâm logistics hàng không và đổi mới sáng tạo; Nhơn Trạch là trung tâm logistics gắn với cảng biển và đô thị ven sông. Cách tổ chức này giúp sử dụng hiệu quả quỹ đất và hạ tầng, đồng thời tạo nền tảng phát triển ổn định cho toàn vùng đô thị.

Trong giai đoạn dài hạn, vùng đô thị Biên Hòa - Long Thành - Nhơn Trạch tiếp tục giữ vai trò trung tâm kinh tế quan trọng của vùng Đông Nam Bộ, có khả năng kết nối trực tiếp với vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh và hệ thống cảng biển quốc tế. Đây sẽ là khu vực tập trung các ngành công nghiệp công nghệ cao, logistics quốc tế, dịch vụ tài chính và đổi mới sáng tạo, đóng vai trò dẫn dắt tăng trưởng kinh tế của Thành phố Đồng Nai.

5.3. Các cực phát triển vùng

Không gian phát triển của Thành phố Đồng Nai được mở rộng thông qua việc hình thành các cực phát triển vùng, nhằm khai thác hiệu quả lợi thế về vị trí địa lý, hạ tầng giao thông và tài nguyên sinh thái của từng khu vực. Việc hình thành các cực này giúp mở rộng không gian đô thị, phân bố hợp lý dân cư, công nghiệp và dịch vụ, đồng thời tạo thêm các động lực tăng trưởng mới, qua đó giảm áp lực phát triển cho khu vực đô thị trung tâm. Theo định hướng phát triển không gian chung của thành phố, các cực phát triển được hình thành trên cơ sở các hành lang giao thông chiến lược và những khu vực có tiềm năng phát triển kinh tế rõ nét. Ba khu vực chính được xác định gồm cực phát triển công nghiệp - logistics, cực phát triển đô thị - dịch vụ và cực phát triển sinh thái.

- Cực phát triển phía Bắc: Khu vực Chơn Thành - Đồng Xoài được định hướng phát triển thành cực công nghiệp và logistics quan trọng của khu vực phía Bắc. Đây là khu vực có vị trí thuận lợi trong mạng lưới giao thông kết nối giữa vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên và khu vực cửa khẩu quốc tế Hoa Lư. Khi hệ thống cao tốc và quốc lộ liên vùng tiếp tục được hoàn thiện, khu vực này sẽ từng bước trở thành trung tâm giao thương và logistics quan trọng, giữ vai trò cửa ngõ phía Bắc của thành phố. Lợi thế đáng chú ý của khu vực là quỹ đất phát triển còn lớn, phù hợp để hình thành các khu công nghiệp quy mô lớn, các trung tâm logistics liên vùng và các đô thị dịch vụ hỗ trợ sản xuất. Việc phát triển cực Chơn Thành - Đồng Xoài góp phần mở rộng không gian kinh tế về phía Bắc và tạo điều kiện hình thành các chuỗi liên kết sản xuất và logistics giữa Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và khu vực tiểu vùng sông Mekong.

- Cực phát triển phía Đông: Khu vực đô thị Long Khánh - Xuân Lộc - Cẩm Mỹ được định hướng phát triển thành cực đô thị và dịch vụ của khu vực phía Đông Thành phố Đồng Nai. Khu vực này nằm trên trục giao thông quan trọng kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh Nam Trung Bộ thông qua các tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây và Dầu Giây - Phan Thiết. Sự hình thành các tuyến giao thông này tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các trung tâm đô thị, thương mại và dịch vụ mới dọc theo các hành lang phát triển. Trong thời gian tới, Long Khánh và Xuân Lộc sẽ từng bước trở thành các đô thị trung tâm của khu vực phía Đông, giữ vai trò kết nối giữa vùng đô thị trung tâm với các khu vực sinh thái và du lịch. Bên cạnh chức năng đô thị và dịch vụ, khu vực này còn có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, dịch vụ nghỉ dưỡng, giáo dục chất lượng cao và các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, góp phần đa dạng hóa cơ cấu kinh tế của thành phố.

- Cực phát triển sinh thái trung tâm: Khu vực đô thị Tân Phú - Định Quán - Trị An được định hướng phát triển theo mô hình vùng sinh thái và kinh tế xanh. Đây là khu vực có hệ sinh thái tự nhiên phong phú với các tài nguyên đặc trưng như hồ Trị An, Vườn quốc gia Cát Tiên và hệ thống rừng tự nhiên rộng lớn. Các hệ sinh thái này có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ môi trường, điều hòa khí hậu và bảo đảm an ninh nguồn nước cho toàn vùng hạ lưu sông Đồng Nai. Khu vực này được xác định là vùng sinh thái chiến lược của thành phố, nơi ưu tiên phát triển các hoạt động du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học, kinh tế rừng bền vững và các đô thị sinh thái. Việc phát triển cần gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và khai thác hợp lý các giá trị sinh thái, tạo ra các sản phẩm du lịch và dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

Việc hình thành các cực phát triển vùng sẽ góp phần tạo ra cấu trúc không gian cân bằng cho Thành phố Đồng Nai. Trong đó, vùng đô thị trung tâm tiếp tục giữ vai trò động lực tăng trưởng chính, còn các cực phát triển vùng đóng vai trò mở rộng không gian kinh tế và phân bố lại các hoạt động đô thị. Cách tổ chức này giúp sử dụng hiệu quả quỹ đất và hệ thống hạ tầng, đồng thời tạo điều kiện cho hệ thống đô thị thích ứng tốt với quá trình đô thị hóa trong thời gian tới. Các cực phát triển vùng được kết nối với vùng đô thị trung tâm thông qua hệ thống hạ tầng giao thông liên vùng và các hành lang kinh tế chiến lược. Sự liên kết này từng bước hình thành mạng lưới đô thị và kinh tế thống nhất, trong đó mỗi khu vực đảm nhận một chức năng riêng nhưng vẫn hỗ trợ lẫn nhau trong tổng thể phát triển của thành phố.

5.4. Các hành lang phát triển kinh tế - đô thị

Bên cạnh các vùng động lực và các cực phát triển, hệ thống hành lang kinh tế - đô thị có vai trò quan trọng trong việc tổ chức các hoạt động kinh tế và phân bố không gian đô thị trên địa bàn Thành phố Đồng Nai. Đây là những không gian phát triển tổng hợp, nơi tập trung các hoạt động sản xuất công nghiệp, logistics, thương mại và dịch vụ, đồng thời giữ vai trò liên kết giữa các đô thị và các khu vực chức năng quan trọng. Việc hình thành các hành lang này tạo điều kiện phát triển các chuỗi liên kết kinh tế và các cụm đô thị - công nghiệp - logistics có khả năng lan tỏa rộng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố.

Hệ thống hành lang kinh tế - đô thị của Thành phố Đồng Nai được hình thành chủ yếu trên cơ sở các tuyến hạ tầng giao thông chiến lược của quốc gia và vùng Đông Nam Bộ, gồm các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường vành đai và các tuyến kết nối với hệ thống cảng biển và Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Trên nền tảng đó, không gian phát triển của thành phố được định hướng theo bốn hành lang kinh tế chủ đạo, làm cơ sở định hướng phát

triển các khu đô thị, khu công nghiệp và các trung tâm dịch vụ trong thời gian tới.

- Hành lang thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Long Thành - Dầu Giây là trục phát triển quan trọng nhất của Thành phố Đồng Nai. Hành lang này gắn với các tuyến giao thông chiến lược như cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu và hệ thống các tuyến kết nối trực tiếp với Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Việc đầu tư đồng bộ các tuyến hạ tầng đang hình thành một trục đô thị - công nghiệp - dịch vụ quy mô lớn, kết nối trực tiếp thành phố Hồ Chí Minh với trung tâm logistics hàng không Long Thành và các khu công nghiệp trọng điểm của Đồng Nai. Dọc theo hành lang này tập trung nhiều khu công nghiệp công nghệ cao, trung tâm logistics hiện đại, các khu đô thị mới và các trung tâm thương mại - dịch vụ quy mô lớn, tạo động lực phát triển chính cho vùng đô thị trung tâm Biên Hòa - Long Thành - Nhơn Trạch.

- Hành lang Biên Hòa - Long Thành - Nhơn Trạch - hệ thống cảng biển Cái Mép - Thị Vải giữ vai trò là trục logistics quan trọng của vùng Đông Nam Bộ. Hành lang này kết nối hệ thống sản xuất công nghiệp của Đồng Nai với các cảng biển nước sâu của khu vực, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu và thương mại quốc tế. Khi hạ tầng giao thông và cảng biển được hoàn thiện, khu vực dọc theo hành lang có khả năng hình thành chuỗi đô thị - công nghiệp - logistics liên hoàn, trở thành đầu mối trung chuyển hàng hóa giữa các khu công nghiệp của Đồng Nai và thị trường quốc tế.

- Hành lang Long Thành - Chơn Thành - Đồng Xoài - cửa khẩu quốc tế Hoa Lư có vai trò kết nối khu vực Đông Nam Bộ với Tây Nguyên và các quốc gia trong tiểu vùng sông Mekong. Đây là trục giao thương và logistics liên vùng quan trọng, góp phần mở rộng không gian kinh tế của Thành phố Đồng Nai về phía Bắc. Với lợi thế kết nối thuận lợi trên các tuyến giao thông liên vùng, khu vực dọc theo hành lang có tiềm năng phát triển các khu công nghiệp quy mô lớn, trung tâm logistics liên vùng và các đô thị dịch vụ phục vụ sản xuất, từng bước hình thành chuỗi liên kết kinh tế giữa Đông Nam Bộ với Tây Nguyên và khu vực ASEAN.

- Hành lang sông Đồng Nai là trục sinh thái - đô thị - dịch vụ đặc trưng của thành phố. Khác với các hành lang kinh tế chủ yếu gắn với giao thông đường bộ, hành lang này giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành các không gian đô thị ven sông, các công viên sinh thái và các khu du lịch cảnh quan. Sông Đồng Nai không chỉ là yếu tố cảnh quan tự nhiên quan trọng mà còn là trục tổ chức không gian đô thị có ý nghĩa lâu dài, kết nối các đô thị ven

sông và tạo ra các không gian công cộng có giá trị. Việc khai thác hợp lý hành lang sông Đồng Nai sẽ góp phần nâng cao chất lượng môi trường sống, tạo bản sắc cảnh quan riêng và thúc đẩy các hoạt động dịch vụ, du lịch gắn với hệ sinh thái tự nhiên.

5.5. Các vành đai sinh thái

Song song với việc hình thành các vùng đô thị động lực và các hành lang kinh tế - đô thị, việc tổ chức các vành đai sinh thái và hành lang sinh thái chiến lược có ý nghĩa quan trọng trong cấu trúc phát triển của Thành phố Đồng Nai. Trong điều kiện đô thị hóa và công nghiệp hóa diễn ra nhanh, các khu vực sinh thái tự nhiên không chỉ có vai trò bảo vệ môi trường mà còn góp phần định hướng không gian phát triển, tạo sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên. Một lợi thế rõ của Thành phố Đồng Nai so với nhiều đô thị lớn khác là sự hiện diện của hệ thống sinh thái tự nhiên có quy mô lớn và đa dạng, trải dài từ khu vực rừng bán cao nguyên phía Bắc đến các hệ sinh thái rừng, hồ và đồi núi ở khu vực trung du và phía Đông. Các hệ sinh thái này tạo thành một không gian sinh thái liên hoàn, có ý nghĩa quan trọng đối với việc bảo đảm an ninh sinh thái và điều hòa môi trường cho toàn vùng Đông Nam Bộ.

Trên cơ sở đặc điểm tự nhiên và định hướng phát triển bền vững, cấu trúc sinh thái của Thành phố Đồng Nai được tổ chức theo hai vành đai sinh thái lớn và một hành lang sinh thái trung tâm. Hệ thống này tạo nên chuỗi liên kết sinh thái theo trục Bắc - Nam, đồng thời đóng vai trò là khung bảo vệ môi trường cho các khu vực đô thị và công nghiệp.

- Vành đai sinh thái phía Bắc gồm khu vực rừng Bù Gia Mập - hồ Thác Mơ - núi Bà Rá, được xác định là vùng sinh thái có ý nghĩa đặc biệt đối với toàn thành phố. Đây là khu vực tập trung hệ sinh thái rừng tự nhiên lớn của vùng Đông Nam Bộ, bao gồm Vườn quốc gia Bù Gia Mập, hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn, hồ Thác Mơ và khu vực núi Bà Rá - những khu vực có giá trị cao về đa dạng sinh học và cảnh quan tự nhiên. Vành đai sinh thái phía Bắc được định hướng phát triển theo mô hình kinh tế xanh, ưu tiên các hoạt động bảo tồn thiên nhiên, phát triển du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học và các mô hình kinh tế rừng bền vững. Các đô thị trong khu vực được định hướng phát triển với quy mô phù hợp, gắn với nguyên tắc đô thị sinh thái, hạn chế tác động đến hệ sinh thái tự nhiên và bảo đảm vai trò bảo vệ môi trường cho khu vực phía Nam của thành phố.

- Hành lang sinh thái trung tâm hồ Trị An - Vườn quốc gia Cát Tiên là trục sinh thái quan trọng của Thành phố Đồng Nai, giữ vai trò kết nối giữa các hệ sinh thái phía Bắc với các khu vực sinh thái phía Đông. Khu vực Trị

An - Tân Phú - Định Quán có ý nghĩa đặc biệt trong việc điều tiết nguồn nước và bảo vệ môi trường cho toàn bộ lưu vực sông Đồng Nai. Hồ Trị An là một trong những hồ nước lớn của khu vực phía Nam, vừa có chức năng điều tiết nguồn nước, vừa là không gian cảnh quan có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái và các hoạt động kinh tế gắn với mặt nước. Vườn quốc gia Cát Tiên là khu bảo tồn thiên nhiên quan trọng của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, với hệ sinh thái rừng nhiệt đới đặc trưng và đa dạng sinh học phong phú. Hành lang sinh thái Trị An - Cát Tiên đóng vai trò như một trục sinh thái xuyên suốt, kết nối các hệ sinh thái rừng, hồ và sông, đồng thời góp phần bảo đảm an ninh sinh thái lâu dài cho khu vực đô thị trung tâm.

- Vành đai sinh thái phía Đông gồm khu vực núi Chứa Chan - Xuân Lộc - Cẩm Mỹ, bao gồm các khu vực Long Khánh, Xuân Lộc và Cẩm Mỹ, nơi có hệ sinh thái đồi núi thấp đặc trưng của vùng Đông Nam Bộ. Trong đó, khu vực núi Chứa Chan có giá trị cảnh quan và văn hóa đặc biệt, đồng thời là điểm du lịch tâm linh và sinh thái quan trọng. Khu vực này có địa hình bán sơn địa với nhiều vùng cảnh quan tự nhiên và các khu vực sản xuất nông nghiệp truyền thống. Đây là khu vực chuyển tiếp giữa vùng đô thị trung tâm với các vùng sinh thái phía Bắc, đồng thời có tiềm năng phát triển các đô thị sinh thái, khu du lịch nghỉ dưỡng và các hoạt động kinh tế gắn với cảnh quan tự nhiên.

Việc hình thành các vành đai sinh thái và hành lang sinh thái nêu trên sẽ góp phần tạo ra cấu trúc không gian phát triển cân bằng cho Thành phố Đồng Nai. Các khu vực đô thị và công nghiệp được tổ chức gắn với các hành lang kinh tế, trong khi các khu vực sinh thái giữ vai trò bảo vệ môi trường và cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái quan trọng. Đây là nền tảng để Thành phố Đồng Nai phát triển theo định hướng đô thị xanh và bền vững, trong đó các yếu tố tự nhiên được bảo tồn và khai thác hợp lý phục vụ cho phát triển lâu dài. Trong điều kiện nhiều đô thị lớn đang chịu áp lực về môi trường và thiếu hụt không gian xanh, hệ thống sinh thái của Đồng Nai là một lợi thế quan trọng để phát triển các mô hình đô thị sinh thái và kinh tế xanh.

5.6. Tổng thể cấu trúc không gian phát triển đô thị Thành phố Đồng Nai

Định hướng phát triển của Thành phố Đồng Nai được tổ chức theo cấu trúc tích hợp giữa các yếu tố đô thị, kinh tế và sinh thái. Các trung tâm đô thị, khu công nghiệp, trung tâm logistics và các vùng sinh thái được liên kết với nhau thông qua hệ thống hạ tầng giao thông và các hành lang phát triển kinh tế. Thành phố Đồng Nai không phát triển theo mô hình đô thị đơn cực truyền

thống, mà được định hình theo hướng đa trung tâm, có khả năng kết nối chặt chẽ với các trung tâm kinh tế lớn của quốc gia và khu vực.

Trong cấu trúc này, vùng đô thị trung tâm Biên Hòa - Long Thành - Nhơn Trạch giữ vai trò hạt nhân phát triển của toàn thành phố, là nơi tập trung các chức năng đô thị có giá trị gia tăng cao và có khả năng lan tỏa lớn. Khu vực này được định hướng phát triển theo mô hình đô thị hiện đại gắn với công nghiệp, dịch vụ và logistics quốc tế, dịch vụ tài chính, thương mại quốc tế, đổi mới sáng tạo và các chức năng đô thị hiện đại. Sự phát triển của khu vực này gắn chặt với Cảng hàng không quốc tế Long Thành và hệ thống hạ tầng giao thông chiến lược của vùng Đông Nam Bộ, nhất là các tuyến giao thông huyết mạch gồm cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, vành đai 3 và vành đai 4 vùng Thành phố Hồ Chí Minh, mở rộng cao tốc TP.HCM - Long Thành - Dầu Giây và các tuyến kết nối trực tiếp với sân bay Long Thành. Những tuyến hạ tầng này từng bước hình thành một không gian đô thị động lực có khả năng dẫn dắt tăng trưởng của toàn thành phố.

Bên cạnh khu vực đô thị trung tâm, các cực phát triển vùng tại khu vực phía Bắc và phía Đông được tổ chức như những không gian mở rộng quan trọng, có vai trò phân bố lại các hoạt động công nghiệp, dịch vụ và dân cư trong toàn bộ lãnh thổ. Các khu vực này sẽ phát triển các mô hình đô thị - công nghiệp - dịch vụ phù hợp với điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý và lợi thế phát triển của từng vùng. Việc hình thành các cực phát triển này góp phần tạo ra cấu trúc đô thị đa cực, giảm áp lực cho khu vực trung tâm và tạo điều kiện phát triển cân bằng giữa các vùng.

Hệ thống các hành lang kinh tế - đô thị là khung kết nối quan trọng của toàn bộ cấu trúc không gian phát triển. Các hành lang này được hình thành trên cơ sở các tuyến giao thông quốc gia và liên vùng, bao gồm hệ thống cao tốc, quốc lộ, các tuyến vành đai và các trục kết nối với cảng biển, sân bay và cửa khẩu quốc tế. Thông qua các hành lang này, các trung tâm đô thị, khu công nghiệp và trung tâm logistics được liên kết thành một mạng lưới phát triển thống nhất, tạo điều kiện cho dòng hàng hóa, dòng vốn và lực lượng lao động lưu thông hiệu quả trong toàn bộ hệ thống đô thị. Sự phát triển của các hành lang kinh tế đồng thời mở rộng khả năng kết nối của Thành phố Đồng Nai với các vùng kinh tế lớn của cả nước và khu vực Đông Nam Á.

Song song với các không gian phát triển kinh tế và đô thị, hệ thống các vành đai sinh thái và hành lang sinh thái được duy trì như một thành phần quan trọng của cấu trúc phát triển. Các khu vực sinh thái tự nhiên, đặc biệt là hệ thống rừng và hồ lớn tại khu vực phía Bắc và phía Đông, tạo thành các không gian sinh thái liên hoàn có vai trò quan trọng trong việc điều hòa môi

trường và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Những khu vực này không chỉ là vùng bảo tồn sinh thái mà còn là nền tảng để phát triển các mô hình kinh tế xanh, du lịch sinh thái và các đô thị sinh thái với quy mô phù hợp. Việc duy trì các vành đai sinh thái cũng giúp kiểm soát quá trình mở rộng đô thị và hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường.

Tổng thể cấu trúc không gian phát triển này tạo điều kiện để Thành phố Đồng Nai phát huy hiệu quả lợi thế vị trí địa lý chiến lược trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đồng thời khẳng định vai trò là đầu mối kết nối quan trọng giữa hệ thống sản xuất công nghiệp của vùng với các mạng lưới logistics quốc tế. Sự hội tụ của các yếu tố hạ tầng chiến lược như Cảng hàng không quốc tế Long Thành, hệ thống cảng biển, mạng lưới cao tốc liên vùng và các trung tâm công nghiệp lớn tạo ra nền tảng thuận lợi để hình thành một hệ thống đô thị hiện đại, có khả năng cạnh tranh trong khu vực. Mô hình tổ chức không gian phát triển này là cơ sở để Thành phố Đồng Nai hình thành hệ thống đô thị theo hướng hiện đại, có cấu trúc hợp lý và phân bố chức năng rõ ràng. Đồng thời, đây cũng là nền tảng quan trọng để bảo đảm phát triển bền vững trong dài hạn, nâng cao chất lượng môi trường sống và tăng cường năng lực cạnh tranh đô thị. Trên cơ sở đó, Thành phố Đồng Nai từng bước khẳng định vai trò của mình trong cấu trúc phát triển của vùng Đông Nam Bộ và của cả nước.

5.7. Định hướng phát triển dự án nhà ở theo các vùng không gian

- Vùng động lực mới: Long Thành - Nhơn Trạch - Trảng Bom (khu vực Cảng hàng không quốc tế Long Thành và Thành phố sân bay)

Định hướng phát triển nhà ở thương mại: Ưu tiên phát triển các dự án nhà ở quy mô lớn tại khu vực trung tâm đô thị sân bay Long Thành, khu vực mở rộng đô thị Long Thành - Nhơn Trạch; phát triển các dự án nhà ở liên kế, biệt thự, shophouse tại khu vực ven đô, gần các khu du lịch, dịch vụ. Khuyến khích phát triển chung cư cao tầng, nhà ở kết hợp thương mại, dịch vụ, văn phòng theo mô hình TOD dọc tuyến metro số 1, metro số 5, đường sắt đô thị và trục Đại lộ Đồng Khởi nối Thành phố Hồ Chí Minh - sân bay Long Thành.

Định hướng phát triển nhà ở xã hội và nhà lưu trú công nhân: Phát triển các dự án nhà ở xã hội quy mô lớn tại khu vực trung tâm hành chính mới đô thị Long Thành, khu tái định cư các dự án trọng điểm, phát triển các dự án nhà ở xã hội và lưu trú công nhân tại khu vực các khu công nghiệp Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Sông Mỹ, Hòa Phú. Khuyến khích các doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp trong nước xây dựng nhà lưu trú công nhân tập trung, hiện đại, đồng bộ với các công trình dịch vụ, văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục.

- Vùng đô thị trung tâm hiện hữu: Biên Hòa - Long Khánh - Nhơn Trạch

Định hướng phát triển nhà ở thương mại: Phát triển các dự án chung cư cao tầng tại khu vực trung tâm các phường Trảng Dài, Tân Phong, Tân Biên, Hố Nai, Bửu Long, Long Bình, Thống Nhất, Bửu Hòa, các phường Long Khánh, xã Nhơn Trạch, khu vực ven sông Đồng Nai, hành lang Đại lộ Đồng Nai; phát triển các khu đô thị mới quy mô lớn như Aqua City (giai đoạn 2), Izumi City, Gem Sky World tại khu vực mở rộng đô thị phía Bắc, Tây Bắc các phường Biên Hòa, phía Nam các phường Long Khánh; phát triển các dự án nhà ở liên kế, biệt thự tại khu vực ven đô, khu sinh thái ven sông..

Định hướng phát triển nhà ở xã hội: Phát triển các dự án nhà ở xã hội tại khu vực chuyển đổi công năng của các khu công nghiệp cũ như KCN Biên Hòa 1, KCN Tân Biên, KCN Hố Nai; khu vực tái định cư, khu vực gần trung tâm hành chính các phường, xã; khu vực gần các khu công nghiệp Nhơn Trạch, Amata, Long Bình, Gò Dầu.

- Vùng trung tâm mới sau sáp nhập: Đồng Xoài - Chơn Thành - Đồng Phú

Định hướng phát triển nhà ở thương mại: Phát triển các dự án nhà ở thương mại tại khu vực trung tâm đô thị Đồng Xoài (cũ), trung tâm đô thị Chơn Thành (cũ), khu đô thị mới Becamex Bình Phước, khu vực mở rộng đô thị dọc Quốc lộ 14, Quốc lộ 13; phát triển nhà ở liên kế, biệt thự tại khu vực ven đô, khu vực sinh thái rừng, khu du lịch sinh thái.

Định hướng phát triển nhà ở xã hội: Ưu tiên phát triển nhà ở xã hội tại khu vực trung tâm hành chính mới phường Bình Phước, phường Đồng Xoài, khu tái định cư, khu vực gần các khu công nghiệp Minh Hưng, Đồng Xoài I, Đồng Xoài II, Becamex Bình Phước; bảo đảm tỷ lệ diện tích trong các dự án nhà ở thương mại để phát triển nhà ở xã hội.

Định hướng phát triển nhà lưu trú công nhân: Phát triển các dự án nhà lưu trú công nhân trong các khu công nghiệp Minh Hưng, Đồng Xoài I, Đồng Xoài II, Becamex Bình Phước, Phú Riềng; khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư xây dựng nhà lưu trú công nhân hiện đại, chất lượng cao.

- Vùng phát triển hành lang kinh tế và các xã, phường khác

Định hướng phát triển nhà ở thương mại: Phát triển các dự án nhà ở thương mại tại các trung tâm đô thị Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Vĩnh Cửu, Phước Long, Bình Long, Lộc Ninh, Bù Gia

Mập, Bù Đốp, Bù Đăng, Hớn Quản; phát triển nhà ở liên kế, nhà ở riêng lẻ tại khu vực nông thôn, ven đô.

Định hướng phát triển nhà ở xã hội: Phát triển nhà ở xã hội quy mô vừa và nhỏ tại khu vực trung tâm các xã phường, khu vực gần các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số cải tạo, xây dựng nhà ở kiên cố, bền vững.

5.8. Các dự án và không gian phát triển chiến lược tạo đột phá cho cấu trúc đô thị Đồng Nai:

- Tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại và đa phương thức, gắn với định hướng phát triển đô thị, công nghiệp và logistics với tính chất là một đô thị lớn cấp vùng.

+ Ưu tiên hoàn thiện mạng lưới cao tốc liên vùng và các tuyến vành đai của vùng Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm các dự án cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu, Bến Lức – Long Thành, Gia Nghĩa – Chơn Thành, Thành phố Hồ Chí Minh – Thủ Dầu Một – Chơn Thành và Dầu Giây – Liên Khương. Việc hoàn thiện các tuyến cao tốc này sẽ hình thành hệ thống giao thông tốc độ cao kết nối trực tiếp Đồng Nai với Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và hệ thống cảng biển quốc tế của khu vực, qua đó rút ngắn thời gian vận chuyển hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và mở rộng không gian phát triển đô thị.

+ Tập trung đầu tư hệ thống giao thông kết nối Cảng hàng không quốc tế Long Thành, bao gồm các tuyến cao tốc, các tuyến đường trục chính đô thị và các tuyến đường kết nối trực tiếp với sân bay. Hệ thống giao thông này sẽ hình thành mạng lưới kết nối đồng bộ giữa sân bay Long Thành với các khu công nghiệp, các trung tâm logistics và hệ thống cảng biển trong khu vực, tạo nền tảng để phát triển đô thị sân bay và trung tâm logistics hàng không quy mô lớn của khu vực phía Nam.

+ Đẩy mạnh đầu tư mạng lưới đường sắt quốc gia và đường sắt đô thị, đặc biệt là tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam, tuyến Biên Hòa – Vũng Tàu và tuyến Biên Hòa – Lộc Ninh nhằm tăng cường năng lực vận chuyển hàng hóa giữa các khu công nghiệp của Đồng Nai với hệ thống cảng biển và cửa khẩu quốc tế. Việc triển khai tuyến metro kéo dài từ Suối Tiên đến trung tâm hành chính Đồng Nai và Cảng hàng không quốc tế Long Thành sẽ hình thành trục giao thông công cộng khối lượng lớn kết nối trực tiếp giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các đô thị và trung tâm kinh tế của Đồng Nai, góp phần thúc đẩy phát triển đô thị theo mô hình đô thị định hướng giao thông công cộng (TOD).

+ Song song với việc phát triển các tuyến giao thông liên vùng, sẽ ưu tiên đầu tư các trục giao thông động lực phát triển đô thị, tạo khung kết cấu hạ tầng cho quá trình mở rộng không gian đô thị và hình thành các cực tăng trưởng mới của tỉnh. Trong đó, trọng tâm là các trục phát triển chiến lược như trục Biên Hòa – Long Thành – Nhơn Trạch gắn với Cảng hàng không quốc tế Long Thành, trục Biên Hòa – Trảng Bom – Long Khánh – Xuân Lộc, trục Long Thành – Chơn Thành – Đồng Xoài – cửa khẩu quốc tế Hoa Lư và trục ven sông Đồng Nai. Các trục giao thông này sẽ đóng vai trò định hướng phát triển các khu đô thị mới, các trung tâm công nghiệp – logistics và các khu dịch vụ thương mại quy mô lớn, góp phần hình thành cấu trúc đô thị đa trung tâm.

Bên cạnh đó, sẽ phát triển hệ thống trung tâm logistics, cảng cạn (ICD) và các trung tâm trung chuyển hàng hóa đa phương thức, đặc biệt tại các khu vực Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Chơn Thành và khu vực cửa khẩu Hoa Lư. Hệ thống logistics này sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức các chuỗi cung ứng và vận tải hàng hóa của khu vực phía Nam, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu và phát triển thương mại quốc tế.

+ Ngoài ra, trong thời gian tới sẽ tăng cường khai thác giao thông đường thủy nội địa, phát triển các tuyến vận tải hàng hóa trên sông Đồng Nai và sông Thị Vải kết nối với hệ thống cảng biển quốc tế của vùng Đông Nam Bộ. Việc phát triển logistics đường thủy sẽ góp phần giảm áp lực cho hệ thống giao thông đường bộ, đồng thời nâng cao hiệu quả vận tải hàng hóa của toàn vùng.

- Tiếp tục xây dựng mới, cải tạo, mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước đáp ứng nhu cầu dùng nước cho sinh hoạt và sản xuất; phủ kín mạng lưới tuyến ống phân phối đến từng khu vực chưa có nước trong đô thị và khu vực định hướng phát triển đô thị. Tập trung thực hiện nâng công suất các nhà máy hiện có như: nhà máy nước Biên Hòa; nhà máy nước Thiện Tâm; Nhà máy nước Nhơn Trạch; Nhà máy nước Tâm - Hưng - Hòa; Nhà máy nước Gia Tân; Nhà máy nước Vĩnh An; nhà máy nước Phước Long; Nhà máy nước Đồng Xoài; Nhà máy nước Chơn Thành... đồng thời, khuyến khích các nhà đầu tư mở rộng mạng lưới tuyến ống đến các vùng phục vụ cấp nước của đơn vị đã và đang đăng ký cấp nước để đẩy nhanh tiến độ đầu tư và giảm chi phí đầu tư so với xây dựng nhà máy mới.

- Từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước và xử lý nước thải theo quy hoạch để đảm bảo mục tiêu thoát nước, chống ngập và xử lý nước thải đạt quy chuẩn bảo vệ môi trường cho các đô thị mới và các khu

vực đã có định hướng phát triển đô thị trong tương lai. Ưu tiên bố trí vốn để đầu tư các dự án hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung đô thị khi có đủ khả năng cân đối vốn đầu tư để từng bước đáp ứng chỉ tiêu môi trường đạt chuẩn đô thị theo quy hoạch đã được phê duyệt. Đặc biệt là các dự án đã có chủ trương đầu tư và các dự án đã xác định trong quy hoạch tỉnh như: Dự án thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung Biên Hòa, công suất 39.000m³/ngày; Hệ thống thu gom nước thải và nâng công suất nhà máy xử lý nước thải số 1 từ 3.000m³/ngày lên 9.500m³/ngày; Dự án thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Long Khánh, giai đoạn ưu tiên, công suất 11.000m³/ngày; Nâng cấp, cải tạo nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, phường Bình Phước; Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Long Thành, giai đoạn ưu tiên; Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom, giai đoạn ưu tiên.... Tiếp tục bố trí vốn để thực hiện duy tu, nạo vét bùn, khơi thông cống, rãnh, kênh, mương thường xuyên định kỳ, tập trung vào thời điểm trước và trong mùa mưa bão để đảm bảo việc tiếp nhận, tiêu thoát nước tốt nhất trong mùa mưa.

- Thu hút đầu tư hạ tầng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ theo quy hoạch để đáp ứng chỉ tiêu phát triển đô thị và nhu cầu thực tế của từng địa phương, khu vực.

- Tập trung đầu tư các công viên đã phù hợp quy hoạch, đảm bảo tính thẩm mỹ và công năng, hiệu quả khai thác. Kết hợp công viên và bãi xe theo quy hoạch, ưu tiên bố trí tại các khu vực đông dân cư, các tuyến đường giao thông nhỏ, dễ kẹt xe; thiết kế bãi xe ngầm/cao tầng thông minh, cơ chế chia sẻ rủi ro giữa nhà nước và tư nhân (PPP) và tận dụng không gian dịch vụ phụ trợ, kết hợp thương mại, kinh doanh khai thác.

- Rà soát các tuyến đường, công viên, bãi xe, các công trình công cộng chưa có hệ thống chiếu sáng hoặc có nhưng không đảm bảo để thực hiện bổ sung, nâng cấp, cải tạo hệ thống chiếu sáng công cộng, trong đó ưu tiên ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh, với hệ thống dây dẫn hạ tầng trong vỉa hè, lề đường.

III. GIẢI PHÁP NGÂN SÁCH, VỐN ĐẦU TƯ

1. Giải pháp huy động vốn đầu tư

Nguyên tắc chung: Huy động vốn theo hướng đa dạng hóa nguồn lực, nâng cao hiệu quả phân bổ – sử dụng, bảo đảm kỷ luật tài chính và phù hợp năng lực hấp thụ của nền kinh tế; đầu tư công giữ vai trò dẫn dắt, khu vực tư nhân là động lực chủ yếu huy động nguồn lực xã hội theo cơ chế thị trường, phục vụ tăng trưởng xanh, kinh tế số và đổi mới sáng tạo.

Ưu tiên tài chính xanh: Xây dựng danh mục dự án xanh ưu tiên, thống nhất tiêu chí phân loại, tăng cường công bố thông tin và đo lường – báo cáo tác động môi trường, xã hội; tạo điều kiện tiếp cận tín dụng xanh, vốn vay ưu đãi, phát hành trái phiếu xanh/bền vững/liên kết bền vững và các khoản vay gắn chỉ tiêu bền vững. Ưu tiên cho dự án xử lý chất thải, nước thải, cải thiện môi trường, sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, hạ tầng đô thị xanh, năng lượng tái tạo, kinh tế tuần hoàn (KCN/CCN); thiết lập cơ chế chuẩn hóa hồ sơ – giám sát sau huy động.

1.1. Vốn đầu tư công

Tập trung ngân sách Trung ương, địa phương và nguồn hợp pháp khác; đầu tư trọng tâm, trọng điểm cho hạ tầng khung, liên kết vùng, giao thông chiến lược, logistics, đồng thời ưu tiên hạ tầng số, KHCN và hạ tầng xã hội thiết yếu. Vốn nhà nước ưu tiên cho chuẩn bị dự án, GPMB – tái định cư và hạ tầng kết nối ngoài ranh để tăng tính sẵn sàng, giảm chi phí, kéo vốn ngoài nhà nước. Khai thác nguồn lực đất đai, tài sản công theo cơ chế thị trường (quỹ đất sạch, đấu giá/đấu thầu dự án có sử dụng đất), bảo đảm minh bạch và kiểm soát thất thoát. Thúc đẩy một số công cụ nắm bắt giá trị tăng thêm của đất để tạo nguồn lực phát triển hạ tầng đô thị. Nghiên cứu phát hành trái phiếu chính quyền tỉnh, vay từ các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế.

1.2. Vốn khu vực tư nhân trong nước

Cải thiện môi trường đầu tư, rút ngắn thủ tục, giảm chi phí tuân thủ; nâng cao chất lượng dịch vụ công và cơ chế phối hợp giữa các đơn vị, công khai quy hoạch và danh mục dự án kêu gọi đầu tư. Tạo điều kiện tiếp cận đất đai, hạ tầng KCN/CCN, logistics, hạ tầng số; phối hợp tổ chức tín dụng đa dạng hóa kênh vốn (tài trợ theo chuỗi giá trị, theo hợp đồng và dòng tiền). Ưu tiên vào công nghiệp chế biến – chế tạo, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, logistics, đô thị xanh – thông minh, nông nghiệp CNC gắn chế biến sâu. Khuyến khích doanh nghiệp mở rộng đầu tư, tăng cường liên kết các doanh nghiệp theo chuỗi cung ứng, cụm ngành, thúc đẩy nội địa hóa.

1.3. PPP và xã hội hóa

Đẩy mạnh PPP cho hạ tầng và một số dịch vụ công; lựa chọn loại hợp đồng phù hợp (BOT, BTO, BOO, O&M, BTL, BLT, hợp đồng hỗn hợp), làm rõ cơ chế chia sẻ rủi ro và giám sát hợp đồng. Ưu tiên dự án có khả năng tạo dòng tiền, hoàn vốn và lan tỏa pgats triển: giao thông liên vùng, hạ tầng đô thị (cấp/thoát nước, xử lý chất thải), logistics, hạ tầng số; có thể mở rộng sang y tế, giáo dục, văn hóa – thể thao theo chủ trương xã hội hóa. Vốn nhà nước tập trung cho chuẩn bị dự án, GPMB và hạ tầng khung để tăng tính khả thi. Tăng cường giám sát thực hiện hợp đồng và chất lượng dịch vụ.

1.4. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Thu hút FDI có chọn lọc, nâng cao chất lượng, ưu tiên công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, công nghiệp hỗ trợ, logistics, dịch vụ hiện đại, sản xuất xanh, gắn với mục tiêu hình thành cụm liên kết ngành và tăng nội địa hóa. Chủ động quỹ đất sạch, hoàn thiện hạ tầng KCN/CCN – logistics – số; cơ chế một cửa và xúc tiến theo ngành mục tiêu; tăng cường thẩm định công nghệ, sàng lọc môi trường từ đầu; khuyến khích R&D, chuyển giao công nghệ và liên kết doanh nghiệp trong nước.

1.5. ODA, vốn vay ưu đãi và nguồn hỗ trợ hợp pháp khác

Ưu tiên cho dự án lợi ích công, thu hồi vốn dài, tác động lan tỏa lớn: hạ tầng môi trường, thoát nước – xử lý nước thải/chất thải, thích ứng BĐKH, y tế, giáo dục, quản trị, chuyển đổi số và hiện đại hóa dịch vụ công. Chuẩn bị dự án chặt chẽ, bảo đảm vốn đối ứng, năng lực giải ngân; quản lý rủi ro tài khóa, giám sát – kiểm toán và công khai minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả.

1.6. Vốn đầu tư mạo hiểm và nguồn lực đổi mới sáng tạo

Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo: kết nối quỹ đầu tư, nhà đầu tư thiên thần, ươm tạo – tăng tốc, chuẩn hóa quản trị và minh bạch tài chính. Ưu tiên lĩnh vực công nghệ, giải pháp số, logistics, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ môi trường, sản xuất thông minh và mô hình kinh doanh mới có khả năng mở rộng nhanh. Khuyến khích cơ chế hợp tác giữa doanh nghiệp lớn với doanh nghiệp khởi nghiệp.

1.7. Chính sách thuế như công cụ thu hút đầu tư

Áp dụng ưu đãi thuế – phí trong khuôn khổ pháp luật theo hướng ổn định, minh bạch, có trọng tâm cho dự án công nghệ cao, chuyển đổi số, sản xuất xanh, tiết kiệm năng lượng, công nghiệp hỗ trợ; gắn ưu đãi với điều kiện về công nghệ, môi trường, lao động, nội địa hóa và liên kết. Đồng thời tăng cường quản lý thu, chống thất thu – chuyển giá – gian lận, bảo đảm kỷ luật tài chính.

1.8. Huy động vốn qua Trung tâm tài chính quốc tế (IFC)

Khai thác vai trò của Trung tâm tài chính quốc tế như là kênh thị trường vốn trong và quốc tế để tiếp cận nguồn vốn trung – dài hạn; hỗ trợ doanh nghiệp nâng năng lực sử dụng công cụ tài chính hiện đại; huy động vốn cho các chương trình, dự án ưu tiên của tỉnh gắn tăng trưởng xanh, kinh tế số và đổi mới sáng tạo, góp phần giảm chi phí vốn và nâng năng lực cạnh tranh.

1.9. Các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư

1.9.1. Đối với vốn đầu tư từ ngân sách: bảo đảm bố trí đủ vốn và đúng tiến độ cho các dự án, bao gồm cả dự án phát triển hạ tầng chiến lược như giao thông kết nối liên vùng, kết nối đến hàng rào khu, cụm công nghiệp, cảng biển, hàng không, hạ tầng khu thương mại tự do, khu kinh tế chuyên biệt, khu, cụm công nghiệp... và các dự án thuộc lĩnh vực khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo, giáo dục – đào tạo,...

1.9.2. Đối với vốn đầu tư xã hội

Chính quyền tỉnh chủ động rà soát pháp lý của từng dự án đầu tư đảm bảo đủ điều kiện mời gọi đầu tư, tạo môi trường thuận lợi để các nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận với các yếu tố khởi động dự án đầu tư: đất đai, cấp điện, nước... và các quy định pháp lý, thủ tục đầu tư...

Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nghiên cứu, tìm hiểu khả năng đầu tư trên địa bàn, thực sự “đồng hành cùng doanh nghiệp”.

Khuyến khích mạnh mẽ các nhà đầu tư tư nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong các lĩnh vực mà tỉnh ưu tiên (xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, các cảng, kho tàng, bến bãi, kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng số, các khu đô thị, phát triển du lịch, nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao...).

Khuyến khích huy động các nguồn vốn xã hội xây dựng các công trình đô thị, nhà ở xã hội, công trình văn hóa, xã hội và xây dựng nông thôn mới hiện đại.

IV. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC ĐỂ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Về lãnh đạo, chỉ đạo

Để bảo đảm việc tổ chức thực hiện Đề án thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương đạt hiệu quả, đồng bộ và đúng tiến độ, yêu cầu đặt ra là phải tăng cường sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của các cấp ủy Đảng, đồng thời phát huy vai trò quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cần được triển khai theo hướng chủ động, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ và lộ trình đã được xác định trong Đề án. Các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở cần xác định rõ đây là nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa chiến lược lâu dài, từ đó tập trung nguồn lực, tăng cường kiểm tra, giám sát và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

Công tác tuyên truyền, vận động cần được đẩy mạnh, nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về chủ trương thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương. Nội dung tuyên truyền cần làm rõ ý nghĩa, mục tiêu, lợi ích của việc thành lập thành phố, đồng thời giải thích, làm rõ các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Qua đó, tạo sự thống nhất cao về tư tưởng, góp phần bảo đảm ổn định chính trị, xã hội trong quá trình triển khai.

Bên cạnh đó, công tác lãnh đạo, chỉ đạo cần gắn với việc hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách phù hợp với mô hình thành phố trực thuộc Trung ương, nhất là trong các lĩnh vực phân cấp, phân quyền, quản lý đô thị, tài chính – ngân sách và quản lý biên chế. Việc chủ động đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với điều kiện thực tiễn của Đồng Nai là hết sức cần thiết, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phát triển nhanh và bền vững của thành phố trong giai đoạn tới. Đồng thời, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án theo từng giai đoạn, bảo đảm các nhiệm vụ được triển khai đúng tiến độ, đạt chất lượng và hiệu quả. Việc đánh giá cần được thực hiện trên cơ sở các chỉ tiêu cụ thể, có so sánh, đối chiếu với mục tiêu đã đề ra, từ đó kịp thời điều chỉnh các giải pháp cho phù hợp với tình hình thực tế.

Nhìn chung, giải pháp về lãnh đạo, chỉ đạo giữ vai trò then chốt, quyết định đến thành công của việc tổ chức thực hiện Đề án, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành và sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân.

2. Về tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức

Việc tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là một trong những nội dung trọng tâm, có ý nghĩa quyết định đối với hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương. Do đó, cần triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu quản trị đô thị hiện đại.

Trước hết, việc tổ chức bộ máy chính quyền thành phố cần được thực hiện theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, giảm tầng nấc trung gian, bảo đảm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác giữa các cơ quan, đơn vị. Việc sắp xếp, kiện toàn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố cần bám sát quy định của Trung ương, đồng thời linh hoạt vận dụng phù hợp với đặc thù của đô thị lớn, bảo đảm đáp ứng yêu cầu quản lý đa ngành, đa lĩnh vực.

Đối với cấp cơ sở, việc sắp xếp đơn vị hành chính cần được thực hiện theo lộ trình phù hợp, bảo đảm quy mô, tiêu chuẩn theo quy định, đồng thời giữ vững ổn định chính trị, xã hội. Mô hình chính quyền đô thị cần được nghiên cứu, áp dụng theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao tính chủ động, linh hoạt của chính quyền cơ sở trong quản lý và cung ứng dịch vụ công.

Song song với việc tổ chức bộ máy, công tác quản lý, sử dụng biên chế cần được thực hiện chặt chẽ, hiệu quả, gắn với vị trí việc làm và khối lượng công việc thực tế. Việc rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cần bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định của pháp luật; đồng thời có giải pháp phù hợp để xử lý số lượng cán bộ dôi dư phát sinh trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy.

Công tác xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cần được đặc biệt chú trọng, nhằm đáp ứng yêu cầu của mô hình quản trị đô thị hiện đại. Cần đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý, nhất là kỹ năng quản trị đô thị, quản lý kinh tế, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Đồng thời, cần có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút, trọng dụng nhân tài, nhất là đội ngũ chuyên gia, cán bộ có trình độ cao trong các lĩnh vực then chốt như quy hoạch, xây dựng, công nghệ thông tin, logistics và quản lý đô thị.

Bên cạnh đó, việc đổi mới phương thức quản lý cán bộ, công chức, viên chức cần được triển khai theo hướng hiện đại, dựa trên kết quả, hiệu quả công việc và mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Cần xây dựng hệ thống đánh giá cán bộ khoa học, khách quan, gắn với các chỉ tiêu cụ thể, làm cơ sở cho việc bố trí, sử dụng, bổ nhiệm và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Việc đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số trong quản lý cán bộ, công chức, viên chức cũng là yêu cầu cấp thiết, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thủ tục hành chính, tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Hệ thống cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức cần được xây dựng đồng bộ, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị, phục vụ hiệu quả công tác quản lý.

Ngoài ra, cần bảo đảm đầy đủ chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, đặc biệt là các chính sách đối với cán bộ dôi dư, cán bộ nghỉ hưu trước tuổi, chuyển đổi vị trí công tác, nhằm bảo đảm quyền lợi chính đáng, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai.

Nhìn chung, giải pháp về tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức cần được triển khai đồng bộ, toàn diện, bảo đảm xây dựng được hệ thống chính quyền thành phố Đồng Nai tinh gọn, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

3. Thực hiện các chương trình phát triển

3.1. Phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiệu quả, bền vững, chú trọng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch

Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp; phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại. Khai thác hiệu quả chợ đầu mối và khu vực nông sản gắn với chuỗi tiêu thụ trong và ngoài nước. Phát triển các khu nông nghiệp chất lượng cao, khu trồng trọt và khu vực chăn nuôi với quy mô lớn, kỹ thuật hiện đại, đảm bảo môi trường.

Đầu tư hạ tầng thủy lợi, nhất là các công trình thủy lợi, hồ chứa nước trọng yếu trên địa bàn tỉnh. Phát triển các vùng chuyên canh với các loại cây trồng có giá trị thương phẩm cao, phù hợp điều kiện thổ nhưỡng từng vùng. Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng công nghiệp, sinh thái. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số để hình thành nền sản xuất nông nghiệp thông minh. Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông sản gắn với chỉ dẫn địa lý, mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, đảm bảo an toàn thực phẩm và tiêu chuẩn xuất khẩu.

Phát huy thế mạnh về vị trí địa lý và quỹ đất, xây dựng Đồng Nai trở thành trung tâm bảo quản và chế biến nông sản, trung tâm giống cây trồng của vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Quản lý chặt chẽ, bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, môi trường sinh thái.

3.2. Phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân, mở rộng các thành phần kinh tế

Tạo lập môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch để hỗ trợ sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân, khai thác tiềm năng, sức sáng tạo của người dân và doanh nghiệp. Phát triển đội ngũ doanh nhân có đạo đức, văn hóa kinh doanh và tinh thần yêu nước, bản lĩnh, trí tuệ, lòng tự tôn dân tộc và khát vọng cống hiến.

Định hướng phát triển các doanh nghiệp Nhà nước có vai trò dẫn dắt và năng lực cạnh tranh quốc tế trong các lĩnh vực trọng điểm như công nghệ,

chuyển đổi số, tài chính, nông nghiệp và viễn thông. Tăng cường cơ chế giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ chiến lược.

Chú trọng nâng cao năng lực và quy mô doanh nghiệp địa phương. Đổi mới và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, khuyến khích các loại hình hợp tác xã phát triển lớn mạnh. Ưu tiên phát triển kinh tế tập thể gắn với nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ.

Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghệ cao, có giá trị gia tăng; thúc đẩy liên kết, chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản lý giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước.

3.3. Phát triển văn hóa, thể thao và du lịch ngang tầm với phát triển kinh tế

Xây dựng và phát triển toàn diện nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người Đồng Nai phát triển toàn diện, thân thiện, nghĩa tình, năng động, sáng tạo; khơi dậy tinh thần yêu nước, đoàn kết, nhân văn, khát vọng vươn lên. Triển khai hiệu quả “Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035”, tập trung nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm.

Quy hoạch, xây dựng đồng bộ thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở; đầu tư các công trình hiện đại, đủ điều kiện tổ chức sự kiện cấp khu vực và quốc tế. Phát triển phong trào thể thao quần chúng, thể thao học đường; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng tài năng, nâng cao thành tích thể thao ở các môn thể mạnh của tỉnh.

Thu hẹp chênh lệch hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, di sản vật thể và phi vật thể. Đầu tư trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng, gắn kết khai thác giá trị văn hóa với phát triển du lịch. Tăng cường xây dựng văn hóa công sở, văn hóa doanh nghiệp, ngăn chặn sự xuống cấp đạo đức xã hội, phòng chống sản phẩm văn hóa độc hại.

Phát triển công nghiệp văn hóa, sản phẩm dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch chất lượng cao; đẩy mạnh hợp tác, giao lưu văn hóa, ngoại giao văn hóa, quảng bá hình ảnh Đồng Nai trong và ngoài nước. Ứng dụng công nghệ số trong quảng bá văn hóa, du lịch, gia tăng khả năng tiếp cận cho người dân và du khách.

Phát triển du lịch thành ngành kinh tế quan trọng, theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại; tập trung hình thành các cụm, điểm du lịch trọng điểm như Hồ Trị An, Núi Chứa Chan, Núi Bà Rá, Sóc Bom Bo, Chiến khu Đ, Căn cứ

Tà Thiết, Vườn quốc gia Bù Gia Mập,... Nghiên cứu xây dựng trung tâm hội nghị, nghỉ dưỡng quốc tế khu vực Cảng hàng không quốc tế Long Thành; mở rộng liên kết tuyến du lịch liên vùng; xây dựng và hoàn thiện hệ sinh thái du lịch thông minh gắn với chuyển đổi số.

3.4. Phát triển mạng lưới y tế hiện đại và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Triển khai hiệu quả các quy định pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong giai đoạn 2026 - 2030. Lồng ghép và ưu tiên các chỉ tiêu về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trong các quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Sắp xếp hệ thống y tế tinh gọn, hiệu quả, phù hợp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Kiện toàn, nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng theo hướng hiện đại. Nâng cao chất lượng, hiệu quả y tế cơ sở, nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, hạn chế trong tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

Nâng cao y đức, phát triển nhân lực y tế bảo đảm đồng bộ về số lượng, chất lượng, nhất là nhân lực phục vụ y tế cơ sở, y tế dự phòng, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế về nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao kỹ thuật, khoa học, công nghệ, đào tạo nhân lực trong lĩnh vực y tế.

Tăng cường kết hợp quân dân y, y tế công an để đáp ứng kịp thời các tình huống khẩn cấp về y tế công cộng và công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn. Kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong đào tạo nhân lực, phòng bệnh và khám bệnh, chữa bệnh.

Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số toàn diện trong ngành y tế. Vận hành hiệu quả sổ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử; kết nối đồng bộ, quản lý dữ liệu sức khỏe người dân theo vòng đời. Có cơ chế hỗ trợ thu hút hiệu quả nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế.

3.5. Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển mới và hội nhập quốc tế

Tiếp tục đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và thị trường lao động. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Xây dựng hệ thống giáo dục mở, liên thông, thúc đẩy học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

Chú trọng giáo dục phẩm chất, năng lực sáng tạo, tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc; gắn giáo dục tri thức, đạo đức, lý tưởng với trách nhiệm xã hội, lối sống văn hóa, truyền thống lịch sử, chính trị, tư tưởng, pháp luật, kinh tế, tài chính, quốc phòng và an ninh, v.v... Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo, hình thành môi trường học tập thông minh, học tập suốt đời.

Quy hoạch mạng lưới trường học từ tỉnh đến cơ sở; xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia; xây dựng trường học thông minh, trường học hạnh phúc. Đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp, nhất là các trường vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới. Xây dựng cơ sở giáo dục chuyên biệt tới cấp trung học phổ thông.

Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giáo dục và đào tạo. Khuyến khích đầu tư xây dựng các trường chất lượng cao ở các cấp học, bậc học, các cơ sở giáo dục giảng dạy chương trình quốc tế. Xây dựng chính sách ưu đãi đối với các trường chuyên và trường phổ thông dân tộc nội trú.

Tăng cường việc dạy và học ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học và dạy ngôn ngữ của các nước láng giềng; tăng cường giảng dạy một số môn bằng tiếng Anh ở những nơi có điều kiện; đảm bảo điều kiện tổ chức dạy và học 02 buổi/ngày ở cấp học phổ thông và thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 03 đến 05 tuổi theo quy định.

4. Phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh

4.1. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

4.1.1 Giải pháp bảo vệ môi trường

Tỉnh tập trung hoàn thiện và thực thi nghiêm cơ chế, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; lồng ghép yêu cầu môi trường vào quy hoạch và triển khai dự án, đặc biệt đối với khu/cụm công nghiệp, khu đô thị và hạ tầng lớn; đồng thời kiện toàn năng lực cơ quan quản lý, tăng cường thanh tra theo nhóm rủi ro, quản lý dựa trên dữ liệu và số hóa để phát hiện-xử lý vi phạm kịp thời, minh bạch. Trọng tâm là kiểm soát chặt nguồn phát thải theo chuỗi từ phát sinh-thu gom-xử lý-giám sát; yêu cầu hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn trước khi tiếp nhận dự án thứ cấp, siết kiểm soát khí thải và chất thải rắn theo giấy phép môi trường và kiểm tra đột xuất các cơ sở rủi ro cao. Cùng với đó, củng cố mạng lưới quan trắc không khí, nước mặt và nước thải (kết hợp trạm nền và điểm đo tại khu vực phát thải lớn), kết nối dữ liệu phục vụ giám sát và cảnh báo. Tỉnh triển khai đồng bộ giải pháp giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy kinh tế xanh-tuần hoàn-carbon thấp

(tiết kiệm năng lượng, nhiên liệu sạch, điện mặt trời mái nhà, logistics xanh, tăng tái chế), áp dụng cơ chế đo lường–báo cáo–thẩm tra để theo dõi kết quả và huy động tài chính xanh. Đồng thời, khuyến khích công nghệ sạch và sản xuất sạch hơn, chuyển đổi khu công nghiệp theo hướng sinh thái, tăng tái sử dụng nước và cộng sinh công nghiệp; huy động nguồn lực từ ngân sách, phí dịch vụ môi trường, đặt hàng/thuê dịch vụ và xã hội hóa, kết hợp tín dụng xanh và đầu tư tư nhân cho các giải pháp cải thiện môi trường.

4.1.2. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Tập trung triển khai các nội dung chỉ đạo của Nghị quyết 57-NQ/TW, trong đó xác định khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực then chốt, nền tảng cốt lõi cho phát triển nhanh và bền vững đất nước trong giai đoạn mới.

- Tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, đảm bảo nguồn lực chi, bao gồm nguồn ngân sách, đối với lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ và đổi mới hạ tầng khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu triển khai (R&D), trong đó chú trọng nghiên cứu ứng dụng và thương mại hóa các kết quả khoa học và công nghệ.

- Triển khai quy hoạch và xây dựng khu đổi mới sáng tạo, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh theo hướng phát triển toàn diện. Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ. Tạo điều kiện cho các trường đại học, các đơn vị hoạt động khoa học và công nghệ đẩy mạnh liên kết, hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ.

- Thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh theo Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Hình thành sàn giao dịch công nghệ của tỉnh, kết nối với các sàn giao dịch công nghệ trong khu vực và quốc tế. Khuyến khích, thúc đẩy phát triển các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, trong đó đẩy mạnh phát triển các tổ chức môi giới, tư vấn, xúc tiến chuyển giao công nghệ.

4.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Đồng Nai rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách phát triển kinh tế – xã hội theo hướng đồng bộ, thống nhất và phù hợp với mô hình tổ chức không gian phát triển, bảo đảm tính liên thông giữa các khu vực, vùng động lực và hành lang phát triển. Trọng tâm là nhóm chính sách tác động trực tiếp đến tổ chức không gian sau sắp xếp đơn vị hành chính (đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường, phát triển KCN/CCN, logistics và đô thị), kịp thời xử lý các quy định chồng chéo và khác biệt giữa các địa bàn để áp dụng

thống nhất toàn tỉnh; đồng thời lồng ghép yêu cầu liên kết vùng vào tiêu chí lựa chọn dự án và phân bổ nguồn lực, ưu tiên hạ tầng khung, hành lang logistics và cửa ngõ xuất nhập khẩu. Song song, tỉnh tăng cường liên kết phát triển với các địa phương trong Vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và lân cận theo hướng bổ trợ lợi thế, tập trung vào hạ tầng liên vùng, logistics, công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, du lịch, đào tạo nhân lực và bảo vệ môi trường; hình thành chương trình liên kết theo hành lang phát triển gắn KCN/đô thị với mạng lưới logistics, đặc biệt các tuyến kết nối TP.HCM và khu vực Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

Để bảo đảm tổ chức thực hiện hiệu quả, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cấp, ngành và địa phương, đẩy mạnh phân cấp – phân quyền gắn trách nhiệm giải trình; thiết lập đầu mối điều phối thực hiện quy hoạch và liên kết vùng; chuẩn hóa quy trình giải quyết thủ tục đầu tư – đất đai – xây dựng – môi trường theo chuỗi công việc, ứng dụng quản lý hồ sơ điện tử và theo dõi tiến độ; tăng cường kỷ luật hành chính, công khai kết quả giải quyết thủ tục và mức độ hài lòng, bảo đảm phân cấp đi kèm kiểm tra, giám sát và hướng dẫn thống nhất trên toàn tỉnh.

4.3. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

4.3.1. Nâng cao chất lượng lập, quản lý và thực thi quy hoạch xây dựng

Đổi mới tư duy lập quy hoạch theo hướng hiện đại; coi quy hoạch là quá trình liên tục từ lập–thẩm định–phê duyệt–thực hiện–giám sát.

Tăng cường phối hợp liên ngành và liên địa phương sau sáp nhập, bảo đảm thống nhất giữa các cấp/vùng và giữa quy hoạch đô thị – nông thôn.

Thành lập, vận hành hiệu quả Hội đồng thẩm định quy hoạch–kiến trúc cấp tỉnh/cấp xã theo Luật Xây dựng và Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Rà soát, cập nhật thường xuyên các đồ án quy hoạch (ưu tiên 5 vùng kinh tế, 16 cụm tăng trưởng), phù hợp định hướng đô thị–công nghiệp–nông nghiệp CNC và bền vững.

Nghiên cứu mô hình tốt về quản lý đô thị – nông thôn CNC; ứng dụng phương pháp quản trị tiên tiến, hướng tới đô thị hiện đại, văn minh, thân thiện môi trường.

4.3.2. Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý phát triển không gian

Xây dựng, vận hành hệ thống GIS tích hợp toàn tỉnh phục vụ quản lý không gian KT-XH, đô thị và nông thôn.

Số hóa toàn bộ bản đồ, hồ sơ quy hoạch; hình thành cơ sở dữ liệu thống nhất để điều hành, giám sát, cập nhật quy hoạch.

Thiết lập Trung tâm điều hành quy hoạch – phát triển đô thị thông minh để tăng năng lực giám sát, cảnh báo, phân tích dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định.

Xây dựng và triển khai đề án phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

4.3.3. Kiểm soát nguồn lực đất đai và thị trường bất động sản

Hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai và hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tích hợp toàn tỉnh.

Thực hiện nghiêm, công khai, minh bạch giao đất/cho thuê đất/đấu giá QSDĐ/đấu thầu dự án có sử dụng đất.

Tăng cường kiểm soát thị trường BĐS; hoàn thiện cơ chế đấu giá để phát triển thị trường minh bạch; xử lý đầu cơ, “sốt đất”.

Ưu tiên quỹ đất cho dự án đúng định hướng: công nghiệp CNC, công nghiệp sinh thái, đô thị xanh, nông nghiệp CNC.

Với đất du lịch và tâm linh: rà soát kỹ, quy hoạch cụ thể, phân bổ hợp lý theo nguyên tắc tiết kiệm đất, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm hiệu quả KT-XH.

4.3.4. Quản lý kiến trúc và cảnh quan theo tính chất từng vùng

Quản lý chặt kiến trúc công trình (hình thức, quy mô, vật liệu, hài hòa cảnh quan) thông qua thẩm định thiết kế và cấp phép xây dựng đúng quy định.

Công trình trọng điểm/điểm nhấn: tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc để chọn phương án tối ưu về thẩm mỹ - công năng - định hướng không gian.

Ban hành bộ tiêu chí/quy chuẩn kiến trúc theo từng khu vực (đô thị sân bay Long Thành, đô thị ven sông, đô thị công nghiệp - CNC, sinh thái ven hồ/rừng, du lịch Trại An - Cát Tiên, KCN sinh thái...).

Định hướng quản lý theo đô thị xanh–sinh thái–thông minh; thúc đẩy thiết kế tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải KNK.

4.3.5. Phát triển đô thị – nông thôn bền vững, thích ứng khí hậu, đồng bộ hạ tầng

Phát triển đô thị–nông thôn xanh, bền vững, hiện đại; ưu tiên mô hình: đô thị dịch vụ–thương mại ven sông, đô thị công nghiệp–CNC, đô thị sinh thái, vùng nông nghiệp CNC.

Rà soát, điều chỉnh phân loại và quy hoạch hệ thống đô thị phù hợp cấu trúc tỉnh mới sau sáp nhập.

Tăng cường quản lý đầu tư đồng bộ hạ tầng xã hội và kỹ thuật; bảo đảm kết nối các vùng và các hành lang chiến lược (Bắc–Nam, Đông–Tây, cửa khẩu, hàng không–logistics gắn sân bay Long Thành).

Triển khai hiệu quả chương trình/đề án quốc gia về đô thị thích ứng BĐKH, PCTT, chỉnh trang và nâng cấp đô thị; khuyến khích vật liệu xanh, giải pháp tiết kiệm năng lượng, công nghệ giảm phát thải trong phát triển đô thị–nông thôn. Xây dựng và triển khai đề án phát triển đô thị thích ứng biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

4.4. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Giải pháp phát triển nguồn nhân lực được định hướng lấy con người làm trung tâm, gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo kinh tế xanh, kinh tế số, đổi mới sáng tạo và hội nhập, nhằm nâng cao chất lượng lao động kỹ thuật, lao động quản lý và nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành động lực của tỉnh. Trọng tâm là tổ chức phát triển nhân lực theo các cụm ưu tiên (công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, logistics, dịch vụ hiện đại, nông nghiệp công nghệ cao và các lĩnh vực “xanh” như môi trường – năng lượng – kinh tế tuần hoàn), đồng thời đổi mới giáo dục, đào tạo nghề theo hướng gắn chặt nhu cầu doanh nghiệp thông qua đặt hàng đào tạo, đào tạo kép, thực tập và chuẩn đầu ra. Song song, tỉnh tăng cường hệ thống thông tin – dự báo thị trường lao động dựa trên dữ liệu để kết nối cung cầu, đẩy mạnh đào tạo lại và nâng kỹ năng phục vụ chuyển đổi công nghệ. Bên cạnh đó, triển khai cơ chế thu hút và giữ chân chuyên gia, nhân lực chất lượng cao bằng môi trường làm việc – điều kiện sống – dịch vụ hành chính thuận lợi; khuyến khích doanh nghiệp áp dụng cơ chế tiền lương gắn năng suất, phát triển lộ trình nghề nghiệp và phúc lợi để ổn định lao động. Các chương trình nhân lực chuyên sâu sẽ ưu tiên cho khu vực động lực gắn với Cảng hàng không quốc tế Long Thành và trục logistics liên vùng; đồng thời nâng cao năng lực quản trị nhà nước và bảo đảm an sinh, hạ tầng xã hội (nhà ở công nhân, y tế, giáo dục, thiết chế văn hóa) để tạo nền tảng nhân lực bền vững cho phát triển dài hạn

4.5. Giải pháp đảm bảo quốc phòng, an ninh và ổn định trật tự - xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

Tiếp tục đổi mới tư duy bảo đảm quốc phòng, an ninh trong kỷ nguyên mới; lấy giữ vững ổn định quốc phòng, an ninh làm nền tảng cho phát triển nhanh, bền vững, chất lượng cao. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn kết chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân, nền an ninh nhân dân vững chắc. Chủ động nắm chắc tình hình, dự báo đúng, phòng ngừa từ sớm, từ xa, từ cơ sở; bảo đảm an ninh trật tự từ cơ sở; kiên quyết không để bị động, bất ngờ,

không để hình thành các vấn đề phức tạp kéo dài. Chú trọng phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh, các công trình có tính lưỡng dụng, phục vụ đồng thời mục tiêu dân sinh với quốc phòng, an ninh. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh.

Đổi mới toàn diện công tác, xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân tinh gọn, mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; kết hợp chặt chẽ con người với khoa học, công nghệ và dữ liệu số trong quản trị quốc phòng, an ninh, trật tự. Nâng cao năng lực cảnh báo sớm, quản trị rủi ro, xử lý nhanh tình huống; kéo giảm bền vững tội phạm, hướng tới xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, ổn định.

Nâng cao hiệu quả đối ngoại; phối hợp đồng bộ đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Nhân dân gắn với đối ngoại quốc phòng, đối ngoại Công an. Tăng cường hợp tác liên vùng và quốc tế trong phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh mạng, quản lý di cư, bảo vệ công dân; chủ động thông tin đối ngoại, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới.

5. Nâng cao năng lực quản lý của bộ máy chính quyền mới

Việc thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương kéo theo yêu cầu cấp thiết phải nâng cao toàn diện năng lực quản lý của bộ máy chính quyền, bảo đảm đáp ứng yêu cầu quản trị đô thị hiện đại, quy mô lớn, đa ngành, đa lĩnh vực và có mức độ hội nhập cao. Đây là yếu tố then chốt quyết định đến hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời là điều kiện tiên quyết để thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội đã đề ra.

Trước hết, việc nâng cao năng lực quản lý cần được thực hiện trên cơ sở hoàn thiện mô hình tổ chức và phương thức vận hành của chính quyền đô thị theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả. Bộ máy chính quyền thành phố cần được tổ chức tinh gọn, rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, đồng thời bảo đảm tính liên thông, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trong hệ thống hành chính. Phương thức quản lý cần chuyển mạnh từ quản lý hành chính truyền thống sang quản trị công hiện đại, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, đề cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả đầu ra.

Cùng với đó, việc nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cần được xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Đội ngũ cán bộ phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn cao, am hiểu sâu về lĩnh vực quản lý, đồng thời có tư duy đổi mới, khả năng thích ứng nhanh với môi trường làm việc hiện đại và hội nhập quốc tế. Công tác

đào tạo, bồi dưỡng cần được thực hiện thường xuyên, liên tục, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với yêu cầu thực tiễn của từng vị trí việc làm, đặc biệt chú trọng các lĩnh vực như quản lý đô thị, quy hoạch, tài chính công, chuyển đổi số, quản trị dữ liệu và quản lý phát triển bền vững.

Việc đổi mới phương thức tuyển dụng, sử dụng và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức cũng cần được đẩy mạnh theo hướng công khai, minh bạch, cạnh tranh, dựa trên năng lực và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Cần xây dựng cơ chế đánh giá cán bộ theo hướng định lượng, gắn với sản phẩm cụ thể và hiệu quả công việc, qua đó tạo động lực nâng cao chất lượng đội ngũ và nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền. Đồng thời, cần có chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, đặc biệt là đội ngũ chuyên gia trong các lĩnh vực then chốt như công nghệ thông tin, quy hoạch đô thị, logistics, tài chính và quản lý công.

Một trong những nội dung quan trọng trong nâng cao năng lực quản lý là đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, hướng tới xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Cần tập trung hoàn thiện hệ thống hạ tầng số, xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính cần được đẩy mạnh, nhằm giảm thời gian, chi phí cho người dân và doanh nghiệp, đồng thời nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước.

Song song với đó, cần đổi mới phương thức quản lý theo hướng dựa trên dữ liệu và bằng chứng, tăng cường sử dụng các công cụ phân tích, dự báo để hỗ trợ quá trình ra quyết định. Việc xây dựng hệ thống thông tin quản lý, trung tâm điều hành thông minh cần được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao khả năng giám sát, điều hành và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quản lý đô thị.

Công tác phân cấp, phân quyền cần được thực hiện mạnh mẽ, hợp lý, bảo đảm rõ trách nhiệm giữa các cấp chính quyền, đồng thời tăng cường tính chủ động, linh hoạt trong quản lý. Việc phân cấp cần đi đôi với kiểm tra, giám sát, bảo đảm việc thực hiện đúng quy định của pháp luật, tránh tình trạng buông lỏng quản lý hoặc chồng chéo, trùng lặp trong thực hiện nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, cần tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ và ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức. Việc xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, thân thiện cần

được chú trọng, qua đó tạo điều kiện để cán bộ, công chức phát huy năng lực, cống hiến cho sự phát triển của thành phố.

Công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền cần được tăng cường, bảo đảm phát hiện kịp thời những hạn chế, bất cập để có giải pháp khắc phục. Việc đánh giá cần dựa trên các chỉ tiêu cụ thể, có tính đo lường được, gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Đồng thời, cần chú trọng xây dựng văn hóa công vụ hiện đại, đề cao tinh thần phục vụ, tính chuyên nghiệp và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức. Việc nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp cần được xem là thước đo quan trọng trong đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền.

Nhìn chung, việc nâng cao năng lực quản lý của bộ máy chính quyền thành phố Đồng Nai là nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định, đòi hỏi phải triển khai đồng bộ nhiều giải pháp từ hoàn thiện thể chế, tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực đến ứng dụng công nghệ và đổi mới phương thức quản lý. Đây là cơ sở quan trọng để xây dựng chính quyền đô thị hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

6. Giải pháp chuyển đổi một số giấy tờ cơ bản của công dân sau khi thành lập

Các loại giấy tờ cần chuyển đổi gồm giấy tờ tùy thân, quyền sở hữu, quyền sử dụng gồm những loại cơ bản như chứng minh nhân dân (thẻ căn cước công dân), hộ chiếu quốc gia, giấy tờ hộ tịch, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký kinh doanh và các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật.

Để tạo điều kiện cho người dân thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan, sau khi thành lập, thành phố Đồng Nai sẽ chỉ đạo cơ quan công an và đơn vị có liên quan lập kế hoạch tiến hành thực hiện chuyển đổi giấy tờ cho người dân; phân công người phụ trách địa bàn, lịch làm việc với công dân theo từng thôn, tổ dân phố; trong đó ưu tiên thực hiện đổi với những trường hợp người dân có nhu cầu chuyển đổi ngay, cấp bách. Đối với các loại giấy tờ còn lại, UBND cấp xã có thông báo, hướng dẫn để người dân nếu có nhu cầu chuyển đổi đến làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

7. Đổi tên và con dấu của các đơn vị hành chính

Khi có Nghị quyết của Quốc hội về thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai, thành phố Đồng Nai sẽ tiến hành đổi con dấu của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn phù hợp với tên ĐVHC mới.

DỰ THẢO

Phần thứ năm
KIẾN NGHỊ

Việc thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương là bước đi cần thiết nhằm cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương và định hướng lớn của Đảng và Nhà nước về phát triển hệ thống đô thị quốc gia, đồng thời phù hợp với các quy hoạch chiến lược đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đây không chỉ là yêu cầu khách quan trong quá trình phát triển và đô thị hóa mạnh mẽ của tỉnh Đồng Nai, mà còn là giải pháp quan trọng để phát huy đầy đủ tiềm năng, lợi thế và vai trò của địa phương trong không gian phát triển của vùng Đông Nam Bộ và cả nước.

Việc hình thành thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương sẽ tạo cơ chế và động lực phát triển mới, góp phần xây dựng Đồng Nai trở thành một trung tâm công nghiệp, logistics và dịch vụ hiện đại, giữ vai trò kết nối vùng và cửa ngõ giao thương quốc tế của khu vực phía Nam. Qua đó, Đồng Nai sẽ tiếp tục khẳng định vị thế là một cực tăng trưởng quan trọng của quốc gia tại vùng Đông Nam Bộ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, thúc đẩy liên kết vùng, mở rộng hội nhập quốc tế và tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh trong tình hình mới, góp phần quan trọng cùng đất nước phát triển hùng cường trong kỷ nguyên mới.

Trên đây là Đề án thành lập thành phố Đồng Nai trực thuộc Trung ương./.

Nơi nhận:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Út

ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP 10 PHƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. CÁC ĐỊA PHƯƠNG: LONG THÀNH, NHƠN TRẠCH, TRẢNG BOM

TT	TIÊU CHÍ	Long Thành		Nhơn Trạch		Trảng Bom	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
1	Quy mô dân số (từ 21.000 người trở lên)	95.992 người	Đạt	156.839 người	Đạt	95.502 người	Đạt
2	Diện tích tự nhiên (từ 5,5 km ² trở lên)	130,12 km ²	Đạt	108,046 km ²	Đạt	68,77 km ²	Đạt
3	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm cấp tiểu vùng trong tỉnh	Đạt	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm cấp tiểu vùng trong tỉnh	Đạt	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm cấp tiểu vùng trong tỉnh	Đạt
4	Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của ĐVHC (từ 50% trở lên)	50,21%	Đạt	32%	Đạt	50,24%	Đạt
5	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội						
5.1	Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương ($\geq 100\%$)	100,85%	Đạt	176,43%	Đạt	102,42%	Đạt
5.2	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP (70%)	73,07%	Đạt	81%	Đạt	93,96%	Đạt

TT	TIÊU CHÍ	Long Thành		Nhơn Trạch		Trảng Bom	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
5.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp ($\geq 70\%$)	85%	Đạt	91%	Đạt	75%	Đạt
5.4	Thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh trong 03 năm gần nhất Năm 2023: 73,84 triệu Năm 2024: 80,08 triệu Năm 2025: 86 triệu	Năm 2023: 79,65 triệu Năm 2024: 86,45 triệu Năm 2025: 93,05 triệu	Đạt	Năm 2023: 79,65 triệu Năm 2024: 86,45 triệu Năm 2025: 93,5 triệu	Đạt	Năm 2023: 81,71 triệu Năm 2024: 88,14 triệu Năm 2025: 95,60 triệu	Đạt
5.5	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh trong 03 năm gần nhất (0,28%/năm)	0,19%	Đạt	0,08%	Đạt	0,07%	Đạt

II. CÁC ĐỊA PHƯƠNG: DẦU GIÂY, XUÂN LỘC, TÂN PHÚ

TTT	TIÊU CHÍ	Dầu Giây		Xuân Lộc		Tân Phú	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
1	Quy mô dân số (từ 21.000 người trở lên)	70.264	Đạt	101.485 người	Đạt	77.025 người	Đạt
2	Diện tích tự nhiên (từ 5,5 km ² trở lên)	98,86km	Đạt	140,5 km ²	Đạt	105,8 km ²	Đạt

TTT	TIÊU CHÍ	Dầu Giây		Xuân Lộc		Tân Phú	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
3	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm cấp tiểu vùng trong tỉnh	Đạt	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm cấp tiểu vùng trong tỉnh	Đạt	Là trung tâm, cấp tiểu vùng trong tỉnh, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tiểu Vùng Phía Đông của tỉnh	Đạt
4	Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của ĐVHC (từ 50% trở lên)	52,04%	Đạt	54,24	Đạt	50,13%	Đạt
5	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội						
5.1	Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương ($\geq 100\%$)	100%	Đạt	103,54%	Đạt	100%	Đạt
5.2	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP (70%)	83%	Đạt	91,82%	Đạt	72,51%	Đạt
5.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp ($\geq 70\%$)	75%	Đạt	78,64%	Đạt	71,27%	Đạt
5.4	Thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh trong 03 năm gần nhất Năm 2023: 73,84 triệu Năm 2024: 80,08 triệu Năm 2025: 86 triệu	Năm 2023: 87,89 triệu Năm 2024: 90,89 triệu Năm 2025: 92,4 triệu	Đạt	Năm 2023: 91,10 triệu Năm 2024: 96,5 triệu Năm 2025: 101,4 triệu	Đạt	Năm 2023: 76,15 triệu Năm 2024: 83,02 triệu Năm 2025: 89,55 triệu	Đạt

TTT	TIÊU CHÍ	Dầu Giây		Xuân Lộc		Tân Phú	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
5.5	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh trong 03 năm gần nhất (0,28%/năm)	0,16%	Đạt	0,23%	Đạt	0,23%	Đạt

III. CÁC ĐỊA PHƯƠNG: TRỊ AN, ĐỒNG PHÚ, TÂN KHAI, LỘC NINH

TT	TIÊU CHÍ	Trị An		Đồng Phú		Tân Khai		Lộc Ninh	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
1	Quy mô dân số (từ 21.000 người trở lên)	51.757 người	Đạt	39.216	Đạt	39.147 người	Đạt	32.291	Đạt
2	Diện tích tự nhiên (từ 5,5 km ² trở lên)	660,47 km ²	Đạt	138,66km2	Đạt	161,79 km ²	Đạt	67,51 km ²	Đạt
3	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm cấp tiểu vùng trong tỉnh	Đạt	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm cấp tiểu vùng trong tỉnh	Đạt	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm cấp tiểu vùng trong tỉnh	Đạt	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm cấp tiểu vùng trong tỉnh	Đạt
4	Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của ĐVHC (từ 50% trở lên)	62,75%	Đạt	50,6%	Đạt	50,48%	Đạt	50,09%	Đạt

TT	TIÊU CHÍ	Trị An		Đồng Phú		Tân Khai		Lộc Ninh	
		Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá	Hiện trạng	Đánh giá
5	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội								
5.1	Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương ($\geq 100\%$)	131%	Đạt	100%	Đạt	156%	Đạt	103,5%	Đạt
5.2	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP ($\geq 70\%$)	71,79%	Đạt	93%	Đạt	71%	Đạt	70,14%	Đạt
5.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp ($\geq 70\%$)	71%	Đạt	72,3%	Đạt	71,2%	Đạt	72%	Đạt
5.4	Thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh trong 03 năm gần nhất Năm 2023: 73,84 triệu Năm 2024: 80,08 triệu Năm 2025: 86 triệu	Năm 2023: 75 triệu Năm 2024: 84 triệu Năm 2025: 87. triệu	Đạt	Năm 2023: 73,84 triệu Năm 2024: 85,37 triệu Năm 2025: 91,68 triệu	Đạt	Năm 2023: 73,95 triệu Năm 2024: 80,15 triệu Năm 2025: 86,45 triệu	Đạt	Năm 2023: 85,15 triệu Năm 2024: 89,66 triệu Năm 2025: 93,12 triệu	Đạt
5.5	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh trong 03 năm gần nhất (0,28%/năm)	0%	Đạt	0,01%	Đạt	0%	Đạt	0%	Đạt